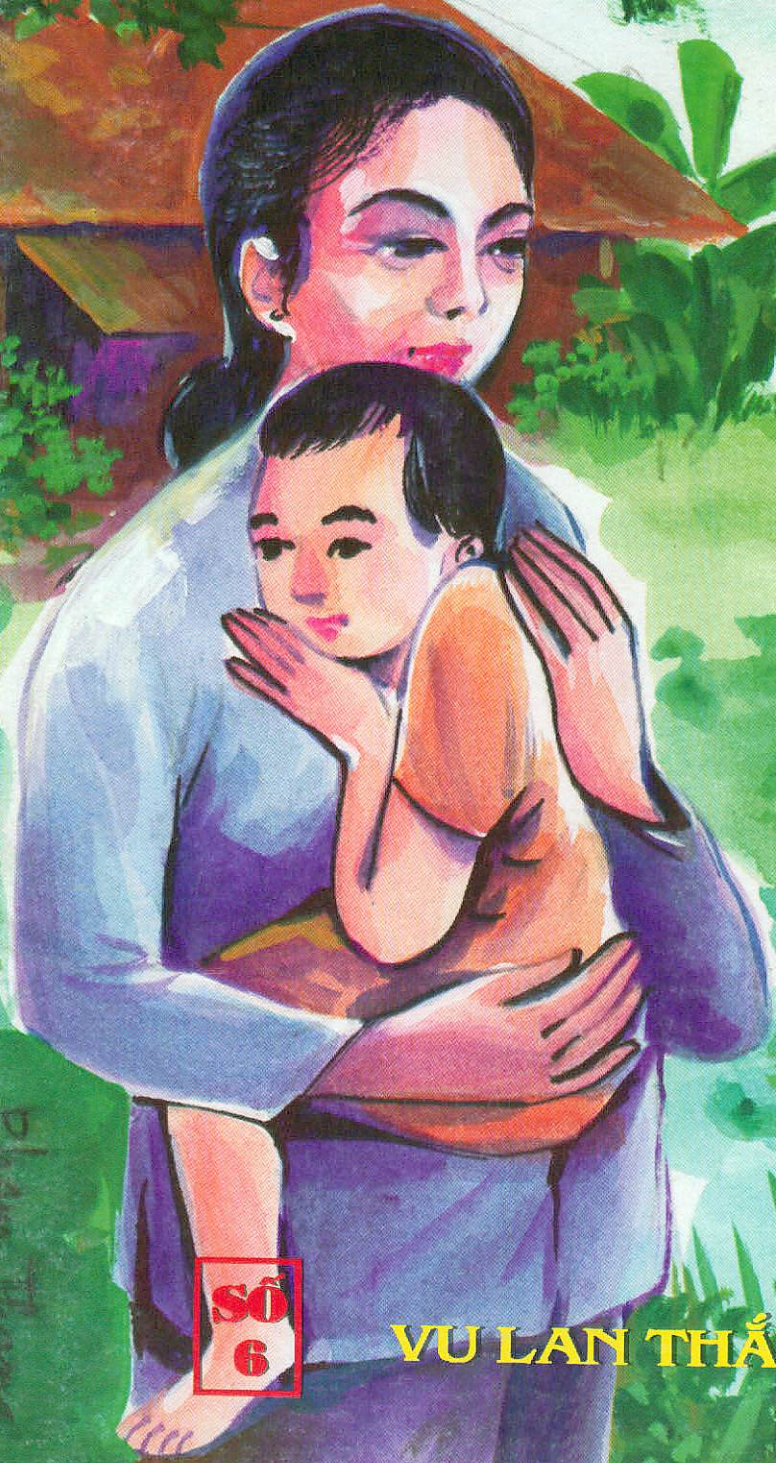


PHẬT GIÁO HẢI NGOẠI

Cơ quan ngôn luận của Văn Phòng II Viện Hóa Đạo
và Giáo Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất Hải-Ngoại tại Hoa-Kỳ



SỐ
6

VU LAN THẮNG HỘI 2539

PHỤC VỤ THÂN CHỦ Ở CÁC VÙNG MIỀN NAM CALIFORNIA: LOS ANGELES, ALHAMBRA, MONTEREY PARK, ROSEMEAD, POMONA, GLENDALE, HAWTHORNE, GARDENA, LONG BEACH, RESEDA, VAN NUYS, SIMI VALLEY, VENTURA COUNTY, ORANGE COUNTY, RIVERSIDE, SAN BERNADINO, PALM SPRING VÀ CÁC VÙNG PHỤ CẬN...

TỔ HỢP VĂN PHÒNG LUẬT SƯ

RICHARD LENARD & JOHN CANSDALE

CHUYÊN LO TAI NẠN XE CỘ



Tổng
Giám-Đốc
điều hành:

JIMMY HẢI

Tổng
Quản-Trị:

KHÁNH VŨ

LUẬT SƯ: JOHN CANSDALE E.S.Q. NỮ LUẬT SƯ: INGE VAN HERLE E.S.Q. LUẬT SƯ RICHARD LENARD E.S.Q.

ĐẶC BIỆT: Với sự tin nhiệm của quý thân chủ ủy thác trong nhiều năm qua.

KÈ TỪ 25 THÁNG 9 NĂM 1994 LÊ PHÍ LUẬT SƯ CHỈ CÓ:

11.99%

THÂN CHỦ MANG VÉ: **55%**

Trên tổng số tiền bồi thường thay vì 1/3

Được ký kết bảo đảm trên giấy ủy quyền, và Luật-Sư hành diện cùng ký chung trên tất cả chi phiếu với thân chủ.

Văn phòng lớn nhiều chi nhánh khắp nơi và uy tín đã hiện diện trong cộng đồng VN hơn 10 năm qua với một tổ hợp Luật Sư giàu kinh nghiệm.
Sẵn sàng ra tòa tranh cãi để bảo vệ quyền lợi của thân chủ.

* Chính Luật Sư lo hồ sơ từ A đến Z * Tham khảo trực tiếp và gặp thẳng Luật Sư bất cứ lúc nào * Nhân viên đến tận nơi lo thủ tục cho quý vị
* Đòi bồi thường tối đa và nhanh chóng * Không nhận thù lao nếu không được bồi thường.

Sau khi tai nạn xảy ra dù có bảo hiểm hay không, có báo cảnh sát hay không.

Xin quý vị gọi ngay cho JIMMY HẢI

đề được lo mọi mặt và giải quyết toàn diện vấn đề.

☎ ĐIỆN THOẠI MIỄN PHÍ CHO CÁC VÙNG 1.800 - 894 - 3474

☎ ĐIỆN THOẠI (714) 550-1099 ☎ (818) 881-9724 ☎ (310) 320-7344 ☎ (909) 622-3397

KHẨN CẤP BEEPER 24/24 ☎ (714) 569-4664 ☎ (818) 410-0660 ☎ (310) 588-9051 ☎ (213) 707-0660

sẽ gọi lại ngay trong vòng vài phút.

NGOÀI RA LUẬT SƯ CÒN ĐẢM TRÁCH MỌI LÃNH VỰC PHÁP LÝ & TRANH TỤNG CỦA QUÝ VỊ.

- * Tai nạn trong sở làm.
- * Trượt té trong hàng quán, siêu thị.
- * Bộ hành bị thương tích.
- * Chó cắn v.v...

- * Khai phá sản * Ly dị, Ly thân.
- * Lập di chúc thừa kế.
- * Thành lập công ty.
- * Uống rượu lái xe.

- * Bất cẩn y tế của Bác-Sĩ.
- * Luật di trú.
- * Luật địa ốc.
- * Trộm cắp, ma túy, hành hung...

ORANGE COUNTY OFFICE:

625 City Driver., 4 floor,
Orange, CA 92668

RIVERSIDE OFFICE:

3620 - 13th Street., Riverside. CA

**LOS ANGELES, SAN FERNANDO
OFFICE:**

18541 Sherman Way, Suite # 202
Reseda, CA 91335

(Trên lầu cafe Luc-Huyền-Cầm)

SAN BERNARDINO OFFICE:

395 D. Street., San Bernardino, CA

PALM SPRING OFFICE:

777 Tahquite Canyon # 200

Văn Phòng Tổ Hợp Luật Sư

LORI PISEGNA & WILLIAM ZIMMERMAN

Main Office : 5170 Sepulveda Blvd. # 230, Sherman Oaks, CA 91403

SAN FERNANDO-RESEDA

20021 Roscoe Bl. #16
Tel. (818) 700-0188

SOUTH BAY-GARDENA

14426 Crenshaw Bl. #C
Tel. (310) 719-7393

SAN BERNARDINO-RIVERSIDE

331 East 9th Street #120
Tel. (909) 888-5685

CHUYÊN LO TAI NẠN XE CỘ - TRƯỢT TẾ

MEDICAL MALPRACTICE

Sự hành nghề sơ sót và bất cẩn của
Bác Sĩ, Bệnh Viện đã làm tụt quyền
hoặc thiệt mạng người thân của quý vị

Phụ Tá Pháp Lý: Quốc Anh
Andy (818) 377-2200
Pager (818) 596-2888

Phương Châm của chúng tôi là Uy Tín, Nhanh Chóng, Thành Thật và Không
Lừa Dối Khách hàng, vì khách hàng là nguồn quảng cáo chính của chúng tôi.

ĐẶC ĐIỂM VĂN PHÒNG

- * Luật sư có mặt tại V/P lo hồ sơ và sẵn sàng ra toà để bảo vệ quyền lợi tối đa cho thân chủ.
- * 90% hồ sơ trong V/P sẽ hoàn tất trong 4 tháng.
- * Luật sư phí thấp, không cần qua trung gian.

24/24 KHẨN CẤP XIN GỌI BEEPERS:

Sau khi nghe tiếng Bíp Bíp ngừng, Xin Bấm số vùng Area Code và số điện thoại của quý vị. Chúng tôi sẽ gọi lại ngay.

DANNY NGUYỄN .. (213) 356-3487
DAVID VŨ (818) 596-9300
JOHNNY KHÔI (310) 930-3888
MINH NGUYỄN (805) 731-2555
TODD THÀNH (909) 715-0888

Luật Sư phí Rẻ không hẳn là quý vị sẽ nhận được tiền bồi thường về nhiều hơn !!! Cần một văn phòng Luật Sư giỏi ...?

V/P CHẤP NHẬN ĐIỀU KIỆN % HỢP LÝ CỦA CÁC V/P KHÁC QUẢNG CÁO !

Tạp Chí
PHẬT GIÁO HẢI NGOẠI
Cơ quan ngôn luận
của Văn Phòng II Viện Hóa Đạo
và GHPGVNTNHN—HK



Chủ Nhiệm:
H.T. Thích Đức Niệm
Chủ bút: **Quảng Thành**
Phụ tá chủ bút: **Tâm Huy**
Tổng thư ký: **Tâm Quang**
Thủ quỹ: **Thanh Chánh**



Đăng quảng cáo xin liên lạc:

SƯ CÔ DIỆU TÁNH
☎ : (818) 893-5317



Ngân chi phiếu xin gửi về:
PHẬT GIÁO HẢI NGOẠI
9250 Columbus Ave.,
North Hills, CA 91343—USA
☎ : (818) 893-5317



Thư từ và bài đăng báo xin gửi về:
PHẬT GIÁO HẢI NGOẠI
9242 Columbus Ave.,
North Hills, CA 91343—USA
☎ : (818) 893-5317

- Bài vở đăng tải trên PGHN không nhất thiết phản ảnh quan điểm của tòa soạn.
- Bài gửi đăng PGHN xin đánh máy, computer (gửi floppy disk càng tốt) hay viết tay rõ ràng để đọc để tránh nhầm lẫn về nội dung cũng như hình thức bài gốc.
- Ngoài bút hiệu, xin ghi tên thật và địa chỉ, điện thoại để tòa soạn có thể liên lạc khi cần.

SỐ 6, VU-LAN THẮNG-HỘI 2539, THÁNG 8/95

Mục Lục

<i>Lá Thư Chủ Nhiệm</i>	3
<i>Rằm Tháng Bảy, H.T. Thích-Đức-Niệm</i>	4
<i>Một Bông Hồng Cho Cha, của Võ Hồng</i>	8
<i>Đời Như Mộng - Chữ "Chơi Vơi", Thơ TQ Nguyễn Thơ</i>	11
<i>Công Ôn Cha Mẹ và Ý Nghĩa Sự Quy-Y Phật, T.Chân-Tĩnh</i>	12
<i>Tâm An Lành, Biết Dụng, Khi Biết Ra Sự Thật, Thơ Ngô Hưng</i>	15
<i>Dùng Ham Thân Thông, Di Doan, H.T. Tuyên Hóa</i>	16
<i>Phật Giáo và Khuôn Mẫu Toàn Kỳ, Trần-Chung-Ngọc</i>	18
<i>Sống, Thơ Nguyễn-Đình-Hải * An Nhiên, Thơ Duy Nghiệp</i>	23
<i>Phật Giáo Tại Hoa Kỳ, Hoàng-Hà-Thanh</i>	24
<i>Mưa Rơi, Sáng Mùa Xuân, Hạnh Ngô, thơ Thuý Trúc</i>	31
<i>Quan Niệm Sử Học Và Triết Học..., H.T. Thích-Thắng-Hoan</i>	32
<i>Trơ Trọi, thơ Quách Tấn</i>	34
<i>Đạo Phật Và Cách Mạng, Nguyễn Tường</i>	35
<i>Cứu Mạng Chín Tháng Mười Ngày, Thái-Văn-Kiểm</i>	38
<i>Cuộc du hành sang Lạp-tát Tây Tạng, H.T. Thích-Tri-Chơn</i>	40
<i>Người Phật Tử Phải làm Gì, Thích-Tâm-Quang</i>	45
<i>Vương Pháp Chánh Lý Luận, Vân Nguyên</i>	53
<i>Một Chốn Để Về, Tâm Danh P.T.V</i>	54
<i>Những Cánh Hoa Vàng, Thuý Trúc</i>	57
<i>Lấy Lượng Nào Đông, Phạm Thăng</i>	59
<i>Nỗi Khổ, Niềm Vui, Diệu Nga</i>	66
<i>Tôi Đã Hôn Mẹ, Vĩnh Hảo</i>	78
<i>Chủ Trương Cộng Sản Tiêu Diệt PGVN, Võ-Văn-Ái</i>	83
<i>Tiếng Thơ Rơi, Dáng Mây... thơ Phiêu Bồng</i>	88
<i>Từ Lý Thuyết Marx-Lenin Đến HCM..., Huỳnh-Kim-Quang</i>	89
<i>Phổ Nguyễn, Huỳnh-Trung-Chánh</i>	94
<i>Vận Nước, Vận Đạo ..., Trần-Quang-Thuận</i>	106
<i>Phát Nguyễn. Thơ Hoàng Phu</i>	112
<i>Con Đường Đến Phật, Thiền Đức</i>	113
<i>Tuyên Cáo, H.T. Thích-Đức-Nhuận</i>	119
<i>Tin Tức Sinh Hoạt Của Giáo-Hội Trong và Ngoài Nước</i>	120
<i>Tri ân</i>	127
<i>Thư mục của Phật-Học-Viện Quốc-Tế</i>	128
<i>Quảng cáo</i>	132

Hình bìa: **TÌNH MẸ BAO LA**, của Họa-Sĩ **PHẠM THẮNG**

THƯ KÊU GỌI CỦA TÒA-SOẠN PHẬT-GIÁO HẢI-NGOẠI

Kính bạch Chư Tôn Hòa-Thượng, Thượng-Tọa, Đại-Đức Tăng Ni,

Kính thưa quý độc-giả Phật-tử, quý vị văn-thi hữu cùng quý thân-chủ quảng-cáo trên báo Phật-Giáo Hải-Ngoại,

Trước hết, tòa soạn chúng tôi một lần nữa niệm ân thanh tịnh hỗ trợ vật chất và tinh thần quý báu của quý vị trong thời gian qua ; nhờ vậy mà PGHN còn tiếp tục tồn tại đến ngày hôm nay. Tuy nhiên, PGHN cuối cùng lại rơi vào một thông lệ rất bất bênh, đó là : biến thành loại báo biểu vô điều kiện (free). Điều này xét ở khía cạnh lạc quan, chúng ta thấy nó thể hiện được sự cởi mở, khoáng đạt của tinh thần nhà chùa ; nhưng thực tế thì đó lại là một vấn nạn mà nhân viên tòa soạn là những người trực tiếp phải đối đầu.

Với số lượng in mỗi số là 5,000 bản, cộng thêm cước phí để gửi báo biểu đi khắp thế giới (tiền cước phí bằng 1/3 tiền in báo), quả là tòa soạn PGHN thật vô cùng khó khăn. Sự đóng góp của một số Chư Tôn Đức và Phật-tử (được liệt kê mỗi kỳ trong mục TRI AN) cũng như sự ủng hộ của các thân chủ quảng cáo, đã biểu hiện cả nhiệt tình đối với PGHN ; tuy nhiên, so với mức chi ra, hãy còn là con số khiêm nhường có thể nhận thấy rõ.

Vậy, hôm nay PGHN xin gửi thư này đến toàn thể Chư Tôn Đức và quý độc-giả Phật-tử gần xa, thiết tha kêu gọi sự hỗ trợ tích cực của quý vị để duy trì sự sống còn của tờ báo. Chư Tôn Đức, chư Phật-tử và thân chủ quảng cáo từng ủng hộ tịnh tài cho PGHN, xin hoan hỷ tiếp tục ủng hộ ; quý Phật-tử chưa có cơ hội đóng góp, xin hoan hỷ phát tâm góp phần vào để cứu vớt các chi phí quá lớn của tờ báo. Dĩ nhiên, đây chưa phải là giải pháp hay nhất để giải quyết tình trạng tài chánh bất bênh của tòa soạn, nhưng còn nước thì còn tát. Muốn sự trông cậy vào nhiệt tâm của quý vị. Thành thật tri ân.

Nam-mô Công-Đức-Lâm Bồ-Tát Ma-Ha-Tát

TÒA-SOẠN PHẬT-GIÁO HẢI-NGOẠI

GÓP PHẦN ỦNG HỘ VÀ MUA DÀI HẠN

(Mỗi năm 3 số nhằm Lễ Phật-Đản, Lễ Vu-Lan và Tết Nguyên-Đán)

- Độc-giả ở Hoa-Kỳ và Gia-Nã-Đại, gửi báo bằng đường bay (air mail) 15MK một năm.
- Độc-giả ở các Châu Á, Âu và Úc, gửi báo bằng đường bay (air mail) 20MK một năm.

☺ Ủng hộ vô điều kiện được ghi phượng danh ở mục TRI AN

☒ Ngân phiếu ủng hộ, hoặc mua báo dài hạn xin gửi : **PHẬT-GIÁO HẢI-NGOẠI**

☒ Thư từ mua báo hoặc ủng hộ báo xin gửi về địa chỉ :

PHẬT-GIÁO HẢI-NGOẠI

9250 Columbus Avenue,

North Hills, CA 91343 - U.S.A

Điện thoại: (818) 893-5317

Lá Thư Chủ Nhiệm

Trong kinh Phạm-Võng Bồ-Tát-Giới đức Phật dạy rằng : “Hiếu là pháp chí đạo, là mẹ của chư Phật”. Không thực hành hiếu đạo thì không hoàn thành được nhân-thừa. Nhân-thừa không hoàn thành thì Phật-thừa vĩnh viễn xa cách. Cho nên, hiếu đạo vừa là thể hiện trọn vẹn ý nghĩa giá trị làm người, vừa là nấc thang căn bản nhất để tiến đến tối thượng Phật-thừa.

Trong mối tương quan tương duyên trùng trùng vô tận thì pháp giới chúng sanh có thể đã là cha mẹ, anh em và thầy tổ của chúng ta. Do đó, thực hiện hiếu đạo là hành đại bi tâm, mang lại sự an lạc giải thoát cho tất cả muôn loài. Thực tế nhất, trước mắt chúng ta, đồng bào và đồng đạo trong nước đã và đang gánh chịu nhiều đau thương thống khổ vì sự cai trị hà khắc của chế độ cộng-sản bất nhân, ý đồ đập đổ tất cả giá trị đạo đức và nhân bản truyền thống của dân tộc. Nhân mùa Báo-Hiếu, xin mọi người phát khởi tâm từ bi thực hiện hiếu đạo không những đối với phụ mẫu quyến thuộc, mà còn trang trải cho đồng loại, cho quê hương dân tộc bằng cách nỗ lực nhiều hơn nữa trong việc giải trừ sự trói buộc, giải thoát sự khổ đau trong cơn quốc nạn và pháp nạn tại quê nhà hiện nay.

Mùa Báo-Hiếu năm nay lại về giữa thời điểm tất cả người Việt hải ngoại kỷ niệm hai mươi năm ly hương. Trong biến cố lịch sử tang thương nhất của dân tộc này, chúng ta không thể nào quên được hàng triệu đồng bào ruột thịt của chúng ta đã bỏ mình trong rừng sâu núi thẳm, dưới lòng đại dương, hay bị sát hại vì hải tặc trên đường đi tìm tự do. Chúng ta cũng không thể nào quên được hàng triệu đồng bào và chiến sĩ đã hy sinh trong cuộc chiến, trong các trại tù cải tạo khổ sai của cộng sản, và hàng chục ngàn đồng bào ty nạn đang khốn khổ tuyệt vọng. Nhân mùa Báo-Hiếu, xin mọi người đang sống tự do no ấm, nên thành tâm cầu nguyện cho tất cả những người quá cố sớm siêu sanh thoát hóa, những người còn trong vòng tù tội sớm được tự do, và cộng-sản Việt-Nam sớm tỉnh ngộ mở to đôi mắt nhìn lân bang đang trên đà phát triển phú cường, mà sám hối tội lỗi, cải bổ định kiến, để lo cho dân tộc xứ sở.

Tạp chí Phật-Giáo Hải-Ngoại xin thành tâm cảm tạ sự ủng hộ nhiệt tình quý giá của chư Tôn Đức Tăng Ni, quý độc-giả và quý thân chủ quảng-cáo. Chúng tôi thiết tha kêu gọi sự ủng hộ tiếp tục của quý vị để Tạp-Chí Phật-Giáo Hải-Ngoại có thể tiếp tục làm món ăn tinh thần lâu dài cho mọi giới.

Mùa Vu-Lan Báo-Hiếu cũng là ngày chư Tăng tự-tứ, chư Phật hoan hỷ, toàn ban biên tập Phật-Giáo Hải-Ngoại thành tâm kính chúc chư Tôn Đức Tăng Ni, chư Phật-tử, quý độc-giả và quý thân chủ quảng-cáo phước huệ tăng trưởng, vô lượng cát tường như ý.

THÍCH-ĐỨC-NIỆM

Rằm Tháng Bảy

THÍCH-ĐỨC-NIỆM

Rằm tháng Bảy đối với đạo Phật mang ý nghĩa đặc thù, tưởng cũng nên lược nêu ra đây vài nét :

1) Ngày tự-tứ: Khi đức Phật còn ở đời, ngày ngày Ngài đi hoằng pháp khắp đó đây, nhưng đến mùa mưa từ khoảng rằm tháng Tư đến rằm tháng Bảy, trong suốt thời gian ba tháng mùa hạ, đức Phật và hàng đệ tử xuất-gia đều tập trung ở một chỗ chuyên tâm tu học, không ra ngoài, để tránh sự giẫm đạp trùng kiến và mầm non cỏ cây. Kiết-hạ an-cư tức là kiết-giới an trú một chỗ tịnh tu suốt ba tháng mùa hạ, nên cũng gọi là cấm túc.

Ở Ấn-Độ, vào mùa hạ trời thường mưa ẩm ướt, côn trùng sanh sản, cỏ cây nảy mầm, nên đức Phật khuyên hàng đệ tử tốt nhất là ở một chỗ để chuyên tâm tịnh tu. Trong suốt thời gian ba tháng hạ, đức Phật rành rã thuyết pháp, chư Tăng tĩnh tâm chuyên cần ngày đêm tinh tấn tu học không ngừng, đồng thời cũng là dịp trình giải sở đắc, trao đổi kinh nghiệm tu học và hoằng pháp. Thời gian ba tháng an-cư này, chư Tăng ngày đêm gia công tu tập gấp bội ngày thường, nên giới hạnh công đức

cũng theo đó mà tăng trưởng cao dày. Do vậy, chư Tăng hàng năm đều y theo lời Phật chế định mà hành trì. Tuy đức Phật đã Niết-Bàn từ lâu, nhưng ở bất cứ quốc độ nào, có đạo Phật, có thanh tịnh tăng chánh truyền, vẫn thực hiện thời gian an-cư kiết-hạ tinh tấn tu tập như khi Phật còn ở đời. Thời gian kiết-hạ an-cư chính là thời gian trưởng dưỡng đạo hạnh, tài bồi công đức, giới hạnh tinh nghiêm, đạo tâm kiên cố. Chư Tăng giới hạnh thanh tịnh là trang nghiêm mạng mạch đạo pháp vững mạnh trường tồn. Thế nên trước giờ nhập Niết-Bàn, đức Phật ân cần nói : “Giới luật còn thì đạo Pháp còn”. Có nghĩa là hàng đệ tử Phật còn biết tôn trọng giữ gìn giới luật thì sức sống của đạo pháp còn. Phật Pháp thịnh suy tùy theo sự hành trì giới pháp.

Chư Tăng kiết-hạ từ rằm tháng Tư đến rằm tháng Bảy là thời gian tròn đủ ba tháng, do đó rằm tháng Bảy cũng thường gọi là ngày mãn hạ. Ngày mãn hạ còn gọi là ngày giải hạ, ngày đó chư Tăng hội họp tác pháp tự-tứ, nghĩa là mỗi người tự trình bày những điều mình thấy, nghe, hay,

biết và chỗ sở đắc, đồng thời thành tâm thỉnh bậc trưởng lão và đại-chúng hoan hỷ nêu chỉ những điều lầm lỗi mà chính mình không hay biết để được sám hối và sửa đổi. Thế nên, khi tự-tứ, ở giữa Đại-chúng, quỳ lạy trước vị trưởng lão thành tâm thưa : “Bạch Đại-Đức, chúng Tăng ngày nay tự-tứ, con tỳ-kheo là (xưng tên mình) cũng xin được tự-tứ, nếu thấy tội, nghe tội, nghi có tội, xin Đại-Đức thương xót chỉ bảo cho con. Nếu con thấy có tội sẽ y như pháp mà sám hối”. Tự mình đem hết cõi lòng chân thành hoan hỷ trình bày chỗ thấy nghe hay biết, rồi đồng thời thỉnh trưởng lão và đại chúng hoan hỷ chỉ giáo, trong tinh thần từ mẫn tương thân tương kính tương sám để tự và tha đều hoan hỷ chân tình cởi mở hết cõi lòng đồng hổ tương sách tấn bằng cách chỉ nhắc cho nhau khi mãn hạ trong ngày rằm tháng Bảy, nên nhà Phật gọi là ngày tự-tứ.

2) Ngày tăng trưởng hạ-lạp, tức là ngày được thêm tuổi đạo : Người đời, cứ mỗi năm đến ngày mừng một Tết là thêm một tuổi thọ. Và bao nhiêu lần tết là được bao nhiêu tuổi thọ. Nhưng nhà Phật thì không như thế. Nhà Phật tính theo tuổi đạo mà không tính theo tuổi đời. Tuổi đạo là tuổi căn cứ đạo hạnh, tức là thọ tỳ-kheo giới, thực hành kiết-hạ an-cư mới có hạ-lạp, tức là mới được có tuổi đạo. Thế nên, người đó cho dù có năm bảy chục tuổi đời mà không có thọ giới tỳ-kheo, không theo đại-

chúng tác pháp an-cư kiết-hạ, hoặc không thỉnh giới nơi bậc trưởng-lão chúng pháp tự-xứ an-cư, thì vẫn không có tuổi đạo. Dù có cạo tóc ở chùa thọ giới đi chăng nữa mà không có tâm thức về ý nghĩa an-cư, không có tâm thiết tha cầu học nơi bậc trưởng thượng để kiết giới an-cư, cũng chẳng có tâm niệm thành thiết nghĩ đến kiết-hạ an-cư, thì đó là hình đồng xuất gia, danh tướng tỳ-kheo, chỉ được giới tướng, mà giới thể tâm đức bất nhập, dĩ nhiên không có hạ-lạp, không có tuổi đạo.

Kinh Di-Giáo, trước giờ vào Niết-Bàn, đức Phật dạy : “Nầy các Tỳ-kheo, hãy giữ tịnh-giới đừng cho hủy phạm thiếu sót, giữ tịnh giới thì có thiện pháp. Không có tịnh giới thì mọi thứ công đức không phát sanh”. Thời mạt pháp có kẻ cạo tóc mặc áo làm tăng mà chẳng cần thọ giới tu hạ, lại tự xưng là thầy tăng. Đạo-Tuyên Luật-Sư nói : “Kẻ ngu Tăng cạo tóc đắp y thì chẳng cần thọ giới ! Giới không có, thì định huệ sao thành, cửa ngõ nào để vào đạo, đức hạnh từ đâu sanh ?” Ngài Đạo-An cũng nói : “Kẻ cuồng thiên chẳng cần giới. Kẻ ngu Tăng chẳng cần kiết-hạ. Ngã mạn Tăng chẳng cần nương học hỏi nơi bậc trưởng thượng”. Đối với những kẻ khinh thường thọ giới, kiết-hạ an-cư, ngông nghênh vượt bậc, khoa trương mong người biết danh cung dưỡng, Ngài Châu-Hoàng nói : “Kẻ ngu mờ mịt chẳng biết thứ bậc hạ-lạp, người cuồng khinh giới chẳng

học, bèn toan tính vượt bực cao xa, thật đáng đau lòng thương xót!”. Người chân chánh tu thiền thì tinh nghiêm giới luật cầu thầy học đạo, theo thứ bậc hành trì. Kẻ tà thiền thì ngông cuồng vượt bực chẳng giới luật, cho rằng: “thọ giới đắp y chỉ là hình tướng, tu thiền không cần”. Thật là ăn nói quàng xiên không hợp kinh điển, nên thiền tổ Bách-Trượng âu lo cho Phật Pháp suy tàn, mang tâm nguyện duy trì kỷ cương đạo pháp, chính lý sự tướng, phò trì luật nghi phát huy đạo hạnh, nên làm ra bộ Tòng-Lâm Thanh-Quy.

Chư tăng y giới pháp an-cư kiết-hạ, suốt ba tháng, từ rằm tháng Tư đến rằm tháng Bảy chuyên tâm tinh tấn tu tập, sau khi tự-tứ tức ngày 16 tháng 7 âm-lịch là ngày được thêm một tuổi đạo, cũng gọi là ngày thọ tuế. Người xuất-gia tỳ-kheo có thực hành bao lần kiết-hạ an-cư là được bao tuổi đạo, tức là hạ-lạp tăng trưởng.

3) Ngày Phật hoan hỷ: Đức Phật trải nhiều kiếp tu hành gian nan khó khổ cũng vì mang đại nguyện lợi tha cứu độ chúng sanh. Đức Phật ra đời đang sống trong cung vàng điện ngọc, vì nhận rõ thật tướng cuộc đời là mộng huyễn khổ đau, nên Ngài rời bỏ cung vàng điện ngọc, độc thân vào rừng tu khổ hạnh với tâm nguyện cứu độ chúng sanh. Sau khi chiến thắng ma quân, điều ngự chướng nạn nội tâm ngoại cảnh, Ngài chứng thành đạo quả Vô-thượng Chánh-đẳng

Chánh-giác dưới gốc cây Bồ-đề. Kể từ đó và suốt cuộc đời, Ngài ngày đi đêm nghỉ khắp đó đây trên vạn nẻo đường thành thị thôn quê để hoằng pháp độ sanh. Nghĩa là, đức Phật cống hiến trọn đời cho sự nghiệp đem chánh pháp thức tỉnh quần sanh, những mong người đời giác ngộ để thoát vòng luân hồi sanh tử. Vì thương chúng sanh mà phải hy sinh tất cả lạc thú riêng mình cho sự nghiệp giáo hóa độ sanh. Không phải chỉ một đức Phật Thích-Ca tha thiết thương chúng sanh, mà mười phương chư Phật cũng đều thương chúng sanh như thế. Do vậy mà ngày rằm tháng Bảy chư Tăng tròn đầy ba tháng an-cư tu tập, giới hạnh thanh tịnh, đạo niệm kiên cố, tuổi đạo tăng trưởng, tức là hàng trưởng-tử Như-Lai rút ngắn đường đến đạo quả giác-ngộ giải-thoát, nên chư Phật vô cùng hoan hỷ. Do đó, kinh Phật nói rằm tháng Bảy là ngày chư Phật hoan hỷ.

4) Vu-Lan tháng-hội: Tôn-giả Mục-Kiền-Liên trước kia tu theo ngoại đạo, sau khi được nghe Phật thuyết pháp tỉnh ngộ, hồi đầu quy-y Phật, xin xuất-gia tu hành. Do chuyên ròng tinh tấn tu tập, nên chẳng bao lâu Mục-Kiền-Liên chứng quả A-la-hán, trở thành một trong những đại đệ-tử của Phật, đặc biệt sở đắc về thần thông đệ nhất. Một ngày nọ, Tôn-giả Mục-Kiền-Liên dùng thần thông huệ nhãn quán sát xem mẹ cha hiện giờ sanh ở nơi nào, thì thấy cha đang ở cõi trời hưởng phước báo an vui,

nhưng không thấy mẹ đâu cả. Ngài vội vã xoay tìm khắp nhân gian cũng không thấy hình bóng mẹ. Quá đổi kinh ngạc, Ngài quán sát khắp trong sáu nẻo luân hồi, thì thấy mẹ là bà Thanh-Đề sanh trong loài ngựa quý, thân hình ốm gầy lông lá, da bọc lấy xương, lửa nghiệp đốt khát nung đốt khổ sở vô cùng. Quá xúc động, lòng trào dâng nổi xót thương, Ngài liền bưng cơm đến dâng cho mẹ, nhưng cơm vừa để vào miệng thì hóa thành lửa bốc cháy cả miệng mặt bà Thanh-Đề, làm cho Tôn-giả Mục-Kiền-Liên sửng sốt đau lòng đến tột độ, liền về bạch hết sự tình lên Phật, đức Phật nói : “Mẹ ông khi còn ở đời tham lam bôn sên, ganh ghét đố kỵ, khinh khi sư Tăng, chẳng kính tin Tam-Bảo, lừa đảo hơn thua đố kỵ, tạo nhiều tội ác như vậy, nên nghiệp lực dẫn dắt sanh vào ngựa quý ! Ông nay tuy chứng đạo quả A-la-hán, lòng hiếu thảo của ông cảm động đến trời đất, nhưng đạo đức một mình ông không thể cứu được mẹ. Nghiệp ác của mẹ ông như quả núi to, mà đạo đức của ông như chiếc thuyền nan nhỏ, đâu có thể chở nổi quả núi qua sông. Chỉ còn phương pháp duy nhất là, vào ngày rằm tháng Bảy, nhân lúc chư Tăng tròn đầy ba tháng an-cư kiết-hạ, làm lễ tự-tứ, ông nên thành tâm sắm sửa y phục thức ăn dâng cúng dường chư Tăng, nhờ công đức tu hành, giới hạnh thanh tịnh trang nghiêm trong ba tháng an-cư, sức chú nguyện của chư Tăng, đức chúng như hải mới có

năng lực chuyển hóa được nghiệp tội của mẹ ông. Do sự thành tâm cúng dường, nhờ chư Tăng giới hạnh thanh tịnh chú nguyện, đức chúng như hải vạn năng mới có thể cứu độ tội nhưn”. Tôn-giả Mục-Kiền-Liên liền y theo lời Phật dạy nhưt tâm thực hành, bà Thanh-Đề nhờ phước đức đó mà thoát kiếp ngựa quý sanh về cõi trời.

Phương pháp báo hiếu nầy được Phật khuyến khích hàng đệ-tử noi theo và được tiếp nối truyền mãi cho đến ngày nay.

Tóm lại, ngày rằm tháng Bảy là ngày chư Tăng tự-tứ, ngày chư Tăng thêm tuổi đạo, ngày chư Phật hoan hỷ, ngày Vu-Lan báo hiếu.



*Mẹ ơi ! tro bụi về tro bụi,
Lầu ngọc bằng đâu một góc vườn,
Ai mãi mê tìm sơn phấn giả,
Con xin đăm bạc một cành đơn,
Bầu trời hiếu tử nghe sao ấm,
Nệm quý công hầu biết có hơn.*



*Mẹ hiền về chốn thiên cung,
Toại lòng con thảo, nguyện cùng thánh
tăng,
Từ bi công đức vạn năng,
Mấy nghìn năm vẫn chưa từng đổi thay,
Chư tăng trọn chín mươi ngày,
Cát tường bảo tọa giải bày tâm can,
Bao nhiêu nghiệp hải chường san,
Đây ngày tự-tứ sạch ngàn ác duyên./.*

Một Bông Hồng Cho Cha

VÕ HỒNG

Trong thời hồng hoang của lịch sử, con người chỉ biết có mẹ. Khởi cần tìm hiểu đâu xa, cứ nhìn các con vật thì biết: gân gũi và hiền lành là con chó, con gà, xa xôi và hung bạo là con beo, con cọp. Sinh ra và lớn lên chỉ biết có mẹ, lúc thức quanh mẹ. Bởi một lẽ đơn giản: khi biết mình mang thai, con cái thường sống cách ly con đực, thậm chí còn cắn đuổi con đực không cho lại gần.

Con người sau này thì không. Cha săn sóc mẹ khi mẹ mang gai, cha đỡ dần mẹ, cha giúp tay mẹ pha bình sữa, giặt giũ tã lót khi cha mẹ cùng nghèo. Khi cúng đầy tháng, cha châm hương đốt đèn thành kính cầu xin Mẹ Bà và tham lam cầu khắp thần linh phù hộ cho con mau ăn, chóng lớn. Có lẽ đó là lần đầu tiên, lần trọng đại nhất trong đời mà cha trọn lòng nghĩ đến những vị thần linh. Vì con mà tin, mà khẩn, mà cầu... cho dầu mang tiếng là mê tín cũng xin sẵn sàng vui nhận.

Con lên hai tháng, ba tháng, nằm ngửa hươu chân, hươu tay, mở to đôi mắt ngơ ngác, xoay đầu nhìn vu vơ sang trái, sang phải. Rồi con biết hé miệng cười, cái cười vô nghĩ nhưng đủ cho cả nhà mừng rỡ reo vui. Rõ ràng là nụ cười của con làm nở những nụ cười chung quanh, làm rạng rỡ những khuôn mặt, xóa mờ

những nếp nhăn nơi trán; lần lượt biết lật, biết bò... rồi con ngồi vững, rồi vịn tay đứng được, rồi bước những bước rụt rè, Tiếng reo vui, tiếng khuyến khích vang lên rộn ràng đầm ấm, trong đó có lần tiếng của cha.

Cha được phân công ngồi bón cho con những miếng cơm đầu tiên, cha phải la: “Ùi ùi! Coi kìa con chuột. Ăn mau chớ nó ăn hết”, rồi thừa lúc con ngơ ngác đưa mắt tìm, cha dút nhanh muống cơm vô miệng. Hỡi ơi, từ ngày có con, cha trở thành nhảm nhí đáng thương. Con mới mở miệng ngáp, đôi mắt mới khép hờ mà cha đã vội vàng ru, ru cái kiểu nửa ngâm nửa hát vụng về và chọn những câu nhảm nhí phù hợp với trạng thái tâm hồn của cha lúc đó:

À ơi, con gà cục tác lá chanh...

Có thể cha giỏi nhạc, cha hát hay nhưng cha ngưỡng chừng không dám nghiêm trang cất giọng, sợ người khác nghe họ biết là cha đang tràn trề niềm vui, no nê hạnh phúc. Và, chẳng mặt con ngây ngô thế đó thì cha biểu diễn nghệ thuật để chi? Cha phải ngây ngô theo, con đuổi chân thì cha nói: “Chà! Bộ định đi về thăm ngoại hả?” Rờ cái đít nung núc thịt, cha bế chạy vừa nói nựng: “À, con heo ú đây. Ai ra mua!” Quả là những giây phút hân hoan cực độ. Nhưng phải chột dừng lại. Sợ người khác nghe. Phải che giấu hạnh phúc để tỏ rằng mình không tầm thường. Khi có học, cha thường phải tạo vẻ mặt nghiêm trang. Dưới thời Nho giáo, cha được gọi là nghiêm đường. Hai mươi tuổi đậu cử nhân, đậu tiến sĩ thì phải mang bộ mặt lạnh lùng của một quan hoạn. Chỉ có người cha quê mùa mới thông dong công con bốn, năm tuổi đi chơi nghêu ngao khắp xóm, bứt lá chuối quần kèn. Lớn lên, cha con cùng làm lụng

cạnh nhau trên sân lúa, giữa rẫy khoai. Xã hội hôm nay trí thức hơn, văn minh hơn, trong cuộc sống cha một nghề, con một nghề, ai lo phần nấy, rốt cuộc tình thương cha con trở nên lợt lạt. Tình quán quít cha con chỉ thể hiện khi con còn nhỏ; quá bậc tiểu học, con bắt đầu lớn, bắt đầu chọn bạn là bắt đầu xa cha. Từ đó cha thường chỉ đóng vai người cung cấp tiền cho con ăn học, may sắm, nguồn kinh nghiệm khôn dại để đưa lời chỉ bảo khuyên răn. Tất cả đều chỉ là lý trí lạnh lùng.

Chữ mẹ thì không. Nghĩ đến mẹ là một chuỗi hình ảnh êm ái hiện ra: mẹ mang nặng đẻ đau, mẹ vạch vú cho bú, mẹ bông ru ngủ, mẹ ôm hôn nựng, mẹ tập đứng, tập đi. Khởi căn lý luận, khởi nhìn đâu xa, cứ nghĩ đến mẹ là như thấy rõ hồi nhỏ mình nằm như thế nào trong vòng tay mẹ, ỉa đái tự do trên mình mẹ và mẹ lo giặt, lo thay, quen thuộc với mùi khai, mùi thối. Với cha thì phải suy nghĩ mới thấy, bởi mọi biểu lộ yêu thương chỉ hiện rõ khi mình còn nhỏ. Bấy giờ nếu may mà biết được là nhờ ngẫu nhiên thấy một người cha nào đó đang thương yêu săn sóc đứa con nhỏ của họ.

Tìm trong văn chương thì thường chỉ gặp loại:

Công cha như núi Thái Sơn.

Núi này nhất định là phải lớn lắm và công cha cũng lớn như vậy. Không thấy ghi một nét cảm động về người cha, mà chỉ phác qua một hình ảnh uy nghi, nhưng xa cách, gợi sự tôn sùng. Mọi người đều thuộc, đều đọc lâu lâu, nhưng mà thản nhiên như đọc khẩu hiệu.

Người cha quen thuộc, cha của Mẫn Tử Khiên, thì được vẽ ra là một người biết làm bốn phận: bốn phận cưới kế thiếp khi vợ cả

chết và bốn phận đuổi kế thiếp vì Mẫn Tử Khiên bị ngược đãi. Mà cũng ngẫu nhiên mới biết được con khổ khi thấy con mặc áo rách run rẩy đẩy xe cho mình. Người cha trong cuốn Luân lý giáo khoa thư dễ thương hơn. Truyện kể: Mẹ đi chợ mua về cho con trái cam. Con nghĩ đến cha làm lưng nắng nôi, liền cầm trái cam chạy ra đồng đưa tặng cha. Cha nghĩ đến mẹ đầu tắt mặt tối ở nhà, liền cầm trái cam đem về tặng mẹ. Trái cam đi một vòng, dài và rộng hơn sợi dây tình cảm con thương cha, rộng gấp ba lần vì thêm tình mẹ thương con, tình chồng thương vợ.

Cổ văn thường nặng nghĩa lớn, nhẹ tình riêng. Phạm Trọng Yêm, tể tướng đời Tống, sai còn là Thuần Nhân chở năm trăm thùng thóc về quê. Đến Đan Dương, Nhân gặp Thạch Man Khanh là bạn cũ của cha đang khốn quẫn vì bị ba cái tang dồn dập. Nhân tặng hết năm trăm thùng thóc. Lại nghe hai cô con gái của Thạch Man Khanh đến tuổi mà đang ế chồng, liền tặng luôn cái thuyền. Về kể lại chuyện cha nghe. Nghe tới chỗ hai cô gái của bạn ế chồng, Phạm liền ngắt lời hỏi:

— Sao con không cho luôn cái thuyền?

Cuộc sống bắt cha hưởng mát ra ngoài đời, nhìn đời, lẫn lộn với đời. Mẹ thì nhìn vào trong nhà, nhìn vuông sân chái bếp, con gà, con chó, cây ổi, cây xoài và bầy con của mẹ. Con gần mẹ hơn cha là vậy. Cha lặn lội đi làm kiếm tiền, con đâu biết bao nhiêu gian lao cực nhọc, lo toan đối phó làm mệt mỏi gân cốt và trí óc cha. Về đến nhà tìm sự yên nghỉ, nhiều khi mang cái bực bội, cái cáu gắt từ ngoài xã hội mang về theo. Con phải len lén bỏ ra nhà sau, im lặng, càng xa càng tốt, gần như muốn xóa bỏ cái hiện hữu của mình.

Sự cách xa giữa cha con thường bắt đầu nhẹ nhàng như vậy. Càng thêm xa cách bởi sao cạnh mẹ con thấy êm đềm. Ai làm ra tiền, không cần biết, chỉ biết muốn nhai viên kẹo, muốn cắn trái ổi là chỉ cần tỏ vẻ với mẹ. Mua cây viết mới, sắm đôi dép mới.. thấy thấy mẹ đóng vai bà tiên. Tội thân cha, cạnh bà tiên hiền, cha thành Thiên Lô, bà tiên càng hiền, cha càng thành La Sát.

Không, cha không muốn vậy. Cha thương con nhưng cuộc sống phân công, mỗi người mỗi việc. Mẹ như cọng mảnh, nhánh thấp cành gần để trái non xúm xít bầu quanh. Cha như thân vững chắc, bám rễ thật chặt, hút nhựa nuôi hoa, nuôi trái. Thân chia những cành lớn đâm ngang, thân vươn những nhánh cao phủ trên đầu che mưa che nắng. Cha cần nhắc lời nói, chỉ nói khi cần, con lớn mẹ thì cha càng phải nghiêm. Mẹ là tình cảm, cha là lý trí, mẹ lạt lòng cha phải giữ kỷ cương. Mẹ chín bỏ làm mười, cha phải cầm cân nảy mực. Đi vào bước trưởng thành từ mười ba, mười bốn tuổi, con càng ngày càng ngại cha, tránh cha rồi xa cha là vậy.

Nhưng đừng đơn giản, bất công, quên cái thời ta lên năm, lên mười, kéo trở thành bội bạc. Hãy nhìn những đứa ba tuổi làm nũng với cha. Bắt cha bế chạy nhong nhong. Bắt phải dắt ra cổng đứng nhìn xe cộ. Bắt phải có cha nằm cạnh quạt cho mới chịu ngủ. Lên tám, lên chín thì hay chạy tới nơi cha làm việc để đón cha cùng về. Trên đường đi phải nắm tay cha, thỉnh thoảng nhìn lên mặt cha, dấu là khuôn mặt tâm thường hay xấu xí.

Tuổi già chiếc bóng, mẹ dễ sống theo con, dâu, rể. Lúc thức sớm hôm, chăm chút tỉ mỉ, mẹ uốn mình theo nếp sống, mềm mỏng ung dung như nước. Thường cha thì không, cha ít

cam khuất phục rể, dâu. Chịu sống hắt hủu, thiếu thốn, cốt tránh trước cái giá bộ nặng tai của dâu, cái im lặng cố ý của rể. Mẹ biết ý nên khi phải nhắm mắt vĩnh biệt, mẹ thường thổn thức dặn dò “Anh ở lại nuôi con. Gắng kiếm một người hiền lành giúp đỡ. Chớ đàn ông không chịu khổ được lâu”.

Phải, tuổi càng cao, khổ càng chồng chất, dâu, rể không ăn hiếp thì có con muỗm, con kiến ăn hiếp thay. Cứ cắn, cứ chích, nạn nhân nghe đau đập đó, chứ mắt mờ đâu còn thấy rõ. Nhìn lên bầu trời dâu còn thấy chòm sao Bắc đẩu mà mỗi ngày nào lưng thưng dất con đi trong sân cha chỉ cho con nhìn.

Con nay đang tuổi trung niên, bận theo quyền lực, vui với vợ con, bè bạn, việc báo hiếu cho cha thường tỏ ra bủn xỉn. Nếu có ai trách hững hờ, chảnh mắng thì thiếu chi lý lẽ dẫn ra: “Được vậy còn đòi gì nữa?... Trời ơi, thì giờ đâu!”

Phải, thì giờ đâu? Người xưa hay nhắc phận con kíp lo báo hiếu bởi tử dục dưỡng nhi thân bất dãi, con muốn nuôi mà cha mẹ không chờ.

Khi con ở tuổi trung niên thì cha vào giai đoạn già yếu. Bề ngoài ngó dẫu phương cương nhưng nội tạng thường đang rệu rã. Dễ hiểu thôi mà: một đồ vật dùng đã sáu chục năm rồi thì dẫu lạc quan đến đâu cũng chỉ có thể tạm nói: “Cũng còn khá”. Cha thỉnh thoảng cảm thấy hơi đau nơi này, chợt nghe có cái nhéo nơi kia. Đôi hồi bỗng một vô cơ. Nhưng cha thường im lặng không nói. Những câu nói không còn cần thiết, êm ái cho con nữa như khi còn nhỏ. Bây giờ, những câu nói đều quấy rầy con. Đành âm thầm nghĩ đến câu Vạn vật vô thường.

Sách xưa dạy: *Hôn định thân tình*, ta dịch:

“Tối viếng sớm thăm”, lạt lẽo nghèo nàn nếu không có người giáng cụ thể rằng cha mẹ già thường cần đôi mắt và bàn tay con, trước và sau giấc ngủ. Đã nằm trong mùng thì lười đứng dậy để khép bớt cánh cửa, để lấy cái mền, để tìm lọ dầu. Ngủ một đêm, sáng dậy, trong mình có cái gì thay đổi, đó là lúc con ân cần hỏi han mẹ cha mới dám giải bày.

Gần như mọi người con, cuối cùng đều âm thầm tự trách, lặng lẽ xót xa. Cha biết trước tâm trạng đó, phòng xa ngày nào mình từ trần con mới chợt ân hận muộn màng, nên trong mỗi bức thư gửi con, cha đều kết thúc bằng sự bằng lòng, rằng con đã học hành thành đạt và cha mãn nguyện, cha vui. Lòng vị tha, lòng hy sinh cho con kéo dài mãi sau khi nhắm mắt.

Báo hiếu đâu chỉ món quà, mà có thể đôi tháng gửi một bức thư. Nội dung đâu đòi hỏi cao siêu, chỉ cần mười dòng lược kể một chuyện đã nghe, một điều vừa thấy. Thì cũng như bè bạn gặp nhau, chào nhau một câu rất nhảm mà vẫn rất cần: “Đi đâu đó? Mạnh giỏi?”. Sinh nhật cha, tặng một cành hoa. Nếu ở thành phố xa, hai ba đứa con gửi về hai, ba bức điện chúc mừng, tốn không bao nhiêu mà tạo được sự rộn ràng tới tấp. Niềm vui tinh thần đâu thua bữa tiệc cao lương?

Ngày Vu Lan, nhiều chùa tổ chức lễ hội bông hồng cài áo. Hoa hồng tượng trưng cho mẹ. Để tỏ lòng thương nghĩ tới cha, nhiều nơi buộc thêm dải nơ tượng trưng cho cha. Cha còn: nơ xanh. Cha mất: nơ trắng. Lễ đường xếp thành bốn dãy, dãy cha mẹ song toàn: hoa hồng, nơ xanh. Mẹ còn, cha mất: hoa hồng, nơ trắng. Mẹ mất, cha còn: hoa trắng, nơ xanh. Mẹ cha đều mất: hoa trắng, nơ trắng. Người dự lễ đứng theo hoàn cảnh của

mình. Có lần, một em nhỏ tuổi chừng lên tám đứng trong hàng hoa trắng, nơ trắng. Em nhìn quanh, tủi thân khóc òa và cả lễ đường cùng khóc òa theo.

Cha cũng như mẹ, rồi sẽ có một ngày:

“Đỉnh hoa biểu từ khơi sóng hạc (*)

nên mỗi người con đều phải vội vàng. Trả hiếu không bao giờ đủ, không được coi là dư bởi tình cha thương con là cho chứ không phải cho vay để có thể gọi là trả đủ. ■

(*) Cha mẹ mãn phần (Nhị thập tứ hiếu)

đời như mộng

Đời trăm năm vô thường
Sá gì chút vấn vương
Buồn thương len sợi tóc
Pha chút màu tuyết sương
Đời người như mộng tưởng
Sắc thình hương vị xúc
Thường như pháp vô thường
Thương không là tiếc thương.

June 28, 95

chữ "chơi vơi"

Từ ngày hấn tập làm thơ
Cố sao cứ chảy ra vào cuộc chơi
Bày trò nhún nhảy lên trời
Sém da nám mặt một đời vẫn chơi
Từ trời rớt xuống khơi khơi
Dăm ba chữ nghĩa ma trôi tốt vơi
Thôi thì em cứ trả lời
Thơ không ta đã trót chơi một đời.

12/1/93

TQ. NGUYỄN THƠ

CÔNG ƠN CHA MẸ VÀ Ý NGHĨA SỰ QUY Y PHẬT

Thích Chân Tịnh

Gọi Tháng Hội vì Vu Lan Bồn là ngày hội lớn, một nét vàng son sáng chói của nền văn hóa Phật Giáo. Nơi tháng hội này, hàng Phật tử chúng ta học được, qua gương hiếu hạnh của tôn giả Mục Kiền Liên, công ơn của những bậc sinh thành và cách báo đền công ơn ấy.

Đức Phật dạy rằng: “Phụ mẫu tại đường như Phật tại thế”, nghĩa là cha mẹ còn sống như Phật còn ở đời. Vì sao? Cha mẹ có đủ bốn đức: **Từ, Bi, Hỷ, Xả**.

Ngay từ khi được biết mình sắp có con, người cha đã lo làm thêm việc, kiếm thêm tiền, gây dựng một tổ ấm để chờ đón đứa con ra đời dù chưa biết hình hài, tính nết, của người con ra sao. Đó là tâm **Từ**.

Từ khi mang thai, suốt mười tháng, đi đứng nằm ngồi chịu bao nỗi khổ não, miệng không thể nói. Món ăn, thức uống dù ngon lành cũng chẳng thiết; quần áo tốt đẹp cũng chẳng màng, chỉ mong nghĩ đến ngày đứa con ra đời. Rồi đến khi khai hoa nở nhụy, phải chịu sự đau đớn như cắt ruột, nhưng khi nghe tiếng khóc chào đời của con thì người mẹ quên hết những nỗi đau đớn ấy mà vui mừng như nghe tiếng thiên nhạc, bỗng ấm nâng niu con thì người nghèo được của báu. Đó là tâm **Bi**.

Thế rồi con nhờ dòng sữa cam lồ từ ngực mẹ chảy ra mà nuôi lớn, ngủ trong lòng mẹ, lấy hai chân của mẹ làm giường chu du khắp nơi chốn.

Kịp đến khi lớn khôn, làm nên sự nghiệp, thì cha mẹ là người đầu tiên vui mừng, sung sướng. Đó là tâm **Hỷ**.

Lỡ con cái có làm điều gì lỗi quấy, biết thành tâm sám hối, ăn năn chừa bỏ, cha mẹ sẵn sàng bỏ qua, không bao giờ thù hận con. Đó là tâm **Xả**.

Khi chúng ta còn bé thì mỗi lúc gặp sự buồn bực, đau khổ chúng ta liền chạy lại xà vào lòng mẹ, bà tiên hiền dịu nhất trên đời của chúng ta; và mỗi khi chúng ta gặp sự khó khăn đe dọa, chúng ta liền nghĩ ngay tới cha, vị thiên thần duy nhất đầy đủ oai đức có thể che chở chúng ta.

Có một bài thơ (người viết được đọc từ lâu nên quên mất tên tác giả) có những câu như thế này:

“... ”

Là bóng mát dứa xanh,

Mẹ đến với con,

Phủ dịu mấy nắng thiêu cát nóng.

Là bầu sữa ngọt thơm lành,

Mẹ đến với con,

Rót vào hầu khô lưỡi bỏng”.

Thực ở đời này không có hạnh phúc nào êm đềm bằng hạnh phúc có cha, có mẹ.

Thường thường con cái được hưởng cái hạnh phúc ấy một cách rất là tự nhiên, không biết rằng mỗi một ngày qua, một tháng qua, một năm qua, mái tóc trên đầu cha mẹ ngả màu, nó báo hiệu rằng cái hạnh phúc ấy không còn bao lâu nữa.

Cổ thi có câu rằng:

“Quân bất kiến cao đường minh kính bi bạch phát,

Triều như thanh ti, mộ như tuyết!”

(Anh có thấy chằng?

Cha già soi gương buồn đầu bạc,

Sớm như tơ xanh, chiều như tuyết!)

Con cái hưởng cái hạnh phúc êm đềm của kẻ có cha có mẹ một cách rất là hồn nhiên như cuộc đời tự nó là như vậy, ít có ai nghĩ đến sự đền đáp.

Bài thơ trên đã diễn tả như sau:

“... ”

Mẹ đến với con,

Mà con thì chưa hề đến với mẹ!

Cho đến một chiều kia,

Thật trời long đất lở,

Mẹ hết còn đến nữa bên con!”

Cái ngày mà người con mất cha, mất mẹ là cái ngày đại hạn trong cuộc đời! Từ đây, không còn ai hằng theo dõi bước đi của chúng ta trong cuộc đời!

Từ đây không còn ai lo lắng hồi hộp cho vận mạng của chính chúng ta!

Từ đây không còn ai cố vấn cho chúng ta một cách sốt sắng vì quyền lợi của chính chúng ta! Mất cha mẹ, là mất kho tàng tinh thần vô giá, không gì có thể thay thế được!

Từ đây,

“Cây muốn lặng gió chẳng dừng,

Con muốn nuôi cha mẹ không còn nữa!”

Từ đây:

“... ”

Song lọt trăng khuya, nghe ai thức?

Đèn tàn trở mộng, nghe ai khâu?”

Kinh **Tâm Địa Quán** dạy rằng: “Trên đời này, ai là người giàu, ai là người nghèo? Còn mẹ hiền là người giàu, mẹ hiền mất rồi là người nghèo. Còn mẹ hiền là mặt trời trưa, mẹ hiền qua đời là mặt trời lặn. Còn mẹ hiền là đêm trăng sáng, mẹ hiền qua đời là đêm không trăng.

Thế nên các Phật tử cần phải hiếu thảo phụng dưỡng cha mẹ. Những người phụng dưỡng cha mẹ như thế so với việc cúng dường chư Phật không sai khác.”

Kinh còn dạy: “*Từ ân của cha, bi ân của mẹ, dù Phật có ở đời suốt một kiếp cũng nói không hết”.*

Báo hiếu cha mẹ không phải chỉ có ngày lễ Vu Lan, mà người con hiếu nhớ ơn cha mẹ suốt đời! Và phải báo hiếu như thế nào?

Luật **Tỳ Na Da** dạy rằng:

“Nếu cha mẹ chưa có lòng tin Tam Bảo phải làm thế nào khuyến hóa để cha mẹ phát khởi lòng tin ấy và quy y Tam Bảo.

Nếu cha mẹ chưa thọ giới, phải khuyến thỉnh cha mẹ thọ trì giới pháp.

Nếu cha mẹ chưa biết mở lòng bố thí và tu tập trí tuệ phải khuyến hóa cha mẹ phát tâm bố thí và tu tập trí tuệ.”

Vì trang báo có hạn, ở đây người viết chỉ xin giải thích vắn tắt lý do tại sao phải quy y Phật, một trong Tam Bảo, mà thôi.

Khuyến thỉnh cha mẹ chúng ta quy y Phật không phải để cho chùa ta thêm đông nhiều!

Quy y Phật là quay về nương tựa vào cái

sự thực thường còn trong chính chúng ta. Cái sự thực không bị hủy diệt bởi thời gian, không bị lưu chuyển bởi hoàn cảnh bên ngoài. Đó là sự tỉnh giác hoàn toàn. Quay về sống với sự Tỉnh Giác ấy ở trong chính chúng ta là ngay lúc ấy xa lìa được khổ não. Sự Tỉnh Giác ấy là Phật ở trong Tự Tính của chính chúng ta.

Kinh Bốn Chỗ Niệm dạy rằng:

“Vị tỳ khuu khi bước tới, bước lui, biết rõ việc mình đang làm; khi ngó tới, ngó lui, biết rõ việc mình đang làm; khi mặc áo, mang bát, khoác y, biết rõ việc mình đang làm. Khi ăn, uống, nhai, nếm, vị ấy biết rõ việc mình đang làm.

...

Cho đến trong tâm có tham, vị ấy biết “tâm có tham”; trong tâm không có tham, biết “tâm không có tham”; trong tâm có sân, biết “tâm có sân”; trong tâm không có sân, biết “tâm không có sân” v.v...

Thân đi đứng nằm ngồi, cảm giác vui buồn nóng lạnh, tâm suy nghĩ nhớ tưởng điều chi, v.v... tất cả đều nằm trong sự Tỉnh Giác Thấy Biết.

Một khi chúng ta thấy biết tất cả sự kiện diễn biến bên ngoài thân cũng như bên trong tâm của chúng ta, chính lúc ấy chúng ta quy y Phật, chính lúc ấy chúng ta xa lìa được phiền não. Vì sao thế?

Tâm của chúng ta ví như cái nhà, chúng ta như chủ nhà, phiền não như những tên trộm lén vào nhà, nếu ông chủ mê ngủ thì kẻ trộm tha hồ lộng hành, không những chúng vợ vét cửa cải mà chúng còn mạo nhận là chủ nhà nữa. Nếu chủ nhà tỉnh thức, lập tức kẻ trộm phải ra đi, gian phải sợ ngay, lý thường là như vậy!

Chúng ta thường nghe nói rằng: “*Biển khổ mênh mông, quay đầu lại là thấy Bờ*”, chính là để chỉ sự Tỉnh Giác này.

Gần đây người viết có đọc bài Sân Trước Cành Mai của nhà văn Vĩnh Hảo, bài thơ rất hay, trong đó có hai câu như thế này:

*“Một phút quay đầu sinh tử rụng,
Hốt nhiên rũ sạch bụi trần gian.”*

Chẳng biết đây có phải là ý của nhà văn hay không, nhưng theo ngu ý của người viết: cái “*phút quay đầu*” mà làm cho “*sinh tử rụng*” chính là lúc chúng ta tỉnh thức nhìn thẳng vào những gì diễn biến trong tâm ta, trong cảm giác của ta, và những diễn biến bên trong cũng như bên ngoài thân của ta.

“*Quay đầu*” được một giây thì sinh tử rụng một giây, “*quay đầu*” được một giờ thì sinh tử rụng một giờ, và “*hốt nhiên rũ sạch bụi trần gian*”. Chữ “*hốt nhiên*” tác giả dùng rất hay, nó diễn tả cái lý mâu nhiệm của sự tỉnh thức: hễ tỉnh giác là lập tức phiền não không phải rơi lả tả như lá mùa thu mà là đột nhiên tắt phụt như ngọn đèn hết điện (!), như ánh sáng rọi tới thì bóng tối lập tức tiêu tan!

Vấn đề của chúng ta là làm sao cho thường quay đầu 60 giây trong một phút, 60 phút trong một giờ và 365 ngày trong một năm.

Khi chúng ta quy y, Giới Sư có dạy rằng: “*Quy y Phật khỏi đọa địa ngục*”.

Có phải rằng hễ cứ tới giới đàn quy y xong là được bảo đảm khỏi đọa địa ngục chăng?

Thưa: Không phải vậy! Phật là đấng đã chứng được Vô Ngã, đâu có làm cái chuyện suy tôn quyền hành của cái Ngã như thế! Nhưng, chính là bất cứ lúc nào chúng ta quay về nương tựa vào sự tỉnh giác bên trong chúng ta, tức là nương tựa vào Tự Tính Phật Bảo, ngay lúc ấy chúng ta xa lìa trạng thái địa ngục

trong tâm hồn.

Người ta thường nói tới từ ngữ “*Phật Pháp nhiệm mầu*”, một trong những ý của từ ngữ này chính là để chỉ cái kỳ diệu của sự tỉnh thức vậy.

Không nhiệm mầu sao được, khi một người đang bị ngọn lửa của tham dục hay giận tức chi phối có thể gây nên biết bao đại họa cho người khác mà chỉ cần tỉnh giác là tất cả tai họa đều tiêu tan!

Đó là lợi ích nhiệm mầu của sự quay về nương tựa nơi Phật của chính mình trong khi đang sống. Còn đối với người đã khuất thì như thế nào?

Kinh *Địa Tạng* dạy rằng: Tiền thân của đức Địa Tạng là một thánh nữ Bà La Môn. Để cứu mẹ là bà Duyệt Đế Lợi đang bị dọa trong địa ngục vô gián, thánh nữ đã niệm danh hiệu đức *Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương* liên tiếp trong một ngày đêm. Nhờ công đức cúng dường và niệm Phật của thánh nữ, không những bà Duyệt Đế Lợi mà tất cả tội nhân trong địa ngục vô gián đều cùng được giải thoát ngay trong ngày ấy!

Niệm Phật tức là niệm Giác cũng tức là nương tựa vào Phật bảo.

Một khi quay về nương tựa vào Phật thì người sống được xa lìa khổ não rồi được tự tại an vui, người chết thoát khỏi cảnh địa ngục muôn ngàn khổ cực rồi được sinh cảnh giới Trời, Người!

Công đức như thế thực là không thể nghĩ bàn, và quả thực là quá sức mầu nhiệm! ■

thơ Ngô Hưng

tâm an lành

Mắt ráo hoảnh
Nhìn trời xanh
Hết canh cánh
Chuyện tử sanh
Chân vững mạnh
Bước thiền hành
Tâm an lành...

biết dụng

Hạnh phúc và khổ đau
Như đồng tiền hai mặt
Cũng như trước và sau
Liên nhau trong tích tắc
Biết dùng không vướng mắc
Biết dụng là Di Lạc...

khi biết ra sự thật

Một mình trong thiền thất
Thân doan trang nghiêm mật
Quán không bật cười ngất
Biết ra chân pháp Phật
Một mình nơi thiền thất
Biết Bốn Lai Vô Vật
Hỏi đâu được đâu mất...?
Hỏi đâu Ma đâu Phật?
Một mình nơi thiền thất
Ấm trà cùng Ma Cật
Rong chơi cùng Lợi Phất
Khi Biết ra sự thật.

ĐỪNG HAM THẦN THÔNG, DỊ ĐOAN

Hòa thượng Tuyên Hóa

Trên thế giới này có nhiều chuyện kỳ quái, nhiều đến độ không thể nói hết được. Vì sao mà có đủ sự việc kỳ quái như vậy? Bởi vì tâm lý con người *hiếu kỳ*, thích sự kỳ quái.

Con người có lòng *hiếu kỳ* nên thế giới mới có những việc kỳ quái xuất hiện. Những thứ đó một khi xuất hiện thì mê hoặc tâm người, khiến mình không còn làm chủ chính mình nữa. Một khi đã không có chủ, gia đình và quốc gia cũng sẽ rối loạn. Đã loạn, thì những quý quái đó mặc tình hiện thần thông, làm cho con người điên điên đảo đảo, chạy bên đông chạy bên tây, đi tìm chuyện kỳ diệu, thần thông, linh nghiệm. Đó đều là bị cảnh giới làm xoay chuyển rồi vậy.

Tại sao mình bị cảnh giới xoay chuyển? Là bởi vì có *tâm hiếu kỳ*. Tâm hiếu kỳ này vốn là tâm tham. Những chuyện kỳ quái phát sinh trên trần gian này, nếu mình nghiên cứu sâu xa tận gốc rễ của nó, thì cũng do lòng tham này tạo ra. Nếu không có lòng tham thì không cần thiết phải hiện ra những thứ kỳ quái, làm ra vẻ đặc biệt kỳ quái, để cho người ta nhìn mình là linh nghiệm như vậy, tốt đẹp như vậy, khác thường như vậy. Bởi vì con người có *tâm tham* nên bị những thứ kỳ quái đó hấp dẫn, lôi cuốn.

Những điều kỳ quái khác thường đó đều là những việc không chánh đáng, đều thuộc

về *ma nghiệp*. Những việc chánh đáng là *ngiệp của Phật*. Cho nên hiện tại có rất nhiều người mất đi chánh tri chánh kiến, cái biết cái nhìn đúng đắn. Bạn giảng pháp chân chánh thì họ nghe không lọt tai, giảng cách nào họ cũng không chấp nhận; thậm chí lời vào tai bên trái thì chạy ra tai bên phải. Song nếu bạn nói những điều kỳ quái, đặc biệt, thì họ vĩnh viễn nhớ không bao giờ quên; đó chứng minh là con người bị lòng tham tác quái!

Vì sao mà họ không nhớ được điều chân chánh? Bởi vì họ cảm thấy không có gì lợi cho họ cả. Kỳ thật, điều chân chánh mới thật là lợi ích. Những người trên thế gian này đa số nhận cái giả mà không chịu nhận cái chân thật; nhận kẻ cướp làm con của mình. Vì vậy khi mình nói điều ngay thẳng, chân thật, thì họ chẳng muốn nghe; nhưng nói những lời nịnh hót thì họ hết sức vui vẻ. Thật là:

Trung ngôn nghịch nhĩ, lợi u hành,

Lương dược khổ khẩu, lợi ư bệnh.

(Lời trung thật tuy khó nghe nhưng lợi cho việc làm,

Thuốc tốt tuy đắng nhưng trị lành được bệnh).

Đa số người đời đều không muốn tiếp thọ lời trung ngôn, tức là lời nói ngay thẳng; cũng như không muốn uống thứ thuốc tốt nhưng rất

là đáng. Nếu đưa cho họ thuốc đắng thì họ nhăn mặt làm ra vẻ khó chịu, nói rằng: “Ô! Thuốc này khó uống quá!” Nhưng thuốc khó uống như vậy thì bệnh mới lành được!

Thời đại bây giờ người ta là vậy đó: giảng chuyện của Phật, của Bồ Tát, thì không ai muốn nghe cả, nhưng nếu kể chuyện yêu ma quỷ quái thì họ lại thích nghe. Thí dụ như nghe kể chuyện trai gái không giữ quy củ, sống hết sức phóng túng, thì người ta lại thích thú bởi vì chính họ cũng không muốn giữ quy củ. Đó là những ý tưởng hết sức hèn hạ, hết sức tệ hại.

Cho nên, có những người tới Vạn Phật Thành rồi mà không ở lâu được là vì sao? Là

vì họ không có tinh thần hy sinh, không có tư tưởng chân chánh “vì Pháp quên mình”. Người chân chánh “vì Pháp quên mình” thì dù đuổi họ, họ cũng không đi; đánh chửi họ, họ cũng chẳng chạy. Họ cảm thấy rằng đây quả thật là chỗ Chánh Pháp trụ thế, họ muốn tiếp cận với Chánh Pháp!

Chúng ta ở đây đang nghiên cứu Năm Mười Thứ Ấm Ma, đối với thời đại này thì hết sức hữu dụng. Chúng ta muốn hoằng dương Phật Pháp thì phải có tinh thần đại hy sinh, đừng tham lợi ích, tiện nghi gì cả. Hễ có kẻ cúng dường phẩm vật mà mắt mình sáng rực, miệng mình cười toe toét, thì mình thật là chẳng ra gì! □

CAO TĂNG VIÊN TỊCH

ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH TUYÊN HÓA

VIÊN TỊCH NGÀY 7 THÁNG 6 NĂM 1995 TẠI LOS ANGELES.

NGÀI LÀ VỊ CAO TĂNG TRUNG HOA, SÁNG LẬP VẠN PHẬT THÁNH THÀNH
Ở THÀNH PHỐ TALMAGE, CALIFORNIA, HOA KỲ

HOẰNG PHÁP ĐỘ SANH SUỐT HƠN 30 NĂM, CÔNG ĐỨC VÔ CÙNG TO LỚN.

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT THƯƠNG TIẾC, THÀNH TÂM CẦU NGUYỆN
GIÁC LINH HÒA THƯỢNG CAO ĐẲNG PHẬT QUỐC, CHỨNG ĐẮC VÔ SANH PHÁP NHẪN,
TRỞ LẠI TA BÀ PHỔ ĐỘ CHÚNG SINH.

HỘI ĐỒNG ĐẠI DIỆN

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HẢI NGOẠI TẠI HOA KỲ

HÒA THƯỢNG THÍCH ĐỨC NIỆM

PHẬT GIÁO VÀ KHUÔN MẪU TOÀN KỶ TRONG KHOA HỌC HIỆN ĐẠI

Trần-Chung-Ngọc

Quan niệm nhìn vũ trụ một cách toàn kỷ (The holographic view of the Universe) là một quan niệm mới trong khoa học hiện đại, bắt nguồn từ sự khám phá ra kỹ thuật chụp hình toàn kỷ vài thập niên trước đây. Kỹ thuật chụp hình toàn kỷ này đã giúp cho một số khoa học gia giải quyết được một số khúc mắc trong những công cuộc khảo cứu của họ về ký ức của con người cũng như trong ngành vật lý các hạt nhỏ (particle physics). Các khoa học gia này, từ những kết quả khảo cứu mới nhất, đã đưa ra những bằng chứng và đề nghị rằng thế giới của chúng ta ngày nay và mọi thứ trong đó chẳng qua chỉ là những hình ảnh không thực, là những dự phóng của một thực thể vượt ra ngoài thực thể của con người và vượt ra ngoài không gian và thời gian.

Hai khoa học gia được biết đến nhiều nhất trong quan niệm mới này là nhà vật-lý-học David Bohm, rất nổi tiếng trong ngành vật lý nguyên lượng (quantum mechanics), thuộc đại học Luân-Đôn, Anh-quốc, và Karl Pribram, một nhà thần-kinh sinh-lý-học (neuro-physiologist) thuộc đại học Stanford, California. Điều đặc biệt là Bohm và Pribram, tuy khảo cứu về hai ngành

hoàn toàn khác biệt, cũng phải dựa vào quan niệm toàn kỷ để giải thích những kết quả khảo cứu của mình. Bohm khảo sát về sự tương tác của các hạt nhỏ trong ngành vật lý tiềm nguyên tử (subatomic physics), và Pribram khảo sát về ký ức của con người trong ngành thần-kinh sinh-lý-học. Không đi vào chi tiết, hai khoa học gia trên đều nhận thấy rằng các lý thuyết cũ trong khoa học không đủ để giải thích mọi vấn đề trong các ngành khảo cứu của họ, và khuôn mẫu toàn kỷ (holographic paradigm) đã giúp họ giải thích một cách hợp lý các kết quả khoa học của họ.

Nghiên cứu kỹ vấn đề, chúng ta có thể nói ngay rằng khuôn mẫu toàn kỷ chẳng qua chỉ là sự thuyết giải khoa học của một phần nhỏ những quan niệm đặc thù trong Phật-giáo đã có từ nhiều thế kỷ trước như tương duyên, tương tức, tương nhập, tương liên, một là tất cả v.v... Nhưng trước hết, chúng ta hãy tìm hiểu đại cương thế nào là khuôn mẫu toàn kỷ.

Toàn kỷ (holography) là một kỹ thuật tạo hình ảnh bằng một loại ánh sáng đặc biệt thường được biết tới tên quen thuộc là ánh sáng LASER và hiện tượng giao thoa (interference) quen

thuộc của các sóng. LASER là những chữ đầu của "Light Amplification by Stimulated Emission of Radiation", có nghĩa là "ánh sáng khuếch đại do phát xạ kích thích của bức xạ", hay gọn hơn : "ánh sáng khuếch đại do bức xạ kích thích".

Một phim ảnh toàn ký được tạo ra khi một tia sáng LASER đơn sắc được tách ra làm hai tia riêng biệt. Tia thứ nhất được chiếu trên vật muốn chụp hình, thí dụ một bức tượng Phật, dội lại và hợp với tia thứ hai tạo thành một mô thức giao thoa và được ghi trên một tấm phim ảnh.

Dùng mắt thường mà nhìn thì hình giao thoa trên tấm phim không có gì là giống bức tượng Phật cả, mà chỉ là một số mô hình gồm những vòng đồng tâm tương tự như những vòng sóng lăn tăn trên mặt nước khi ta ném một nắm sỏi xuống nước. Nhưng khi ta chiếu qua tấm phim này bằng một tia LASER khác, hoặc đôi khi chỉ cần một ngọn đèn thật sáng, một cái hình nổi của bức tượng Phật sẽ hiện ra. Hình này trông y như thật, ta có thể đi vòng xung quanh hình tượng Phật này và thấy đó là một bức tượng thật, bất kể nhìn dưới góc cạnh nào. Nhưng nếu ta muốn nắm bắt hình tượng Phật này thì ta sẽ không thành công bởi vì khi ta đưa tay vào chỗ hình tượng Phật này thì sẽ không thấy gì, vì thật ra đó chỉ là một ảo ảnh. Ngày xưa Phật đã chẳng nói, Phật thì vô hình vô tướng, làm sao mà nắm bắt được, và Tâm-Kinh đã chẳng dạy là "Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc

chính là không, không chính là sắc" hay sao ?

Nhưng điểm kỳ diệu của kỹ thuật toàn ký là, nếu ta cắt tấm phim ảnh ra làm hai, rồi chiếu lên mỗi nửa tấm phim này bằng một tia LASER, ta sẽ thấy mỗi nửa tấm phim sẽ lại tạo ra hình ảnh của toàn phần tượng Phật. Cứ tiếp tục chia cắt như vậy, mỗi mảnh nhỏ của tấm phim vẫn tạo ra nguyên hình của toàn thể bức tượng tuy càng ngày càng mờ nếu mảnh phim càng ngày càng nhỏ hơn. Nói tóm lại, kỹ thuật toàn ký đã khám phá lại một phần của một quan niệm rất quen thuộc trong Phật-giáo : một là tất cả. Để cho sự so sánh được rõ ràng hơn, có lẽ chúng ta nên đi thêm vào vài chi tiết trong công cuộc khảo cứu của Pribam và Bohm.

Pribam khám phá ra rằng, ký ức của con người được phân bố đều trong bộ óc và mỗi phần của bộ óc chứa trọn vẹn những thông tin mà bộ óc ghi nhận. Nếu ta cắt bỏ một phần các vùng ký ức, có khi là một phần khá lớn, ở trong óc một người thì ký ức của người đó không bao giờ mất đi một phần, và nếu người đó nhớ một cái gì đó thì bao giờ cũng nhớ trọn vẹn chứ không bao giờ chỉ nhớ một phần, thí dụ như chỉ nhớ 1 phần những người trong gia đình, hay một phần của một khuôn mặt quen thuộc, hay một phần của một câu chuyện mà người đó đã được kể cho nghe.

Khảo sát về sự tương tác giữa các hạt nhỏ trong ngành vật lý tiềm nguyên tử, Bohm đưa ra nhận định như

sau : *Thuyết tương đối, quan trọng hơn nữa, cơ học nguyên lượng (quantum mechanics) đề nghị rằng, người ta không thể phân tích thế giới thành những phần riêng biệt và độc lập. Hơn nữa, mỗi phần có vẻ như bằng cách nào đó liên hệ tới mọi phần khác : chứa đựng lẫn nhau hoặc bao hàm nhau.*

Chúng ta thấy rằng kỹ thuật toàn ký đã tạo ra một căn bản giải thích những kết quả khảo cứu của Pribam và Bohm. Và Pribam đã đặt một câu hỏi : Nếu các hình ảnh của thực tại ghi trong óc của chúng ta không phải là một hình ảnh như chúng ta thường thấy mà là một toàn ký đồ (hologram), vậy thì toàn ký đồ là cái gì ?

Vấn đề khúc mắc là ở chỗ nếu ta chụp hình toàn ký một cảnh, thí dụ một đám người ngồi quanh một cái bàn, và khi rửa phim ra ta thấy không phải là một đám người mà lại là những hình giao thoa, vậy thì thực tại là cái gì ? Là những hình ảnh thông thường chúng ta thấy ở ngoài đời ghi nhận bởi quan sát viên / nhiếp ảnh viên hay là những hình mờ ảo giao thoa ghi bởi máy chụp hình / óc con người ? Pribam ý thức được rằng cái mẫu về "óc toàn ký" với những cái kết luận hợp lý của nó đã dẫn đến một vấn nạn về thế giới của thực tại khách quan ; thế giới của sông, núi, cây cỏ có thể là không hiện hữu, ít ra là không hiện hữu như chúng ta thường tưởng là hiện hữu. Phải chăng quan niệm về ảo tưởng (maya) của những huyền nhiệm gia cách đây nhiều thế kỷ là đúng, và

những cảnh xum la vạn tượng chẳng qua chỉ là vùng rộng lớn các tần số (vast frequency domain) biến đổi thành những sự vật SAU KHI nhập vào các giác quan của con người. Nhưng lãnh vực khảo cứu của Pribam chỉ về ký ức con người, và khi biết được những kết quả khảo cứu của Bohm, không những Pribam tìm ra được giải đáp cho những thắc mắc trên mà còn biết được rằng, theo Bohm, toàn thể vũ trụ chỉ là một toàn ký đồ (hologram).

Nói một cách vắn tắt thì quan niệm về vũ trụ của Bohm như sau : thực tại mà chúng ta thấy hàng ngày thực ra chỉ là một loại ảo tưởng, giống như một hình ảnh toàn ký. Đằng sau cái thực tại này là một sự xếp đặt sâu sắc hơn của sự hiện hữu mà ta có thể coi như là bản chất rộng lớn của một thực tại từ đó sinh ra mọi sự vật tạo thành thế giới vật chất của chúng ta, giống như một mảnh phim toàn ký tạo ra một toàn-ký-đồ. Bohm gọi cái thực tại sâu sắc này là cấp ẩn (implicate order) hay sự xếp đặt ẩn và những thứ chúng ta thấy thường ngày thuộc cấp hiện (explicate order) hay sự xếp đặt hiện của mọi vật. Nói một cách tóm tắt dễ hiểu thì mọi vật đều sinh ra từ một căn bản chung, và căn bản chung này khi nhập vào giác quan của con người thì sinh ra mọi sai biệt mà chúng ta thường thấy ở ngoài đời.

Nhưng có ai ngờ rằng, những quan niệm về vũ trụ dựa trên khuôn mẫu toàn ký trên đã là những quan niệm đặc thù của Phật-Giáo từ bao thế kỷ trước đây. Thật vậy, quan niệm về

Chân-Không-Diệu-Hữu, hay quan niệm về Chân-Đế và Tục-Đế của Bồ-Tát Long-Thọ trong Đại-Trí-Độ-Luận, và quan niệm về Tâm-Chân-Như và Tâm-Sai-Biệt của Bồ-Tát Mã-Minh trong Đại-Thừa Khởi-Tín-Luận không khác gì quan niệm toàn ký của Bohm ở trên, nếu không muốn nói là còn sâu sắc hơn và đầy đủ hơn. Và, nếu chúng ta quen thuộc với kinh điển Phật-giáo, nhất là Kinh Hoa-Nghiêm, thì chúng ta sẽ thấy rằng khuôn mẫu toàn ký và những quan niệm của Pribam và Bohm thực sự đã chậm mất 25 thế kỷ. Để làm sáng tỏ vấn đề này, chúng ta hãy đọc phớt qua chút ít về Kinh Hoa-Nghiêm.

Trước hết, chúng ta hãy đọc vài lời tựa của Hòa-Thượng Thích-Đức-Niệm ở đầu mỗi cuốn trong bộ Kinh Hoa-Nghiêm do Thích-Trí-Tịnh dịch :

Kinh Hoa-Nghiêm là bộ Kinh Đại-Thừa, là vua trong các Kinh, với nội dung siêu việt tuyệt luân hùng vĩ, tráng lệ nguy nga, thể hiện Pháp-thân, tư tưởng và tâm nguyện của Phật.

...Tư tưởng Hoa-Nghiêm trình bày vạn pháp do tâm sanh. Tâm là thực thể của vạn pháp. Tâm vọng thì vạn pháp hoạt hiện sai biệt, hình hình sắc sắc, trùng trùng duyên khởi, cái này có cái kia có và ngược lại, như lưới đế châu. Tâm chơn thì pháp giới tánh với tâm là một, vạn vật đồng nhất thể ... Kinh Hoa-Nghiêm, đức Phật chỉ cho chúng sanh thấu rõ cội nguồn của xum la vạn tượng do mê thức vọng tưởng nghiệp duyên hình thành, các pháp hiện hành trong vũ trụ là huyền hóa,

như hoa trong gương, như trăng dưới nước. Tất cả vạn pháp trong pháp giới đều từ tâm sanh. Tâm trùm khắp cả pháp giới. Tất cả vạn hữu vũ trụ có thể nằm gọn trong hạt cải. Hạt cải có thể thấu nhiếp tất cả vũ trụ vạn pháp. Thể tánh của tâm nhiếp thấu tất cả. Tất cả là một, một là tất cả.

Vài lời trên đã tóm tắt những tinh túy của Kinh Hoa-Nghiêm. Thật vậy, chúng ta hãy đọc đoạn sau đây trong phẩm Nhập-Pháp-Giới, lời của nữ nhân Thích-Ca Cù-Ba giảng một pháp môn giải thoát cho Thiện-Tài đồng-tử :

Này Thiện-nam-tử !.. Ta quán thân của Bồ-Tát, nơi mỗi lỗ chân lông, mỗi niệm thấy vô lượng vô biên thế giới rộng lớn, những sự an trụ, trang nghiêm, hình trạng, những núi, đất, mây, danh hiệu, Phật xuất thế, những đạo tràng, chúng hội, diễn thuyết những kệ kinh, những sự quán đảnh, các thừa, những phương tiện, những thanh tịnh.

Lại mỗi niệm nơi mỗi lỗ chân lông của Bồ-Tát thường thấy vô biên Phật hải, những sự ngời đạo tràng, những thần biến, thuyết pháp, thuyết kinh hàng không gián đoạn.

Lại nơi mỗi lỗ chân lông của Bồ-Tát thấy vô biên chúng sanh hải : những trụ xứ, hình mạo, tác nghiệp, căn tánh....

Với lời tựa của Hòa-Thượng Thích-Đức-Niệm và lời trích dẫn trong Kinh Hoa-Nghiêm chúng ta thấy rằng quan niệm toàn ký của các khoa học gia đã dựa vào các tư tưởng của Phật-giáo rất nhiều. Nhưng xét cho kỹ thì quan niệm

toàn kỷ trong khoa học chỉ có tác dụng giải thích một số khúc mắc trong khoa học một cách đại cương trong khi quan niệm về tương thông, tương tức, hay dung thông vô ngại bao trùm mọi pháp giới. Nếu chúng ta đọc đoạn cuối của Kinh Hoa-Nghiêm, khi Thiện-Tài đồng-tử vào trong lâu các Tỳ-Lô-Giá-Na và rồi sau đó gặp Phổ-Hiền Bồ-Tát thì chúng ta sẽ thấy quan niệm về một vi trần chứa đủ thiên sai vạn biệt trong vũ trụ đã được trình bày với đầy đủ chi tiết và kèm vào đó những công hạnh của Bồ-Tát. Và đây chính là điểm vi diệu của kinh Phật vì ngoài việc dùng để giải thích những sự việc ngoài đời như khoa học, điểm chính yếu là cái dụng của kinh Phật như sẽ được tóm tắt sau đây.

Chúng ta biết rằng kinh căn bản trong Hoa-Nghiêm-Tông là Kinh Hoa-Nghiêm. Kinh Hoa-Nghiêm bao gồm toàn bộ giáo lý Phật-giáo một cách hòa hợp, đa dạng ; đó là một kinh được coi là cao nhất trong mọi kinh Phật ở Á-Châu. Kinh trình bày một môn siêu hình học vô cùng tiến bộ và là một tập hợp phát triển tư tưởng một cách kỹ lưỡng, tinh tế để dẫn con người tới toàn giác.

Nhưng muốn nhận định đúng giá trị của Kinh Hoa-Nghiêm chúng ta phải xét đến cái mặt dụng của Kinh này. Vì chúng ta đã biết, trong Phật-giáo, Kinh Phật thật là vô ích nếu chúng ta chỉ để ý tới phần lý thuyết mà không áp dụng chúng vào đời sống thường ngày. Các thiên sư thường ví những người tìm hiểu kinh mà không thực hành như là

những người “đọc thực đơn mà không ăn” hay là “đếm tiền của thiên hạ trong ngân hàng”.

Nói 1 cách ngắn gọn, Kinh Hoa-Nghiêm cho chúng ta một tập hợp những phương thức tu tập - một lối nhìn sự vật trên mọi góc cạnh, từ đó khám phá ra sự hòa hợp và bổ túc lẫn nhau tiềm ẩn sau những khác biệt và mâu thuẫn biểu kiến của mọi sự vật ở trên đời. Giá trị của sự tu tập này là sự phát triển một quan điểm tròn đầy, lành mạnh, giúp ta khám phá ra sự thống nhất của mọi Pháp nhưng không phủ nhận sự khác biệt của các Pháp. Từ quan điểm này, con người vượt qua được những ngăn ngại tâm linh do sự chấp vào các sai biệt của vạn vật mà sinh ra. Từ đó, với sự phát triển bồ-đề-tâm, cái quan điểm viên dung này vạn hành bất tuyệt trên các hành xử của các Bồ-Tát trong công cuộc tự-giác, giác-tha. Một khi hội nhập được vào ý tưởng dung thông vô ngại của Kinh Hoa-Nghiêm, với căn bản là bồ-đề-tâm, hành giả sẽ không còn bị ngăn ngại bởi bất cứ cái gì về cách hành xử trong Bồ-tát-đạo.

Bài trên đây chỉ có mục đích chứng tỏ rằng các tư tưởng trong Phật-giáo đã đi trước và sâu sắc hơn các quan niệm của khoa học hiện đại nhiều, hiển nhiên tôi không thể đi vào chi tiết của khoa học cũng như kinh điển Phật-giáo trong 1 bài báo. Bạn đọc nào muốn hiểu thêm về bồ-đề-tâm hay những quan niệm như tương-duyên, tương-tức, dung-thông vô-ngại trong Phật-giáo xin hãy chăm đi lễ

Chùa và thụ huấn quý Thầy. Tôi bảo đảm là các bạn sẽ không cảm thấy lãng phí thì giờ trong việc tìm hiểu kinh Phật vì kinh Phật là một kho tàng vô giá và vô tận để phát triển trí tuệ con người.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Thích-Thiện-Hoa, Luận Đại-Thừa Khởi-Tín, Phật-Học Phổ-Thông Khóa Thứ X, XI, Phật-Học-Viện Quốc-Tế xuất-bản, 1981.
- Vân Nguyên, Luận Đại-Trí-Độ, Viện Triết-Lý Việt-Nam và Triết-Học Thế-Giới xuất-bản, 1992.
- Thích-Trí-Tịnh, Kinh Hoa-Nghiêm, Phật-Học-Viện Quốc-Tế xuất-bản, Phật Lịch 2532 (1988).
- Fritjof Capra, Uncommon Wisdom, Bantam Books, New York 1988.
- Thomas Cleary, Entry Into the Inconceivable, University of Hawaii Press. 1983.
- Jeremy W. Hayward, Shifting Worlds Changing Minds, Where The Sciences and Buddhism Meet, Shambala, Boston & London, 1987.
- Michael Talbot, The Holographic Universe, Harper Collins Publishers, New York, 1991.
- Ken Wilber, The Holographic Paradigm, New Science Library, Shambala, Boulder & London, 1982.



thơ Nguyễn Đình Hải

Sống

Sống là chết lần hồi từng giây phút
Mỗi ngày qua là bước đến diệt vong
Ta chết dần dần từ phút lọt lòng,
Luật thay đổi vô thường, ai tránh được?
Ta phút nầy đâu còn ta phút trước!
Cùng giòng sông ai tắm được hai lần?
Có sanh có diệt, có hợp có tan
Sống là sửa soạn cho ngày sẽ chết.

Nhưng chết đâu nghĩa là mất hết!
Ta đâu thai kiếp khác lại trần gian,
Nghiệp tốt xấu tùy thiện ác hành trang,
Nhân quả, luân hồi, luật chung tạo hóa.
Ai muốn sau khỏi luân hồi siêu thoát,
Đạo Từ bi, vô ngã hãy tu thân,
Quyết trừ tham diệt dục, sạch lòng sân,
Tránh dữ, làm lành, minh tâm tịnh tấn!

(trích thi phẩm Tiếng Lòng)

thơ Duy Nghiệp

An nhiên

Thôi em giờ đã chiều rồi
Chuông chùa đã điểm kiếp người đa đoan
Thôi giờ thân đã vỡ vàng
Tâm kinh đã mở chiến trường đã im.
Thôi giờ vạn vật trong đêm,
Muôn loài tỉnh thức vào miền chân không.
Thôi giờ thế sự đã xong
Ta vào thiền tọa chuyển vòng nhân sinh.

(trích thi phẩm Sen Nữ Trong Tôi)

PHẬT GIÁO TẠI HOA KỲ

Hoàng Hà Thanh

1. Trong 20 thế kỷ, Tây Phương chìm đắm trong một nền văn minh mà người ta thường quen gọi là Christian civilization, nền văn minh Kitô Giáo. Người Tây Phương không biết tại Đông Phương, trên 25 thế kỷ, đã có một hệ thống tư tưởng siêu đẳng Phật Giáo. Với bản chất chủ quan cố hữu và không chịu mở rộng khối óc để nhìn về Đông Phương, người Tây Phương luôn nghĩ rằng ngoài văn minh Kitô Giáo ra, trên thế gian này chẳng có một hệ thống tư tưởng nào khác đáng quan tâm. Văn minh Tây Phương quan niệm trái đất đứng yên một chỗ, mặt trời quay quanh trái đất, và trên trái đất có một trung tâm đó là tòa thánh Vatican. Chủ quan tính này chẳng có gì mới lạ. Trước công nguyên nhiều thế kỷ, người Trung Hoa gọi nước họ là Trung Quốc, đặt tại trung tâm của vũ trụ. Từ nhận định sai lạc của Tây Phương này, phát sinh ra những danh từ như Viễn Đông (Far East), Cận Đông (Near East). “Xa” và “gần” cái gì? Phải chăng “xa” hay “gần” La Mã? Một tư tưởng thiển cận tương tự như ta thấy trong lịch sử Trung Hoa với những danh từ “Ngoại Mông”, “Nội Mông”. Phật Giáo đã có mặt trên 25 thế kỷ, nhưng mãi cho tới đầu thế kỷ 19, Tây Phương mới phá vỡ mây u minh để bước vào kho tàng tư tưởng Phật Giáo. Ta hãy nghe vài học giả Tây Phương phát biểu:

* *Phật Giáo là một tôn giáo sống động—*

*không những chỉ là một tôn giáo sống động mà còn là một tôn giáo cho thấy dấu hiệu của sự sinh động và xung lực. Sự quan tâm về tư tưởng Phật Giáo của Tây Phương không những về mặt khoa học mà còn về mặt tâm linh nữa. Người ta có cảm tưởng như Phật Giáo muốn nói lên cái gì trong thời đại rối ren này khi những giá trị luân lý và tôn giáo sụp đổ. (Phần mở đầu của Giuseppe Tucci, giáo sư về tôn giáo và triết học Ấn Độ tại đại học La Mã, cho cuốn *The Buddha and Five Centuries After* của giáo sư Dutt).*

* *Đọc Phật Giáo để thấy rằng, 2500 năm trước đây, Phật Giáo đã nhìn thấy những vấn đề tâm lý và đã có câu trả lời. Bây giờ chúng ta đang khám phá ra cái túi khôn lâu đời của Đông Phương (John Waters trích dẫn lời tiến sĩ Graham Howe trong cuốn *Mind Unshaken*).*

* *Là một môn sinh của khoa tôn giáo đối chiếu, tôi nghĩ rằng Phật Giáo là một tôn giáo hoàn hảo nhất mà thế giới chưa bao giờ có. Triết lý của Đấng Thích Ca, thuyết chuyển hóa (hay chuyển sinh) và định luật nghiệp chướng vượt lên trên tất cả những tín ngưỡng khác (John Waters trích dẫn lời của triết gia Carl G. Jung trong cuốn *Mind Unshaken*).*

2. Vào thế kỷ II, Kublai Khan đưa Phật Giáo vào những nước thuộc vùng Baltic (Latvia, Estonia, Lithuania). Năm 1223, Thành Cát Tư Hãn phổ biến Phật Giáo tại Nga. Năm

1923, một tu viện Phật Giáo đầu tiên ở Tây Phương được thành lập ở Nova Dereyava (vùng phụ cận St. Petesburg). Vào năm 1925—8 năm sau cuộc cách mạng Bolsheviks—một đại học Phật Giáo đầu tiên ở Âu Châu được mở cửa tại Mạc Tư Khoa. Năm 1817, cuốn sách về Phật Giáo *Recherches sur Buddhou* của Michel Jean Francois Ozeray xuất hiện tại Ba Lê. Năm 1819, triết gia người Đức Arthur Schopenhauer (1788-1860) mở cánh cửa Phật Giáo cho các tư tưởng gia Tây Phương qua đại tác phẩm triết học *The World As Will and Representation* (tu bổ và tái bản năm 1844). Năm 1857, C. P. Koppen giới thiệu Phật Giáo qua tác phẩm *Religion of the Buddha*. Tiểu sử của Đức Phật Thích Ca được đăng tải lần đầu tại Tây Phương trên tạp chí *Asiatic Journal* năm 1825. Alexander Csoma de Koros (1784-1842), một người Hung Gia Lợi, viết cuốn *Kanjur*—tiểu luận nghiên cứu kinh điển Tây Tạng—đăng trên tạp chí *Asiatic Recherches*. Bài này được dịch sang tiếng Pháp và đăng tải trên tờ *Annales du Musée Guinet*. Eugene Burnouf, một học giả người Pháp, viết *Essai sur le Pali*, một tác phẩm nghiên cứu cặn kẽ đầu tiên cho người Tây Phương, xuất hiện năm 1826. Sir Edwin Arnold, một học giả Anh Quốc, cho xuất bản tập thơ *The Light of Asia* (Ánh Sáng Á Châu) năm 1879. Tập thơ này bán trên 1 triệu cuốn tại Anh và Mỹ, bỏ xa bất cứ một cuốn sách nào viết về Phật Giáo. Sau khi tập thơ này xuất hiện trong các tiệm sách, các học giả thi nhau hưởng về Đông Phương, mở đầu cho một phong trào nghiên cứu Phật Giáo rầm rộ.

Trong loạt bài này, người viết sẽ giới thiệu với độc giả những học giả (Anh, Pháp, Đức,

Ý, Hung Gia Lợi, Nga, Thụy Điển, Đan Mạch, Hoa Kỳ, Tây Tạng, Việt Nam, v.v...) đã đóng góp lớn lao vào việc phát triển Phật Giáo tại Tây Phương. Vì phạm vi trang báo của tạp chí này, người viết không thể nào giới thiệu tất cả những khuôn mặt lớn trên một số báo. Độc giả sẽ lần lượt đọc nhiều bài cùng loại trong những số báo kế tiếp. Khởi đầu xin giới thiệu vài học giả Hoa Kỳ và sự phát triển Phật Giáo tại Bắc Mỹ.

Để mở đầu, người viết xin trích dẫn lời phát biểu của giáo sư Charles Rockwell Lanman, đồng sáng lập viên và chủ biên *Harvard Oriental Series* và tác giả của trên 40 bài viết về Phật Giáo: “*Điểm thực tiễn nhất của lời dạy từ Đức Phật Thích Ca là triết lý về Thiện Nghiệp. Thiện Nghiệp, hơn bất cứ điều gì khác, là cái mà thế giới bây giờ đang cần tới*” (trích *Harvard Oriental Series Descriptive List*, 1935).

3. Trong khi Tân Thế Giới (New World) cố chống lại sự nghiên cứu bất cứ tôn giáo nào ngoài Kitô Giáo, giáo sư Paul Carus, chủ biên tạp chí *Open Court* (được thành lập bởi nhạc phụ của ông Edward C. Hegeler, một kỹ nghệ gia sản xuất kim loại chì tại Chicago), viết những bài bình luận về tôn giáo dựa vào nền tảng luân lý và khoa học, cổ võ việc phát triển Đạo Phật tại Tân Thế Giới. Năm 1884, giáo sư Paul Carus cho xuất bản cuốn *The Gospel of Buddha*, bán trên 1 triệu cuốn tại Anh và Mỹ. Cuốn sách này được dịch ra nhiều ngôn ngữ và sau này là một trong những sách giáo khoa dùng tại Tích Lan. Sau đó, học giả Tây Phương thi nhau nghiên cứu Phật Giáo. Một phong trào nghiên cứu tư tưởng mới mở màn. Trước sự thành công của tạp chí *Open Court*, ông đã biến tạp chí này

thành một nhà xuất bản sách báo về Phật Giáo do cô con gái của ông làm giám đốc. Khi phát động phong trào nghiên cứu Phật Giáo, ông gặp nhiều chỉ trích từ phía những tư tưởng gia bảo thủ và những nhà tôn giáo của văn minh Kitô Giáo, nhưng ông đã phản công mãnh liệt qua tác phẩm *Buddhism and its Christian Critics* xuất bản năm 1887. Cho tới 98 năm sau, chưa có một học giả người Mỹ nào qua mặt ông về phương diện bảo vệ giáo lý Đức Phật tại Tân Thế Giới này.

PHẬT GIÁO VÀ ĐẠI HỌC HARVARD

Harvard Oriental Series: vô tư mà công nhận, đại học Harvard đứng hàng đầu trong việc phát triển Đạo Phật tại Hoa Kỳ qua bộ sưu khảo *Harvard Oriental Series*, do Henry Clarke Warren đồng sáng lập với người bạn của ông là giáo sư Charles Rockwell Lanman. Giáo sư Lanman dạy Sanskrit tại đại học Harvard trở thành chủ biên. Đã có gần 100 cuốn sách xuất bản qua bộ biên khảo này. Năm 1891, cuốn sách đầu tiên là *Jatakamala* của Ngài Bồ Đề Aryasura (viết bằng tiếng Sanskrit vào thế kỷ thứ 3 sau công nguyên), nói về tiền thân của Đức Phật. Giáo sư Henry Clarke Warren viết *Buddhism in Translations* (cuốn thứ 3 trong bộ biên khảo). Kế tiếp là bản dịch Kinh Pháp Cú (Dharmapada hay Dhammapada) của Eugene Watson Burlingham, giáo sư đại học Yale, trong số gần 100 kinh sách nhà Phật được dịch hoặc từ Pali hay Sanskrit sang Anh ngữ. Giáo sư Edgerton của đại học Yale đóng góp lớn lao rất nhiều qua *Hybrid Sanskrit Dictionary, Reader and Grammar* xuất bản năm 1953.

PHẬT GIÁO VÀ ĐẠI HỌC STANDFORD

Giáo sư W.Y. Evans-Wentz, chuyên biệt về Phật Giáo Tây Tạng, có công đức lớn lao với việc truyền bá Phật Giáo sang Tây Phương. Khi giáo sư chết lúc 88 tuổi, ông để lại di chúc cúng cho đại học Stanford một số tiền rất lớn để thành lập khoa nghiên cứu triết học, tôn giáo và đạo đức.

NGƯỜI HOA KỲ TẠI TÍCH LAN

Cựu đại tá Henry Steele Olcott, là người Hoa Kỳ đầu tiên sang Tích Lan năm 1880 để nghiên cứu Phật Giáo. Đại tá Olcott thu thập những bài báo viết về cuộc tranh luận sôi nổi giữa Ngài Migettuwatte Gunananda Thera, một vị tăng Tiểu Thừa, và linh mục David de Silva, đăng trên tờ *The Times of Ceylon*. Linh mục David de Silva đả phá kịch liệt Phật Giáo để dọn đường cho việc phát triển Kitô Giáo tại khu vực này. Nhân biến cố này, Đại tá Olcott đã phát động phong trào chấn hưng Phật Giáo tại Tích Lan. Bà Musaeus Higgins, góa phụ của một thiếu tá Hoa Kỳ và giáo sư tại New York, theo lời khuyến khích của đại tá Olcott (nguyên là cấp chỉ huy của thiếu tá Higgins), bán hết tài sản tại Hoa Kỳ, tới Tích Lan năm 1891, thành lập một trường nữ trung học Phật Giáo đầu tiên tại quốc gia này. Khởi sự từ một căn nhà nghèo nàn, tường đắp bằng đất bùn ở ngoại ô Colombo, sau đó mở rộng và dọn về một địa điểm trong trung tâm thành phố. Nay trường Masaeus Girl's School là một trong những trường nữ danh tiếng nhất ở Colombo. Bà Higgins ở Tích Lan được 37 năm và bà chết tại đây.

PHẬT GIÁO TẠI PHILADELPHIA

Năm 1943, một nhóm học giả nghiên cứu Phật Giáo tại Philadelphia cho xuất bản tạp chí *The Golden Lotus*. Tạp chí này phát hành tại Hoa Kỳ và những nước tại Đông Phương. Sau 24 năm hoạt động, tờ *The Golden Lotus* ngừng xuất bản năm 1967.

PHẬT GIÁO VÀ ĐẠI HỌC VANDERBILT

Giáo sư Winston L. King của đại học Vanderbilt, một thần học gia Kitô Giáo nhưng thiên về Đạo Phật, viết 3 tác phẩm *Buddhism and Christianity* (Westminster xuất bản), *In The Hope of Nibbana* (Open Court Publishing Company xuất bản) và *A Thousand Lives Away* (Harvard University Press xuất bản). Giáo sư King và phu nhân thực hành thiền Miến Điện. Ông đã phát biểu: “*Thiền là một khảo hướng khoa học để tìm thấy chân lý trong tôn giáo*”.

PHẬT GIÁO VÀ ĐẠI HỌC COLGATE

Linh mục Boris Ervitt phát động việc nghiên cứu Phật Giáo tại đại học Colgate (tại Hamilton, New York), được sự hỗ trợ nồng nhiệt của giáo sư Kenneth Morgan, khoa trưởng khoa tôn giáo của đại học này.

HỘI NGHIÊN CỨU PHẬT GIÁO TẠI 5 TIỂU BANG

Giáo sư Robert Clifton, con một mục sư Kitô Giáo, phát động việc phát triển Đạo Phật tại nhiều nơi sau khi đọc tập thơ *The Light of Asia* của Sir Edwin Arnold. Ông đã

vào tu viện Phật Giáo tại Penang. Sau đó ông cho thành lập Dòng Tu Phật Giáo và kết hợp những tôn phái tại Hoa Kỳ, Châu Mỹ La Tinh và Âu Châu. Ông có công trong việc tổng hợp hóa các tôn phái. Nỗ lực của ông rất lớn lao trong việc thành lập những hội nghiên cứu Phật Giáo tại San Francisco, Los Angeles, Philadelphia, Cleveland, Chicago, New York.

PHẬT GIÁO VÀ ĐẠI HỌC WISCONSIN VÀ WASHINGTON

Trước phong trào nghiên cứu Phật Giáo phát động trong giới học giả tại các trường đại học lớn ở Hoa Kỳ, một phân khoa Phật Giáo được thành lập tại đại học Washington. Giáo sư Edward Conze được mời làm khoa trưởng phân khoa Phật Giáo và trường cấp bằng tiến sĩ Phật Học. Tại đại học Toronto, Canada, một phân khoa Phật Học cũng được thành lập và khoa trưởng là giáo sư H. Saddhatissa, chủ trì London Buddhist Vihara.

Người viết chỉ nêu ra một vài trường hợp tiêu biểu về sự phát triển Phật Giáo tại Hoa Kỳ. Tại Miền Đông Hoa Kỳ, đại học SUNY (State University of New York) có một ban tu thư rất lớn về việc xuất bản những sách về Phật Giáo. Tại Miền Tây Hoa Kỳ, đại học UC Berkeley (University of California at Berkeley) đứng hàng đầu về việc nghiên cứu và xuất bản những tài liệu nghiên cứu Phật Giáo. Tại đại học Hawaii, thư viện chứa gần 7,000 cuốn sách về Phật Giáo. Những sách về Phật Giáo được xếp thành trên 150 loại khác nhau. Riêng tại thư viện Central Library of Los Angeles, cách nơi tôi ở chỉ có 10 phút đi bộ, chứa trên 2,000 cuốn sách về Phật

Giáo, viết bằng tiếng Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Nga, Tây Tạng, Phạn, v.v...

4. TIỂU SỬ MỘT VÀI HỌC GIẢ HOA KỲ

HENRY CLARKE WARREN (1854-1899)

Người viết phải nói ngay, giáo sư Henry Clarke Warren là một học giả Hoa Kỳ đầu tiên uyên bác kinh điển Phật Giáo. Ông là đồng sáng lập viên ra bộ sưu khảo *Harvard Oriental Series*. Ông còn đóng góp tài chánh để xuất bản bộ này. Ông sinh tại Boston, tiểu bang Massachusetts, ngày 13 tháng 11, 1854 và chết cũng tại Cambridge, tiểu bang Massachusetts, ngày 3 tháng 1, 1899. Hồi còn nhỏ, ông bị tàn tật sau lần ngã từ một cái ghế. Ông uyên thâm triết lý Plato, Kant, và khoa học thiên nhiên. Ông nghiên cứu Phật Giáo theo phương pháp khoa học. Năm 1884, ông sang Anh Quốc để tìm học thêm về Phật Giáo, đã gặp những học giả về Pali và giáo sư Rhys Davids. Ông là hội viên đầu tiên của hội Pali Text Society của Luân Đôn. Không những thế, ông còn là người cúng tài sản nhiều nhất cho hội nghiên cứu này. Suốt cuộc đời, ông phải tranh đấu mãnh liệt với sự tàn phế. Đôi nạng gỗ và hai tay là những chống đỡ cho cơ thể bị tê liệt từ hồi nhỏ. Nhưng ông đã sống một cuộc sống trí thức vô cùng mãnh liệt. Chính những đau đớn về thân xác đó là một động lực đưa ông gần với Đức Phật. Vào vài tuần lễ trước khi chết, ông từ chối sự săn sóc của người y tá. Ông cho cái chết sắp đến của ông chỉ là một sự chuyển sinh cao quý. Vào nửa đêm ngày mồng 2 rạng ngày mồng 3 tháng 1, 1899, ông ra đi một cách nhẹ nhàng và thánh thiện. Gia đình thấy xác ông tựa vào một góc phòng khi ông tịch, một tiêu biểu cho

Con Đường Giải Thoát được mô tả bởi Ngài Buddhaghosa. Công nghiệp thành lập và đóng góp tài chánh cho bộ sưu khảo *Harvard Oriental Series* đã đưa biết bao trí thức Hoa Kỳ vào thế giới tư tưởng của Đức Phật Thích Ca trong gần 100 năm nay tại Hoa Kỳ và thế giới.

PAUL CARUS (1852-1919)

Ông sinh ngày 18 tháng 7 năm 1852 tại Đức, nhưng nhập tịch Hoa Kỳ. Ông xuất thân trong một gia đình trâm anh thế phiệt, nổi tiếng về học vấn. Thân phụ ông là người đầu đàn của Giáo Hội Đạo Thiên Chúa Miền Đông và Tây nước Phổ (Prussia). Ông được huấn luyện về toán học và văn chương cổ điển tại các đại học danh tiếng Grelfswald, Strassburg và Tubingen. Ông đậu bằng tiến sĩ tại đại học Tubingen và dạy học trường võ bị Dresden, nhưng tư tưởng phóng khoáng của ông đã đưa ông tới tư thế chống lại giới chức ở đây, sau đó ông phải từ chức. Năm 1880, ông thăm viếng Luân Đôn và Hoa Kỳ, sau đó trở thành công dân Hoa Kỳ. Với sức làm việc phi thường, ông đã viết trên 1,500 tài liệu về triết học, tôn giáo, thi ca, toán học... trong đó có trên 74 cuốn sách. Năm 1887, Edward C. Hegler, một kỹ nghệ gia chuyên sản xuất kim loại chì tại Chicago, xuất bản tạp chí *Open Court*, một tạp chí chuyên nghiên cứu tôn giáo. Paul Carus viết rất nhiều cho tạp chí này, sau trở thành chủ bút. Đồng thời ông cũng viết cho tạp chí *Monist*, cùng nhà xuất bản với *Open Court*. Vì quá gần gũi với chủ nhiệm Hegler, Paul Carus kết duyên với Mary Hegler, con gái kỹ nghệ gia Hegler. Trong cuốn *The Gospel of Buddha*, xuất bản năm 1915, ông viết: “Thích

Ca đặt nền tảng tôn giáo của Ngài trên sự hiểu biết của con người về sự vật mà sự thật được kiểm chứng". Để bảo vệ đức Thích Ca trước những lời chỉ trích của những tư tưởng gia bảo thủ, ông viết: "Thích Ca là một ông thầy thành công nhất thế gian này". Qua những bài viết, Paul Carus đã lôi kéo rất nhiều học giả từ bỏ hệ thống tư tưởng Tây Phương để nghiên cứu, học hỏi và phổ biến tư tưởng Phật Giáo. Trong số những tác phẩm của ông phải kể đến: *Fundamental Problems* (1899), *The Soul of Man* (1891), *The Gospel of Buddha* (1894), *Buddhism and Its Christian Critics* (1897), *Kant and Spencer* (1899), *A Study of Fallacies of Agnosticism* (1899), *The History of the Devil* (1900), *The Surd of Metaphysics* (1903), *Federick Schiller* (1905), *Chinese Thought* (1907), *The Foundations of Mathematics* (1908), *God; An Inquiry and A Solution* (1908), *Philosophy and Science* (1908), *The Pleroma* (1909), *Truth on Trial* (1911), *Goethe, with Special Consideration on his Philosophy* (1915), *The Canon of Reason and Virtue* (1913), v.v... Tác phẩm *The Gospel of Buddha* bán trên triệu cuốn, một kỷ lục cách đây 100 năm. Tích Lan dùng cuốn này làm sách giáo khoa về môn Phật Học.

Nhân lúc tham dự đại hội Phật Giáo Thế Giới tại Hoa Kỳ, thiền sư Nhật Bản Soyen Shaku giới thiệu một môn đệ của Ngài cho giáo sư Paul Carus là D.T. Suzuki, để phụ trách dịch cuốn *The Gospel of Buddha* sang tiếng Nhật. D.T. Suzuki làm việc với giáo sư Carus từ việc dịch thuật cho đến làm những công việc trong nhà. Chính nhờ giáo sư Carus mà sau này tên tuổi của Suzuki mới được Hoa Kỳ và thế giới biết.

5. Ngoài hai khuôn mặt lớn Warren và

Carus, Hoa Kỳ còn hãnh diện có những học giả tiên phong khác như:

a) CHARLES ROCKWELL LANMAN (1850-1941), uyên bác về kinh điển viết bằng Pali, Sanskrit, dịch kinh Pháp Cú, và nhiều bộ kinh khác. C.R. Lanman đậu tiến sĩ tại đại học Yale năm 1875, dạy Sanskrit tại đại học John Hopkins (1876-1880) và Harvard (1880), chủ tịch Philosophical Association of America (1890), tác giả của 30 tác phẩm, được Nhật Bản tặng huy chương cao quý nhất dành cho học giả ngoại quốc.

b) EUGENE WATSON BURLINGHAM, nổi tiếng về lãnh vực dịch kinh điển từ tiếng Pali (3 cuốn chú giải kinh Pháp Cú), môn đệ của giáo sư Lanman tại Harvard, giáo sư Phật Học tại đại học John Hopkins và Yale.

c) W.Y. EVANS-WENTZ, tốt nghiệp đại học Standford về triết học và tôn giáo, chuyên về Phật Giáo Tây Tạng, đậu bằng tiến sĩ tại đại học Rennes (Pháp), tốt nghiệp đại học Jesus College (Anh Quốc), dạy Phật Học tại đại học Ananda College (Tích Lan). Tại Tích Lan, giáo sư Wentz mở cuộc tranh luận về tôn giáo với linh mục M.J. LeGoc (viện trưởng đại học St Joseph's College, tại Colombo) và linh mục W.J. Noble của đại học Wesley College, cũng tại Colombo) về Đức Kitô dạy thuyết tái sinh của Đức Phật. Cuộc tranh luận kéo dài 3 tháng. Những tác phẩm chính của ông phải kể đến: *The Tibetan Book of the Dead*, *The Tibetan Book of the Great Liberation*, *Tibetan Yoga and Secret Doctrines*, *Tibet's Great Yogi Milarepa*. Giáo sư Wentz tịch vào lúc 88 tuổi để lại 5,000 mẫu đất cho đại học Standford, 650 mẫu cho San Diego Boy Scout Council, 310 mẫu cho YMCA, \$3,000 cho hội Maha Bodhi Society

tại Ấn Độ, để lại những thủ bản và họa phẩm cho thư viện Oxford. Ông chết tại California năm 1965.

d) *HENRY STEELE OLCOTT*, cựu đại tá quân đội Hoa Kỳ, người Mỹ đầu tiên sang Tích Lan nghiên cứu đạo Phật, và phục vụ đạo Phật 32 năm. Ông chết tại Ấn Độ năm 1907. Sau cuộc gặp gỡ nữ học giả người Nga H.P. Blavatsky, ông trở thành nhà nghiên cứu đạo Phật. Nhân có cuộc tranh luận công khai giữa các tu sĩ Kitô Giáo và Phật Giáo, ông sang Tích Lan giúp nước này làm sống lại tinh thần Đạo Phật. Ông thuyết học bà góa phụ Higgins, phu nhân của một vị thiếu tá dưới quyền ông nghiên cứu đạo Phật. Bà Higgins sang Tích Lan mở trường nữ, dạy đạo Phật đầu tiên của nước này vì người Kitô Giáo muốn độc quyền trong lãnh vực tư thực tại đây. Ông vận động chính phủ Anh Quốc công nhận Ngày Phật Đản là ngày lễ chính thức. Ông vẽ lá cờ Phật Giáo được dùng cho tới ngày nay. Bất cứ một công dân Tích Lan nào cũng đều biết tên ông.

e) *MARIE MUSAEUS HIGGINS*, thành lập một trường nữ năm 1891 trong lúc người Kitô Giáo phát động phong trào mở trường tư thực tại Tích Lan nhằm phổ biến đạo Thiên Chúa tại đây. Bà là con gái chủ tịch tối cao pháp viện Đức Quốc. Bà tốt nghiệp đại học tại Đức, sau sang Hoa Kỳ và dạy học ở New York 11 năm trước khi bán hết tài sản, sau khi chồng chết, để sang Tích Lan mở trường học. Khởi sự từ một căn nhà nhỏ, lụp xụp, tường đắp bằng đất bùn ở vùng ngoại ô Colombo, bà cho khai giảng một ngôi trường dành cho nữ sinh. Bà coi nữ sinh Tích Lan như con gái của bà. Nữ sinh gọi bà là Sudu Amma (người mẹ da trắng). Bà thường nói: “Tôi

không những có nhiều con gái mà còn có rất nhiều cháu gái nữa.” Không những người Tích Lan gọi bà là Sudu Amma mà còn gọi là Sudu Achchi (bà ngoại da trắng). Sau một thời gian ngắn, ngôi trường nhỏ bé được dời về trung tâm thủ đô Colombo trong một phòng ốc khang trang. Trường nữ Masaeus Girl’s College là trường danh tiếng nhất hiện nay. Tất nhiên ngoài chương trình học thông thường, văn hóa cổ truyền và Phật Học được giảng dạy cho nữ sinh nhà trường.

f) *DWIGHT GODDARD*, tác giả *The Buddha’s Golden Path, Buddhist Bible*, chọn lọc giáo lý nhà Phật từ tiếng Pali, Sanskrit, Mông Cổ, Trung Hoa, Tây Tạng. Ông tin tưởng mãnh liệt, giáo lý của Đức Phật có thể đạo đức hóa cái thế giới đầy ô trọc này. Ông là một trong những người cổ võ rất mạnh trong việc phổ biến Phật Giáo tại Tây Phương.

g) *WINSTON KING*, giáo sư triết học tại đại học Harvard và sau này Vanderbilt, và ông là một nhà thần học Kitô Giáo, một mục sư Tin Lành, nhưng lại thiên về Đạo Phật, tác giả *Buddhism and Christianity, In The Hope of Nibbana*, và *A Thousand Lives Away*. Trong Đệ Nhị Thế Chiến, ông là Tuyên úy Tin Lành cho đơn vị công binh đóng tại Đức, Anh, Pháp. Sau khi rời chức vụ giáo sư tại Vanderbilt, ông dạy Phật Học tại Ấn Độ và Nhật Bản. Ông có công lớn trong việc bắt một nhịp cầu giữa Phật Giáo và Kitô Giáo.

h) *E.A. BURTT*, giáo sư triết học tại đại học Cornell, tác giả cuốn *The Teachings of the Compassionate Buddha*. Theo giáo sư Burtt, Phật Giáo là một hệ thống tư tưởng có thể làm thay đổi cái thế giới vô minh, bấy nhầy này. Nếu tất cả hiểu rõ giáo lý Đức Phật, thế giới đã có một bộ mặt tươi đẹp hơn.

*

Người viết chỉ đưa ra một số rất tiêu biểu cho những học giả tiên phong trong việc đưa Phật Giáo vào xã hội Hoa Kỳ trong 100 năm vừa qua. Cho tới giờ phút này, hàng ngàn học giả đã viết về Phật Giáo. Bất cứ tiểu bang nào cũng có những trung tâm tu tập thiền. Các nhà tâm lý trị liệu dùng Phật Giáo làm một phương tiện chữa bệnh hữu hiệu. Tại Hoa Kỳ, hầu như ai cũng biết một vị tăng người Việt Nam, đó là Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh, thổi một luồng gió mới Phật Giáo Nhập Thế (*Engaged Buddhism*) vào xã hội Hoa Kỳ. Trong 20 năm người tỵ nạn Việt Nam đã đóng góp một nỗ lực phi thường vào việc phát triển Phật Giáo tại đây. Chỗ nào có người Việt, chỗ đó có chùa Việt Nam. Kinh sách Phật Giáo của Phật Học Viện Quốc Tế, do Hòa Thượng Thích Đức Niệm sáng lập, đã xuất phát từ Hoa Kỳ tới khắp nơi trên thế giới.

An nhiên
ngọt ngào say đắm
Thiền và đạo
trung bình gặp nhau
Thúy Trúc

Nhật 93

mưa rơi

Ngồi im nhìn trời mưa
Nước rơi từ vô lượng
Dần thấm vào lòng đất
Sáng qua rồi chợt trưa.

sáng mùa xuân

Sáng xuân nhìn ra cửa
Bướm đùa hàng đậu thưa
Hoa cười trên nắng sớm
An nhiên vẳng đong đưa.

hạnh ngộ

Kiếp luân hồi tôi bước chân khắp khênh
Bỗng gặp người đem tuệ giác trong ngần
Một tâm hồn như vầng mây ngũ sắc
Một niềm tin gieo vạt nẻo thế nhân.
Tôi chợt nhớ lời người nghe vẳng vẳng:
"Niết Bàn không xa mà cũng chẳng gần
Muốn giác ngộ phải từ bi hỷ xả,
Muốn giác ngộ phải chịu khó dần thân.
Muốn giác ngộ phải tự mình suy gẫm,
Muốn giác ngộ phải rửa sạch bụi trần.
Muốn giác ngộ xem đời như giấc mộng,
Muốn giác ngộ phải lập hạnh minh tâm.
Các con ơi đời vô thường vô ngã,
Muốn giác ngộ con phải nhất tâm."
Tôi giật mình như người vừa tỉnh giấc,
Thì trong ta ai chẳng có Phật tâm!
Từ vô thi chông chất bao khổ nghiệp,
Nguyện từ rày dứt sạch hết mê lầm.
Nhìn đóa sen tôi hồn nhiên cười mỉm,
Mình nhờ ai mà gạt bỏ phàm tâm?

Thúy Trúc

QUAN NIỆM SỬ HỌC VÀ TRIẾT HỌC CỦA DUY THỨC

Người giảng: Pháp sư Pháp Phảng

Người dịch: Thích Thắng Hoan

HIỆN TRẠNG NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC NGÀY NAY

Trước kỷ nguyên 500 năm, Phật học được phát sanh nơi Ấn Độ. Đến khoảng cuối trước kỷ nguyên một thế kỷ (1), trong thời gian Tần Hán cai trị, Phật học mới bắt đầu lục tục truyền vào Trung Quốc. Đến nay, Phật học tồn tại trên đất Trung Quốc đã có hai ngàn năm lịch sử. Trong thời gian tại Trung Quốc, Phật học cũng có lúc thịnh và cũng có lúc suy. Nguyên nhân chung của Trung Quốc, nền văn hóa dân tộc rất khoan dung thâm hậu, có thể thấu nạp nền văn hóa ngoại lai. Phật Giáo sơ dĩ trở thành một bộ phận văn hóa Trung Quốc là do Văn học sử Trung Quốc tiếp nhận ánh sáng rực rỡ của Phật Giáo, một thứ ánh sáng đặc biệt và ánh sáng đó trực tiếp kế thừa mãi đến ngày nay.

Hôm nay tôi giảng bộ Duy Thức Tam Thập Tụng. Duy Thức là một tông trong các tông phái. Đối với tông Duy Thức, các học giả cũng nên hiểu biết đại khái về tình huống của một thứ đạo lý này. Như đây, trước hết, tôi xin trình bày tóm lược tình huống Phật Giáo Trung Quốc ngày nay.

Về phương diện nghiên cứu Phật học, gần 40 năm nay, yếu điểm cơ bản của nó là

nghiên cứu tình hình Phật học của Trung Quốc (chỗ này không thể bỏ qua sự tường thuật về chế độ tăng chúng tự viện và phương thức sinh hoạt của họ).

Còn sự nghiên cứu giáo lý Phật Giáo, đối với các tông phái, có hiện tượng hưng thịnh. Nhưng có một điều tình hình nghiên cứu giáo lý Phật Giáo lại chịu ảnh hưởng đến sự chuyển biến về chính lý xã hội và về văn hóa tư tưởng của Trung Quốc.

Lúc đầu, vào thời kỳ Thanh Mạt (cuối nhà Thanh), các sĩ phu đứng lên cách mạng dân tộc như: ngài Chương Thái Viêm vận động thay đổi phép tắc. Còn các ngài Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu, Đàm Tự Đồng v.v... lại đề xướng nghiên cứu Phật Giáo. Trong lúc đó, các học sinh du học Nhật Bản và các chí sĩ đã chết tại Nhật Bản cũng đều nghiên cứu Phật học.

Gần đây, sự phát triển Phật học đối với Trung Quốc có thể nói là nguyên nhân chính yếu. Lý do xã hội đương thời đang chuyển biến, đang cách mạng. Cho nên các giới Phật Giáo xem như cũng đang chuyển biến theo để thích ứng cùng với sự phát sanh cách mạng cơ giới. Nhân đó, phong trào vận động Tân Học Phật đã được thành công gần 40 năm nay (2).

Trong quá khứ, tại Trung Quốc, thời kỳ Phật học hưng thịnh, mười tông phái được thành lập, nhưng hiện tại chỉ có tám tông phái Đại Thừa còn lưu hành. Nếu căn cứ nơi lịch sử nghiên cứu Phật Giáo Trung Quốc, chúng ta không thể tách rời mười tông phái để nghiên cứu Phật học. Chúng ta phải y cứ nơi tinh yếu trong mười tông phái nói trên để thuyết minh hiện trạng nghiên cứu Phật học ngày nay.

1. CÂU XÁ TÔNG:

Từ đời Đường trở về sau, có thể nói, không có một người nào thành công trong sự nghiên cứu Phật học. Đến Dân Quốc năm thứ 9, trong thời gian mười năm, có Hy Thanh Cư Sĩ mở đầu phong trào nghiên cứu A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận Quang Ký và sáng tác quyển Quán Câu Xá Luận Ký. Tác phẩm này được in tại Nguyệt san Hải Triều Âm. Sau này, Hải Triều Âm thường đăng tải những tác phẩm văn chương nghiên cứu về luận Câu Xá của các ngài Trương Hóa Thanh, v.v...

Dân Quốc năm thứ 11, Phật học viện Võ Xương tổ chức khóa học về bộ môn Trung Đỉnh (Trung học về môn Hiểu Đỉnh), trong đó có bộ môn về Câu Xá. Môn học Câu Xá này đều do Giáo thọ Sử Nhứt Như chuyên trách. Ngài phiên dịch và giảng nghĩa tác phẩm Câu Xá Luận Thích của một người Nhật trước tác. Những học giả về môn học này rất cảm kích và hứng thú. Về sau Trương Hóa Thanh Cư Sĩ kế thừa Sử Nhứt Như giảng về Câu Xá. Đối với học sinh nghiên cứu, Trương Hóa Thanh Cư Sĩ thường cho ra đề án về yếu nghĩa trong Câu Xá làm môn học thuật diễn giảng. Ngàn năm tuyệt học, từ

đây, trên lộ trình phục hưng Phật Giáo có thể nói tiến triển rất nhanh.

Đương thời, học tăng của Phật học viện, phần đông đều ưa thích môn học về luận Thành Duy Thức và ít người nghiên cứu về luận Câu Xá. Những học giả chuyên tâm về môn luận Câu Xá chính là Pháp Phảng, Ngài là một trong hai ba người nổi tiếng. Ngài gia công ghi chú rõ ràng trong đó gồm số giải những lời quý báu từng câu trong luận Câu Xá. Ngài rất tâm đắc với môn học Câu Xá.

Lúc bấy giờ, Nội học viện Nam Kinh đứng ra kiểm giáo và cho in tác phẩm Ghi Chú và Sơ Giải về Câu Xá của Ngài, đồng thời Âu Dương Tiệm đề tựa. Ngài là một học giả có công rất lớn trong việc nghiên cứu môn luận này.

Vào năm Dân Quốc thứ 18, tại Võ Xương, Ngài giảng toàn bộ Câu Xá Tụng. Năm 1920, tại Bắc Bình Thế Giới Phật Học Uyển Giáo Lý Viện (Bạch Lâm Tự) và tại Nữ Tử Phật học viện, Ngài giảng toàn bộ Câu Xá Tụng, đồng thời Ngài biên tập lại những lời chú thích về Câu Xá Tụng. Nguyên do bản thảo chú thích Câu Xá Tụng của Ngài đã mất trong thời kỳ kháng chiến.

Suốt 27 năm tại viện Trùng Khánh Hán Tạng Giáo Lý, trong thời gian hai năm, Ngài giảng luận Câu Xá và hơn nữa, Ngài còn biên soạn môn học Phê Phán Luận Câu Xá. Sau này Phật học viện các nơi đều có người tiếp tục giảng Câu Xá Tụng và cũng có người sáng tác thành luận văn. Đến nay đối với vấn đề nghiên cứu Tông Câu Xá, nhiều người lần hồi quy tụ và phát khởi phong trào nhiều nơi, tất cả đều đi đến kết quả rất hoàn hảo.

2. THÀNH THẬT TÔNG:

Từ khi Dân Quốc đến nay, người nghiên cứu về bộ luận này có thể nói là không có. Chỉ có Đại sư Duy Hư đã từng sáng tác quyển Thành Thật Luận Cương Yếu và tác phẩm này được Hải Triều Âm ấn hành. Ngoài ra, cho tới bây giờ, chưa thấy một người nào nghiên cứu và đọc tụng bộ luận nói trên. Thật đáng tiếc cho điều thiếu sót này!

3. THIÊN TÔNG:

Tông này cuối đời Thanh còn có chút sinh khí, như ở Kim Sơn thuộc Trấn Giang có Thượng tọa Đại Định v.v..., ở chùa Cao Mân thuộc Dương Châu có ngài Nguyệt Lăng v.v..., ở Thiên Đồng có Ký Thiên Bát Chỉ Đầu Đà, có Hòa thượng Tịnh Tâm, ở Thiên Ninh có Thiên sư Dã Khai, ở Dương Châu có Hòa thượng Văn Hy (Tây Khôn). Các vị ấy học hạnh rất uyên thâm. Họ đều là những bậc danh tượng một thời.

Trước năm Dân Quốc thứ 10, ở chùa Quy Nguyên thuộc Hán Dương có ngài Tu Thủ Tọa và Hòa thượng Xương Hồng đối với các việc trong tông môn đều có cơ sở. Hai vị nói trên đều là bậc danh đức ở Giang Hạ. Từ ngày Bắc Phạt đến nay, tông này rất suy yếu, trở nên im hơi lặng tiếng.

Ngày nay, Thiên sư Hư Vân chủ trì chùa Nam Hoa và chùa Vân Môn là một vị Thiên sư có thành quả to lớn đáng kể đương thời của Thiên Tông. Người ta thường nghe Thiên sư tu hành rất thâm hậu và có kẻ cho rằng, Thiên sư vì bị bệnh nên không bồi dưỡng cho kẻ hậu học để tông môn được nổi tiếng.

Ngoài ra, có một người giúp cho thanh

danh của Thiên Tông hưng thịnh chính là vị Thượng tọa trụ trì chùa Cao Mân. Ngài được toàn quốc khen tặng là người mô phạm của Thiên Lâm. Ngài tự mình công phu rất thâm hậu. Chỉ vì sau khi Bắc Phạt, Ngài cho vấn đề kháng chiến là trước hết. Do đó, Ngài quá bận rộn công việc đi xin cây đá và tự mình không có thì giờ nhàn rỗi để [chăm lo hương thượng].

Thế nên xét lại, phong độ của Tông Phái một khi suy yếu nghiêng đổ thì xu thế khó bề chấn chỉnh trở lại được.

(còn tiếp)

CHÚ THÍCH:

(1) Hai Ngàn Năm Văn Hóa Trung-Ấn của Ấn Độ hoặc của Pagchi (Sư Giác Nguyệt).

(2) Đại sư Thái Hư khi chịu ảnh hưởng tân học, liền đề xướng Phật Giáo Cách Mạng Luận, chủ trương Cách Mạng Giáo Lý, Cách Mạng Giáo Chế và Cách Mạng Giáo Sản.

thơ Quách Tấn

trơ trọi

Tình cũng lơ mà bạn cũng lơ
Bao nhiêu khăng khít bấy ơ hờ
Sầu mong rơi lệ khôn rơi lệ
Nhớ gửi vào thơ nghĩ tội thơ

Mưa gió canh dài ngăn lối mộng
Bèo mây bến cũ quện lòng tơ
Hỏi thăm tin tức bao giờ lại
Con thước qua sông lại ỡm ờ.

Đạo Phật và Cách Mạng

Nguyễn Tường

“Các con nên biết, cách mạng không như người ta thường tưởng. Muốn cách mạng xã hội thì cần phải cách mạng con người. Muốn cách mạng con người thì cần phải cách mạng tư tưởng con người. Muốn cách mạng tư tưởng con người thì cần sáng tỏ nguyên lý Nhân Quả. Một khi không rõ biết Nhân Quả thì mọi hành nghiệp của thân tâm đều gây đau khổ.”

Chúng tôi từng được nghe như thế từ Hòa Thượng Tăng Thống Thích Đôn Hậu 10 năm trước khi Ngài viên tịch.

Thật vậy, bởi không thấy biết được nguyên lý Nhân Duyên Quả nên mọi tư tưởng, mọi hành động của mọi thứ cách mạng đều nghịch lý để trở thành tàn bạo.

I. XẢO NGỮ CÁCH MẠNG

Cách mạng là gì?

Có phải chăng chế độ này lật đổ đi một chế độ khác thì gọi là hành động cách mạng?

Có phải chăng mở ra thật nhiều trại tù và cải tạo để giết hại và khổ sai tùy hứng những kẻ nào không cùng chủ nghĩa thì gọi là đạo đức cách mạng?

Có phải chăng tàn độc giáo quyết, thù hận cừu mang, lấy ích kỷ làm lẽ sống, coi nghi kỵ như phương châm, dùng bạo lực để hoàn thành tư dục thì gọi là sự nghiệp cách mạng vĩ đại đã thành công?

Sau tháng Tư 1975, đảng Cộng Sản Việt Nam điên cuồng chúc tụng cách mạng thành công để từ đó những người dân đen nuốt đắng ngậm cay gượng sống và chết trong uất nghẹn, tức tưởi, khủng hoảng, kinh hoàng và ám ảnh dưới sự thống trị độc tài tàn độc.

Tại sao như thế?

Một cách vô minh cần được tội nghiệp, những nhà cai trị đất nước Việt Nam cứ tưởng tượng cách mạng nghĩa là chiếm đoạt, vì thế, khi chiếm đoạt xong lãnh thổ Việt Nam thì họ tự cho rằng cách mạng đã thành công.

Họ hô hoán cách mạng!

Một mỹ từ, một chính trị phiến diện từ được triển khai theo chiều hướng méo mó lệch lạc thành phản nghĩa xử dụng như xảo ngữ mỹ ngôn nhồi sọ mấy chục triệu con dân miền Bắc, mờ mắt những kẻ mù mờ chính trị của miền Nam để che đậy những hành động tàn độc, những âm mưu giáo hoạt của những kẻ cuồng tín chủ nghĩa Duy Vật.

Họ hô hoán cách mạng!

Vì cách mạng tư sản nên Nhà Nước ngang ngược hà hiếp nhân dân lấy đi tiền của.

Vì cách mạng ruộng đất nên người ta thấy sự cướp giạt và giết chóc là điều chính nghĩa phải làm.

Vì cách mạng kinh tế nên người ta bầm bụng lao động không dám ăn mà nạp dâng cho Đảng.

Vì cách mạng văn hóa nên người ta cho “tôn giáo là thuốc phiện ru ngủ quần chúng” cần tiêu diệt.

Vì cách mạng giáo dục nên từ thuở nhỏ, người ta bị bắt buộc học tập “Chính trị Duy Vật” để thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh man trá.

Vì cách mạng chính trị nên người ta đào những mồ chôn tập thể rồi thiết lập hệ thống Công an đông đảo nhất hoàn cầu với tỉ lệ một vị công an chăm sóc kỹ lưỡng 3 người dân.

Và vì cách mạng xã hội nên người ta dẹp bỏ tất cả những gì thuộc về đạo đức và luân lý của loài người để tập sống như loài ma quỷ.

Nhưng tại sao những người Duy Vật lại tưởng tượng cách mạng là như thế? Xin mời các bạn hãy cùng đi vào tư tưởng Hồ Chí Minh, đại diện tư tưởng của những người Cộng Sản Việt Nam.

..... (tạm lược)

III. Ý THỨC CÁCH MẠNG TOÀN DIỆN

1/ Vì sao phải cách mạng?

Dầu muốn dầu không, những người Việt Nam trên tuổi 20 đều phải trải qua một vài chế độ chính trị bắt nguồn từ 2 chủ nghĩa Tư Bản và Cộng Sản.

Dầu ít dầu nhiều, tất cả con người đều cảm nhận trực tiếp hay gián tiếp những bất an thường trực xảy đến cho bất cứ ai đang ở bất cứ nơi nào trên thế giới.

Tại sao có những tôn giáo chủ trương khủng bố? Có những cuộc chiến mang danh Thánh Chiến, những cuộc chiến vinh danh hòa bình vẫn không ngừng tiếp diễn trên mặt đất này?

Tại sao gần nửa triệu người tử vong giữa

hai đối lực Bá quyền đế quốc Tư Bản và Cộng Sản Quốc Tế trên mảnh đất nhỏ bé của chúng ta trong cuộc chiến 75?

Tại sao cả nửa triệu người Việt đành tạm bỏ nước ra đi để cuối cùng chìm sâu trong lòng bể cả hoặc thân tàn ma dại khùng điên với những nỗi ám ảnh kinh hoàng bởi giặc rừng cướp biển?

Tại sao trên triệu người lại mạnh dạn xông pha vào vòng hiểm nguy hoặc băng rừng vượt núi hoặc lên đỉnh sương nước trùng khơi bất chấp tử thần kề cận?

Những câu hỏi chung và riêng trên đây không có gì mới mẻ. Kể từ khi có loài người thì đã phải có những câu hỏi như vậy, nghĩa là con người tại sao phải khổ, phải lầm than, phải mưu đồ xảo trá, phải chém giết cuồng điên... để rồi con người đều mơ ước và mong muốn một cuộc sống tương đối tự do và an lạc.

Con người từ đó khác với con vật là có ý thức cách mạng, ý thức chuyển đổi để vươn lên mà có thể tạm gọi là văn minh.

Con người từ đó bày đặt ra những chủ thuyết, những chủ nghĩa, những tôn giáo, những thể thức chính trị vân vân để mong tìm một cái gì đó sáng sủa tốt đẹp, tiến bộ hơn.

Nhưng...

2/ Cách mạng trở thành dày dạn vì bỏ rơi Nhân Duyên Quả

Nếu bình tâm thẩm xét thì những cái gọi là văn minh tiến bộ hiện nay vì chối bỏ đạo lý tâm linh nên đã xô đẩy tất cả loài người tiến dần về vực thẳm.

Nếu bình tâm thẩm xét thì cái học ngày nay đã đào tạo thật nhiều bộ óc vật chất khôn lanh để ném đá dẫu tay giết hàng loạt người mà không ai biết, rồi lỡ sự việc có lộ ra thì

họ cũng đủ thông minh để chối tội hoặc sang tội qua kẻ khác...

Hòa bình là gì? Tự Do là gì? Độc lập là gì? Hạnh phúc là gì? Nhân quyền là gì? Nhân bản là gì?... Tất cả hình như chỉ còn là xảo ngữ chính trị cục bộ phiến diện để tập thể người này xử dụng công phá tập thể người khác.

Bằng bạo lực, hòa bình là thắng tay tiêu diệt không nhân nhượng với kẻ thù để không còn đối thủ?

Tự do là muốn gì làm nấy, bất kể đúng sai, bất kể mọi âm thanh ai oán, thê lương, sầu thảm và tuyệt vọng xung quanh miễn sao thỏa mãn được cuồng vọng của chính mình?

Có thể nào trồng cây mít mà hái được quả xoài, gieo hận thù đau khổ để kết trái hạnh phúc an vui?

Có thể nào gọi là tự do khi sự tự do của kẻ khác bị ức chế, cấm đoán và xâm phạm?

Kẻ chiến thắng tất nhiên gieo rắc hận thù, kẻ chiến bại đương nhiên khổ đau và cư mang thù hận. Bởi thế, “hận thù không thể dập tắt được hận thù, chỉ có tình thương mới dập tắt được nó thôi” (Kinh Pháp Cú).

Cổ ngữ Trung Hoa cũng nói: “Dùng đạo đức chinh phục sức mạnh, đó là thượng sách. Dùng mưu trí chiến thắng sức mạnh, đó là trung sách và dùng bạo lực tiêu diệt sức mạnh, đó là hạ sách.” Mà không những là hạ sách vì làm sao có thể tiêu diệt được? Suốt lịch sử chiến tranh của loài người cũng như qua mấy lần thế chiến, hòa bình có ổn định được chăng? Nếu muốn giết hại tất cả những người Cộng sản hay Tư bản là chuyện điên rồ không bao giờ thực hiện được.

Hòa bình không thể có khi tư tưởng con người chưa được sáng tỏ bởi nguyên lý Nhân

Duyên Quả, khi bản thân mỗi con người vẫn chứa đầy những uất hận, cuồng vọng và xuẩn động!

Giả sử toàn thế giới này, loài người đều cùng sống cùng một bất cứ thể chế chính trị nào, bất cứ tôn giáo nào mà trong tâm lý họ vẫn chứa đầy cuồng vọng (tham), uất hận (si) và xuẩn động (si) thì có bảo đảm thế giới được một ngày an lành?

Đem các tâm thức vô minh Tam Độc ấy mà đi vào Thiên Đường thì Thiên Đường cũng biến thành Địa Ngục.

Đem cái tâm thức vô minh Tam Độc ấy mà tọa thiền nhập định thì trước sau gì cũng trở thành một vị Hỗn Thế Ma Vương!

(còn tiếp)

ĐỘC GIẢ PHẬT TỬ NÊN TÌM ĐỌC:

Sen Nở Trong Tôi

tập thơ thứ hai của thi sĩ **Duy Nghiệp**
Gồm 41 bài thơ đã đăng trên các báo: Phật Giáo Hải Ngoại, Chân Nguyên, Hải Triều Âm, Vạn Hạnh, Đuốc Tuệ, Tin Sáng và Thế Kỷ 21.

Thi phẩm dày 90 trang,
do Hoa Vàng xuất bản năm 1995.
Độc giả thích thơ Duy Nghiệp xin liên lạc:

BÙI DUY THUYẾT
(DUY NGHIỆP)
Điện thoại: (408) 225-8429

Cứu mạng chín tháng mười ngày

HƯƠNG GIANG THÁI VĂN KIỂM

Đầu tháng 6 rồi mà trời Paris vẫn còn âm u mù xám. Những đám mây kéo nhau lê thê, che khuất cả mặt trời như bị dày đi nơi nào không biết! Thịnh thoảng mưa rơi, khiến cho sông Seine tràn lên đường hạ, sóng nước phủ lên tới đầu gối tượng người chiến sĩ dưới cầu Almar. Gió bắc hất hiu cứ thổi từng hồi, khiến cho du khách vẫn còn khoác áo ngự hàn, vẫn còn kẹp dù bên nách trầm tư đi lại trên các nẻo đường.

Người dân Pháp nhớ lại phương ngôn:

“Noel au balcon—Pâques au tison”

“Noel au tison—Pâques au balcon”.

Tìm hiểu phương ngôn này, chúng ta sẽ biết rằng: Nếu trời tốt, khí trời tương đối ấm áp trong lễ Giáng Sinh, mà có thể nửa đêm ra đứng “balcon” nhìn trời đất, thì thế nào tới lễ Pâques trời cũng rét lạnh, đến nỗi phải đốt lửa mà sưởi trong nhà cho ấm. Trái lại nếu ngày lễ Giáng Sinh mà lạnh buốt, phải sưởi trong nhà, thì thế nào đến lễ Phục Sinh cũng được thời tiết ấm áp, có thể ra đứng “balcon” mà ngắm cảnh, nhìn thiên hạ tấp nập thường xuân.

Sự nhận xét về thời tiết đó của người Tây Phương khiến chúng ta liên tưởng một phương ngôn tương tự của người dân Việt mà tôi ghi chép như sau:

Rét lẠm tháng tư,

Nắng dư tháng tám...

Nếu chúng ta muốn tìm hiểu vì lẽ nào thì chúng ta sẽ nhận thấy trong *luật tuần hoàn* của vũ trụ (loi cyclique de l'univers) vẫn kèm theo cái *luật bù trừ* (loi de compensatin), với tác dụng điều hòa (harmonisation) mọi sự trong trời đất, nhằm tránh *bất cập* và *thái quá*, có hại cho sự sinh tồn của vạn vật.

Thế thì, qua hai phương ngữ kể trên, chúng ta nhận thấy Đông và Tây cũng có thể gặp nhau trong *Túi khôn của loài người* (La sagesse des peuples), trái với lời xác quyết của Rudyard Kipling: “*Đông là Đông, Tây là Tây—Chẳng bao giờ gặp nhau*” (East is East, West is West—Never they will meet).

Năm xưa, nhà giáo Lionel Jospin, Tổng Thư Ký Đảng Xã Hội Pháp, đã lên tiếng tại Đại hội thường niên của Đảng, họp tại Pré Saint Gervais, để bênh vực chính sách tiết chế của Chính phủ Mauroy, sau những lời chỉ trích kịch liệt của ông Jean Pierre Chevènement (cựu Tổng trưởng Kỹ Nghệ mới từ chức Chính phủ Xã Hội); ông Lionel Jospin đã trả lời ông Jean Pierre Chevènement với một tục ngữ Việt Nam: “*Même avec neuf femmes, on ne peut faire un enfant en un mois*” (Dù có chín vợ, cũng không thể sinh được một con trong một tháng).

Nói một cách khác, ông Lionel Jospin muốn bênh vực chính phủ mà đảng ông đã đưa ra để cầm quyền, và ông đã biện minh rằng: mọi việc đều phải *tuân tự nhi tiến*, không thể hấp tấp được. Lời nói của ông Jospin đã được cử tọa vỗ tay trong hai phút, đồng thời làm cho ông Chevènement cụt hứng căm mồm, không còn nói năng, bào chữa gì được cả. Đấy, ta xem tại một Hội trường chính trị ngoại quốc, tất cả cái ma lực,

cái siêu lực, cái thần lực của tục ngữ, phương ngôn Việt Nam.

Nhiều người đã điện thoại hỏi tôi nguyên văn phương ngôn ấy như thế nào? Tôi bèn mở tủ lấy bộ luận án của Bao La Cư Sĩ *Khảo cứu Tục ngữ, Phương ngôn Việt Nam* (Parémiologie Vietnamienne), gồm có 5 quyển, dày cả thấy 2000 trang, mà tìm nơi quyển thứ 5, thì quả nhiên thấy câu:

*Cưu mang chín tháng mười ngày,
Chín vợ một tháng không tày có con.*

Trở lại đất Pháp, sau mười mấy năm xa cách, nữ nghệ sĩ Bích Thuận đã ra mắt mấy nghìn Việt kiều Ba Lê, Lyon và Marseille với một màn cải lương trích thi phẩm Kim Vân Kiều của Nguyễn Du, được khán giả tán thưởng vượt mức, qua tài nghệ diễn xuất siêu đẳng và những lời tha thiết ngổ cùng khán giả Ba Lê, trước khi sang Hoa Kỳ lưu diễn:

“Nếu trời mùa đông Paris suốt đời oán chia ly, thì trái lại, trời mùa xuân Paris giúp cho chúng ta tương phùng hội ngộ qua giọng hát cung đàn, có mãnh lực hấp dẫn và đoàn tụ mọi người:

*Cùng một lúa bên trời lặn dạn
Gặp nhau đây lọ phải quen nhau.*
(Tỳ Bà Hành)

“Bởi thế mà khi bước lên sân khấu, nhìn khán giả kính mến, chúng tôi rất cảm động, cảm động nhiều hơn khi lên sân khấu tại quê nhà, vì định ninh rằng:

*Đến bây giờ mới thấy đây,
Mà lòng đã chắc những ngày một hai.*
(Kim Vân Kiều)

Sự ra đi của chúng ta nói lên với thế giới

biết rằng: từ ngàn xưa, dân ta quen sống tự do, thông thả như chim ngàn hạc nội, vẫy vùng như cá côn cá kình nơi bể lớn. Đồng thời chúng ta mang theo những trạng thái văn hóa và nghệ thuật để phô diễn khắp năm châu bốn biển. Riêng phần chúng tôi, xin mượn lời cụ Nguyễn Du để tâm tình cùng quý vị:

*Còn non còn nước còn dài
Còn về còn nhớ tới người hôm nay”.*

Những người hôm nay, ta nhớ đã đành, mà cả những người ngày xưa ta cũng phải nhớ, vì lòng thủy chung và sự liên đới giữa các thế hệ, trước sau đều có sự đền bù đúng mức, như lời truyền dạy của Tiên Điền Nguyễn Du:

*Khi nên Trời cũng chịu người
Nhẹ nhàng nợ nước đền bù duyên sau. ■*

thơ Lý Đông A

húng ngâm

Sao được tráng sĩ vài nghìn muôn
Cùng ta giông ruổi khắp doanh hoàn,
Lập lại non sông xưa Bách Việt
Dựng nên thế giới mới Duy Dân.

Chèo sang một bến Cực lạc
Vớt lấy năm bể trầm luân,
Làm tròn giấc mộng tiên sinh ấy,
Trở lại non sâu nhập Niết Bàn.

Cuộc du hành sang Lạp Tát (Lhasa) của Tây Tạng

Tác giả: **Giuseppe Tucci**
Phỏng dịch: **H.T. Thích Trí Chơn**

(tiếp theo)

CHƯƠNG 3

TRÊN ĐƯỜNG ĐI GYANTSE

Tôi lên đường với hai mươi con ngựa trong đó mười bảy con chuyên chở hành lý và ba con khác, một dành cho người trưởng đoàn du hành, một cho tôi và một cho người nấu bếp. Thực phẩm của Tây Tạng không mấy dồi dào cho nên du khách nào không dùng được “tsampa” (món đồ ăn làm bằng bột lúa mạch và sữa) hay trà Tây Tạng, thịt cừu và bò thì tốt hơn họ cần mang theo thức ăn riêng của họ. Bao tử của tôi không thích hợp với đồ ăn Tây Tạng nên tôi thường mang theo từ Ý Đại Lợi các thức ăn cần thiết như thịt hộp, rau cải, bún khô và hộp trái cây.

Đường có thể mua tại các thị trấn lớn như Phari, Gyantse, Tashilhumpo, Tsetang. Rượu mang theo rất khó khăn vì những chai rượu thường dễ bị bể trên các đoạn đường đất gồ ghề ở Tây Tạng. Người nào không dùng được rượu “chang” địa phương, một loại bia cất từ lúa mạch, họ tự chế rượu “arak” để tạm dùng như tôi thường làm ở miền tây Tây Tạng, và pha loãng nó đi tùy theo khẩu vị rồi du khách

có được một loại ngon trung bình giữa cô nhác và ulyt ky (whiskey).

Các đoàn bộ hành, có những tháng và thời gian như mùa gặt nên tổ chức ít người vì ngựa và lừa rất khó kiếm; hơn nữa dù có thuê được, các nông dân thường bận rộn công việc đồng áng nên không muốn thu xếp cho mượn chúng liền, do đó có thể gây ra sự trễ nãi trong vấn đề thành lập các đoàn bộ hành. Về súc vật chở đồ nặng, tôi khuyên quý vị cũng không nên mua bởi giá cả vào lúc ấy tương đối cao vì dân chúng muốn dùng các súc vật này để làm lợi thêm cho họ. Ngoài ra, các đoàn du hành như vậy rất cần đến súc vật nên người ta thường phải chịu mua chúng với giá đắt đỏ.

Đây là lần thứ tư tôi đã dùng “con đường len” (wool road) để đến Gyantse. Đường này được mở ra sau cuộc chiến tranh giữa Anh quốc với Tây Tạng vào năm 1904 và nó đặt dưới quyền kiểm soát của cơ quan thương mại Anh quốc nhưng về sau giao cho chính phủ Ấn Độ kể từ khi quốc gia này thu hồi độc lập. Hai trung tâm thương mại chính cuối cùng trên con đường này là Yatung và Gyantse. Cả hai nơi đều có quân đội Ấn đóng giữ để bảo

vệ an toàn cho con đường của các đoàn bộ hành và các đại lý thương mại.

Muốn tới Gyantse phải vượt qua chín đoạn đường, nhưng du khách nào đi nhanh và có sức vật tốt thì có thể đi trong năm hoặc sáu ngày. Khoảng cách một vài dặm trước khi tới Pharidzong du khách có thể nhìn thấy đầu tiên toàn cảnh trí Tây Tạng với một cánh đồng lớn ở giữa nhô lên những ngọn núi đá khô cằn trụi không có cây nào mọc được trông tựa như một pháo đài. Trên những núi đá dốc hiểm trở này, đỉnh nhọn Chomolari vươn lên với cảnh trí yên tĩnh huyền bí mà theo những người dân Tây Tạng, họ tin rằng đó là nơi các vị Thần linh đang sinh sống. Những bức thành đá dốc đứng hiểm trở cheo leo dẫn lên tới khu vực của các thần linh ẩn trú.

Tuyết và băng không thể đóng được hai bên sườn núi tại các chỗ trũng xuống hay nhô ra và ngay cả trên đỉnh các ngọn núi thấp cũng vậy. Từ xa nhìn chúng như các lũy thành rắn chắc vươn lên cao chẳng khác gì những bức tường của một lâu đài treo lơ lửng giữa các đám mây. Về hướng tây, như cú đầu vâng theo thần linh, rặng núi Pankanzi của dãy Hy Mã Lạp Sơn vĩ đại vượt cao lên.

Pharidzong là một ngôi làng rất quan trọng và trụ sở của quận được cai trị theo truyền thống sáng suốt của Tây Tạng bởi hai vị ủy viên, một tu sĩ và một người thế tục, vì bốn con mắt chắc chắn có thể nhìn thấy rõ hơn là chỉ có hai. Tại Pharidzong vào lúc ấy chỉ có một viên chức dân thường làm việc tại nhiệm sở. Ông ta là một người còn trẻ đến từ Lạp Tát (Lhasa) có cô vợ đã từng học ở trường Kalimpong nói giỏi tiếng Anh. Cả hai vợ chồng đều là những người có học thức và lịch

sự. Tôi cảm thấy rất vui khi gặp tiếp xúc với họ trong vài giờ đồng hồ. Pharidzong cũng là thị trấn giao điểm của các “con đường len” và những con đường núi dẫn đến một vương quốc cấm địa khác là xứ Bhutan. Kể từ năm 1937 và 1939 tôi đã đi ngang qua khu vực này, đến nay trở lại tôi thấy có nhiều thay đổi. Điều đập vào mắt tôi trước nhất là có ba ngôi nhà rộng lớn rất đẹp do các thương gia giàu sang xây cất. Họ là những người nắm các dịch vụ thương mại tại Tây Tạng. Một trong ba ngôi nhà này trước kia là của quan phụ chánh nay đã biến cải thành sở quan thuế. Nhận thấy ngành buôn bán len mang lại nhiều lợi tức cho quốc gia nên chính quyền Tây Tạng đã đánh thuế khoảng một rupee (tiền Ấn Độ) cho một bành len xuất cảng và hàng len cần phải được sản xuất tại Yatung.

Do đó, Pharidzong đã trở thành một trung tâm thương mại chính yếu vì là nơi có các tiệm để trao đổi tiền Rupee Ấn Độ với tiền Tây Tạng. Đổi tiền Ấn Độ tại đây có lợi hơn ở Gyantse và Lhasa. Chẳng hạn một Rupee tiền Ấn đổi tại Pharidzong được 3 “sang” và 3 “shokang” (tiền Tây Tạng) trong khi tại Lhasa giá cao hơn phải mất 3 “sang”, 8 “shokang” và 5 “kamala” mới đổi được 1 Rupee Ấn Độ. Trên đường từ Yatung đi Gyantse tiền bằng bạc và giấy của Ấn Độ được mọi người chấp nhận nhưng một vài nơi khác du khách chỉ có thể dùng tiền Tây Tạng. Tiền bằng bạc gọi là “tanka” và tiền đồng gọi là “shokang” du khách cần đổi sẵn để cho những kẻ hành khát họ thường gặp trên đường đi. Chính phủ Tây Tạng cũng phát hành loại giấy bạc “sang” 10, 100 và 1000.

Đi quá Pharidzong con đường tiến dần lên đèo Tangla cao 15.200 phít (feet) nhưng

đường đi quá bằng phẳng đến nỗi du khách khó nhận biết rằng mình đang lên đèo. Rồi con đường xuống dốc đến Tuna và dẫn tới Kala. Tại đây trời rất lạnh, nước thường đóng băng về đêm và thêm ngọn gió nam thổi đến vào buổi trưa liên tục tới chiều tối mang cái lạnh buốt tê cóng từ núi Hy Mã Lạp Sơn đông giá. Nhưng cảnh trời mưa buồn thảm ở Sikkim và sương mù tại Yatung đã chấm dứt. Những đám mây trắng có hình giống chiếc cánh bay lơ lửng trên nền trời lam ngọc và mọi vật chiếu sáng rực rỡ tràn ngập khắp nơi.

Không lâu trước lúc đến Dochen con đường uốn khúc quanh hồ Ram và sau khi chạy dọc theo bờ suối nhỏ hai bên phủ đầy rêu con đường đưa tới khu vực gần Kala, một thung lũng rộng 25 dặm. Cạnh đó là hồ nước Kalatso. Tại hồ Ram, rặng núi Chomolari trông giống như một chuỗi kim cương trải dài theo hướng đông bắc phản chiếu trên bầu trời yên tĩnh và tôi đã chụp một tấm ảnh trước cảnh đẹp thiên nhiên đó. Về hướng tây chúng tôi có thể nhìn thấy một vài ngọn đồi uốn cong như chiếc cung chạy dài tỏa ra nơi bãi cát vàng óng ánh và bên dưới là những lớp đá cứng màu đen phản chiếu ánh mặt trời lấp lánh như mảnh thép vừa lấy từ lò nung ra.

Tại Dochen hồ nước hoạt động như một dòng suối trên đó những con chim nước đang bơi lội, đập cánh và kêu oang oác cùng với những đàn muỗi bay vo ve và cắn chích vào người lẫn thú vật. Giờ đây chúng tôi đang lên tới điểm cao 14.000 feet và cảnh trí xung quanh thật hoàn toàn yên tĩnh. Trong một ngày đi, chúng tôi chỉ gặp khoảng 15 đến 20 người từ vùng hieu quanh đang hướng tìm về thị trấn Pharidzong dân cư đông đúc. Chúng tôi cũng gặp nhiều khách hành hương, những

vị lạt ma, các nhà buôn cỡi ngựa mang theo mình những khẩu súng ngắn đi săn; các đoàn bộ hành dài, họ bận rộn se chỉ len hay cầu nguyện với những con lừa chuyên chở đầy len. Tôn giáo trở thành một nhu cầu cho con người khi họ bị rơi vào sự cô đơn khủng khiếp.

Làng xóm cách xa nhau thưa thớt, nhỏ hẹp và nghèo khó. Nhưng các di tích còn nhìn thấy buồn thảm trên thung lũng vắng vẻ là di sản của sự phồn vinh cổ kính sau cuộc chiến tranh năm 1904. Cuộc sống nơi đây khó lấy lại được sinh khí từ những đổ nát điêu tàn, màu xanh biển mất trên nhiều cánh đồng, các kinh lạch hầu như khô cạn, và sinh hoạt của dân chúng tưởng chừng như ngập chìm trong cảnh chết chóc.

Tại Gyantse, người ta có thể liên lạc tiếp xúc với thế giới bên ngoài. Chính phủ Ấn Độ và Tây Tạng đã thiết lập sở bưu điện và điện tín trên con đường từ Sikkim đến Tây Tạng tại các thị trấn Yatung, Phari và Gyantse. Tại nhiều quán trọ du khách có thể điện thoại liên lạc với Phari hoặc Gyantse với các đường giây tương đối còn tốt. Giấy phép nghỉ lại nơi các quán trọ này được cấp tại văn phòng chính trị ở Sikkim và cơ quan thương mại Ấn Độ ở Yatung.

Trên đường đi, các du khách có tâm hồn nghệ thuật chẳng gặp thấy những kiến trúc gì đặc biệt. Hầu hết các ngôi chùa đã bị tàn phá trong cuộc chiến tranh năm 1904, một vài chùa còn sót lại đang được tu bổ. Người Tây Tạng không chú tâm nhiều đến nghệ thuật, phần lớn tác phẩm nghệ thuật của họ chuyên vẽ về bánh xe luân hồi. Người Tây Tạng thường nghĩ rằng chi tiền mướn người vẽ một bức họa tôn giáo thiêng liêng là một việc làm phước đức có thể diệt trừ hết tội lỗi cũng như

mang lại cho họ sự an lạc, bởi vậy tinh thần tôn giáo đã hoàn toàn thay thế cho tư tưởng nghệ thuật trong mọi họa phẩm sáng tác. Đó cũng là lý do giải thích tại sao nhiều họa phẩm đã bị lấy mất trong những năm qua tại các tỉnh phần vinh nhất ở miền trung nam Tây Tạng.

Tại Phari vào năm 1937, trước khi vào thành phố trên đường đến từ Ấn Độ, tôi đã viếng thăm một ngôi chùa nhỏ do nhà tu khổ hạnh danh tiếng, ông Tanton Gyalpo xây dựng vào thế kỷ 15, và tôi chứng kiến các bức họa vẽ rất đẹp vào thời ấy trong một phòng nhỏ nhưng giờ đây tôi lại thấy chúng được thay thế bởi những bức họa hoàn toàn mới. Trên đường đi tôi chỉ gặp thấy có ba ngôi chùa đáng ghi nhớ là chùa Samada, Iwang và Nenyng. Tôi sẽ diễn tả chi tiết về các ngôi chùa này trong tác phẩm “Ấn Độ - Tây Tạng” (Indo-Tibetica) tập 4 của tôi, do đó tôi không cần ghi rõ về chúng ở đây.

Đặc biệt chùa Iwang thiết lập sâu trong núi nằm trên đường đi giữa Samala và Kangmar là ngôi chùa cổ nhất. Trong một phòng ở chùa này tôi thấy một tượng Phật thờ ở giữa, xung quanh có nhiều pho tượng Bồ Tát khác. Lối kiến trúc ngôi chùa theo truyền thống cổ kính nhất của Phật Giáo Tây Tạng nghĩa là ngôi chùa xây ở thung lũng trên một khu đất bằng phẳng và dọc theo con đường đi. Chùa Tây Tạng khác chùa Ấn Độ không những chỉ là nơi thờ tượng của các thần linh mà còn là chỗ để các vị lạt ma tổ chức những khóa lễ Phật Giáo. Đó cũng là cảnh giới an lạc tinh thần qua sự chỉ giáo của các bậc thánh thiện và là một thế giới huyền bí thu hẹp giúp con người tu tập hướng về sự giác ngộ giải thoát mọi khổ đau. Cùng lúc chùa còn là một cõi trời

bởi lẽ do sự cầu nguyện lễ bái của chư Tăng đã tạo nên sức mạnh tâm linh khiến hàng chư thiên hóa hiện vào các pho tượng thần linh thờ trong chùa và biến chùa trở thành nơi thiêng liêng khác hẳn thế giới trần tục mà chúng ta đang sống.

Tại chùa Iwang tôi nhìn thấy các họa phẩm của người Khotan (Vu Điền) được du nhập vào Tây Tạng do các nhà sư vùng Trung Á bị xua đuổi rời khỏi nước của họ khi xảy ra cuộc chiến tranh với Hồi Giáo. Tại ngôi chùa ở Samala tôi trông thấy những bích họa vẽ ngay trên cổng vào và được sửa chữa lại. Tôi cũng thấy có nhiều pho tượng đồng đúc vào thế kỷ thứ 11 tây lịch trên đó có khắc tên nhà nghệ thuật làm tượng cùng với tên vị sư được ủy thác trông coi việc đúc tượng. Ngoài ra, một ngôi cổ tự quan trọng khác cũng ở trong khu vực này đáng nhắc đến là chùa Nenyng với nhiều ngọn tháp và phòng nhỏ có tường bao bọc xung quanh, nhưng tiếc là ngôi chùa phần lớn đã bị tàn phá trong cuộc chiến tranh năm 1904.

Khi gần tới thị trấn Gyantse, chúng tôi nhìn thấy một thung lũng rộng màu xanh trải dài trước mặt. Những thửa ruộng lúa mạch mọc lên từ giải đất băng giá lấp lánh chói sáng dưới ánh mặt trời như màu ngọc bích. Trong vài tuần lễ nước mưa đổ xuống thấm ướt lòng đất làm dịu bớt sức nóng mặt trời cộng thêm với nhiệt lượng tỏa ra từ những dãy núi đá cằn cỗi xung quanh; lúa mạch nhờ vậy xanh tốt và chín gặt trẽ vào tháng tám.

Đất ruộng phần lớn thuộc các địa chủ giàu có gọi là “gerpa” tạo thành một giai cấp thường được chính quyền tuyển chọn làm công chức. Người nông dân nhận ruộng để cày, đến mùa gặt một phần lúa thu hoạch các

địa chủ phân chia cho họ, nhiều ít khác nhau theo địa phương và các địa chủ lo việc đóng thuế cho chính phủ. Chùa thường có ruộng do các tín đồ dâng cúng hoặc nhà nước cung cấp và được miễn thuế.

Một số nông dân cảm thấy việc làm ruộng khó khăn nên họ đã bỏ ruộng hoang và thích đi lang thang để xin ăn. Nhiều ruộng đất thuộc nhà cầm quyền và huê lợi thu được dùng làm lương trả cho nhân viên chính phủ. Tùy theo chức vụ cao thấp, họ được nhà nước cấp cho ruộng đất nhiều ít và họ cho nông dân mượn cày để lấy huê lợi. Có trường hợp họ vay tiền của chính phủ và dùng số tiền này để đầu tư vào công việc buôn bán làm ăn.

Những cây liễu và bạch dương thi đua phơi màu sắc xanh tươi và phủ bóng mát trên các mái nhà xinh xắn giữa những khu vườn có suối nước róc rách chảy quanh năm. Vào những ngày nóng nhất hàng người giàu thường hay dựng lều bên cạnh những dòng suối mát tổ chức tiệc tùng ăn uống vui chơi với các gia đình cùng bạn bè của họ. Tôi nhìn thấy một dòng sông chảy ngang qua thung lũng rồi uốn lượn theo phía tây bắc hướng về thành phố Shigatse và tiếp tục chảy dọc theo ngọn đồi mà trên đỉnh có xây một pháo đài cao hình chóp thuộc thành phố Gyantse. Người ta không rõ dân số chính xác ở Gyantse là bao nhiêu. Được biết nó là thị trấn rộng đứng hàng thứ ba của Tây Tạng sau Lhasa và Shigatse và có khoảng chừng năm đến bảy ngàn dân.

Thị trấn Gyantse với quận rộng lớn của nó đặt dưới quyền cai trị của hai vị ủy viên, một tu sĩ và một dân thường. Họ lo việc thu thuế và điều hành luật pháp. Khi tôi đến đó thì chỉ có một người mà thôi. Ông ta là ủy viên đứng

đầu quận trẻ nhất thế giới, mới có 19 tuổi. Tánh tình ông vui vẻ bất thiệp.

(còn tiếp)

GIỚI THIỆU SÁCH, TRUYỆN PHẬT GIÁO CỦA VINH HẢO

1. **MẸ, QUÊ HƯƠNG VÀ NƯỚC MẮT:** tập truyện ngắn viết về nỗi đau thương của Mẹ và Quê Hương. Chiều Hà tái bản 1994 với ấn bản có sửa chữa và thêm truyện. Dày trên 200 trang, giá 10 MK.

2. **NÚI XANH MÂY HỒNG:** truyện dài phản ánh những bản khoăn thao thức chung của các tu sĩ Phật giáo tại Việt Nam sau năm 1975. Dày trên 180 trang, bìa của Võ Thành Tú, giá 10 MK.

3. **BIỂN ĐỜI MUÔN THUỞ:** tập truyện ngắn diễn tả nỗi đau khổ và phiền lụy của trần gian nhưng cũng nói lên cái nhìn đầy thương yêu của người nghệ sĩ và đạo nhân đối với cuộc đời. Dày 224 trang, bìa của Đinh Cường, giá 10 MK.

4. **THIỆN THẦN QUÉT LÁ:** tập truyện ngắn viết về những chú tiểu quét lá đa ở chùa. Đây là tác phẩm đầu tiên hé mở cho độc giả nhìn vào đời sống bên trong cánh cửa chùa qua nếp sống và chí nguyện của những kẻ đồng chơn xuất gia. Chiều Hà tái bản lần I, 1995. Dày 214 trang, bìa của Chiều Hà, giá 10 MK.

5. **PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG:** truyện dài tự thuật của một chú bé yêu thiên nhiên, yêu cái chân thiện mỹ mà trốn nhà vào chùa xuất gia, làm bạn với các chú tiểu khác sống trong bao hoàn cảnh khổ nhọc trong chùa vào giai đoạn chiến tranh và sau khi cộng sản chiếm trọn miền Nam. Dù bao nghịch cảnh ngăn trở, chú bé vẫn tin tưởng vào con đường mình đã chọn. Chiều Hà tái bản 1995, dày 377 trang, bìa của Phương Hồng, giá 15 MK.

6. **SÂN TRƯỚC CÀNH MAI:** tập bút gồm nhiều bài viết (văn lẫn thơ) ghi lại quan niệm của tác giả về cuộc đời, về con người, về chuyện viết văn, tu tập thiền định. Dày 214 trang. Bìa màu của Đinh Cường, giá 12 Mỹ kim.

7. **BỤI ĐƯỜNG:** truyện dài về người tu sĩ trẻ Phật giáo dưới chế độ cộng sản, những nghịch duyên và thuận duyên trên con đường tu tập, ý chí phấn đấu của người xuất gia để vượt thoát con đường ái dục, yêu đương... Dày 377 trang, bìa của Phương Hồng, giá bán 15 Mỹ kim.

Độc giả muốn mua sách, gửi chi phiếu đến:

Chiều Hà Publisher

P.O. Box 2303

North Hills, CA 91393—USA

Người Phật Tử phải làm gì để củng cố nền móng Phật Pháp

Nguyên tác: *Tiến sĩ K. Sri Dhammananda*

Dịch giả: *Thích Tâm Quang*

NHỮNG ĐIỀU CẤM KỴ

Đa số mỗi sắc dân đều có những điều cấm kỵ riêng của họ. Mỗi sắc dân đều có niềm tin duy linh riêng của mình và bị ảnh hưởng lẫn nhau. Vì ngu si, sợ hãi và dị đoan mỗi sắc dân có khuynh hướng chấp nhận niềm tin của người khác thay vì nghiên cứu một cách hợp lý và loại bỏ những gì không thích đáng đối với xã hội hiện đại. Chẳng hạn, một số người tại nhiều cộng đồng Á Châu tin là không nên cắt móng tay lúc trời tối hay gội đầu vào một số ngày nào đó trong tuần. Một số người nghĩ rằng xui xẻo khi gặp một nhà tu trợc đầu sáng sớm trong khi một số lại kiêng cử quét nhà khi trời đã tối. Họ còn tin là không nên mang thịt đi lúc ban đêm vì sợ hãi là có thể thu hút ma quỷ. Một vài bậc cha mẹ khuyên con cái nên mang theo một thanh sắt để tránh ma. Lại có những người tin là chó tru lên hay cú kêu ban đêm là những điềm xui xẻo và nháy mắt bên trái là điềm gỡ. Một số người coi những việc trên là những vấn đề nghiêm trọng. Nhưng những ai không lưu ý gì đến những việc đó thì chẳng sợ hãi và chẳng lo âu gì cả.

Thái độ của người Phật tử về những niềm tin trên như thế nào? Suy nghĩ chính đáng chấm dứt nơi đâu và dị đoan phát khởi ở đâu? Tất cả đều bắt nguồn từ sự sợ hãi cái không biết của chúng ta. Đôi khi phải có lý do thực hành để quan sát một số các niềm tin này. Chẳng hạn lý đương nhiên là không nên khuyên cắt móng tay vào ban đêm chỉ vì, đơn giản ta có thể cắt vào tay lúc tối. Về việc lo sợ ma quỷ, Đức Phật nói *chừng nào mà chúng ta còn đem tình thương yêu đến tất cả chúng sanh có mặt hay khuất mặt, chừng nào mà chúng ta không làm hại ai cả bằng cách sống hòa hợp và tin tưởng vào sức mạnh của Pháp hay Chân Lý dẫn giải bởi Đức Phật, và chừng nào mà chúng ta còn phát triển sự hiểu biết chánh đáng bằng cách nghiên cứu Giáo Lý, thì không có gì có thể hại ta được.* Trên đây cũng có nghĩa là chúng ta phải phát triển lòng thành và tin tưởng đạo lý bằng cách thường xuyên thăm viếng chùa, và bằng cách có những cuộc bàn thảo hữu ích với các thầy để thăng phần hiểu biết về Pháp. Chùa là nơi mà ta đạt được nhiều kiến thức và hiểu biết để loại bỏ dị đoan và nhổ tận gốc rễ niềm sợ hãi quá đáng trong đầu óc.

BÙA CHÚ VÀ MA THUẬT

Giữa những cộng đồng Á Châu, rất là thông thường người dân cho rằng họ là nạn nhân của ma thuật và bùa chú khi họ gặp bất hạnh trong đời sống. Khi thấy có điều gì không vui xảy ra, họ thường đi tìm các nhà bói toán, chiêm tinh gia, đồng cốt và “bùa ngãi”. Đương nhiên đời sống của những người buôn bán về ma thuật, bùa chú trông vào việc nói với khách hàng là có điều gì sai hay một vài ma lực sử dụng bởi người nào đó đã mang rủi ro cho gia đình. Rồi họ bảo là họ có thể chống lại các ma lực đó và đòi một số tiền lớn để chữa trị. Kết quả duy nhất là túi tiền của các nạn nhân nhẹ dạ này càng ngày càng với đi và cuối cùng không có một kết quả nào đạt được nơi người bói tướng kinh nghiệm này. Phật Giáo đại chúng cũng không tránh khỏi những quỷ kế của bọn lang băm và bịp bợm. Bọn này đã dám đội lốt các nhà sư để kiếm tiền của các nạn nhân nhẹ dạ. Cho nên *Đức Phật đã khẳng định là những bất hạnh của chúng ta được tạo ra chính bởi tâm trí không thanh tịnh, không được huấn luyện và đường lối duy nhất để vượt qua là do sự cố gắng mở mang trí tuệ và tầm hiểu biết của chúng ta.*

Người Phật tử sửa chữa các bất hạnh bất cứ loại nào một cách khoa học như các phương pháp của khoa thần kinh trị liệu hiện đại. Cách này đã được tóm tắt trong Phần Hai Tứ Diệu Đế—Nguyên nhân của Khổ đau (Tập). Trước khi chúng ta nhìn vào việc chữa trị các bất hạnh (*Không may, đau yếu, mất người mất của và khó khăn gia đình*) chúng ta phải biết gốc rễ sanh ra các điều này. Chúng ta phải quan sát chính xác cái gì hiện

tại đang xảy ra và hiểu biết chỉ có chúng ta mới vượt qua khỏi. Tập trung thiện chí, tâm trí sung mãn để hiểu nguyên nhân của vấn đề hầu tìm được giải pháp. Trường hợp đau yếu, một đầu óc bình tĩnh giúp việc trị liệu được mau chóng. Chỉ trông vào siêu nhiên để vượt khỏi các bất hạnh không phải là một giải pháp thích ứng để chấm dứt khổ đau. Chúng ta phải bình tĩnh phản ánh biết rằng cái bất hạnh này đến với tất cả mọi người trên thế gian này, chúng ta phải nhìn cái xảy ra cho chúng ta một cách chính xác để tìm ra cách giải quyết thích ứng. Không phải là do định mệnh—nhưng mỗi cá nhân, hãy sử dụng Nỗ Lực Đúng Cách (*Chánh Tinh Tấn*) có thể tự mình tránh khỏi bất hạnh.

HÌNH ẢNH, NƯỚC THÁNH, XÂU CHUỐI, BÙA PHÉP VÀ THƯ PHÙ

Xã hội ngày nay được giáo dục tốt hơn xã hội trước đây trong quá khứ, tuy nhiên mặc dù những tiến triển rộng lớn trên bình diện kiến thức khoa học, nhiều người vẫn đau khổ vì sợ hãi, nghi ngờ và bất an. Nguyên nhân gốc rễ là do trạng thái của tâm thần xuất phát từ ngu si, giao động và tham dục. Vì ngu si về vô thường và cái ta thường còn, chúng ta tin vào cái ngã của chúng ta và niềm tin này đưa đến tham dục. Chúng ta ham muốn vô độ, sợ mất đi cái mà chúng ta đang có. Chúng ta sợ hãi chúng ta sẽ bị hại hoặc chúng ta sẽ phải đối đầu với những “rủi ro”. Nghĩ như vậy chúng ta phải làm gì? Theo bản năng tự nhiên chúng ta quay về với niềm duy linh quá khứ và trông mong vào bùa phép, thư phù để che chở chúng ta. Đức Phật đã tuyên bố minh bạch là các vật bên ngoài không đủ sức để

che chở những ai tâm trí yếu đuối và bối rối. Nguồn an ninh duy nhất của chúng ta là tìm nương tựa vào kiến thức về chân lý của chúng ta và vào việc thực hiện bản chất thực tiễn của cái ta và các hiện tượng khác. *Một khi chúng ta hiểu được không có gì là của ta thì không có gì có thể hại ta, chúng ta trở nên vững vàng và tự tin. Không có gì có thể hại người, nếu người đó không sợ hãi, không vị kỷ hoặc không lừa dối.*

Tuy nhiên điều trên đây không có nghĩa là Phật Giáo kết tội việc sử dụng một số vật liệu có tính cách tôn giáo như dây chuyền có hình ảnh Đức Phật cho chúng ta cảm nghĩ an toàn. Nhiều bậc vĩ nhân tìm thấy niềm an ủi và khuây khỏa khi ngắm vẻ thanh thoát và bình thản từ hình ảnh Đức Phật. Thủ Tướng Ấn Độ, ông Nehru cho biết khi ông bị cầm tù bởi người Anh, nguồn an ủi duy nhất của ông là bức ảnh nhỏ bé của Đức Phật mà ông mang theo. Đương nhiên, hình ảnh này tự nó không có phép thần thông nhưng nó tượng trưng phẩm hạnh vĩ đại của Đức Phật, chính Ngài luôn luôn bình tĩnh và không xao xuyến bởi những cuộc tấn công của kẻ địch. Biểu tượng này đã nhắc nhở ông Nehru dùng lòng dũng cảm của chính ông bình tĩnh đối đầu trước nghịch cảnh. Cũng vậy, chúng ta có mang theo ảnh của Đức Phật hay những lời ghi trong kinh khiến cho chúng ta sinh lòng tin tưởng. Nhiều kinh ghi phần kết thúc với lời cầu nguyện: “**Bởi sức mạnh của chân lý này, phần thắng sẽ về tôi**” hay “**Hạnh phúc đến với tôi**”. Điều này cho thấy là Phật tử chúng ta không tin tưởng vào sức mạnh của hình ảnh duy linh hay bùa chú, nhưng (dây chuyền có tượng Phật và những đoạn kinh) chỉ là để giúp cho chúng ta đạt tin tưởng chính nơi

chúng ta.

Cũng giống như vậy, một số Phật tử tới chùa để xin nước thả và vài đoạn dây được để trên kinh được tập trung chí thành tụng niệm. Việc trên về tâm lý mang lại cho người sử dụng sức mạnh và lòng tin tưởng vì nhắc nhở cho họ chân lý trình bày trong kinh, những lời Phật dạy.

ỐM ĐAU

Mới đây có nhiều chỉ trích nhắm vào các vị lãnh đạo Phật Giáo cho rằng những người đau yếu không được quan tâm đến. Những lời chỉ trích nhấn mạnh là những tín đồ tôn giáo khác đi từ bệnh viện này đến bệnh viện khác để ủy lạo các bệnh nhân. Việc lo lắng về những người đau ốm là một điều thực ra rất đáng được ca ngợi. Trong những nước Phật Giáo, những người thành tâm mời các nhà sư đến viếng thăm các người đau yếu, các nhà sư thực ra có thiện chí hơn thế nữa, sẵn sàng giúp đỡ về phương diện này. Thật ra các nhà sư thường thông suốt về việc dùng các thuốc truyền thống, thường được tham khảo cố vấn và các nhà sư bao giờ cũng tình nguyện giúp đỡ trong các việc này.

Vì một số Phật tử không am tường đạo của mình để phản công lại chiến thuật của những người đạo khác. Sự hờ hững của một số Phật tử này khiến một số tín đồ của đạo khác lợi dụng tình trạng và quy nạp những người đạo Phật. Những người khác đạo còn đi xa hơn nữa là hứa khả cứu rỗi và đem địa ngục ra dọa nạt các nạn nhân theo đường lối như vậy để quy nạp họ! Các nhà sư Phật Giáo không dính líu đến việc này cả. Tuy nhiên các nhà sư lúc nào cũng đầy thiện chí, khi được các

thân quyến bạn bè người đau yếu cung thỉnh, đến bệnh viện hay tư gia để thăm viếng ủy lạo các bệnh nhân.

Ốm đau là một phần và một mảnh đời sống thường nhật của chúng ta trên thế gian này, và chúng ta phải chấp nhận trên con đường tiến bộ. Dù sao, trong trường hợp một người bị đau, ngoài việc tìm cách chữa trị theo đường lối tiên tiến hiện đại, việc nên làm là mời các nhà sư đến để làm lễ cầu an cho mau hết bệnh. Việc cầu an này khi được tiếp nhận với một đầu óc thích nghi sẽ mang ảnh hưởng tinh thần và tâm lý đáng kể cho bệnh nhân và việc hồi phục được mau chóng. Đặc biệt, khi bệnh não có liên quan đến thái độ tâm trí người bệnh, lễ cầu an do một vị sư giúp ích rất nhiều. Chẳng hạn khi tin tưởng nguyên nhân của bệnh là do ảnh hưởng xấu bên ngoài hay do ma quỷ, lễ cầu an tạo một thái độ tâm lý rất tốt đem đến các làn sóng (tâm linh) cho cơ thể giúp cho mau khỏi bệnh. Tuy nhiên, là người Phật tử, chúng ta không nên tự chúng ta đầu hàng niềm tin sai lầm ma quỷ là nguyên nhân chính của bệnh hoạn.

Lời khuyên của Đức Phật: **“Bất cứ bao giờ thân bạn bệnh nhưng đừng để tâm trí bạn bệnh”**. Lời khuyên này quả thật rất đúng. Theo lời khuyên này, chúng ta phải được hướng dẫn bằng trí thông minh và cảm nghĩ thông thường để tìm phương thuốc thích hợp cho bệnh tật của chúng ta hơn là tự đầu hàng những dị đoan vô căn cứ.

CHẾT

Con người phải chết và cái chết là điều phải đến. Tuy nhiên, rất ít người có thể chấp nhận sự chia lìa hay sợ hãi xảy ra sau cái chết.

Quá nhiều ngu si giữa hàng Phật tử đối với cái chết và một số đã đổi đạo để được một cuộc mai táng “thích đáng” để chắc chắn được mau về thiên đường. Gia đình chia rẽ vì những đứa con theo đạo khác đã đổi đạo của cha mẹ khi cha mẹ sắp chết trên giường bệnh. Một số con cái của Phật tử không uy quyền vì không được học hỏi để biết người Phật tử chân chính phải làm gì. *Cho nên rất quan trọng cho các bậc cha mẹ phải di chúc rõ ràng ước nguyện của mình để dạy con cái phải làm gì khi lâm chung.* Nhiều người ngu si đã kiên cố không dự tang lễ trong một thời gian nào đó vì nghĩ rằng nếu không làm như vậy thì sẽ bị rủi ro.

Trẻ em phải được biết ngay từ khi còn nhỏ rằng chết là điều tự nhiên trong đời sống. Các em phải được dạy không được sợ hãi khi nhìn thấy quan tài hay các tử thi. Các em phải biết có ý thức trong tang lễ. Những điều trên đây nếu như không được dạy bảo cho các em thì khi lớn lên, các em sẽ bị lạc lõng và sẽ bị người tôn giáo khác vô lương tâm lung lạc điều khiển em để em đổi đạo hay tiêu một số tiền lớn vào các việc mê tín dị đoan vô nghĩa.

Trước tiên chúng ta phải hiểu quan điểm của người Phật tử đối với cái chết. Nói theo khoa học “Đời Sống” là một loạt tên xuống không ngừng. Tế bào trong cơ thể ta chết liên miên và thay thế bởi các tế bào mới. Cũng như vậy, sinh và chết phát hiện bất cứ lúc nào. Hiện tượng chết chỉ là một cuộc kết thúc gây xúc động của cuộc tiến hành liên tiếp ấy. Nhưng kết thúc không thường còn. Thật ra cái “Trôi” lên liền sau khi chết tái sinh phát xuất. Cho nên trong Phật Giáo cái chết không được gọi là an giấc ngàn thu trong tâm tư của một đấng thần linh sáng tạo nào đó mà là

cuộc tiếp diễn không ngừng trong một dạng thức khác. Do vậy không cần thiết phải sợ hãi cái chết. Trong quan điểm này, Đức Phật không mô tả nghi thức đặc biệt nào về việc sắp đặt tử thi. Tử thi của người chết phải được đem đi trang nghiêm và phải được đối xử thích đáng với niềm kính trọng để tưởng nhớ người chết đã có công trong lúc còn sống. Hành động quá khứ của người chết (nghiệp) sẽ quyết định đời sống tương lai sẽ ra sao.

Chúng ta đội ơn những gì người chết đã phục vụ cho chúng ta trong lúc tại thế. Phiền muộn nổi lên trong tâm trí chúng ta vì lẽ người thân mà chúng ta thương yêu ra đi giữa chúng ta. Khi chúng ta tập hợp chung quanh xác thân người thương yêu của chúng ta, là bạn bè hay thân quyến chúng ta tìm nguồn an ủi nơi những người cũng đến chia sẻ nỗi buồn đau và an ủi tinh thần chúng ta trong giờ phút đau buồn. Những việc thực hành văn hóa khác nhau trong tang lễ rất hữu ích để giảm thiểu niềm đau thương của chúng ta.

TRƯỚC TANG LỄ

Ngày nay chết trong trường hợp đặc biệt phải cần đến sự điều tra thì việc thực hành thông thường tại các bệnh viện là giảo nghiệm tử thi để tìm nguyên nhân. Đôi khi thân quyến phản đối việc này và cho rằng cất mả tử thi là không nên. Với người Phật tử không có lý do tôn giáo nào mà phải phản đối việc này. Đúng ra, việc làm trước tang lễ này giúp ích cho người sống, cho các nhân viên chuyên môn y khoa có được nhiều hiểu biết hơn để chữa trị các bệnh tật. Việc làm này phải được coi như một công đức về phần người Phật tử. Như đã nói trước đây, xác thân

vật lý chẳng là gì cả mà chỉ là hỗn hợp của các chất (đất, nước, gió, lửa) sẽ phân hủy khi chết. Cho nên không có lý do nào mà phải tin rằng linh hồn của người chết sẽ tức giận khi xác thân được sử dụng vào mục tiêu khoa học. Chúng ta có thể an tâm chắc chắn là các bác sĩ và các người chuyên môn đều có tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, rất thận trọng trong việc giảo nghiệm tử thi nên các thân nhân không cần lo lắng về vấn đề này. Có nhiều người tình nguyện khi chết sẽ hiến tử thi của mình cho bệnh viện và các sinh viên y khoa để giải phẫu và nghiên cứu.

Trong việc liên quan trên đây, phải được coi là một công đức cao cả của người Phật tử khi cho những bộ phận cơ thể mình sau khi chết để có thể giúp ích cho người khác. Chính Đức Phật nhiều lần trong tiền kiếp Ngài đã cho xác thân của Ngài để người khác được lợi lạc. Ngài đã cho mắt, máu, thịt và một lần Ngài đã cho cả xác thân để cứu người khác. Phật Giáo rất minh bạch về vấn đề này—việc tặng các bộ phận của cơ thể đem lợi ích cho người khác là một công đức vĩ đại, được nhiệt liệt khuyến khích.

TANG LỄ

Trong hầu hết các xã hội văn minh có văn hóa, tang lễ được coi là dịp buồn phiền, trang nghiêm. Tang lễ của người Phật tử phải được cử hành trang nghiêm theo tinh thần ấy.

Đị đoan lan tràn giữa một số người cho là “rủi ro” khi mang về nhà tử thi chết ở một nơi nào đó. Chúng ta chắc chắn phải tỏ lòng kính trọng tưởng nhớ đến người chết và phải quý trọng tử thi, và tang lễ phải được cử hành tươm tất. Tử thi mang về nhà hay không mang

về nhà tùy theo gia đình tang quyến. Trong việc này, chúng ta cũng phải nêu lên là không sợ hãi hay kiêng cử gì về việc điều động tử thi. Một số người sợ hãi chạm vào tử thi e ngại bị “rủi ro”. Nếu quả là như thế thì các bác sĩ và các y tá điều dưỡng phải là những người đau khổ nhất trên trái đất! Nếu thực tình chúng ta muốn tôn kính tưởng nhớ người ra đi chúng ta phải tắm rửa và mặc quần áo cho người chết và không để một người lạ hay nhà hòm làm việc này cho chúng ta. *Phải nhớ rằng, dị đoan, ngu si, và sợ hãi vô lý mang nhiều “rủi ro” đến hơn là biết ơn, thương yêu và hiểu biết.*

Trái với niềm tin thông thường đại chúng, tang lễ ồn ào, trau chuốt, và đôi khi phô trương, hay những tang lễ tưng bừng tốn kém cả ngàn đồng về những thứ không cần thiết mà xưa nay được coi như việc làm bình thường của người Phật tử mà thực ra việc thi triển này không phải là Phật Giáo chút nào cả. Thật là quan niệm hoàn toàn sai lầm khi đem thực thi các việc trên đây vào Phật Giáo. Việc thực hành này chỉ là sự tiếp diễn không ngừng của tập quán cổ xưa truyền thừa từ thế hệ trong quá khứ được sát nhập một cách mù quáng. Khi nhìn một đám tang với các nghi lễ trên, các người đạo khác thường tưởng rằng cái mà họ đang được mục kích là một cuộc vui diệu hành nào đó hơn là một tang lễ trang nghiêm.

Thường thường một loại nhạc rộn ràng được áp dụng thay loại trang nghiêm trong lúc tiễn đưa linh cữu. Cho nên người ta có cảm tưởng đây là một cuộc lễ có tính cách trình diễn phô trương giàu có hơn là để bày tỏ sự buồn đau chân thật kính trọng người quá cố. Phật Giáo không phản đối việc duy trì các

việc thực thi văn hóa nếu những việc thực hành này không mâu thuẫn với giáo lý của Đức Phật, nhưng khi thấy các điều đó thực hành phí phạm, hoang phí và không cần thiết, không đem lợi ích gì cho cả người sống lẫn người chết thì không tán đồng và nên loại bỏ. Chẳng hạn tập tục về việc đốt vàng mã, giấy tiền, nhà táng, với mục đích để cho người chết sử dụng bên kia thế giới hoàn toàn không Phật Giáo chút nào. Tuy nhiên, trên phương diện tâm lý có thể giảm thiểu nỗi buồn đau, đương nhân có thể làm điều gì có thể đem lợi lạc cho người ra đi nếu điều đó vô hại và không nên có hành động cực đoan tin tưởng rằng điều đó dù sao cũng giúp ích người ra đi.

Phật Giáo không phản đối các cộng đồng thi triển tang lễ khác nhau thích hợp cho từng địa phương và thời điểm. Nhưng điều quan trọng nhất là các tang lễ phải được khả thi và chấp nhận là có văn hóa.

Nghi lễ áp dụng trong một tang lễ Phật Giáo phải đơn giản, trang nghiêm, có phẩm cách và ý nghĩa. Tại nhiều quốc gia các nhà sư Phật Giáo được mời đến nhà tang quyến để thực thi một số nghi thức trước khi tang lễ. Cúng hoa và đốt một vài ngọn nến hay vài nén nhang được chấp thuận trong trường hợp này.

Theo tục lệ, để tỏ lòng tôn kính người ra đi, bạn bè và thân quyến gửi những vòng hoa chia buồn tang quyến. Những vòng hoa này không nên gửi đến vào trước ngày tang lễ được cử hành vì hoa gửi sớm sẽ bị héo. Khi tang quyến thông báo “không nhận hoa” thì điều này phải được triệt để tuân theo.

Vì lễ thân quyến thường có những ý kiến khác nhau cho nên có nhiều tranh luận trong

việc thực hành tang lễ. Những câu hỏi sau đây thường được nêu lên:

1. Nên chôn hay hỏa táng?
2. Nếu hỏa táng, phần tro cốt còn lại phải làm gì?
3. Nên dùng loại quan tài nào?
4. Phải mặc đồ đen hay đồ trắng?
5. Nến phải dùng màu gì, đỏ hay trắng?
6. Xác có thể để ở nhà bao nhiêu ngày trước khi chôn hay hỏa táng?
7. Chi phí tối đa cho một tang lễ là bao nhiêu?

Những câu hỏi trên đây được trả lời một cách đơn giản như sau:

Tang lễ phải cử hành đơn giản, ồn ào giảm thiểu đến mức tối đa, nhưng phải có phẩm cách. Có lẽ điều hợp lý nhất là thân quyến gần nhất với người quá cố và một số bạn bè thân cận nên cùng nhau thảo luận trong một cuộc họp bất thường để tìm ra phương cách tốt nhất trong việc sắp xếp cử hành tang lễ cho thích hợp, trịnh trọng và không gây các món chi tiêu không cần thiết. Nếu như không thể cùng nhau hội họp như trên thì điều tốt hơn là nên để cho một nhà thầu nhận việc chung sự được tín nhiệm đảm nhiệm cho, vì những người này họ biết phải làm những gì và như vậy thân quyến đỡ gặp khó khăn trở ngại. Điều khuyên tốt là có thể tìm đến một nhà sư khả kính và nhờ vị này hướng dẫn gia đình cách thức tốt nhất để sắp xếp việc tang lễ đúng theo đường lối của Phật Giáo. Nên nhớ là cho đến nay, nghi lễ trong Phật Giáo không có luật lệ gì khó khăn và cấp tốc mà phải triệt để thi hành. Trong tất cả mọi vấn đề chúng ta luôn luôn theo lời dạy của Đức Phật để duy trì sự hòa hợp và tôn kính trong bất cứ điều gì chúng ta làm không gây thiệt

hại cho người khác. Nếu chúng ta suy gẫm biết ơn đến điều thiện do người quá cố đã làm trong lúc còn tại thế, và không quên chính chúng ta mộ ngày nào đó phải ra đi nên chúng ta phải cố gắng làm điều tốt trong lúc còn sống thì việc đóng góp của chúng ta sẽ có nghĩa lý và được quý trọng.

Cách ăn mặc đúng cách trong tang lễ như thế nào? Trong Phật Giáo, chúng ta bao giờ cũng được khuyến bảo phải ăn mặc tề chỉnh và vừa phải. Không có luật lệ cứng rắn hay chặt chẽ nào bắt chúng ta phải ăn mặc như thế nào trong tang lễ. tuy nhiên phương diện thẩm mỹ dạy chúng ta nên ăn mặc mầu tối và tránh các trang sức lờ loẹt trong ý niệm tôn kính cảm nghĩ của tang gia và tưởng nhớ đến người quá cố. Phụ nữ trong tang chế vẫn có thể đeo nhẫn cưới hay nhẫn hứa hôn. Tốt nhất là mặc đồ đen, trắng, xám hay các mầu tương tự. Vấn đề hoàn toàn do cá nhân quyết định trong ý niệm sở hữu dù đồ đen thường được công nhận tượng trưng trong lúc tang chế.

Xác chết nên giữ bao lâu trước khi chôn hay hỏa thiêu? Với người sống trong khí hậu nóng và ẩm thấp, chúng ta hiểu rằng phân hủy mục rữa rất nhanh nên việc giữ xác lâu mất vệ sinh. Ngoài ra, việc giữ lâu khiến cho tinh thần thân nhân bị căng thẳng vì phải kề cận xác chết trong một thời gian quá dài thực ra không cần thiết. Cũng có một số thân nhân vì quá đau đớn thương đã hôn hay sờ mó xác chết quá đáng. Đành rằng cảm nghĩ tình cảm cao độ với người quá cố mà thân nhân phải chịu đựng, nhưng tình cảm này không nên quá mức và không nên khuyến khích. Khi không được chỉ bảo ta phải giữ xác bao lâu cho đúng, ta cũng nên khôn ngoan không nên

kéo dài các lễ nghi. Theo luật lệ thông thường, thời gian việc giữ xác chết chỉ vào khoảng một hay hai ngày đủ để sửa soạn việc tang lễ cũng như để thông báo cho bạn bè thân quyến.

Vào ngày chôn cất, các nhà sư Phật Giáo được mời đến để triển khai các nghi thức tôn giáo cần thiết tại nhà và tại nghĩa địa. Có một số người đem heo hay gà quay tượng trưng những phẩm vật cúng cho người quá cố. Việc

làm này không nên tán thành trong Phật Giáo vì đưa đến sự giết hại các loài vật vô tội. Dem hy sinh các con vật để dâng cúng cho người ra đi phản lại giáo lý từ bi của Đức Phật nên phải được loại bỏ. Đơn giản với một vài tràng hoa cùng với vài nén nhang và đèn nến đủ để tượng trưng cho các phẩm vật dâng cúng.

(còn tiếp)

PHÒNG THÔNG TIN PHẬT GIÁO QUỐC TẾ
CƠ QUAN THÔNG TIN VÀ PHÁT NGÔN CỦA GHPGVNTN
INTERNATIONAL BUDDHIST INFORMATION BUREAU

Phật lịch 2539, Paris 28-5-95

Kính gửi: Chư Tôn Đức lãnh đạo Giáo Hội,

Kính thưa Quý đạo hữu phụ trách các cơ sở Phật Giáo,

Phòng Thông tin Phật giáo Quốc Tế vừa phát hành cuốn băng hình "LỬA PHỤC LÊN TỪ HUẾ" — cuộc biểu tình 40,000 Phật tử và quần chúng Huế ngày 24-5-3" đòi hỏi cho tự do tôn giáo và quyền phục hoạt của GHPGVNTN. Đây là cuốn băng hình được bí mật từ trong nước gửi ra cho thấy hình ảnh kiêu hùng và bất khuất của Phật tử Huế.

Kính xin chư Tôn Đức, và quý đạo hữu hoan hỷ phổ biến cuốn băng hình rộng rãi khắp nơi để ói lên ý chí tranh đấu giải trừ Pháp nạn của Phật giáo đồ trong nước. Cũng là ủng hộ phưng tiện cho phòng Thông tin Phật giáo hoạt động.

Đạo hữu Nguyễn Siêu Trương Phán đại diện Phòng Thông tin Phật giáo Quốc Tế phát hành cuốn băng hình tại Hoa Kỳ và Gia Nã Đại. Kính xin chư Tôn Đức lãnh đạo và quý đạo hữu tiếp tay phổ biến. Xin liên lạc về địa chỉ:

7390 Kimball Avenue

Dublin, Ca. 94568

Phone: (510) 829-7926

Thay mặt Phòng Thông tin Phật giáo Quốc tế cầu chúc chư Tôn Đức và quý Phật tử Bồ đề tâm kiên cố, Đạo quả viên thành.

Kính bái,

Võ Văn Ái

Giám đốc Phòng Thông tin Phật giáo Quốc tế

Vương Pháp Chánh Lý Luận

Di Lạc Bồ Tát tạo

Hán dịch: Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang

Việt dịch: Văn Nguyên

(tiếp theo)

SAO GỌI LÀ VUA BƯỚC VÀO NGƯỠNG CỬA PHƯƠNG TIỆN?

Đại Vương nên biết, cửa phương tiện lược nói có năm. Những gì là năm? Một là thống lãnh quần thần một cách khéo léo. Hai là đúng lúc ban ân bố huệ. Ba là suy tư cơ vụ không phóng dật ham chơi. Bốn là khéo léo bảo trì quân khố không phóng dật ham chơi. Năm là chuyên tu thiện pháp không phóng dật ham chơi.

1/ Sao gọi là Vua khéo léo thống lãnh quần thần?

Nếu có vì Vua đối với quần thần tánh thường cân nhắc, quán xét sâu xa, suy nghĩ tường tận để mà chọn lựa, chọn lựa một cách kỹ lưỡng tùy theo khả năng tính tình của họ rồi xếp đặt chức vụ thích hợp làm kẻ thân cận quanh Vua thì gọi là Vua thống lãnh quần thần một cách khéo léo.

2/ Sao gọi là Vua đúng lúc ban ân bố huệ?

Nếu có vì Vua sau khi quán xét kỹ lưỡng quần thần, đã thấu dùng họ làm những kẻ thân cận bên mình thì càng thêm sủng ái, độ lượng bao dung với họ mà ban công thưởng lộc, tin tưởng giao phó những điều cơ mật. Đôi khi họ có vài sơ sót khinh ngôn nhỏ nhặt thì Vua cũng chỉ nên an ủi răn dạy vỗ về...

Một lúc nào đó, Vua lỡ gặp điều nguy cấp bởi oán địch hay bạn bè phản nghịch đem quân công phá thì những kẻ thân cận Vua sẽ sẵn sàng tận lực thi thố tài năng và trí tuệ. Như vậy gọi là Vua đúng lúc ban ân bố huệ.

3/ Sao gọi là Vua không phóng dật ham chơi mà lo suy tư cơ vụ?

Nếu có vì Vua đối với kế sách hòa hảo mà phải làm thế nào để cơ vụ hoàn thành, Vua thường ở nơi tĩnh lặng suy nghiệm trầm tư hoặc luận bàn cùng các bậc trí giả những phương thức hành động thế nào thật hòa bình an lạc. Như vậy, loại bỏ những nhân những duyên thương tổn và trái chống tiến trình hòa hảo để hoàn thành cơ vụ; tiến hành những phương pháp vững mạnh quân đội để hoàn thành cơ vụ; tiến hành những sách lược bang giao và khiến các đảng phái, các nước lân bang tâm phục để hoàn thành cơ vụ... Vua thường riêng ở nơi tĩnh lặng chiêm nghiệm suy tư hoặc luận bàn cùng các bậc trí giả bên mình để so sánh và quán sát những gì cần làm và những gì phải bỏ, cho đến cả những việc khiến các đảng phái và các nước lân bang tâm phục. Như vậy gọi là Vua không phóng dật ham chơi mà lo suy tư cơ vụ.

4/ Sao gọi là Vua khéo léo bảo trì quân khố

không phóng dật ham chơi?

Nếu có vì Vua biết phát triển sự nghiệp, khéo léo làm hưng thịnh sự nghiệp, khéo léo quán xét và quán xuyên sự nghiệp, khéo léo đặt ra những lệnh cấm trong vương môn, cung môn và ngân khố quốc gia (không lạm dụng tài sản của nước).

Lại nữa, đối với các việc và các nơi yến tiệc ca vũ lễ lạc vui chơi, ngăn cấm không cho quá độ phung phí tài bảo, cũng không được đam mê trong việc cờ bạc. Như vậy gọi là Vua khéo léo bảo trì quân khố không phóng dật ham chơi.

5/ Sao gọi là Vua không phóng dật ham chơi mà chuyên tu thiện pháp?

Nếu có vì Vua biết được nơi chốn các vị hiền triết nhu hòa đôn hậu, thông huệ biện tài, đặc lý giải thoát, xử dụng phương tiện thiện xảo từ tâm không ác hại. Vua thường lui tới các vị Sa Môn hoặc Bà La Môn ấy kính lễ và thỉnh vấn thế nào là thiện, thế nào là bất thiện, thế nào là tạo tội, thế nào là không lỗi, tạo hành nghiệp gì chiêu quả cát tường xa lìa các ác... Vua được nghe xong biết khéo léo cố gắng tu tập hành trì như thế, lại thêm tâm niệm bố thí, tu phước và thọ trì trai giới.

Như vậy gọi là Vua không phóng dật ham chơi mà lo chuyên tu thiện pháp.

Nếu vì Vua nào thành tựu năm cửa phương tiện trên thì Đại Vương nên biết vì Vua ấy không đánh rơi mất những điều lợi lạc của hiện tại và tương lai.

Bốn cửa phương tiện trước khiến không hư hoại những lợi ích và an lạc của hiện tại. Cửa phương tiện cuối cùng khiến không hư hoại những lợi ích và an lạc của tương lai.

(còn tiếp)

Một chôn để về

Tâm Danh P.T.V.

Thân tặng hai em Trọng Nghĩa - Mộng Lan

Khoảng chừng bốn mươi ba năm về trước, tại một miền quê hẻo lánh thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long, có một chúng sanh bé xíu chào đời, đôi mắt tròn long lanh với viền mi thưa thưa, điểm những cái chớp mắt nhẹ nhàng, đôi má núng nính bầu bĩnh dễ thương. Em là bé gái út duy nhất trong đám anh em trai đang sống hồn nhiên trong vườn cây, nơi ruộng lúa xanh tươi. Bé được Mẹ hiền thương yêu lắm, lúc nào cũng chăm sóc như chẳng muốn rời, bé là một phần xương thịt của Mẹ. Nhưng chẳng bao lâu, vòng tay ấm áp nuông chiều của Mẹ bỗng dưng bị chia lìa lúc em hãy còn ấu thơ. Mẹ bị một cơn bạo bệnh phải lìa trần, đành đoạn cắt đứt thật oan uổng ân tình thâm sâu với bé, để bé lại bơ vơ nơi cõi đời, bé chưa hề biết rõ ý nghĩa của sự mất mát lớn lao đó, nhưng trong tâm tư bé đã hẳn lên nỗi thương, nỗi nhớ khôn nguôi để từng đêm về bé nhỏ lệ khóc than; viền mi cong của bé đã ướt đẫm giòng lệ đau thương, đôi má núng của bé âm ỉ của từng giọt lệ lăn dài.

Một đêm, bé bước ra sân bằng đôi chân nhẹ nhõm, đôi chân như lướt trên mặt đất, bé đi trong cơn mộng du, như xuyên qua bầu trời đầy sao, ánh trăng huyền diệu như treo lơ

lửng giữa bầu trời. Trong khoảng không có mùi thơm của hoa cỏ dại, lẫn trong mùi thơm nhẹ nhàng thoảng qua của hoa cau đầu mùa, mùi hoa cau mà bé như đã gần gũi quen thuộc từ lâu lắm rồi. Bé thấy bóng trăng lung linh tỏa sáng cả một khu vườn như đưa đường dẫn lối cho bé đi vào cuối vườn, ánh sáng mỗi lúc một chói lòa, rực rỡ hơn lên. Bỗng, bóng Mẹ hiện ra thật hiền dịu. À, Mẹ từ cõi trời trở về trần gian thăm con đây, bé nhìn chăm chăm vào Mẹ, ô, trông Mẹ đẹp như bà tiên, từ nơi Mẹ tỏa ra nét an hòa dịu vợi, mẹ lại có cả đôi cánh nữa... Mẹ là vị thiên thần, đêm nay bay về thăm bé. Bé mừng quá, chạy bổ òa vào lòng Mẹ, ôm Mẹ thật chặt, đưa đôi lòng bàn tay nhỏ bé quờ quạng tìm lên khuôn mặt Mẹ, mấy ngón tay bé bỗng chạm nhẹ vào làn da mịn màng quen thân của Mẹ, mà đã bao lâu được ấp ủ, thoa áp vào thân thể của bé. Nhưng bỗng bé giật mình khi bàn tay bé cảm thấy ướt, âm ẩm một chất nước gì đó đã tuôn ra từ đôi mắt Mẹ—có lẽ là nước mắt, bé suy tư và nghiệm ra được một điều gì—dấu thân xác mẹ không còn ở cõi phàm trần, Mẹ với con đang ở hai thế giới khác nhau, nhưng tâm Mẹ và tâm con đã hợp nhất ở một chỗ, đã động đến ở cõi sâu thẳm của tâm thức, và giao thoa lẫn nhau hóa sanh ra những hạt châu lặn tròn từ đôi mắt long lanh của Mẹ.

Mẹ và bé đã nối lại được sợi giây thiêng liêng mẫu nhiệm của tình mẫu tử, mà bé ngỡ đã mất đi biên biệt. Bé vô cùng cảm động, bé cựa cái mũi nhỏ xíu xinh xinh của mình vào cái mũi của Mẹ, bé nhón gót lên hít hà hương thơm tinh khiết toát ra từ gương mặt của Mẹ, cùng lúc, Mẹ cẩn trọng, an hòa, phà nhẹ vào mũi bé như chuyển thêm cho bé tình thương, sự bình an, yên ổn và sự chúc lành. Mẹ

thâm thì dặn dò: “Mẹ phải trở về trời ngay, không thể ở đây luôn với con được, con hãy cố gắng làm tròn phận mình và gìn giữ nề nếp gia đình, đầu tiên lụy, oan gia có đến với con thì con hãy lấy tâm Không ra mà đối đãi, mà phát triển lòng Từ. Con hãy lấy ngay công việc con đang làm và sẽ làm để mà quán sát, mà trải rộng lòng thương ra mọi loài. Tất cả những người thương con và con thương đều đang đợi con về, chỉ còn hai tiếng đồng hồ nữa Mẹ sẽ xuống lại để rước con về, nhưng con hãy nhớ kỹ là trong hai tiếng đó, vì sự chiêu cảm của nghiệp lực luân hồi, con sẽ gặp nhiều điều rất lạ lùng, đôi khi rất đau lòng, đôi khi cũng có ít nhiều dự âm êm ái, nhưng dù bất kỳ nguyên cớ nào xảy ra, thì con phải tâm tâm niệm niệm là Vạn Pháp do Duyên Sinh thì cũng chính do Duyên mà Vạn Pháp diệt, có mà cũng như không, tất cả đều Vô Thường, Vô Ngã. Vậy hãy vui lên, rán tinh tấn tu hành cho được nhẹ nhàng thân tâm, nếu vì lỡ ham chơi, con có phạm tội thì cũng nhớ là tội từ tâm tạo thì cũng từ tâm diệt nghe con. Mẹ và gia đình lúc nào cũng theo sát hộ trì từng bước đi, từng giấc ngủ của con; trong hai tiếng đồng hồ còn lại của đời con trong cõi ta bà này.” Tiếng mẹ nhỏ dần, từ từ tan loãng vào hư không...

Bé giật mình thức giấc. Ô hay! Chẳng phải là bé của ngày xa xưa, của bốn mươi ba năm về trước, chỉ thoáng qua một giấc mơ, bé trở lại là một người phụ nữ đã bốn mươi ba tuổi đời, bốn mươi ba năm trôi qua với bao vật đổi sao dời, vậy mà mẹ vẫn sống trọn vẹn trong tiềm thức, để đêm nay Mẹ trở về trong cơn mơ để báo một niềm mong đợi thương—cùng đúng ngay vào sinh nhật của Cô. Hai tiếng đồng hồ nữa mẹ sẽ về rước con đi, hai tiếng

đồng hồ ở cõi trời lâu bằng mấy trăm ngày ở dương thế? Rồi con cũng sẽ trở về với Mẹ như điểm mộng Mẹ đã báo—trở về với Mẹ hay trở về với cõi nguồn hạnh phúc? Hay trở về với cõi Chơn Như Vĩnh Hằng? Hoặc là tan vào cõi Không?

Quả nhiên tình mẫu tử đã quá thiêng liêng nhiệm mầu, cho nên dù cô đã khôn lớn trưởng thành, đã qua hơn nửa đời người, mà Mẹ vẫn trở về để cùng cô hiệp nhất trong một cơn mộng không giống với bất cứ những cơn mộng bình thường nào. Dù trong tâm thức của cô vẫn thường hướng về người Mẹ quá cố với bao niềm thương tiếc, nhưng hình ảnh của Mẹ chưa bao giờ thấy được rõ nét như gương mặt Mẹ đã thật sự hiển hiện trong đêm nay. Vậy là đích thật Mẹ đã về từ cõi Trời, và Mẹ cũng đã hứa đem cô theo.

Đang mơ màng trong trạng thái hư hư, thực thực, bỗng tiếng điện thoại reo vang, cô lẫn người qua nhắc cái điện thoại cordless kê vào tai, tiếng ai êm dịu như Pháp âm mà cô vẫn chưa nhận ra: “Tâm Danh đi làm về ăn cơm chưa? Hôm nay ăn thức gì? Mấy hôm vụ bom nổ ở Federal Building chắc mệt với bệnh nhân lắm phải không? Có nhớ đọc thêm Kinh sách không? Có nhớ niệm Phật và lên chùa thăm Thầy không hè? Có... không? Có... không?” Cô chỉ mỉm cười, không trả lời kịp. Đưa mắt nhìn ra sân, thấy nắng chan hòa rộn rã, hoa lá đong đưa theo gió như nhảy múa reo vui, hình như trên không cũng văng vẳng tiếng nhạc chúc lành. Cô thầm nhớ lại lời Mẹ dặn dò, dạy dỗ, nên cô tự nguyện với lòng là bằng sự siêng năng tu học, tuân theo Pháp Bảo của đấng Từ Phụ, nghe theo lời chỉ bày của Sư Trưởng, để trui rèn, hầu đền đáp lại phần nào ân sâu dưỡng dục sinh thành, tình

thương của Mẹ, và cũng để hướng về Mẹ trong vô về an ủi.

Trong Kinh có ghi: “*Nhất nhân giải thoát cứu huyền siêu thắng*”, cùng với sự tin chắc Mẹ đã được giải thoát qua lần đầu tiên trở về trần gian đêm nay như một báo hiệu đích thực, cô cũng đã thừa hưởng trọn vẹn âm đức nơi Mẹ, lại có duyên lành với Phật Pháp, nên lòng cô rộn lên niềm an lạc và tin yêu.

Qua khung cửa kính, bên ngoài nắng đang lên cao dần, cây cỏ phơi mình dưới vạt nắng đầu ngày ánh lên một màu xanh biếc lấp lánh. Cô ngồi đây từ ngay giờ phút này tính ra mới bắt đầu là khởi điểm của hai tiếng đồng hồ trên cõi trời, và ngay tại nơi đây hình như vừa qua một cái chớp mắt, một làn gió thoảng, hoặc một đám bụi mù tung bay? ■

Ân cha mẹ

*Quê hương chan chứa tình người,
Tiếng thương mẹ gọi như đường mĩa lao,
Giờ đây nhớ tiếc thuở nào,
Mẹ hiền thương nhớ, lời chào của con,
Mẹ cha ân đức như non,
Ngày xưa đâu nữa để còn mẹ ơi!
Giờ đây con sống xứ người,
Lẻ loi chiếc bóng thiếu trời tình thương,
Cửa thiền con nguyện con nương,
Nguyện đem công đức cúng dường mẹ cha.*



Những cánh hoa vàng

Thúy Trúc

Từ lịch cứ rơi xuống, rơi xuống nghe như nổi háo hức của lòng mình tăng lên. Mùa hoa vàng nở. Một cây, hai cây, ba cây... từ đầu đường đến cuối, bên phải, bên trái, hai bên vàng rực, vàng như không còn gì vàng hơn thế nữa. Vàng như ánh trăng nằm lơ lửng, vàng như phước điền y của Đấng Thế Tôn, như áo của hai bà Trưng Nữ, như màu cờ yêu dấu Việt Nam. Màu vàng đem đến cảm giác rưng rưng thương nhớ. Lại nữa, những cánh hoa vàng lớn nhỏ thi nhau cười, hàng năm vẫn hiển hiện, không ai để ý lắm, phải chăng vì bận bịu bôn ba? Nhưng trong thời điểm này thật có giá trị, chúng không khác gì mai nở vào dịp Tết Nguyên Đán bên Việt Nam mình như thấy lại mùa xuân quê hương. Con cháu Hồng Lạc đi đâu cũng chỉ thấy quê cha đất tổ! Một đám mây nhỏ chầm chậm bay qua, chợt có chợt không, chợt còn chợt mất. Mấy ai nhìn thấy hoa đẹp, mây trắng thông dong. Có lẽ họ đang giận nhau, yêu nhau, kể cho nhau nghe chuyện nắng chuyện mưa. Có lẽ đang cố làm việc gấp hai gấp ba để kiếm vật thực độ thân, tiên liệu cho năm rộng tháng dài sắp đến.

Vừa đi, vừa nói chuyện với hoa, những cánh mong manh rung rinh trước gió, nơi đó tôi bắt gặp cả mặt trời, cả những sợi mưa, giọt

nắng, cả bàn tay thương yêu của người trồng hoa. Vài con bướm lượn quấn quít nhau. Sau chùm lá rậm, đôi chim cất tiếng hót. Ở đâu có hoa, có chim, có bướm, có cái gì hay hay thì thơ thức dậy:

Thênh thang đôi bướm lượn

Trên con đường đầy hoa

Nở vàng như màu áo

Gió thoảng dậm đường xa.

Hai em bé gái lên ba lên bảy, vừa tằm nắng, vừa lượn những cánh hoa vàng rụng như lượn những giọt tình thương. Bất giác mẹ em cài lên tóc cho em một chiếc hoa nho nhỏ, em tủm tỉm cười như đang dự tính làm cái gì khá hứng thú. Nét mặt em ngơ ngác láo lơ, nếu không nói là rạng rỡ thêm lên như đua sắc với những cánh hoa Bồ Tát hóa thân. Hoa có đủ bốn đức tính Từ, Bi, Hỷ, Xả. Cho ta niềm vui, sự mát mẻ; nhìn hoa đẹp làm vui bớt niềm đau; hoa không ganh tỵ dù ta thành công; mặc cho người lữ hành khen chê, hoa không hề biết giận. Hoa nở chẳng vì ai. Cái đẹp của hoa không nằm ở kích thước, không có ngôn từ, một cái đẹp không vương vị tục trần của xác thịt, khi nở chẳng cần biết được tiếp nhận hay không. Hoa có thể tàn nhưng vẻ đẹp và mùi hương không mất trong tâm. Tôi thấy loáng thoáng những gì tôi đang tìm kiếm, sự nhiệm mầu của thiên nhiên vũ trụ. Hạnh phúc tràn trề. Ừ, hạnh phúc lớn thường bắt đầu bằng một chuyện rất nhỏ. Giờ phút này chẳng biết làm gì ngoài sự im lặng. Im lặng để thưởng thức, để lắng nghe tiếng đập rộn rã của con tim. Sự có mặt của tôi trong lúc này là tặng phẩm duy nhất cho những đóa hoa vàng khả ái.

Tiếng dương cầm lọt qua khe cửa từ nhà bên vọng lại, lắng nghe từng thanh âm huyền diệu. Nghĩ gì về những người thiếu may mắn, đui-diếc-câm-ngọng? Khổ chưa! Khi mất thì xót xa, khi còn thì không tha thiết, đó là tình đời muôn thuở.

Mất còn sáng, tai còn nghe, miệng nói được, hãy nói, hãy nghe, hãy nhìn thiên nhiên vạn vật từng phút từng giây trong chánh niệm. Nắm lấy và duy trì sự an lạc bằng tỉnh thức, bằng bước chân, bằng nụ cười, bằng cái nhìn, cái nghe, cái cảm cho đến khi bạn và an lạc là một. An lạc sẽ bất hoại trước mọi thử thách. Hãy bắt chước người xưa. Nhìn bướm hoa như tri âm đối diện. Thi sĩ Nguyễn Bính thấy hoa bướm hôn nhau. Quách Thoại nghe được hoa hát, người thơ phải sụp lạy cúi đầu như đánh lễ một vị Bồ Tát:

*“Đường mòn tràn ngập bóng mây
Gió heo báo trước một ngày thu sang
Dừng chân trước cửa nhà nàng
Thấy hoa vàng với bướm vàng hôn nhau”*
Nguyễn Bính (Dòng dư lệ)

*“Đứng im ngoài hàng giậu
Em mím nụ nhiệm mầu
Lặng nhìn em kinh ngạc
Vừa thoáng nghe em hát
Lời em ca thiên thâu
Ta sụp lạy cúi đầu.”*

Quách Thoại (Thước dượt)

Có người nói: “Hoa là thơ của Đất, Thơ là Hoa của Người. Cho nên Hoa cũng như Thơ, cái đẹp là cái cốt yếu”. Mở mắt để thấy cái đẹp quanh mình. Trùng trùng điệp điệp, vũ trụ có muôn ngàn siêu hoa khác nhau, tận

hưởng, dừng chờ, cho đến lúc nào? Vì sau cái này luôn luôn có cái khác. Mở cánh cửa tỉnh thức nếu chưa từng được mở, mây mù, mưa gió sẽ biến tan, vầng trăng giác ngộ sẽ vằng vặc giữa hư không, đêm tối trần gian sẽ được sáng soi rức rở, khắp nơi đều vang tiếng hoan ca, đến đâu cũng tràn đầy hoa thơm cỏ lạ.

Việc đã qua cho qua, việc sắp đến tự nó đến, cứ vui với hiện tại. Khen chê phỉ báng xem như cầm lửa đốt hư không. Không cần vật lộn giữa xấu-tốt-dở-hay, ngắn-dài-đen-trắng, cứ thưởng bướm xem hoa, hơi đâu mà than mây khóc gió. Có như vậy thì ta đã sống trong thiên vị. ■



HƯỚNG VỀ MẸ

*Cách xa ngàn dặm sông khe,
Vu-Lan Thăng-Hội nhớ về quê hương,
Quê hương khuất nẻo trùng dương,
Hoàng hôn nhạc bóng để buồn lòng ai.*

*Mẹ ơi ! Mẹ ở lại nhà,
Tai trời vạn nước con xa mẹ hiền,
Quê người lăm nổi truân chuyên,
Vu-Lan nhớ mẹ con nguyện gắng tu.*

Lấy lượng nào đong

Phạm Thăng

Công cha nghĩa mẹ, đức cù lao,

Lấy lượng nào đong...

Thờ cha mẹ phải hết lòng,

Ấy là chữ Hiếu dạy trong luân thường...

(Bài học thuộc lòng trong Quốc Văn Giáo Khoa Thư)

Các bạn đã từng biết qua những chuyện biển dâu thay đổi, từ biển cả, bãi lầy, đảo nhỏ do đất bồi lún lún theo thời gian mà thành đồng ruộng, và đang là ruộng dâu xanh mướt bỗng bị trận lụt lớn mà thành vùng biển mênh mông. Những chuyện đổi thay đó thường xảy ra gần biển cả, nhưng các bạn trẻ chắc không ngờ là chợ Ngã Tư Long Hồ ngày nay cũng đã qua một cuộc “biển dâu”.

Chợ Ngã Tư Long Hồ là một khu chợ quận vui vẻ náo nhiệt nằm trên đường liên tỉnh Vĩnh Long—Trà Vinh, cách chợ Vĩnh Long 10 cây số, nơi con sông Long Hồ gặp con sông nhỏ chảy về Phước Chí và con sông hướng về miệt Cái Ngang, Ba Càng.

Theo tỉnh lộ, từ Vĩnh Long đi Trà Vinh, ta sẽ đến khu chợ bên này bờ sông, rồi qua một cầu sắt dài gần trăm thước để hướng về Trà Vinh.

Chợ tọa lạc nơi ngã tư sông sâu nước chảy, tiện lợi cho dân chúng các vùng lân cận chuyên chở nông sản như lúa gạo, chuối xoài, trái cây bốn mùa đến bán.

Khu chợ được xây từ thế kỷ. Trước đây, theo phong trào di dân lập ấp của Chúa Nguyễn, dân chúng từ xứ Quảng theo chân Chưởng Cơ Nguyễn Hữu Cảnh vô đây lập nghiệp cùng với dân cố cựu ở đây làm cho vùng Ngã Tư đang hoang vắng trở nên càng ngày càng đông. Đến đầu thế kỷ, khu chợ có phố hai tầng xây gạch, khu nhà lồng chợ khang trang, kèo sắt, lợp ngói, có công sở (nhà việc) uy nghi, chùa Ông, chùa Bà, trường học từ lớp chót đến lớp nhứt. Về công nghệ thì có nhà máy xay lúa, nhà máy cưa cây, những trại chuyên môn đóng ghe cui, ghe lườn, tam bản, xuồng... nằm dọc theo bờ sông cạnh những trại bán lá chằm dùng để lợp nhà, lúc nào cũng rộn rịp với các cô gái tay thoăn thoắt ngồi xếp đôi lá dừa nước rọc sẵn để chằm thành miếng lá dầy, chắc chắn dài độ thước rưỡi. Miếng hát hò vui vẻ, tay vẫn làm nhanh mà mắt các cô đang nhìn theo hoạt cảnh của đồ máy, đồ ghe cùng xuồng ba lá qua lại chen chúc nơi bốn ngã sông này cho thấy sự ấm no thịnh vượng của dân chúng, mãi đến năm 1945, toàn dân đứng lên chống Pháp đô hộ...

Sau 9 năm khói lửa, khu chợ Ngã Tư này bị xóa hẳn. Nếu không phải là dân cố cựu ở đây, ai có dịp đi ngang chợ Ngã Tư Long Hồ sau này sẽ chỉ thấy một cái chợ nhỏ lèo tèo với dãy phố lá bao quanh ở bên kia cầu sắt, phía Trà Vinh. Còn phía này là bãi đất trống mọc đầy cỏ tranh dưới cơn nắng cháy da.

Không còn một dấu vết gì chứng tỏ nơi đây ngày xưa là một khu chợ sầm uất, dù là vài vách tường đổ nát hoặc những cây cột gạch chơ vơ... Không còn gì hết, chỉ là bãi cỏ tranh vàng úa điu hiu nằm giữa mấy vòng kềm gai rỉ sét quần sơ sài...

Chiến tranh đã cày nát quê hương Việt Nam suốt từ 1945 đến 1954. Quân Pháp xâm lược bố ráp càn quét, Việt Minh tiêu thổ kháng chiến, nên trong 9 năm đầu khói lửa đã phá hủy hẳn ngôi chợ thân thương của dân vùng này.

Trước đây, tên chợ đã được ghi trên bản đồ dân sự, quân sự, và vì nằm trên địa thế chiến lược ở ngã tư sông nước xuôi bốn ngã, tiện việc kiểm soát, nên quân Pháp đã đóng đồn tại trường học sau chợ. Sau nhiều lần bị công đồn, lúc đầu quân Pháp đốt dây nhà bè lá và các trại nào cũng vậy, má tôi không cho theo, bắt ngôi tại chùa Ông, vì chỉ có chỗ này gần bến sông nơi xuống má tôi đậu. Vả lại chùa Ông có cây bàng tàn lớn, bóng mát rượi.

Mà tại sao ở sân trường học người ta thường trồng cây điệp bông vàng, còn gọi là cây keo, trong khi chùa Ông chỉ toàn trồng cây bàng? Sao không là cây điệp hoặc cây xoài? Bởi vì cây bàng không có trái ngon để bọn nhóc tì leo phá gây nguy hiểm, còn cây keo, cây điệp có nhiều bóng mát nhưng rễ nó phá đất. Sân chùa Ông thì nhỏ, lát gạch tàu, chỉ có loại cây bàng là rễ không nhiều và tàn lớn cho nhiều bóng mát.

Cây bàng quen thuộc tượng trưng cho chùa Ông cũng như những cây điệp xanh, cây keo gốc sần sùi, che mát cho ngôi trường tiểu học đã không còn nữa. Chúng đã bị bọn xâm lăng cướp nước khai quang khi cuộc chiến còn ác liệt.

Trước năm 1945, trường tiểu học Ngã Tư Long Hồ giữ vị thế rất quan trọng vì là trường duy nhất cho khắp vùng. Học trò ở Cái Ngang, Ba Càng, Bình Phước, Long Phước, Phước Chí v.v... nếu muốn có bằng sơ học (lớp ba) và học lên đến tiểu học (lớp nhất),

phải rời bỏ mái trường nghèo làng mình, rời bỏ vẻ ngơ ngác của đứa bé còn hôi mùi phèn, suốt ngày thơ thẩn dưới bóng mát cây xoài, bụi chuối, chỉ biết đánh u, đánh trống, hoặc mò cua bắt ốc với đám trẻ quen thuộc... để "dấn thân" vô mái trường rộng lớn có trẻ lạ từ khắp vùng tựu về. Quê tôi cách chợ Ngã Tư khoảng năm cây số nên năm lên bảy, tôi cũng là một trong đám trẻ dấn thân đó.

Từ trên cầu sắt đổ dốc xuống đã thấy mái ngói đỏ ẩn hiện dưới tàn lá rậm của sáu cây điệp bông vàng, trái đen. Dân ở đây kêu là cây keo. Trái dài cỡ một gang tay giống trái me. Khi chín trở màu đen và nhựa trái ngọt gắt mà nồng chát và không ăn được vì mũ nhựa của trái tuy ngọt nhưng ăn nhiều sẽ bị ngứa ngát, gọi là say máu ngà.

Trường gồm mười lớp học khang trang và một phòng làm việc của ông Đốc học. Trường lợp ngói móc, vì bị lá cây keo rụng bám đầy nên phủ rêu xanh, vách tô vôi loang lổ, có chỗ bị bọn học trò chơi đập đá tường làm bể lớp vữa tô bên ngoài lòi gạch sứ mẻ.

Như những trường học khác thời bấy giờ, trường xây thành một dãy dài mười một phòng. Tất cả cửa ra vào đều quay ra một hành lang chung rộng rãi, để học trò đứng xếp hàng mỗi khi vào lớp và sau giờ ra chơi. Phòng ông Đốc ở đầu dãy có treo tòn teng cái trống châu to tướng đã mòn da vì thời gian.

Ngày đầu tiên má tôi dẫn tôi đến trường, tôi thậm thụt đi sau lưng bà, một tay cầm nón cối trắng, một tay ôm chặt cái cặp đệm mới tinh, trong đựng hai tập vở học trò, viết chì, thước và tập văn Con Gà.

Má tôi dặn dò từ lúc ở xuống bước lên bờ đủ thứ... mà vì lo buồn nên tôi quên hết, chỉ nhớ mang máng một điều là phải lễ phép,

gặp ai cũng chào, cũng đỡ nón, nên vừa bước qua hai cánh cổng trường đồ sộ, tôi cảm thấy như bước vào thế giới khác, thế giới của khuôn phép, thế giới của mấy thầy giáo lạ hoắc tay cầm cây roi mây lăm lăm.

Tôi đã lấy nón ra cầm trên tay, sẵn sàng để cúi đầu... chào tất cả mọi người. May mà lúc đó đang giờ học, sân trường vắng hoe, tôi chỉ thấy một bác già mặc bộ đồ bà ba đen như bác tư Giác của tôi, tay cầm cây dù to tướng bóng láng, hai đầu có hai cục u tròn. Tôi xanh mặt tưởng tượng ai mà chịu nổi với cây này, tôi bậm môi cúi đầu chào bác sát rạt, không dám ngừng đầu lên. Má tôi và bác ta mỉm cười.

Tôi đi như bước không nổi, chùn lết theo má tôi từ cửa đến phòng ông Đốc không xa mà má tôi phải kéo tay tôi mấy lần, miệng nhỏ nhẹ:

— Đi mau đi con, học ở đây sướng quá mà...

Hai mắt tôi đỏ hoe, nước mắt chỉ chờ rơi xuống, nhưng không rơi nổi vì tôi quá sợ cảnh lạ hoắc, lạ hươ ở đây. Tôi cúi gằm, bước theo bà thì bỗng tiếng trống làm tôi giật mình nhìn lên.

Bác già lúc này đang thẳng tay nện dùi vào mặt trống: thùng, thùng, thùng...

Tiếng trống còn âm vang, lũ học trò đã nhao nhao, nhưng chưa thấy đứa nào ra sân, chúng nó còn đang chen nhau sắp hàng. Có đứa thấy tôi thập thò sau lưng má tôi, chỉ trỏ, trợn mắt phùng mang. Bấy giờ tôi mới điếng hồn. Trời ơi, tụi gì mà xa lạ, không giống như thằng Ri, con Quý quê tôi. Tụi nó nói gì tôi vậy cà?

Vừa lúc học trò chạy ùa ra sân. Đám kéo lại gốc cây keo, đám chạy vòng ra phía sau

lớp. Tôi cúi mặt không dám ngó tụi nó. Tiếng trống vẫn còn ù ù lỗ tai. Trước đây, mỗi lần theo má hay chú tôi ra chợ, cũng những tiếng trống này vang vang nhưng tôi không thấy quan trọng, vậy mà bây giờ tôi đang ở đây... tôi đã vào khuôn khổ rồi, tôi sắp là “học trò trường lớn” rồi đây...

Cách đây nửa tháng, má tôi đã cho tôi biết việc đưa tôi ra chợ Ngã Tư để học. Tôi khóc lóc sợ hãi không dám xa nhà, nhứt là phải đi học ở một trường quá to lớn, xa lạ đối với tôi. Tôi nằm vạ rồi khóc lóc năn nỉ, tôi nói thà học ít ít chữ với thầy giáo làng mà mỗi ngày còn được chạy nhảy tung tăng trong vườn với tụi bạn quần áo trắng mốc mùi phèn.

Nhưng má tôi cương quyết, bà ngọt ngào dỗ dành, cắt nghĩa luôn mấy ngày. Nào là: con rán đi học để lớn lên sẽ giỏi như ba, có chữ có nghĩa với người ta... ôi nhiều lắm, đầu óc tôi đâu hiểu hết, tôi khóc mùi mẫn, hụ hụ, nhưng bỗng nghe văng vẳng: rồi mỗi ngày má cho hai xu để ăn bánh.

Tôi ngừng khóc để nghe rõ hơn. Má tôi hứa cho tôi hai xu mỗi ngày! Mèn ơi... tới hai xu, sướng quá!

Từ trước tới giờ, làm gì tôi có xu nào trong túi mỗi ngày, chỉ trừ mấy ngày Tết mới có tiền rủng rỉnh. Tôi thèm có xu để mua cơm, mua mía. Ngày ngày chị bán cơm, mía bơi xuống dọc theo rạch nhỏ trước nhà, đã làm cho tôi, thằng Ri, con Quý nhìn theo thèm thuồng.

Đặc biệt là chị này vừa bán vừa đổi hàng bánh để lấy trái cau tầm vung, vỏ ốc, vỏ hến. Chị đem theo mía, cơm nếp, bánh in nhuộm màu xanh đỏ bán cho con nít ở vùng quê hẻo lánh xa chợ này, và cả ba khía, cá mèi để bán cho người lớn. Ôi những con cá mèi, những

con cua nhỏ ướp muối xanh lè là những món ăn thơm ngon trong bữa cơm đạm bạc của dân quê!

Thấy tôi thèm cơm, mía, má tôi và chú tám cũng có cho xu để mua ăn, nhưng tuổi thơ thèm ăn, một xu làm gì đủ, nên tôi theo thằng Ri, con Quý đi lượm cau tầm vung để đổi.

Cau tầm vung là trái cau chín đỏ sớm hơn những trái khác trên buồng cau còn trên cây. Vì chín nên nó sứt cùi, rụng xuống đất, người dân quê có quá nhiều buồng cau để bán nên không tha thiết lượm lại loại này, chỉ dành cho đám trẻ con tìm lượm để đổi với chị bán bánh. Dĩ nhiên chị này sẽ đổi rất lời để chở về bán lại cho vừa làm cau khô, hoặc cho nhà chuyên gieo trồng cây giống lựa những trái cau lớn mà đem đi ươm.

Tụi tôi chịu khó lặn lội từ lúc trời chưa sáng, dẫn mình trong sương mờ mờ, mò mẫm lượm từng trái cau chín rụng trong vườn. Dù sợ ma, tụi tôi cũng bậm môi lần theo bờ đất phía sau khu mả ông bà tôi để lượm cho nhiều.

Trước đây, khi còn sống, bà tôi trồng chung quanh khu mả này rất nhiều cau. Những cây cau lão lớn tuổi hơn ba tôi giờ đây trơ thân gầy khẳng khiu mốc trắng in bóng lên nền trời với đám lá rũ oặt. Đêm đêm những đám lá này oặt òa, oặt oại theo gió như những đầu tóc xòa. Đám con nít tụi tôi nhát với nhau: đó là tóc con quỷ xòa phơi cho mau khô, nào là có nghe tiếng khóc oe oe, tiếng hát đưa vông kẹo kẹt trên mấy cây cau xòa tóc đó... Đủ thứ chuyện ghê rợn làm tôi không dám ngủ một mình, vậy mà phải bậm môi ra đó lượm cau rụng, vì ở đó có nhiều.

Nhiều cây cau già, những buồng cau quá thời phát triển, trái chín rụng mỗi ngày để

chúng tôi tha hồ lượm. Những trái cau này là những cái bánh in, khúc mía thơm phức, ngọt ngào làm chúng tôi quên lạnh, mặc dầu hàm răng đánh bù cạp mỗi lúc bị nước sương đọng trên tàu lá chuối đổ ào xuống. Đi vòng vòng tới lúc mặt trời lên khỏi ngọn tre, bọn tôi được một rổ quả nhỏ, hề hụi bung xuống bờ rạch trước nhà ngồi chờ... tiếng rao của chị bán: “Ai có cau tầm vung... vỏ ốc, vỏ sò... đổi mía, ba khía... hông?”

Tiếng rao quen thuộc đó làm tụi tôi tỉnh người, quên cái áo phong phanh trên mình còn ướt nhep, nuốt nước miếng cái ực... Ngọt thiệt!

Vậy mà bây giờ nếu tôi chịu đi học, mỗi ngày sẽ có hai xu, mà ở chợ Ngã Tư có rất nhiều hàng bánh. Tôi đã theo má ra chợ nhiều lần, đã thấy đủ loại bánh bò, bánh da lợn, bánh tầm... ôi thôi, nhiều lắm, cả chợ mà. Tôi xiêu lòng chịu đi học xa nhà. Tôi còn chịu gấp khi má tôi nói:

— Con học trường lớn, con sẽ là học trò trường tỉnh (quê tôi gọi trường học ngoài chợ là trường tỉnh, dầu đó chỉ là chợ huyện) đâu như con Quý, con Qui học dở ẹt ở... trường làng.

Thế là từ hôm đó tôi nhìn tụi nó với con mắt kênh kiệu. Tôi sẽ là “học trò trường tỉnh”. Bảnh tẻng quá!

Chỉ có trở ngại cho má con tôi là nhà xa chợ Ngã Tư khoảng 5 cây số. Nhà tôi ở trong tận cùng trong rạch nhỏ của sông Long Hồ, tên là rạch Bà Giáo. Sông rạch chẳng chịt thì nhiều mà chỉ có một đường lót đá xanh lờm chớm từ chợ Vãng (Vĩnh Long) qua Ngã Tư đi đến Cái Nhum là có xe chạy chở khách mà thôi. Dân xóm tôi muốn đi xe, phải men theo bờ mương, bờ xẻo, qua bao nhiêu cầu khỉ lắt

lẻo mới đến đường lộ đá, rồi phải ngồi chờ cả một hai giờ mới có chuyến xe đò cũ kỹ ọp ẹp, người đeo dây cửa sau xe, người chắt ghế nghện trên mui. Có khi xe chật quá, tài xế không ngừng rước thêm, thế là mất công chờ thêm hơn hai giờ nữa, nên thà đi bộ bằng đồng hoặc đi bằng xuồng, mau hơn.

Lúc đầu má tôi dự định cho tôi ăn cơm tháng tại nhà người dì bà con. Dì Năm bán mắm có nhà sát bên chợ, cạnh trường học. Má tôi thấy tôi khóc lóc quá, vả lại tôi mới bảy tuổi, gửi xa nhà thì cũng thương, nên sau cùng bà hứa với tôi sẽ chịu khó đưa rước mỗi ngày bằng xuồng.

*

Ông Đốc cầm khai sanh của tôi, hỏi má tôi:

— Sao chị đưa con đi học trễ vậy? Tự trường cả tháng nay rồi.

— Thưa thầy, tui hay tin tự trường nhưng thấy cháu còn nhỏ quá nên nấn ná hoài.

— Thôi được, cũng không sao. Chị đi về đi, tôi cho nó vô lớp chót B.

Rồi day qua đám học trò lớn đang lấp ló ngoài cửa, ông kêu lớn:

— Thằng nào vô biểu coi.

Một anh học trò lớn chạy vô khoanh tay.

— Mầy dẫn thằng này xuống lớp chót B của thầy giáo Chín đó, biết không?

— Dạ biết.

— Giao nó với tờ giấy này cho thầy.

Tôi hoảng quá, níu cứng vạt áo má tôi, nước mắt chảy dài xuống gò má. Má tôi cũng bịn rịn chưa biết phải làm sao. Ông Đốc trợn mắt:

— Khóc lóc cái gì? Lớn rồi, đi học như tụi kia kìa, có gì mà khóc. Đi theo anh này xuống lớp rồi trưa nay về với má.

Má tôi xá ông Đốc, gỡ tay tôi ra, bước lùi ra cửa, nói run run, giọng bà cũng cảm động:

— Giải đi con, rồi trưa về với má. Má lợi nhà dì Năm, tới giờ về, má đón con.

Tôi lấm lét nhìn ông Đốc rồi riu riu theo anh học trò lớn. Tụi học trò kéo theo như đi coi hát. Tôi mắc cỡ quá nhưng vẫn nhìn với theo bóng má tôi đang đi ra cửa trường.

Trường tiểu học ngày trước gọi lớp nhỏ nhất là lớp chót hay lớp Năm chớ không như ngày nay, bắt đầu là lớp Một. Sau lớp chót là lớp Tư, lớp Ba, lớp Nhì nhỏ, lớp Nhì lớn rồi lớp Nhất. Đến lớp này, học trò đã lớn, có vẻ đứng đắn. Trước năm 1940, học trò lớp nhất có anh đã 18, 19 tuổi cũng được học. Có anh ở quê nhà đã có vợ, nhà trường cũng không khó dễ gì, nhưng nếu các anh tiếp tục học lên Trung học thì khó xin miễn tuổi.

Lớp chót trường nào cũng có nhiều học sinh, nên lúc nào cũng có hai lớp: A và B. Tôi đến lớp chót B ở cuối dãy. Lớp đang giờ ra chơi nên chỉ có ông giáo già đang ngồi coi bài. Đến cửa lớp, mấy thằng học trò chen nhau đi coi tự động đứng lại ngoài cửa. Anh học trò xá thầy rồi đưa tờ giấy. Tôi đứng nhìn ông thầy mà hai gối run run muốn sụm.

Thầy giáo mang kiếng trắng xệ xệ trên sống mũi. Trên bàn có cây roi mây dài nhằng. Ông cầm tờ giấy, khoát tay cho học trò ra rồi nhìn tôi hỏi:

— Mầy tên gì?

— Dạ, con tên Tâm.

— Ờ, ờ... mầy ngồi ở bàn này nè. Bàn giữa đó.

Ông dẫn tôi đến dãy bàn thứ hai, phía trong vách tường.

Lớp có ba dãy bàn, mỗi bàn ngồi ba đứa, có bốn lối đi, hai lối sát tường và hai lối giữa.

Tôi ngồi vào bàn. Cái bàn dài rộng quá, không giống như tôi học ở trường làng, tụi tôi ngồi chung một cái bàn vuông ọp ẹp, tha hồ chọc phá, quẹt mực nhau tùm lum.

Tôi ngồi khoanh tay buồn bã, sợ sệt nhìn ra sân tìm bóng dáng má tôi, hy vọng bà còn đứng đâu đó. Tôi lo sợ: hay là bà xuống xuống bơi về rồi? Rồi tôi làm sao đây? Nghĩ đến đó tôi hốt hoảng dợm đứng dậy thì ba tiếng trống báo hiệu vô lớp. Tụi học trò ào ào chạy lại cửa, xếp hàng hai. Thầy giáo bước ra chứng kiến cảnh xếp hàng. Vài đứa còn tiếc bàn bán đạn, chạy lại trẽ, hai tay đầy đất cát quẹt đại vô quần, có đứa thở phì phò vì chạy mệt. Xếp hàng xong, thầy cho vô lớp. Cả đám vào rất trật tự, bước lại chỗ của mình nhưng chưa được ngồi, chờ thầy gõ thước xuống bàn cái rộp mới được ngồi xuống.

Nói là trật tự nhưng cũng có vài đứa chen lấn, thúc cùi chỏ nhau, thầy không thấy. Tôi ngán quá.

Tôi ngồi giữa hai thằng. Đứa phía tay mặt cũng trạc tuổi tôi, mặt mày có vẻ hiền lành, quần áo lành lặn, vô lớp là ngồi khoanh tay ngó lên thầy. Thằng ngồi phía vách ngó bộ bậm trợn hơn, chắc nó lớn tuổi hơn tôi, vì coi bộ mặt mày vác hất. Tóc nó hớt không trọc mà cũng không để chải (sau đó, tôi hỏi chú tôi, mới biết là tóc nó hớt cua, kiểu ca-rê). Nó bận quần cụt vải đen, áo cụt tay gài có một nút, mấy nút kia đứt hết ráo.

Tôi liếc nhìn thấy nó cười, nháy nháy. Mặt nó dính mực tím. Chắc nó quẹt tay dính mực vô mặt cho có vẻ học trò như tụi thằng Ri và tôi lúc mới đi học trong làng?

Tôi còn đang nhìn, nó lấy chừa khều tôi, hỏi nhỏ:

— Ê, tên gì vậy tụi?

— Dạ, tui tên Tâm.

Trống ngược tôi đập liên hồi. May quá, thầy giáo Chín nói lớn:

— Tụi bây mở cuốn vẫn, đọc bài đi.

Rồi thầy nhip thước:

— I, đi học... U, đánh đu.. Ứ, cái lư...

Tụi học trò như biết qua, mở trang đầu cuốn vẫn, đọc lớn theo nhip roi thầy. Có đứa la lớn có ý át tiếng thằng bên cạnh. Chúng nó hét lớn như để thầy nghe tiếng của mình. Mạnh đứa nào đứa nấy gân cổ mà la. Trong đám la hét lớn tiếng đó có thằng ngồi kế tôi. Tôi cũng quen dần nên đọc lớn như chúng bạn, nhưng miệng thì đọc mà mắt nhìn ra sân trường. Những giọt nắng xuyên qua tàn lá rọi bóng rung rinh trên sân đất. Phía xa, cánh cửa trường đóng chặt, mấy chị bán hàng bánh đã kéo nhau đi. Bóng mát của mấy cây keo phủ sân trường còn đầy những nét gạch ngang dọc của tụi học trò vẽ ra để tẩy áo bẩn, nháy lò cò. Tôi chợt nhớ bóng mát của bụi tre nhà tôi... giờ này chắc con Quí, thằng Ri đang ngồi bên rổ cau tằm vung để chờ chị bơi xuống đổi mía, khoai. Tụi nó tự do ngồi móc đất sét để nắn tu nan, nắn con cóc, con trâu... Sao tụi nó sương quá vậy?

Tiếng trống tan học buổi trưa làm tôi sương ran. Giờ đây tôi mới thấy tiếng trống dễ thương làm sao. Tôi theo tụi bạn đứng xếp hàng, mắt không rời cửa trường. Biết má tôi có chờ tôi ở đó không?

Ra khỏi lớp, cả bọn chạy ùa ra. Tôi bưng bả đi về phía cổng trường đã mở, miệng lầm thầm van vái... có má tôi chờ nơi đó.

Má tôi kia rồi. Lòng tôi xúc động muốn khóc.

Tôi theo má về nhà dì Năm ăn cơm. Cũng là buổi cơm thường với cà kho mắm mà sao

hôm nay tôi ăn ngon, mặc dầu nhà lạ. Tôi vừa ăn vừa nhìn má tôi. Mới có vài giờ xa cách, mà lòng tôi rộn ràng vì giờ đây được ngồi lại bên người thân là má tôi...

Hai giờ trưa hôm đó, má tôi đưa tôi lại cửa trường. Tôi vô một mình.

Đám trẻ con chạy cút bắt vòng vòng quanh mấy gốc keo.

Tiếng cười la, tiếng gậy gõ khắp sân. Trường tôi có học trò trai lẫn gái. Đám con gái ngồi tùm năm, tùm ba trên hàng hiên để đánh đu, cũng có một số nhảy dây cạnh đó. Những mái tóc bôm bê, tóc đen ánh xõa trên vai, những cái áo bà ba màu hoặc điểm hoa, những tiếng cười thanh thanh hay tiếng cãi nhau đều nhỏ nhẹ khác hẳn tụi con trai lưng áo ướt mồ hôi, chơi u bắt mọi ồn ào, sống động trái ngược với không khí nghiêm trang của nhà công sở, đối diện ngang trường. Mấy ông làng áo dài khăn đóng, vài chú thím nông dân tay cầm tờ đơn, thập thò...

Tôi mong buổi chiều qua mau mà sao thấy lâu quá.

Tụi học trò lớp bét (lớp chót) như chúng tôi học vẫn buổi sáng, tập viết buổi chiều, nghĩa là tập vẽ những nét sổ đứng như hàng rào. Vẽ kiu này tôi đã từng học qua ở quê nhà nên vẽ không khó lắm. Mấy đứa vẽ xong trước đem vở lên để thầy cho điểm. Tôi cũng mau mắn chạy lên, quên mình là học trò mới.

Chiều hôm đó, má con tôi bơi xuống về nhà. Chao ơi, sung sướng quá!

Chiếc xuống ba lá theo nước xuôi đi bằng phẳng. Tôi ngồi mũi cũng như mọi khi, lấy tay vọc nước. Làn nước đục ngầu phù sa, trên mặt lờ đờ trôi nhiều bong bóng nước lớn bằng trái mù u. Những đê lục bình theo nước trôi theo. Tôi thấy trong lòng rộn ràng có cảm tưởng

như người đi đâu xa mới về xứ. Tôi mới đi học hồi sáng, mới có một ngày mà sao như xa cách đã lâu. Vẫn hai cây dừa ngã nghiêng trên mặt sông chỗ doi Cậu đây, vẫn cái nhà mát cát trên bờ sông của ông Hội đồng H. mà mỗi lần đi qua, tôi ao ước được một cái như vậy ở nhà tôi. Cái gì cũng quen thuộc mà tôi cảm thấy như được chúng hỏi han: “đi đâu về đó? đi gì mà lâu dữ vậy?”

Đã chạng vạng tối, mặt trời đỏ ối như cái mâm tròn lấp ló sau phía rặng tre phía xa. Khói lam quện trên mái tranh. Nhiều nhà đã lên đèn ấm cơm tối. Tôi vẫn chưa đói bụng nhưng thấp thỏm trông mau về tới nhà.

Má tôi bơi đều đều cây dầm. Một vài người quen thấy má tôi, hỏi vói theo:

— Đi đâu mà về tối quá vậy, chị Sáu?

— Thăng Tâm đi học ngoài chợ Ngã Tư, tui rước nó về.

— Vậy hả? Chèn ơi, giỏi vậy...

Má tôi mỉm cười, bơi mạnh dầm hơn. Chắc má tôi thấy sung sướng có thằng con học trường chợ. Tôi vọc nước mà nghe lòng mát rượi.

Queo vô vòm rạch Phước Chí, giao với sông Long Hồ nước chảy hơi ngược, nhưng má tôi vẫn bơi dẻo tay. Bà con ở đây biết má tôi nhiều nên họ hỏi, bà trả lời nhiều người và vui vẻ tươi cười hơn.

Tôi cứ thấy râm ra người khi má tôi trả lời nói về sự đi học của tôi. Tôi thành ra quan trọng vì cả khúc sông quen thuộc này đều biết tôi là... học trò.

Trước mặt là vòm Bà Giáo, con rạch nhỏ xíu của xóm tôi kìa. Thấp thoáng sau đám chuối dày bịt những lá là nhà thằng Ri, con Quý. Giờ này tụi nó làm gì? Tụi nó có ngán tôi là “học trò trường tỉnh” không?

Có hai bóng bé nhỏ đang bưng cơm ngồi trên cầu dừa bắt ngang xéo. Thăng Ri vừa thấy mũi xuống lối tới, liền đứng dậy nói:

— Dìa rồi kìa...

Bác Năm, má con Quý mau mắn bước xuống bến, hỏi:

— Dìa đó hả chị Sáu. Mèn ơi đi cả ngày, ha... Thăng Tâm mấy học được bao nhiêu chữ rồi? Giỏi à nghen.

Má tôi gật đầu, miệng cười cười, bới cho xuống queo vào mương. Tôi mắc cỡ cúi mặt mà lòng hãnh diện vô cùng, trong lúc má tôi khoát nước sông lên rửa mặt ướt đầm mồ hôi.

Biết lấy lượng nào đong mồ hôi của má tôi đã hòa với nước sông Long Hồ suốt thời ấu thơ của tôi! ■

thơ

phần trong

Sợi tóc bây giờ lại dong đưa
Chào quê hương, đỏ trong màu cờ
Phong trần nay lại thêm trùng lớp
Đời vẫn bèo mây như năm xưa.

Bàn tay gác kiếm nay cầm bút
Kể chuyện nhân gian giữa mộng hồ
Vai đau nửa gánh đời chưa mỏi
Mà nhớ trắng vàng nẻo nguyên sơ.

Vĩnh Hảo



Mỗi khổ, niềm vui

Diệu Nga

Kim Hoa lưỡng lự, chưa quyết định có nên đi họp bạn với các cựu học sinh Gia Long ở Florida hay không? Thời đi học, nàng có nhiều bạn, sống cuộc đời vui nhộn, trẻ trung. Cái miệng hay cười và những lời đùa dai ý nhị của nàng làm bạn bè ai cũng mến. Bây giờ ngoài bốn mươi rồi, con cái đã lớn, vậy mà máu "tếu" vẫn còn, Hoa thềm gặp lại các bạn cũ để cười giỡn cho đã, như thuở nào còn thơ.

Thanh Tân, cô bạn thân của Hoa, đang là chủ tịch "Hội Ái Hữu Cựu Nữ Sinh Gia Long", ở tại Florida, đã điện thoại cho nàng mấy lần, lần nào cũng khẩn thiết mời gọi. Thanh Tân kể lại và gửi cả hình ảnh của mấy lần họp bạn vào những năm trước. Hoa xúc động, tăng tiu nhìn ngắm mãi các khuôn mặt thân quen ngày cũ, nghe lòng lâng lâng với những kỷ niệm hồn nhiên, thơ mộng của tuổi học trò.

Nhưng kỷ niệm chỉ là những gì thuộc về quá khứ. Hoa biết rằng dù có gặp lại các bạn cũ, Hoa cũng khó cười đùa nhớn nhạo vì tâm hồn Hoa đang chứa đầy mặc cảm tự ti, pha lẫn với sự buồn phiền.

Gia đình Kim Hoa mới sang Mỹ chưa đầy bốn năm, theo diện H.O. Đầu tiên, định cư tại El Paso thuộc tiểu bang Texas, Hoa cảm thấy lạc lõng, vì chung quanh nàng không có

người Việt Nam. Gia đình nàng sống trong một chung cư rẻ tiền, lẩn lộn với những người Mẹ lao động.

Nàng xin được việc làm trong một xưởng may. Chồng nàng, Khánh, nhờ khá tiếng Anh và biết chút đỉnh về kỹ thuật, máy móc trong thời gian ở quân đội, được nhận làm cán sự tại hãng sản xuất máy tính điện tử. Lan, con gái lớn, bấy giờ đã 21 tuổi, quyết định vào Đại học, ngành Dược, thực hiện mộng ước của cô. Riêng thằng con trai của Hoa, thằng Lực, thật là đáng thương. Nó là một đứa bé tật nguyền. Nó 20 tuổi rồi mà đối với Hoa, Lực vẫn là một cậu bé con.

Lực sinh ra, cái đầu to hơn mọi đứa trẻ sơ sinh khác. Cái trán vồ, cặp mắt to và lộ, cái mũi thì xẹp lép, môi dưới lại trề ra như mếu. Khánh vào thăm vợ, nhìn đứa con trai của mình, nản lắm nhưng không nói ra sợ vợ buồn. Chàng biết nó sẽ là một thằng lùn mà khi trưởng thành, bề cao không tới một thước. Nó sẽ không là một con người bình thường, không thể sống cuộc đời bình thường như bao nhiêu người khác. Khánh ác cảm với thằng Lực ngay cái nhìn đầu tiên. Chàng tự hỏi: “Không biết nghiệp chướng oan gia gì mà nó sinh vào gia đình này, làm con của mình?”

Chàng không muốn thấy mặt nó, như muốn chối bỏ một quá khứ xấu xa nào trong tiền kiếp. Khánh thương vợ nhưng vì đứa con dị hình này, chàng bắt đầu la cà nơi quán rượu, vũ trường sau những giờ làm việc ở Tổng Tham Mưu. Thiếu tá Khánh bỏ bê gia đình từ đấy.

Một năm sau, biến cố 30 tháng 4 xảy ra, Khánh bị đi cải tạo ở tận vùng núi rừng Thượng du Bắc phần. Tuy có biết bao nhiêu người bạn sĩ quan cùng chung số phận nhưng

trong thâm tâm, Khánh vẫn cho rằng thằng Lực là một điểm gỡ nên cuộc đời của chàng mới thể thảm như vậy.

Sau 13 năm chiến đấu với vi trùng sốt rét, với đói lạnh và vất vả vì lao động cưỡng bách, Khánh được trở về nhà, ốm tong teo như bộ xương khô, hàm răng rụng gần hết, tóc bạc trắng cả đầu. Hoa đón chàng bằng đôi tay mở rộng. Lan nhìn cha, ánh mắt lộ vẻ thương xót nhiều hơn tình phụ tử thiêng liêng. Thằng Lực lúc bấy giờ đã 14 tuổi, nó giương “đôi mắt ốc bươu” nhìn “ông già” lạ hoắc này rồi khoanh tay cúi đầu: “Thưa ba mới về!”

Nó không đến đổi dần độn như chàng nghĩ. Nó ngồi bán thuốc lá lẻ trước cửa nhà. Tấm thân bệnh hoạn của Khánh bây giờ trở thành gánh nặng cho gia đình. Trong người chàng đủ thứ bệnh: từ mất tai mũi họng cho đến bộ đồ lòng; bác sĩ rờ đến đâu là có vấn đề ở đấy. Hoa vất vả hơn và thằng Lực phải bán thuốc lá cả ban đêm. Nó ngồi từ sáng sớm cho đến nửa đêm, trên chiếc ghế xếp, dưới tàng cây. Khách quen, khách lạ, ai cũng thương tình nên ghé mua giúp; vì vậy trên con đường này, nó là người bán chạy nhất.

Hơn hai năm trời thuốc thang tẩm bổ, Khánh bình phục và lấy lại phong độ. Chàng thì trẻ ra còn Hoa cần cỗi hẳn: mặt nám, da nhăn, bơ phờ, mệt mỏi. Thằng Lực thì chai ngắt, chẳng biết nó có thay đổi gì không? Đôi khi, Khánh cũng tội nghiệp và thâm cảm ơn nó nhưng đối với chàng, dị tướng của nó vẫn là một điều xấu hổ.

Ngày đi gặp phái đoàn Mỹ phỏng vấn, Khánh hồi hộp lắm, cứ sợ phái đoàn bác bỏ hồ sơ của chàng vì có thằng Lực tật nguyền trong đó. Nhưng sự thật lại không thế. Người Mỹ phỏng vấn gia đình chàng vốn là một

người có từ tâm. Sau khi tuyên bố hồ sơ của Khánh được chấp nhận, anh ta còn nói thêm về trường hợp của Lực, nó sẽ được lãnh welfare trọn đời.

Đối với Hoa, Lực là “con nhờ con cậy”. Nó siêng năng, lễ phép và sẵn sàng giúp mẹ bất cứ việc gì. Nó lại làm ra tiền phụ mẹ lo cho gia đình trong giai đoạn khó khăn. Sang Mỹ, tiền welfare lãnh ra, nó đưa hết cho mẹ. Nó không có gì riêng cho bản thân.

Hai năm trời ở El Paso, nó lúc thức trong nhà, không bạn bè, không giao thiệp vì chẳng biết một chữ Yes, No. Hoa để ý thấy con mình càng ngày càng đỡ dần, khỏe chẳng ra khỏe, bệnh chẳng ra bệnh.

Nàng nói với chồng:

— Anh à, hay là mình dọn về Houston, ở đó nhiều người Việt cho thằng Lực có bạn bè. Ở đây em thấy nó cô đơn, tội nghiệp quá!

Khánh gạt phát đi:

— Ở đây có việc làm tốt, tự nhiên bỏ đi à? Về đây người đông, khó kiếm việc lắm. Từ từ rồi cũng quen mà! Thì biểu nó học Anh văn hay tiếng Spanish gì đó rồi làm quen với mấy thằng Mẹ con ở quanh nhà!

— Anh nói nghe dễ quá! Anh không chịu nhìn thì giờ dạy con thì làm sao nó biết được! Chị nó thì bù đầu với bài vở còn tiếng Anh của em dở quá, nói ra chẳng ai hiểu thì làm sao em dám dạy nó?

Hoa cần nhẫn như thế nhưng cũng biết rằng Khánh không muốn ngồi gần thằng nhỏ, nếu không thấy mặt nó lại càng tốt hơn. Thằng Lực biết thân phận mình, nó cam chịu đã quen nên đối với sự ghét bỏ của cha mình, nó coi như điều dĩ nhiên.

Đôi khi Khánh cũng tự thẹn thâm vì thiếu bốn phận đối với Lực. Cái mặc cảm đó làm

chàng bức bối và lại tìm cách vắng mặt ở nhà. Chàng theo mấy người đồng nghiệp gốc Mẹ đi nhậu nhẹt vào cuối tuần, rồi dần dần, vào ngày thường, cũng khuya lơ khuya lác mới mò về nhà. Một năm sau, Khánh cặp bồ với một cô gái Mẹ còn trẻ lắm, chỉ trạc tuổi Lan là cùng. Hai người có con với nhau.

Hoa không hề ghen. Tình yêu đã chết trong lòng. Nàng nghĩ dù sao đây cũng là cơ hội để nàng thoát ra và sống cuộc đời sáng sủa hơn cho các con, nhất là thằng Lực. Khánh và Hoa đồng ý ly dị.

Hoa và hai con về Houston với sự giúp đỡ của người chị họ. Chị Ngọc chu đáo mượn căn nhà hai phòng, lo sẵn giường nệm, bàn ghế. Căn nhà không mới nhưng rộng rãi, có sân trước sân sau. Ba mẹ con đều vui vẻ phấn khởi. Họ già từ cái nóng ran gay gắt của El Paso không một chút luyến tiếc. Sự đối xử hững hờ của Khánh cũng không lưu lại trong lòng họ nỗi thương nhớ nào.

Ba mẹ con sống cuộc đời mới với nhiều hăng say, thoải mái. Hoa được Ngọc giới thiệu vào làm chung với chị trong hãng điện tử, công việc nhẹ nhàng hơn xưởng may mà lương lại khá hơn. Lan thì ngoài những ngày đi học, làm thêm ở nhà hàng vào cuối tuần. Các con của chị Ngọc tình nguyện dạy Lực học Anh văn. Hoa hài lòng với cuộc sống mới. Nàng vui lòng khi thấy nụ cười bắt đầu nở trên khuôn mặt chai cứng của Lực.

Một tháng sau, chị Ngọc rủ Hoa đi chùa. Chị nói:

— Cuộc sống của chúng ta sẽ nhạt nhẽo và vô nghĩa nếu mình không chú trọng việc phát triển tâm linh. Cơ thể cần thức ăn, cái mặc, tinh thần cũng có nhu cầu của nó. Quên đáp ứng nhu cầu của tinh thần, con người sẽ

trở nên khủng hoảng vì không có sự cân bằng giữa tinh thần và vật chất. Trong xã hội này, người Mỹ quá chú trọng về sự hưởng thụ vật chất mà quên hẳn phần tâm linh nên có nhiều người bệnh hoạn thần kinh, làm những chuyện quái dị, gây nhiều tội ác.

Hoa thăm công nhận chị có lý. Thời gian ở El Paso, tuy không dư dả gì nhưng không còn phải lo lắng vấn đề tiền nong cơm áo, đôi khi Hoa có thì giờ để tự hỏi: “Chẳng lẽ con người là một cái máy? Cứ diễn đi diễn lại chừng ấy công việc, chừng ấy động tác. Sáng thức dậy, ăn điểm tâm qua loa rồi hối hả đến sở làm. Chuông reo, nghỉ xả hơi mười phút. Làm tiếp, ăn trưa. Chiều về lo bếp núc. Tối mệt nhoài, lăn ra ngủ để sáng nghe đồng hồ reo lại hối hả thức dậy, bắt đầu một ngày cũng y như thế... Sống như vậy có gì vui? Hạnh phúc đâu phải là một chuỗi lo âu và hấp tấp như vậy? Vội vã quen rồi, cuối tuần ở nhà lại thấy thời gian sao mà thừa thãi, tâm tư trống rỗng, đầu óc bất định, nỗi buồn chán lê thê...”

Hoa dẫn Lực cùng đi chùa với chị Ngọc. Chùa ở ngoại ô. Chùa nhỏ nhưng đất rộng, chung quanh có cây to, tàng che mát rượi.

Chị Ngọc cho biết chùa do “Hội Cư Sĩ” lập ra. Trước kia, chùa không có sư nên nơi nà là chỗ tụ họp của một nhóm cư sĩ có ý hướng tu học. Họ ngồi lại với nhau vào cuối tuần để nghe băng giảng, đọc sách, tụng kinh, tọa thiền; đôi khi tổ chức thọ bát quan trai. Thỉnh thoảng họ rước thầy về thuyết pháp. Ngày thường, chùa đóng cửa.

Tình trạng này kéo dài trong ba năm. Dần dần, họ cảm thấy mái chùa sao lạnh lẽo, tối tăm như ngôi nhà vắng chủ. Họ tìm thỉnh một vị sư về trụ trì. Nhưng ở đất Mỹ, người xuất

gia hiếm hoi, dễ gì kiếm được. Sau cùng, nhân duyên đưa đẩy thế nào mà họ bảo lãnh được một nhà sư ở đảo Bidong về.

Lần đầu tiên nhìn thấy vị sư, Hoa rất kinh ngạc. Ông thầy trẻ lắm, lùn xịt, mập tròn. Đầu cạo không hẳn nên tóc ông lốm đốm đen.

Thấy chị Ngọc chấp tay cúi đầu chào thầy, Hoa cũng làm theo nhưng trong lòng nàng không có chút gì cung kính. Đối với nàng, vị sư phải là người cao niên, đạo mạo, uy nghiêm, cốt cách phi phàm; còn ông sư này trông tầm thường quá. Tuy vậy, nàng không nói ra ý nghĩ của mình, sợ phật lòng chị Ngọc.

Các cư sĩ khác đã lần lượt kéo đến, mỗi người lo một việc, chuẩn bị cho ngày tu Tịnh Độ.

Chị Ngọc giải thích:

— Thầy Minh Nghiêm chia ra như vậy: thứ bảy hướng dẫn tu Tịnh Độ, chủ nhật tu Thiền. Ai thích pháp môn nào thì đi ngày ấy. Đi cả hai ngày càng tốt vì Thiền và Tịnh không có gì đối nghịch nhau về cứu cánh. Mọi pháp môn chỉ là phương tiện mà thôi.

Hoa vốn chưa hề biết gì về Phật pháp. Đạo Phật đối với nàng không khác gì đạo thờ ông bà nên nghe chị Ngọc nói, nàng chẳng hiểu ất giáp gì.

Thằng Lực thì trái lại, nó mến nhà sư ngay vì ở thầy, nó như thấy được một cái gì đó, rất bình dị nhưng cũng rất phi thường. Lần đầu thầy gặp Lực, ánh mắt thầy không biểu lộ sự thương hại như ánh mắt bao người chung quanh nó. Thầy nhìn Lực một cách bình thường như thầy nhìn dì Ngọc, nhìn mẹ nó. Nó không cảm thấy mình bị tàn tật trong đôi mắt sáng long lanh của thầy. Và ở cạnh thầy, nó như được hưởng lây cái hạnh phúc rạng rỡ

của thầy từ giọng nói, tiếng cười. Cả những lúc thầy im lặng, con người thầy cũng tỏa ra niềm vui sống yêu đời.

Có lần được ở đêm lại chùa vào tối thứ bảy để chờ tham dự ngày tu Thiền vào hôm sau, nó tò mò hỏi thầy:

— Sao con thấy lúc nào thầy cũng vui.

— Đâu có ai sinh ra để buồn!

Lực cãi lại:

— Dạ có chứ, những người ra đời dưới vì sao xấu!

Thầy cất tiếng cười dòn, chằm rãi bước ra mái hiên. Thầy ngẩng mặt nhìn bầu trời vắng vặc trăng sao rồi hỏi:

— Đạo hữu chỉ cho tôi coi sao nào xấu đâu? Tôi thấy cái nào cũng vậy.

Lực biết thầy đùa, nó cười theo nhưng không chịu bỏ qua:

— Sao con nói là sao chiếu mệnh kia, không phải sao trên trời!

— Căn cứ vào đâu mà có sao chiếu mệnh?

— Dạ, tử vi căn cứ trên ngày sinh.

Thầy lắc đầu:

— Tôi không biết lãnh vực đó nên không dám lạm bàn. Nhưng nếu căn cứ trên ngày sinh thì bây giờ khoa học tiến bộ, người ta có thể chọn năm để sinh, thậm chí có thể cho đứa bé ra đời sớm hay trễ... Những trường hợp đó, tử vi còn đúng không? Số mệnh do con người sắp đặt à?

Lực lúng túng:

— Dạ, con không biết!

Thầy ngồi xuống cái đôn bằng sành, chỉ Lực ngồi trên cái ghế thấp mà tự tay thầy đã đóng cho nó.

— Đạo hữu đi chùa cả năm nay rồi, phải nên thấm nhuần Phật pháp. Người Phật tử hiểu sâu luật nhân quả, nhìn thấy việc gì, sự

gì cũng bình thường cả. Con người sinh ra, có kẻ giàu người nghèo, có kẻ thông minh người ngu đần, có kẻ xấu người đẹp nhưng không phải vì số mệnh đã định sẵn như vậy. Kinh có nói rằng: “Muốn biết kiếp trước mình đã làm gì, hãy nhìn cái quả hiện tại mình đang thọ lãnh. Muốn biết kiếp sau mình sẽ như thế nào, hãy xem những gì mình đang gây tạo”.

Số mệnh, nghiệp chương, họa, phúc đều do mình tạo tác. Trồng dưa được dưa, trồng lúa được lúa, có gì khó hiểu đâu!

Lực thẳng thắn bày tỏ:

— Thưa thầy, nói chuyện kiếp trước kiếp sau, kiếp này kiếp nọ, con thấy xa xôi quá! Con chỉ xin thầy dạy cho con bí quyết nào để có thể sống vui trong mọi hoàn cảnh. Như thầy đây, sống ở chùa có một mình trong chỗ quạnh hiu, vắng vẻ, ăn uống thanh đạm, làm việc cả ngày, mà sao con thấy thầy lúc nào cũng vui?

Thầy Minh Nghiêm mỉm cười:

— Thì tôi đã nói rồi, có ai sinh ra để buồn đâu! Sống, hít thở, ăn uống, đi đứng, làm việc, nói năng, mỗi việc đối với tôi đều là một sự nhiệm mầu. Mỗi hơi thở của tôi, tôi thấy hạnh phúc nhẹ nhàng đi ra đi vào. Nâng một bát cơm đây, tôi thấy mình tiếp xúc với thế giới vô cùng tận ở chung quanh. Mỗi bước chân đi, tôi thấy mình đang làm phép lạ, mỗi lời nói ra đều là tiếng niệm Phật. Tôi không có thì giờ để buồn. Tâm tôi không có khoảng trống nào để cái buồn chen vào.

Lực nhìn thầy. Dưới ánh trăng, cái đầu nhẵn bóng của thầy như tỏa hào quang. Tự nhiên Lực phát sinh ra lòng kính ngưỡng. Ở gần thầy, nó như được bao phủ bởi sự an ổn, dịu dàng.

Hoa không có sự nhay bén như Lực. Nàng

không thấy ở ông thầy trẻ này có cái gì đặc biệt nếu không nói là quá tầm thường. Những lời thầy dạy trong các ngày tu Tịnh Độ cũng không có gì cao siêu. Lúc nào gặp Hoa, thầy cũng nói: “Đạo hữu nhớ niệm Phật!”

Hoa sống hơn nửa đời người, khổ nhiều hơn vui nên nàng cũng ước mong về cõi Cực Lạc để khỏi khổ sầu nhưng cái cõi đó, đối với nàng cũng mơ hồ mờ mịt nên tín tâm chẳng mạnh mẽ gì. Nàng đi chùa, làm lễ, tụng kinh, niệm Phật như một cái máy. Tuy nhiên, nàng cũng vui khi thấy Lực tươi tắn nói cười từ ngày nó được đi chùa. Nó như một cây khô bắt đầu hồi sinh...

Sau cả tuần lễ phân vân, cuối cùng, thấy khó chối từ trước tấm lòng của bè bạn vì Thân Tân đã gửi vé máy bay cho mình, Hoa hỏi con gái:

— Nếu mẹ vắng nhà trong một tuần lễ, con có sợ gì không?

Lan cười:

— Mẹ à, con sắp tốt nghiệp Đại học rồi, con lớn rồi, mẹ không nhớ sao?

Lực chen vào:

— Có con ở nhà với chỉ, mẹ đừng lo!

Câu nói đầy tự tin làm Lực mắc cỡ, nó nói sửa lại:

— Con lo cơm nước được mà!

*

* *

*

Khi Hoa đặt chân xuống phi trường Florida lúc 8 giờ tối, cả gia đình của Thanh Tân đều có mặt: hai vợ chồng, ba đứa con. Sự đón tiếp thân tình này làm ấm cả lòng nàng. Thanh Tân còn trẻ quá, như mới ngoài 30, vẫn đẹp như xưa. Thằng con trai lớn chắc cũng trạc tuổi Lan, nó cao lêu nghêu; cô con gái thì có

vẻ đẹp tươi mát, hao hao giống mẹ; cậu trai út trông đạo mạo, nghiêm trang.

Cả gia đình Thanh Tân đều ăn mặc rất giản dị. Sự đơn giản của họ làm Hoa ngạc nhiên vì Hoa biết Thanh Tân giàu lắm. Họ qua Mỹ đã lâu và Tâm—chồng của Thanh Tân—là một bác sĩ giải phẫu nổi tiếng.

Tâm vui vẻ chào hỏi Hoa, chờ nàng lấy hành lý xong xuôi, đưa cả nhà ra xe rồi từ giã đi làm.

Thanh Tân nói:

— Tối nay ảnh trực, chị em mình tha hồ tâm sự.

Rồi Thanh Tân tíu tít kể cho Hoa nghe về các bạn, về cuộc sống, hoàn cảnh của mỗi người. Tân vẫn có lối nói chuyện lôi cuốn như xưa. Người nghe không cần phải hỏi han gì cả vì chuyện kể có lớp lang thứ tự hết hồi nọ tới hồi kia. Thuở đi học, Tân có biệt danh là “Tân nhà báo”. Có những chuyện ai cũng biết mà khi Thanh Tân kể lại, chúng bạn vẫn thích thú nghe và nhìn cái miệng duyên dáng của nàng.

Chẳng mấy chốc xe đã đến nhà. Ngôi biệt thự đồ sộ với hàng rào sắt chung quanh, có bảng đề “Beware of dog” chứng tỏ chủ nhân thuộc hàng rất khá giả.

Bên trong trang hoàng đơn giản nhưng sang lắm. Những tấm màn vôn màu kem dịu dàng rủ xuống làm nổi bật mấy tấm thảm Thổ Nhĩ Kỳ màu huyết dụ. Bàn ghế toàn bộ bằng gỗ nâu đỏ bóng loáng. Một bình hoa huệ trắng muốt ở giữa bàn ăn là nét chấm phá xinh xắn. Căn nhà trải ra sự ấm áp, hạnh phúc.

Thanh Tân dành cho Hoa một phòng riêng. Chờ cho Hoa nghỉ ngơi xong, Thanh Tân mời nàng ra ăn cháo. Khi hai người vừa

ngồi xuống, cô con gái bung ra một cái mâm nhỏ, trên đó có hai tô cháo nóng, còn bốc khói.

Cậu tri cả bước tới, hỏi:

— Thưa dì uống chi?

Hoa vừa đáp “Cho dì tách trà nóng” vừa xuống giọng hỏi Tân:

— Sao các cháu ngoan quá vậy?

Thanh Tân cười, để lộ hàm răng trắng bóng:

— Gia đình em cái gì cũng chung cả, bạn của ba mẹ là bạn của các con, bạn của các con là bạn của ba mẹ. Thôi mời chị dùng cháo. Cháo chay chị ạ! Chúng em ăn chay trường cả nhà. Con gái em nấu cháo thập cẩm chay ngon lắm, chị ăn thử xem!

Hoa im lặng dùng cháo. Quả ngon thật! Nàng ngẫm nghĩ: “Người ta bảo giàu thì khó tu vì mãi lo hưởng thụ, gia đình này thật hiếm có!”

Ăn xong, hai người bạn bước ra phòng khách. Hoa có dịp kể cho Thanh Tân nghe về cuộc đời của mình, về người chồng đã ly dị, về đứa con trai tật nguyền.

Thanh Tân mũi lòng thương bạn, nước mắt đầm đìa.

Hoa kết luận:

— Mỗi người có một số mệnh riêng, tôi nghĩ vậy nên cũng không thấy buồn. Bây giờ thì ổn rồi. Qua đây thấy gia đình Thanh Tân hạnh phúc lại có đạo đức, tôi mừng cho Tân. Anh Tâm trông hiền lành phúc hậu quá, Thanh Tân có phước lớn lắm đó!

Tân lấy khăn chặm nước mắt, đáp lời bạn:

— Em cũng nhận thấy em may mắn nhưng có lẽ do nhân lành từ kiếp trước hay sao ấy, chị ạ! Hồi em mới đậu Tú Tài I, đã có lắm mối dạm hỏi, người làm Tỉnh Trưởng, người

luật sư; ai cũng có sẵn sự nghiệp nhưng em không chịu. Một năm sau, em gặp Tâm, lúc đó chỉ là một sinh viên nghèo, học Quân Y năm thứ hai.

Anh ấy sùng đạo và hướng dẫn em đi chùa, học giáo lý, thọ bát... Đến khi ảnh ra trường, làm đám cưới, em theo ảnh xuống tận Vĩnh Bình. Ở đấy mấy năm thì “đổi đời, giải phóng” tụi em xuống tàu vượt biên với đứa con đầu lòng. Sang Mỹ, em đi làm nuôi con để ảnh rảnh rang học lại. Sau 4 năm, ảnh mở “ca” nào cũng thành công nên được tin tưởng lắm.

Nhưng ảnh thường nói với em: “Dù giàu hay nghèo, thành công hay thất bại, chúng ta vẫn nên lo bồi dưỡng tâm địa, phát triển tánh Bồ Đề, đó mới là cái gốc căn bản của mình. Cái gốc có sung mãn thì hoa trái hạnh phúc mới xum xuê, còn hoàn cảnh chung quanh chỉ có tác dụng phụ thuộc thôi.”

Em cũng công nhận như vậy nên chúng em siêng năng tu hành và dạy dỗ con cái theo chiều hướng ấy.

Thanh Tân vui miệng kể tiếp:

— Để sáng mai em dẫn chị ra phía sau xem hồ Tĩnh Tâm và am Phương Thảo của chúng em. Tụi em mua cái nhà này chỉ vì cái hồ và vườn sau quá đẹp chứ chúng em đâu thích ở nhà lớn như vậy.

Thời tiết ở đây coi như ấm áp quanh năm nên em trồng được nhiều thứ cây ăn trái của Việt Nam mình và hoa thì nở đủ bốn mùa.

Hoa càng nghe kể, càng thấy mê. Cuộc sống của gia đình này như ở cõi tiên. Tuy nhiên, Hoa cũng tò mò:

— Tôi hỏi thiệt, gia đình Thanh Tân có khi nào xảy ra những bất hòa, hờn giận nhau?

Tân thành thật, mau mắn đáp:

— Có chứ chị, làm sao tránh khỏi! Nhưng chúng em biết cách giải quyết có hiệu quả.

Hoa làm thình, chờ đợi. Thanh Tân mỉm cười, nàng ngẩn nhìn bức ảnh đức Thế Tôn bằng sơn mài treo trước mặt, đức Phật dường như cũng mỉm cười.

— Trong nhà này, khi ai có chuyện hờn giận, buồn phiền thì tự động ra Phương Thảo am mà ở. Trong đó có sẵn các thứ. Cứ ở đấy, tự do buồn và quán chiếu về nỗi buồn hay cái giận của mình. Một hoặc hai ba ngày sống đơn độc như thế, cái buồn từ từ vơi đi và tan biến. Nhưng cũng có khi cái giận, cái phiền não lớn quá, cần phải được nói ra, cần phải được giải tỏa thì đương sự báo cho trong nhà biết, chúng tôi sắp xếp một buổi nói chuyện với sự có mặt đầy đủ người trong gia đình.

Gọi là nói chuyện nhưng thật ra chỉ để cho đương sự nói. Muốn nói gì cứ nói, trút ra được càng nhiều càng tốt. Người nghe chỉ im lặng để cảm thông với nỗi khổ của đương sự, không trả lời, không phê phán đúng sai.

Hoa cảm thấy hay hay, nhưng suy nghĩ một hồi, nàng thắc mắc:

— Chỉ nghe mà không đối đáp, trường hợp đương sự vì hiểu lầm mà giận mình, mình cũng phải làm thình sao?

Thanh Tân gật đầu:

— Cũng làm thình! Làm thình trong trường hợp đó hơi khó nhưng mà...

Hoa hỏi dồn:

— Mà sao?

— Nhưng khi đương sự xả hết ra rồi, cái giận xẹp xuống, tự ái không còn làm chủ tình hình nữa thì đương sự trở nên sáng suốt và nhận ra sự thật.

Hoa chưa tin hẳn, nàng hỏi thêm:

— Thật vậy sao?

Thanh Tân gật đầu, chắc chắn xác nhận:

— Em có kinh nghiệm bản thân về việc đó rồi, mới năm ngoái đây chứ đâu!

Và nàng cười tủm tỉm:

— Chị biết không, tánh em nhẹ dạ lắm; vì hay yếu lòng nên thường bị sự việc chung quanh chi phối. Năm ngoái em xem phim “Man with three wives” trong Tivi, chuyện có thật, kể một bác sĩ lần lượt cưới ba vợ trong cùng một thành phố. Giờ giấc ổng đi về bất thường, lại có cái “beeper”, hễ bà nào gọi là ổng về ngay nên không ai nghi ngờ chi cả...

Em liên tưởng đến trường hợp của anh Tâm, ảnh cũng có cái “beeper”, cũng đi sớm về khuya nên em sinh nghi. Em mượn thám tử tư theo rình ảnh. Vô tình, ảnh biết được. Ảnh về nhà, rầy em một trận nên thân! Em buồn quá, ra Phương Thảo am ở. Em có thì giờ nghiên ngẫm nỗi buồn của mình. Em giận ảnh lắm vì từ xưa đến giờ, chưa khi nào ảnh lớn tiếng với em, bây giờ lại đối xử như thế, chắc là có bà nào rồi nên hất hủi em. Em ở ngoài đó một mình, tha hồ nghĩ bậy, tha hồ khóc lóc. Ba ngày trôi qua, em không tiếp xúc với ai cả, các con xin phép vào thăm, em cũng không cho. Đến ngày thứ tư, em cảm thấy không chịu nổi nữa, em như muốn điên. Em đòi nói chuyện với ảnh.

Khi các người thân yêu ngồi đối diện với em, em tha hồ nói vì mình nói có người nghe mà! Họ nghe trong sự im lặng và thông cảm. Tự ái em như được vuốt ve vì em có cảm tưởng Tâm đang hối lỗi ăn năn, còn các con như đứng về phía em cả, vì em có “chánh nghĩa” mà.

Sau đó, em trở vào nhà. Buổi ăn chiều dưới ánh nến hồng làm em cảm thấy ấm áp, dễ chịu và sung sướng khi nghĩ rằng hạnh phúc

vẫn ở quanh đây, chỉ cần em hỉ xả, quên chuyện cũ thôi.

Khi lòng em dịu lại, em không nghĩ về mình nữa; em nghĩ đến Tâm, đến các con. Em biết họ cũng buồn lắm khi em buồn. Lòng em thất lại, em tự trách mình sao quá ích kỷ, tự ái, đa nghi. Bấy giờ em mới cảm thấy xấu hổ chị ạ!

Thanh Tân kể xong, che miệng cười. Cái thói quen dễ thương ngày xưa vẫn còn. Hoa cũng cười theo và hỏi tiếp:

— Điều Tâm nghi ngờ có đúng không?

Thanh Tân lắc đầu:

— Hoàn toàn sai chị ạ! Lúc đó ảnh phải hợp liên miên với hội đồng chuyên môn để chuẩn bị một trường hợp mổ tim rất nguy hiểm. Đầu óc ảnh đang bận rộn căng thẳng như thế mà em còn làm bậy, chị nghĩ xem, ảnh không tức giận sao được? Ảnh la rầy em là phải lắm rồi!

— Khi biết sự thật, Tâm làm gì?

— Em xin lỗi ảnh và tụng kinh sám hối. Em suy nghiệm ra đa số những phiền não của con người đều do vọng tưởng điên đảo sinh ra, như trông sợi dây tưởng là con rắn, cứ cầm đầu vừa chạy vừa la...

Thấy Hoa có vẻ mệt, Thanh Tân nhìn đồng hồ, giật mình:

— Chết chửa! 12 giờ khuya rồi, chị đi nghỉ nhé! Chương trình ngày mai, chúng ta cùng đi đón bạn bè...

Hoa nhắc:

— Phải dậy sớm dẫn tôi ra Phương Thảo am xem cho biết.

Thanh Tân đứng lên:

— Chắc chắn rồi!

*

● *

Buổi sáng mùa Xuân, mặt trời dậy sớm. Mới hơn tám giờ, nắng đã vàng tươi sau bức màn cửa sổ. Khi Hoa bước ra khỏi phòng đã thấy vợ chồng Thanh Tân cùng ngồi uống cà phê.

Trong khi Tâm đứng lên kéo ghế mời Hoa ngồi, Thanh Tân đơn đả:

— Chúng em tưởng chị còn ngủ nên ngồi đây chờ. Mời chị dùng chút cà phê cho tỉnh người rồi chúng ta cùng ra vườn.

— Cám ơn. Tôi không quen dùng cà phê. Thôi mình ra vườn chơi.

Họ cùng đứng lên. Tâm mở cửa sau. Hoa nhìn thấy cả một vườn lan trong nhà kiếng. Những chậu lan tươi tốt đầy sức sống trở hoa tím tím, hồng hồng, dáng ẻo lả như những tiểu thư khuê các. Những giò lan treo lại càng đặc sắc hơn với những loài hoa lạ mà hình dáng và màu sắc của chúng cứ khiến mình phải nhìn mãi không thôi.

Hoa đứng ngẩn ngơ một lúc rồi theo chân vợ chồng Thanh Tân bước ra vườn. Vườn rộng quá, ước chừng cả mẫu. Màu xanh non của cây cỏ ập vào mắt Hoa cùng lúc với không khí mát dịu và tiếng chim hót vang lừng. Chủ nhân có lẽ yêu cỏ lắm nên những lối đi trong vườn đều lót đá vì không muốn dẫm bừa trên thảm cỏ mượt mà, rộng mênh mông và cắt xén rất kỹ.

Thanh Tân chỉ tay về phía trái, giới thiệu khu vườn trồng cây ăn trái của mình với vẻ hãnh diện, cái hãnh diện đáng yêu của trẻ con:

— Chị xem khu vườn của em kìa! Mùa này chưa cây nào có trái nhưng hoa mận, hoa cam đang trở đầy, chị nghe thơm không? ngào ngạt cả vườn, chị nhỉ? Em trồng được ổi sá lị, na, măng cầu Xiêm và nhãn nữa.

Tâm xen vào, giọng vui vẻ:

— Nhưng đâu bằng mấy cây hồng dòn của tôi! Nếu tháng 10 chị có thể về đây, chị sẽ được ăn những trái hồng đặc biệt lấy giống từ Nhật Bản, có trái to bằng cái chén vậy.

Hoa cười:

— Nghe hai ông bà kể, tôi đã thèm rồi.

Hoa phóng tầm mắt ra đằng xa, khoảng giữa sân. Tượng đức Quán Âm trắng toát nổi bật trên muôn hồng ngàn tía. Đến gần hơn, Hoa im lặng chiêm ngưỡng. Mãn Đình Hồng nở rộ chung quanh đài sen; màu hồng nhạt của những cánh hoa mong manh tạo vẻ tươi mát, dịu dàng. Sau lưng hình tượng là một giàn hoa tường vi, hoa nở đỏ càn, rực rỡ. Có mấy con chim xanh đi nhón nhơ trên đường sỏi quanh co.

— Còn cái hồ đâu?

— Chị theo em, nó ở tận cuối vườn.

Càng đi về phía sau, khu vườn càng có vẻ tĩnh mịch vì những đám mía um tùm ở hai bên.

Hồ đầy rồi! Nó to gấp hai căn nhà của Hoa. Hồ đầy nước, im lặng soi hàng liễu rũ và phản chiếu da trời xanh biếc. Trên mặt hồ, lưa thưa vài cọng hoa súng, búp còn xanh non.

Cách hồ không xa là ngôi nhà lợp tranh, vuông vức, vách ván đơn sơ. Tâm tiến lên trước, mở cửa. Bên trong, sàn gỗ láng bóng. Không có bàn ghế chi ngoài cái bàn thấp bằng mây, trên có sẵn bộ đồ trà.

Thanh Tân nói:

— Đây là phòng khách, cũng là thiền đường; phía sau là nhà bếp và hai phòng ngủ nhỏ.

Tự nhiên, Hoa buột miệng:

— Hai ông bà như đang sống trong cõi tiên hay cõi Cực Lạc vậy. Cảnh đẹp quá!

Trong lúc Thanh Tân đi vào bếp đun nước pha trà, Tâm đáp:

— Cám ơn chị! Quả thật cảnh trí ở đây giúp tinh thần chúng tôi trở nên êm dịu sau những giờ làm việc căng thẳng. Nhưng chưa phải là cảnh Cực Lạc đâu vì tâm chúng tôi còn sóng gió, phiền não. Khi nào tâm hoàn toàn thanh tịnh, an ổn, chúng ta mới bước vào thế giới Cực Lạc được.

— Nhưng anh chị có phước đức lớn, ít ai sánh kịp!

— Chị đã quá khen. Nhưng phước đức hữu vi nay còn mai mất, đâu bằng công đức vô vi. Tu tập chận chấn trong một ngày, như thợ bát quan trai chẳng hạn, công đức có thể vượt qua ba cõi.

Hoa thành thật:

— Thỉnh thoảng tôi cũng có thọ bát nhưng...

— Chắc chị gặp trở ngại?

Hoa lắc đầu:

— Nói trở ngại thì không đúng hẳn. Thú thật, tôi chưa đủ tin tâm nên tôi nghĩ rằng việc tu tập của tôi không đi đến đâu.

Tâm ôn tồn giải thích:

— Tôi nghe vợ tôi nói chị gặp Phật pháp đâu chừng hơn một năm nay, phải không? Một, hai năm không đủ để mình hiểu rõ Phật pháp, mà khi chưa hiểu, tin tâm không sâu là phải rồi. Nếu chưa hiểu đã vội tin, tôi cho đó là mê tín chứ không phải chánh tín.

Nghe Tâm nói, Hoa thấy hay và có lý nhưng lòng nàng vẫn còn uẩn khúc:

— Anh khách quan nói vậy, tôi nghe hợp lý nhưng riêng chủ quan tôi, tôi nghĩ rằng sở dĩ tin tâm của tôi không vững mạnh chỉ vì tôi chưa gặp đúng thầy. Nói ra anh đừng cười, ông sư ở chùa tôi còn trẻ quá, tuổi đáng con

cháu của mình, tướng mạo lại thấp lùn nên tôi không có lòng kính trọng, do đó khi nghe thầy giảng, tôi không nhập tâm được. Hồi đi học cũng vậy, tôi không thích thầy nào thì môn đó tôi học dở.

Tâm gật gù:

— Tôi hiểu chị. Chúng ta đều là người phàm, ai cũng vướng mắc vào hình danh sắc tướng, không nhiều thì ít.

Nhưng chị cho phép tôi hỏi một câu: “Nếu chị biết mình đang đi lạc, muốn tìm lối ra. Có em bé kia rành đường, sẵn sàng chỉ cho chị, chị nên cầu hỏi em hay phải chờ đến khi nào gặp một cụ già có tướng mạo đáng kính chị mới hỏi đường?”

Tôi cho rằng tu sĩ xuất gia là người chỉ đường dẫn lối cho mình bằng lời nói và bằng nếp sống thanh tịnh, hợp chánh pháp. Thấy tu không thể cứu được mình, họ chỉ phương cách cho mình tự thoát ra cho nên thầy trẻ hay già không thành vấn đề, chỉ cần vị thầy hiểu rõ đạo lý và sống hợp đạo lý thôi.

Một lần nữa, Hoa thăm công nhận Tâm có lý. Vừa lúc đó, Thanh Tân bưng ra một cái mâm gỗ, trên đó có ấm trà nóng và bình hoa tươi. Vợ chồng nàng hướng dẫn cho Hoa cách thưởng thức trà trong Thiền vị. Lần đầu tiên trong đời, Hoa cảm thấy mình đang sống trọn vẹn. Sự an tĩnh và lòng yêu đời tràn đầy trong tâm hồn, nó tươi mát trái tim khô héo của nàng.

Sau đó, hai người còn dạy Hoa pháp thiền hành, đi thong thả trong chánh niệm, tận hưởng hương hoa và màu sắc của đất trời. Hoa chợt thấy rằng hạnh phúc thật đơn giản. Nó luôn ở bên ta, chỉ tại mình phí bỏ lãng quên thôi...

Ngày hôm đó, bạn bè lần lượt kéo đến.

Nhiều người dẫn cả chồng con đi theo. Tiếng cười nói rộn rã khác thường làm bầy chim ngơ ngác. Ba đứa con của Thanh Tân phụ cha mẹ đón tiếp đãi đằng thật chu đáo. Buổi chiều, sau khi cơm nước xong xuôi, đám bạn gái kéo nhau ra Phương Thảo am tập văn nghệ. Họ hợp ca bài “Trường làng tôi” và “Cô gái Việt”. Nhóm “rể” Gia Long lo tập hoạt cảnh “Trần thủ lưu đồn”. Tâm và Thanh Tân vẫn còn phong độ lắm với nhạc cảnh “Em đi chùa Hương”. Họ ráo riết tập dợt để thi đua với mấy nhóm Gia Long khác, không cùng lớp, có ban thi đua gồm các thầy cô giáo cũ chấm giải làng hoàng.

Bạn gái có tám người mà vui đáo để. Ban đầu còn gọi chị, kêu em, sau đó cứ mày, tao, mi, tớ như hồi nhỏ. Không ai nhớ mình đã già, đã có dâu có rể, cháu ngoại cháu nội. Họ cười hể hả, nói chuyện như bập rang, tiếu lâm vung vít. Hoa lơ mơ cảm nhận cái tâm của con người có thể vượt thời gian; nếu khéo giữ gìn, nó sẽ trẻ mãi không già.

Ngày hội được tổ chức vào hôm sau. Ban tổ chức mượn một tầng lầu của nhà hàng Royal Palace. Người đến đông vậy. Những tà áo dài lại có dịp pháp phối như đàn bướm nhỏ ngày xưa. Tay bắt mặt mừng, chưa quen cũng như đã quen, không quen cũng như quen. Có cái gì đó kéo mọi người lại gần nhau, lòng ai cũng mở rộng, miệng ai cũng tươi cười.

Giới thiệu, ăn uống xong, tới phần thi đua văn nghệ sôi động và hào hứng. Phe ta đoạt được giải hợp ca, bài “Cô gái Việt”, cả bọn cười toe toét. Trước khi chia tay với bài ca “Việt Nam, Việt Nam”, ban chấp hành hội đọc báo cáo công tác, tài chánh và kêu gọi chương trình cứu trợ các bạn cũ ở Việt Nam.

Thủ quỹ và thư ký cầm nón lá đi vòng vòng, chẳng mấy chốc, tiền đầy ắp, nhiều em bé cũng bỏ tiền túi của mình vào. Hoa thật sự cảm động. Đây là ngày vui nhiều ý nghĩa.

*
* *
*

Khi Hoa đáp phi cơ trở về Houston, chị Ngọc và Lan đã chờ sẵn. Nhìn quanh không thấy Lực, Hoa hỏi ngay:

— Còn Lực đâu?

Lan đáp, hơi ngập ngừng:

— Dạ... nó đang ở chùa!

— Bộ nó không nhớ mẹ sao chẳng ra đón?

Ngọc cất tiếng:

— Em bình tĩnh nghe chị nói. Ở nhà, Lực bị phỏng nước sôi. Thầy bảo đem nó lại chùa để thầy săn sóc.

Tim Hoa đau nhói, nàng hốt hoảng:

— Nó có sao không?

— Phỏng nhiều nhưng không nặng lắm. Vào phòng cứu cấp băng bó xong họ cho về.

Hoa nhìn Lan có vẻ trách móc:

— Sao con không cho mẹ biết?

Lan nói như mếu:

— Dạ, tại em Lực không cho. Nó nói: “Cả đời mẹ không có mấy ngày vui, để mẹ hưởng cho trọn. Mẹ hay được, về sớm cũng vậy thôi vì chuyện đã xảy ra rồi”.

Nước mắt ràn rụa, Hoa xoay qua Ngọc, nói:

— Chúng ta đến chùa liền, nghe chị!

Hỏi rõ đầu đuôi sự việc, Hoa hiểu Lực. Lúc sau này, nó bớt mặc cảm tự ti nhưng không lượng sức mình. Ở nhà không có ai mà tự cất lá xả nấu nồi xông. Nó thấp quá, phải đứng lên ghế mới nhắc nồi nước sôi xuống được. Cái ghế trượt, nước đổ, phỏng cả người.

Xe vào đến chùa, chưa kịp dừng bánh, Hoa đã mở cửa phóng xuống. Nàng chạy ùa vào, suýt vấp ngã ở ngưỡng cửa. Cùng lúc đó, tiếng chuông công phu chiều thong thả ngân, tiếng chuông khoan thai, trầm tĩnh, nó làm dịu bớt sự căng thẳng và lo âu của nàng. Lấy lại bình tĩnh, Hoa bước vào trong.

Lực đang ngồi gọn trong chiếc ghế nệm. Cánh tay trái và cả nửa người trên quần băng trắng toát. Hoa rơi nước mắt. Nàng tiến đến nắm tay con, im lặng, ghen ngào.

Thằng Lực thấy mẹ, nó toét miệng cười, ánh mắt nó cười theo, hình như nó không đau đớn gì cả.

— Mẹ mới về à? Mẹ đi họp bạn vui không?

Hoa không trả lời, nàng nhìn kỹ chỗ băng bó như muốn soi thấu bên trong để biết vết thương của con ra thế nào.

Lực hiểu ý, lắc đầu:

— Mẹ đừng lo, con không sao hết! Một tuần nữa thì lành hẳn.

— Con nói thật không? Có đau thì cho mẹ biết, đừng dấu mẹ.

Lực đổi giọng nghiêm trang, không đùa:

— Con nói thật, con không còn thấy đau nữa. Có lẽ niềm vui con mới tìm được lớn quá, nó lấn át cái đau của thân thể.

— Con nói gì mẹ không hiểu?

— Mẹ ơi, nguồn hạnh phúc đó không có xấu hay đẹp, giàu hay nghèo, cũng không có tật nguyên, không có số mệnh... Ai cũng như ai vậy thôi. Bây giờ con mới biết mình may mắn vì con được thân người, có tri giác, có đầu óc sáng suốt, có minh sư chỉ dạy.

Con đã nếm được vị cam lồ, tuy chút xíu thôi, nhưng đủ để vui cả đời...

Trong lúc Hoa còn ngờ ngác, thầy Minh

Nghiêm từ chánh điện bước xuống, cái y vàng trên người thầy sáng rỡ. Hoa có cảm tưởng hôm nay tướng mạo thầy doan nghiêm hơn mọi khi và nét mặt thầy phẳng phát hình ảnh của ngài Địa Tạng Vương Bồ Tát.

Bất giác, Hoa cung kính đứng dậy, chấp tay cúi đầu chào. Chị Ngọc và Lan nãy giờ ở ngoài sân cũng vừa tiến vào. Thầy mời tất cả ngồi xuống bàn dùng trà.

Hoa trở nên tỉnh táo. Nỗi lo lắng không còn xao động. Nàng dùng cả hai tay nâng tách trà nóng lên. Hương trà ướp lài theo hơi thở chậm và sâu thấm vào tận buồng phổi. Hoa chăm chú nhìn màu nước trà vàng ánh, trong veo, nằm trong cái tách bằng sứ trắng, chung quanh có chạy đường viền màu nâu. Cả thế giới năm châu, cả đất trời, cây cỏ, tinh tú, nhật nguyệt, quá khứ, hiện tại, tương lai đều nằm trọn trong tách trà. Nàng tiếp xúc được với cả vũ trụ. Nàng không còn cô đơn cũng không còn đau khổ trong ánh sáng kỳ diệu của sự tỉnh thức.

Hoa nhắm mắt lại, hớp một ngụm nhỏ, nghe chất trà nóng chầm chậm đi vào cơ thể. Giây phút ngắn ngủi đó, Hoa cảm thông được với Lực, với vợ chồng Thanh Tân và biết rằng từ đây mình có thể sống vui vẻ hồn nhiên như cỏ nội, mây ngàn... ■

4/95

Đón đọc:

CỬA THIÊN VẤN MỞ

tác phẩm gồm 20 truyện ngắn chứa chan tình đời lẫn tình đạo của nữ sĩ Diệu Nga, sách dày trên 450 trang, do Phật Học Viện Quốc Tế giới thiệu và xuất bản trong nay mai.

Tôi đã hôn Mẹ

Vĩnh Hảo

Những nụ hôn thuở còn bú mớm không để lại vết tích nào nhưng nó chan hòa một cách vô hình vào tình cảm thiêng liêng mật thiết của tôi đối với mẹ.

Khi bắt đầu lớp vỡ lòng với những mẫu tự và cách đánh vần, tôi cũng sung sướng đọc to cho mẹ nghe “em-mờ a-ma sát má, em-mờ e-me nặng mẹ”, và riêng với mẹ tôi thì không phải là “má”, cũng không phải là “mẹ” mà là “me”, em-mờ-e me”. Tiếng “me” rất nhẹ nhàng và ngọt ngào không khác gì tiếng “mẹ” cả. Các danh từ thì khác nhau nhưng vẫn chỉ cho một bà mẹ, một hình bóng dịu dàng, êm đềm và trong mát. Nhưng thuở đó tôi chỉ biết có tiếng “me” thôi; còn “má” và “mẹ” là của người ta. Và cũng vào thuở đó, mỗi lần gọi “me” là mỗi lần tôi a vào lòng mẹ mà hôn lên má, lên trán bà. Không biết tôi đã hôn mẹ được bao nhiêu lần và được mẹ hôn bao nhiêu cái. Bây giờ ngẫm lại, chỉ nhớ rằng lúc ấy hôn mẹ thấy sướng lắm. Sướng như được ăn bánh, hay được nhai kẹo vậy! Mà làm mẹ cho bấy con mười bốn đứa như mẹ tôi thì tội nghiệp mẹ quá: mẹ phải vất vả đón nhận và ban phát những nụ hôn thật nhiều lần trong ngày. Trước khi đi học cũng như khi đi học về tôi đều tìm ba mẹ để hôn. Mỗi lần hôn là mỗi lần tôi buộc mẹ phải ngưng tay dù bà đang nấu ăn hay đang ngồi

viết; và mỗi lần hôn có khi kéo dài đến một phút, day cả người mẹ phải nghiêng về một bên. Có lẽ cũng là bất chước chứ thực ra chẳng ai dạy tôi hôn mẹ, hôn ba cả. Một, hai tuổi là đã biết hôn rồi. Hôn ba hôn mẹ thì có gì khó khăn đâu, cứ việc đặt môi mình trên má ba mẹ, rồi lấy mũi hít một hơi thật dài kéo theo hương thơm kỳ bí của ba mẹ vào phổi. Có lần ba tôi hỏi một câu cắc cớ làm tôi hơi lúng túng:

“Ba với mẹ ai thơm hơn hở con?”

Tôi ngập ngừng đáp:

“Cái mùi của ba với mẹ tương đương nhau.”

Ba tôi cười xòa, xoa đầu tôi và rất thích là con mình biết dùng từ “*tương đương*” học lóm ở đâu đó vào cái tuổi bé bỏng của nó. Nhưng rồi ba cũng nói:

“Thằng ranh! Ba làm sao thơm bằng mẹ được!”

Mà thực vậy, ba tôi không có cái hương thơm nhẹ nhàng, dễ chịu như mẹ; nhưng tôi đâu dám nói như thế, sợ ông buồn.

Đến năm mười hai tuổi, tôi xuất gia, xa gia đình. Ba tôi đi làm không đưa tôi tới chùa được. Ông ôm hôn tôi trước khi vào sở. Tôi cũng hôn ông lúc đó thật dài, thật lâu như thể không bao giờ còn được hôn ông lần nữa. Mẹ tôi thì không, bà chỉ ôm tôi, xoa đầu và kể từ đó bà không bao giờ hôn tôi nữa. Tôi cũng không dám hỏi, cũng không bắt mẹ phải hôn mình; có lẽ lúc ấy cả mẹ lẫn tôi đều thấy rằng tôi đã bắt đầu tham dự vào hàng ngũ của những kẻ thoát ly đời sống thế tục.

Vào chùa, tôi được cạo tóc để chỏm và trở thành một chú tiểu “*quét lá đa*”, như người đời thường gọi. Thoạt đầu, đời sống ở chùa cũng làm tôi ngỡ ngàng thực vì phải xa cách

cha mẹ nhiều ngày liên tục. Thuở ấy, mỗi lần đến chùa thăm tôi, mẹ không còn ôm tôi vào lòng như trước nữa, và dĩ nhiên là cũng chẳng hôn tôi bao giờ. Lúc ấy mỗi lúc mẹ chia tay tôi để xuống núi (chùa tôi ở trên núi) là tôi nghẹn ngào khóc. Nhưng phải khóc lén, phải giấu đi nước mắt nóng hổi của mình vào trong tim chứ không thấy biết được thì quở. Dần dần cũng quen đi và tôi hết còn bận tâm về những cử chỉ biểu lộ tình cảm giữa mẹ và tôi nữa. Riêng ba tôi thì ông bất kể tôi là chú tiểu hay là thứ gì. Mỗi lần ông gặp tôi là ôm hôn, ngay cả trước mặt thầy tôi và nhiều người khác. Có khi đi chung với mẹ tôi, ông cũng chẳng ngần ngại gì trong việc hôn tôi, cầm cái cầm râu tua tủa và cứng của ông vào má, vào trán tôi. Trước mặt thầy, tôi mắc cỡ lắm, và thấy nhột nữa (nhưng trù mến làm sao là nụ hôn của ba!). Sau, có lẽ do mẹ tôi nói sao đó, ba tôi không hôn tôi trước mặt người khác nữa. Trong luật của chùa, tôi chưa đọc thấy đoạn nào nói rõ việc cấm một chú tiểu hôn cha mẹ mình hay ngược lại. Nhưng có lẽ một cử chỉ biểu lộ thương yêu không thích hợp với màu áo và hình thức nhà tu của tôi nữa. Tôi không còn hôn ba, hôn mẹ; mẹ cũng hết hôn tôi; chỉ có ba tôi là được ưu tiên theo ý ông, muốn hôn tôi là hôn thôi.

Càng lớn lên, tình cảm càng trở nên một bất buộc không được biểu lộ trong đời sống một nhà tu. Bởi vì xuất gia, theo Phật giáo, có nghĩa là đã tự nguyện “*cát ái từ sở thân*” (cắt đứt mối liên hệ tình cảm riêng tư và xa rời những người thân thuộc của mình). Do đó, ngay cả việc tôi cầm tay mẹ hay mẹ cầm tay tôi cũng đã không còn xảy ra, nói chi đến việc ôm hôn. Riêng ba tôi, vẫn cái ưu tiên ngoại lệ đó, ông vẫn cứ ôm hôn tôi như thuở nào,

nhưng kín đáo hơn, hôn trong phòng riêng của tôi thôi.

Vào năm tôi được hai mươi tuổi, một người bạn tu rú tôi vượt biên. Chúng tôi cải trang làm người thế tục, vận thường phục. Tôi và Dương (tên bạn tôi) cùng đến thăm mẹ nơi căn gác nhỏ của bà trước khi lên đường xuống bãi. Với thường phục, có lẽ tôi cũng nên lợi dụng cơ hội đó để hôn mẹ, vì biết đâu sẽ chẳng bao giờ gặp lại mẹ, nếu tôi thành công trong cuộc vượt biển. Nhưng chẳng hiểu sao, một cái gì đó cản trở tôi, không cho tôi hôn mẹ. Mẹ ngồi trên giường ứa nước mắt nhìn tôi. Tôi nắm tay mẹ mà run lên vì xúc động. Lâu lắm tôi mới được nắm lấy tay bà. Mẹ không có một tặng vật nào cho tôi làm kỷ niệm. Mọi thứ để chuẩn bị cho một chuyến vượt biên đều đã được lo liệu đầy đủ. Mẹ loay hoay lục tìm trong tủ một lúc rồi lôi ra một lọ nước hoa mà một người bạn thân của bà mang từ Pháp về. Mẹ chỉ cất giữ như một kỷ vật chứ không dùng tới. Mẹ trao tôi lọ nước hoa ấy, nói rằng:

“Trên ghe tanh hôi mùi tôm cá lấm, sợ con không quen chịu không được. Khi nào con thấy khó chịu thì lấy nước hoa mà xúc vậy.”

Tôi không lòng nào mà từ chối, dù rằng đối với một nhà tu thì việc sử dụng nước hoa là điều mà không ai có thể nhìn nhận, nhất là mẹ tôi, một Phật tử thuần thành và am hiểu nhiều về nếp sống tu sĩ. Cả tôi lẫn mẹ đều biết rằng trong giới luật nhà tu có cấm hẳn hoi việc trang sức, quý chuộng hình dáng đẹp, thơm v.v... Nhưng ở đây, lọ nước hoa là một kỷ vật. Nó không được trao tặng và sử dụng như một vật trang sức. Đối với tôi lúc ấy, nó là kỷ vật, một thứ vô giá mà nếu vĩnh viễn không còn gặp lại mẹ, nó sẽ là di sản cuối

cùng gần gũi nhất lưu giữ hình bóng mẹ trong tôi. Mang theo để xúc khi gặp mùi tanh hôi của tôm cá, có lẽ đó chỉ là một cái cớ; vì gặp một trường hợp như thế, người ta chỉ cần xúc đầu gió. Nhưng ở đời, đôi lúc có những cái cớ làm cho chúng ta chảy nước mắt.

Mẹ nhìn tôi, khóc. Tôi cúi mặt bước ra, còn Dương bạn tôi thì rất tự nhiên, anh ta hôn mẹ tôi vâng trán cao của bà rồi bước theo tôi. Dương là con tinh thần của mẹ tôi. Anh ta rất thương mẹ tôi và đã biểu lộ rất chân thành tình cảm của anh ta. Bước đi bên nhau, tôi cảm thấy như bị mất mát cái gì. Hình như trong lòng tôi nảy sinh chút ganh tị với Dương. Tôi tự trách mình. Sao tôi không hôn mẹ nhỉ? Tôi dối lòng quá chăng? Hôn mẹ có phải là một tội lỗi không? Có là điều cấm kỵ trong Phật giáo không? Tôi thiệt thòi quá so với Dương. Dương đâu phải là con đẻ của mẹ và Dương cũng là một tu sĩ như tôi mà sao Dương hôn mẹ tôi một cách tình cảm và tự nhiên như vậy! Thấy tôi im lặng và đang xúc động, Dương nói:

“Sao anh chẳng hôn mẹ lần cuối. Lỡ mai này không còn gặp lại mẹ... lúc đó ân hận lắm.”

Nghe Dương nói, tôi giật mình hối tiếc, muốn quay lại với mẹ một lần nữa. Nhưng nghĩ sao, tôi lại thôi, và cứ bước tới. Dương nói tiếp:

“Thấy anh chẳng hôn mẹ, tôi đã hôn bà thay anh rồi đó. Tôi hôn bà đến hai cái, anh thấy không? Một cái cho tôi, một cái cho anh.”

Tôi cảm động nhìn Dương. Ít có người bạn nào hiểu tôi và tế nhị như Dương. Tôi thâm cảm ơn Dương đã hôn mẹ thay tôi. Nhưng dù sao, đó chỉ là một nụ hôn gián tiếp. (Đã nói

hôn ba mẹ sướng lắm, giống như ăn bánh, ăn kẹo vậy! Mà bánh kẹo được người khác ăn thay thì không ngon miệng chút nào cả!). Hôn thay chỉ có ý nghĩa khi nào người đón nhận nụ hôn biết rằng kẻ hôn mình đã hôn thay cho ai đó. Đương hôn mẹ hai cái mà có nói là hôn thay cho tôi một cái đầu! Mà không chừng Đương chỉ nói vậy cho tôi đỡ buồn thôi chứ có thể Đương hôn mẹ là hôn cho Đương chứ chẳng hôn thay cho tôi gì cả. Cái đó ai mà biết được. Thôi thì đành nào Đương cũng là bạn thân đáng tin cậy của tôi cũng như là một trong những đứa con tinh thần của mẹ. Tôi cứ tin như là Đương đã hôn mẹ thay tôi rồi.

Chuyến vượt biển đó thất bại và tôi bị mất luôn cả lọ nước hoa của mẹ. Sau lần đó, tôi vào Sài Gòn học trong một tu viện, cho đến năm hai mươi bốn tuổi, tôi đi trụ trì một ngôi chùa ở miền quê hẻo lánh tận một tỉnh phía đông nam Sài Gòn. Mẹ tôi chỉ đến thăm tôi một lần vào thời gian tôi ở đó. Cương vị một nhà tu trụ trì một ngôi chùa, hưởng dẫn hàng trăm, hàng ngàn tín đồ tu học, càng không cho phép mẹ con tôi tiến thêm một bước nào trong sự thể hiện tình mẫu tử theo thói thường của thế nhân. Càng lúc càng xa cách hơn, đến nỗi tôi không còn nắm được bàn tay mẹ nữa. Không ai cấm cản mẹ con tôi được cả, mà cũng chẳng ai dị nghị gì chuyện mẹ con thương nhau. Nhưng chính thói quen, chính sự chấp nhận một cách mặc nhiên và thông cảm giữa hai mẹ con tôi đã ngăn cản mẹ con tôi.

Tôi đi trụ trì được vài năm thì ba tôi đến thăm tôi, ở lại chơi vài ngày. Và, vẫn cái ưu tiên thuở nào, ông cũng chẳng ngần ngại gì trong việc ôm hôn tôi một cách rất là “cha con” trước mặt mọi người, rất nhiều lần, chứ

không phải chỉ hôn ở phút đầu gặp lại sau nhiều năm xa cách hay ở phút cuối sắp chia tay. Tôi cũng không ngờ rằng đó là lần cuối cùng tôi được ba hôn. Tôi đã không hôn ông cho tới lúc đó. Chỉ sau đó vài tháng, tôi vào tù vì tội “*có âm mưu chống lại chính quyền nhân dân*”. Như vậy là suốt từ lúc vào chùa năm mười hai tuổi cho đến năm hai mươi bảy tuổi, mười lăm năm, tôi không hề hôn ba mẹ tôi.

Trong tù, tôi trầm tư nhiều về tình cảm của mình với cha mẹ. Không được hôn cha mẹ, không được cha mẹ hôn, quả là thiệt thòi lớn lao cho một đứa con sống trên đời. Mẹ tôi muốn hôn tôi lắm chứ! Mẹ nào lại chẳng muốn hôn con; nhưng bà đã không hôn vì kính trọng tôi như một tu sĩ. Tôi cũng muốn hôn mẹ lắm chứ! Con nào lại chẳng muốn hôn mẹ; nhưng tôi đã không hôn mẹ vì tư cách nhà tu của tôi. Các anh chị lớn của tôi, đã lập gia đình, có con cái cả rồi mà mỗi lần về thăm nhà là ôm cha mẹ hôn lấy hôn để. Những nụ hôn chứa chan tình cảm và thật hợp với thiên nhiên, với lẽ thường. Tôi không được điểm phúc đó. Có thiệt thòi nào lớn bằng thiệt thòi không hôn cha mẹ khi cha mẹ mình còn đó?

Sau gần ba năm ở tù, tôi được tạm tha với một lệnh tạm tha để điều trị bệnh trong vòng ba tháng. Về đến nhà nghe tin ba mất. Ôi, ba tôi chỉ mất trước ngày ra tù của tôi có hai ngày! Tôi chết điếng trong lòng và bỗng dưng mà nhớ hàm râu cứng của ba! Hàm râu ấy sẽ không còn cắm trên trán, trên má tôi nữa. Vòng tay ba sẽ chẳng bao giờ ôm tôi một lần nào nữa, dù chỉ một lần nữa thôi. Ba cũng không còn giữ được cái quyền ưu tiên hôn tôi nữa. Và cái mùi của ba, đã một lần tôi so sánh

là tương đương với mùi của mẹ, cũng không còn nữa trên cõi đời này, không còn nữa trong suốt quăng đời còn lại của tôi.

Vì là một tù nhân tạm tha và bị chỉ định nơi cư trú, tôi trở về với hình thức một người thế tục. Tóc tôi đã dài và phải vận thường phục để về nhà, rồi đi thăm mộ ba. Ngôi mộ nhỏ, tấm bia nhỏ, khiêm nhường như chính ba tôi lúc còn sống vậy. Tôi thấp hươg cho ông mà chỉ nhớ duy nhất một hình ảnh là ông thường ôm con, bất kể lớn nhỏ, hôn rất sâu và rất tình như thể ông sinh ra chúng tôi chỉ để được hưởng sự biểu lộ thương yêu bằng cách đó. Tôi tiếc là đã không hôn ba vào lần cuối cùng ông đến thăm. Một nụ hôn dành cho cha, đâu có khó khăn gì mà không làm... để bây giờ muốn hôn cũng không làm sao hôn được!

Sau khi thăm mộ ba, thăm hết mẹ và anh chị em trong nhà, tôi quyết định vượt biển một lần nữa trước khi hết hạn tạm tha.

Tôi đến từ biệt mẹ trong căn gác nhỏ mà chín năm về trước, tôi và Dương đã đến chia tay mẹ. Lần này, tôi đến một mình và chỉ có mình mẹ trong căn gác đó. Tôi thưa mẹ là tôi lại phải vào Sài Gòn để chữa bệnh. Mẹ không nói ra, nhưng có lẽ mẹ cũng hiểu là chuyến đi này có thể chia cách mẹ con xa thêm nữa, có thể tôi sẽ đến một phương trời khác, mà cũng có thể không may... bỏ mình trên biển hay phải sa vào vòng tù tội lần nữa, khó có ngày trở về. Mẹ tôi ngồi trên giường nắm lấy tay tôi, rưng rưng nước mắt:

“Con rán giữ thân, con có việc gì là mẹ không sống nổi...”

Tôi cố giữ điềm tĩnh, vì mẹ đã khóc rồi; nhưng tôi vẫn run lên rồi quyết định là sẽ bày tỏ bằng cả chân tình của mình.

“Me yên tâm, con sẽ viết thư về cho me. Con lúc này cũng khỏe nhiều, chứ không như trước đây nữa.”

Rồi, bằng tất cả tình cảm thuần túy của một đứa con, tôi cúi xuống hôn lên vầng trán mênh mông của mẹ. Đó là cái quyền của tôi, cái quyền tất nhiên của một đứa con đối với mẹ nó. Vắt đi, vắt hết tất cả, điều cuối cùng còn sót lại vẫn là một điều luật tự nhiên: tôi là con của mẹ. Và tôi đã hôn mẹ như thế đấy.

Chia tay mẹ, tôi bước đi trong nghẹn ngào và sung sướng. Nếu đức Phật chứng kiến cảnh chia tay của tôi với mẹ, tôi tin rằng ngài cũng sẽ xoa đầu tôi, mỉm cười; và nếu có một lời nào, có lẽ ngài sẽ nói:

“Dù là gì đi nữa thì con cũng là con của mẹ thôi.”

Lênh đênh trên biển rồi cập bến ở một đất nước xa lạ, tôi vẫn còn lưu giữ niềm rung cảm sâu xa trong lòng: đã mười bảy năm trôi qua, tôi mới được hôn mẹ một cách trọn vẹn. Nếu không có cơ may nào cho một cuộc chuyển hóa trên quê hương, tôi sẽ không bao giờ được gặp lại mẹ. Nhưng, tôi đã hôn mẹ rồi đó. ■

Trại tị nạn Songkhla Thái Lan 1987
(trích tác phẩm *Mẹ, Quê Hương và Nước Mắt*
của Vinh Hào)



CHỦ TRƯỞNG CỘNG SẢN TIÊU DIỆT PHẬT GIÁO VIỆT NAM:

Giới thiệu tài liệu “THỐNG NHẤT PHẬT GIÁO VIỆT NAM” của ông Đỗ Trung Hiếu

Võ Văn Ái

Trong mùa Đản sinh đức Phật Thích Ca, người Phật tử thường có những tâm nguyện, cử chỉ hay hành động gọi là “*Cúng dường Ngày Phật Đản*” để nhớ ơn ngày ra đời của vị Thiên Nhân sư. Ở thời bình thì có lễ phóng đăng (thả đèn trên sông như dây ngân hà chảy về biển), phóng sanh (thả cá, thả chim), đi chùa lễ Phật, v.v... Ở thời nhiễu nhương, thì ra tay trừ bạo, cứu người.

Ông Đỗ Trung Hiếu, một cán bộ cộng sản cao cấp chuyên lo tôn giáo vận, kiến trúc sư cho tòa nhà “Thống nhất Phật Giáo” theo chủ trương Đảng, bỗng nhiên cũng tham gia “*Cúng dường Phật Đản*” bằng một tài liệu tố cáo âm mưu đen tối của Đảng trong vụ đàn áp Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN, còn gọi là Giáo hội Ấn Quang) từ sau năm 1975 đến nay. Ông không dùng chữ cúng dường trên văn bản, nhưng ông đem tinh thần mà cúng dường Ngày Phật Đản. Tinh thần này lộ rõ qua hai sự kiện: trước ngôi mộ của Hòa thượng Thích Trí Thủ, ông thề “*Từ nay con xếp bàn cờ tướng... không chơi cờ nữa*”, và ông viết đúng vào dịp “Phật Đản 2538, ngày 15-4 Giáp Tuất (25-5-1994)” bản cáo trạng về âm mưu Đảng “thống nhất” Phật giáo làm tiền đề cho việc

công cụ hóa đạo Phật. Không “Cúng dường Phật Đản” thì còn là gì khác?

Từ Phật Đản năm ngoái tới nay, gần đúng một năm, tài liệu “Thống Nhất Phật giáo” của ông Đỗ Trung Hiếu mới được chuyển đến tay cơ sở Quê Mẹ và Phòng Thông Tin Phật giáo Quốc Tế. Sự chậm trễ được đắp bù bằng tư liệu quý giá có một không hai. Vì sự thật nói lên từ bên trong, từ bộ chỉ huy đảng Cộng sản Việt Nam.

Ông Đỗ Trung Hiếu, bí danh Mười Anh, quê ở Quảng Trị, đảng viên cộng sản thâm niên, phụ trách vấn đề tôn giáo. Trước 1975, làm Trưởng ban Trí Trẻ (vận động trí thức, sinh viên, học sinh) khu Saigon-Gia Định, cộng tác dưới quyền của Khu ủy Trần Bạch Đằng. Sau 1975, ông được các ông Xuân Thủy rồi Nguyễn Văn Linh và Trần Quốc Hoàn trực tiếp giao phó nhiệm vụ “thống nhất Phật giáo”, mà thành quả là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam (Nhà Nước) ra đời ngày 4 tháng 11 năm 1981. Chính ông Xuân Thủy, người cầm đầu Phái đoàn Hà Nội tại hòa hội Paris cuối thập niên 60, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Dân vận và Mặt trận Trung ương, kiêm Bí thư Đảng Đoàn Ủy ban Mặt trận Trung ương, đã triệu ông Hiếu từ

Saigon ra Hà Nội đầu năm 1979 và giao cho ông Hiếu chức Chính ủy đoàn công tác thống nhất Phật giáo Việt Nam.

Tất cả những âm mưu đen tối trong việc thống nhất giả tạo này được trình bày chi tiết trong bản tài liệu gồm 50 trang đánh máy, khổ A4. Cần đọc hết từ chữ đầu tới chữ cuối, mới thấy cuộc đấu tranh của Phật giáo đồ trong nước liền sau ngày 30-4-75, do Cố Đại Lão Hòa thượng Thích Đôn Hậu và Hòa thượng Thích Huyền Quang lãnh đạo, đặc biệt từ 3 năm qua, là cuộc tranh đấu huy hoàng chính nghĩa và cho dân tộc.

Hai điều sáng tỏ rục lên trong bản tư liệu quý giá là lập trường thống nhất chân chính của Cố Đại lão Hòa thượng Thích Đôn Hậu cũng như Hòa thượng Thích Trí Quang trước chủ trương biến tướng và duy vật hóa nền đạo đức cao thâm và cứu người của đạo Phật Việt Nam. Ngoài giới Phật tử thân cận, hầu như ít người biết rõ việc này. Theo ông Hiếu, Cố Đại lão Hòa thượng Thích Đôn Hậu cực lực chống đối việc thống nhất Phật giáo để làm công cụ chính trị cho đảng cộng sản. Ngài *“nhất mực giữ vững lập trường, không hề lay chuyển cho đến ngày viên tịch (23-4-92)”*. Hòa thượng nêu rõ lập trường này trong bản Kiến nghị gửi các ông Lê Duẩn, Tôn Đức Thắng, Trường Chinh và Phạm Văn Đồng liền *“sau ngày giải phóng (miền Nam)”* năm 1975. Ông Hiếu cho biết: *“Đảng từ chối đề án thống nhất Phật giáo của Hòa thượng Thích Đôn Hậu và gán cho Hòa thượng có ý đồ xấu, chống Đảng và Nhà nước Việt Nam cộng sản”*.

Hai mươi năm vừa qua, Hòa thượng Trí Quang giữ im lặng, không cộng tác với chính quyền, cũng không tham dự cuộc *“thống nhất*

Phật giáo”

 do Đảng chủ mưu. Nhờ tài liệu của ông Đỗ Trung Hiếu mà người ta biết rõ lập trường của Hòa thượng Thích Trí Quang đòi hỏi thống nhất Phật giáo qua yêu sách Bốn điểm sau đây:

* *“Về mặt đạo, thống nhất Phật giáo Việt Nam tức là phát huy bản sắc duy nhất của đạo Phật là Giác ngộ, Giải thoát, và tôn trọng phương tiện tu hành của mỗi hệ phái. Thực chất chỉ có Nam tông, Bắc tông. Việt Nam có cả hai. Các nước khác có Nam tông, không có Bắc tông hoặc ngược lại.*

* *“Về mặt tổ chức, thống nhất Phật giáo Việt Nam tức là Phật giáo Việt Nam chỉ có một tổ chức có tư cách pháp nhân ở trong nước và quan hệ với quốc tế. Tổ chức Phật giáo đó có hệ thống thông suốt từ Trung ương đến địa phương cơ sở. Tất cả chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo duy nhất của Trung ương. Các hệ phái được quyền giữ phương tiện tu hành riêng, nhưng phải nằm trong và chịu sự lãnh đạo chung của một tổ chức.*

* *“Về mặt xã hội, thống nhất Phật giáo Việt Nam tức là mọi hoạt động xã hội và tham gia các hoạt động xã hội phải tuân theo sự lãnh đạo của Trung ương Giáo hội, độc lập và phù hợp với Giáo lý đức Phật.*

* *“Về nhân sự, thống nhất Phật giáo Việt Nam tức là các vị Cao Tăng đức độ được Tăng, Ni, Phật tử cả nước tín nhiệm, cung thỉnh và suy cử, chứ không phải là sự thỏa thuận hoặc áp đặt theo yêu cầu chính trị.*

“Nói chung, thống nhất Phật giáo Việt Nam là tăng cường sự thanh khiết và sức mạnh của Phật giáo Việt Nam chứ không phải là làm bài toán cộng”.

Đương nhiên Đảng và Nhà nước bác bỏ lập trường thống nhất theo Bốn điểm đúng

chính của Phật giáo trên đây. Nên cuộc đàn áp Phật giáo nói chung, truy triệt GHPGVNTN nói riêng, mới tiếp diễn hung hãn cho đến ngày hôm nay.

Lập trường của Đảng và Nhà nước cộng sản đối với Phật giáo ra sao? Tư liệu của ông Đỗ Trung Hiếu tiết lộ những điểm mấu chốt:

*** Lập trường của ông Xuân Thủy:** “Việc thống nhất Phật giáo Việt Nam theo tôi biết, Đảng chủ trương thống nhất Phật giáo của ta với Giáo hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) khối Ấn Quang. Phật giáo của ta là Hội Phật giáo Thống Nhất Việt Nam (HPGTNVN) ở miền Bắc và Ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước (BLLPGYN) ở miền Nam. Ở miền Bắc, Phật tử đã vào các đoàn thể quần chúng hết rồi, chỉ còn những cụ già đi lễ bái ở chùa ngày rằm, mồng một, theo tục lệ cổ truyền. Sư tiêu biểu thật hiếm. Cụ Trí Độ đã luống tuổi, quanh đi quẩn lại vẫn cụ Phạm Thế Long, nhưng khả năng đức độ của cụ ảnh hưởng trong nước và quốc tế hạn chế. BLLPGYN có khá hơn một tí. Cụ Minh Nguyệt (đảng viên cộng sản, theo ông Hiếu) có thành tích ở tù 15 năm Côn Đảo, cụ Thiện Hòa (đảng viên cộng sản, theo ông Hiếu) có thành tích đi kháng chiến, nhưng điều Phật tử cần ở nhà Sư, cả hai cụ đều hạn chế.

“GHPGVNTN khối Ấn Quang là một tổ chức tôn giáo và tổ chức quần chúng mang tính xã hội chính trị có màu sắc dân tộc, thu hút đông đảo quần chúng và có uy tín trên thế giới, nhiều nhà sư tài giỏi. Nếu thống nhất theo Kiến nghị của cụ Đôn Hậu, có nghĩa là giải thể BLLPGYN, sát nhập HPGTNVN vào GHPGVNTN và chịu sự lãnh đạo của họ. Như thế GHPGVNTN phát triển ra toàn lãnh thổ Việt Nam chứ không chỉ ở miền Nam như trước

năm 1975.

“Quan trọng là Đảng không bao giờ lãnh đạo được GHPGVNTN, mà ngược lại GHPGVNTN trở thành một tổ chức tôn giáo rộng lớn có đông đảo quần chúng, là một tổ chức có áp lực chính trị thường trực với Đảng và chính phủ Việt Nam.

“Thống nhất theo dự án của ban Tôn giáo chính phủ chưa ổn lắm, vì chung qui cũng đưa các cụ ở HPGTNVN và BLLPGYN xách cặp cho GHPGVNTN mà thôi. Bởi vì các cụ ta đứng gần Thượng tọa Thích Trí Quang sẽ bị hút vào tay áo tràng của Thượng tọa hết.”

*** Lập trường của Ban Dân Vận Trung ương:** “Nội dung đề án là biến hoàn toàn Phật giáo Việt Nam thành một hội đoàn quần chúng. Còn thấp hơn hội đoàn, vì chỉ có Tăng, Ni, không có Phật tử; chỉ có tổ chức bên trên, không có tổ chức bên dưới, tên gọi là Hội Phật giáo Việt Nam (...). Nội dung hoạt động là lo việc cúng bái chùa chiền, không có hoạt động gì liên quan tới quần chúng và xã hội (...). Lấy chùa làm cơ sở chứ không phải lấy quần chúng Phật tử làm đơn vị của tổ chức Giáo hội”.

*** Nhận xét việc thống nhất Phật giáo của ông Đỗ Trung Hiếu, tác giả tập tài liệu:** “Thực sự đại biểu là giữa Phật giáo của ta và GHPGVNTN. Ban Vận động Thống nhất Phật giáo Việt Nam đều bị đại biểu dự Đại hội, trong đó đại biểu của ta đa số. Chính tổ chức và hệ phái Phật giáo, GHPGVNTN là một, còn lại tám với những danh nghĩa khác nhau, nhưng tất cả đều hoặc là ta hoặc là chịu sự lãnh đạo của Đảng” (...) “Cuộc thống nhất Phật giáo lần này (năm 1981 tại chùa Quán Sứ, Hà Nội) bên ngoài do các Hòa thượng gánh vác, nhưng bên trong bàn tay đảng Cộng

sản Việt Nam xuyên suốt quá trình thống nhất để nắm và biến tướng Phật giáo Việt Nam trở thành một tổ chức bù nhìn của Đảng”.

Với một chủ trương như thế, những cuộc đàn áp gay gắt từ sau năm 1975 đối với GHPGVNTN trở thành dễ hiểu. 12 Tăng, Ni tự thiêu tập thể tại chùa Dược Sư ở Cần Thơ ngày 2-11-75 là phản ứng chống đối quyết liệt đầu tiên của GHPGVNTN tại miền Nam. Và đặc biệt những biến động, bố ráp, bắt bớ Tăng, NI, Phật tử trong 3 năm vừa qua càng minh chứng rõ ràng hơn cho chủ trương này. Chẳng mới mẻ gì đâu, đây là chủ trương bất biến của Đảng và Nhà nước cộng sản được ghi thành Chỉ thị về tôn giáo vận mang số 20. Chỉ thị này do ông Trần Xuân Bách soạn thảo và được Bí thư thứ nhất Lê Duẩn ký chuẩn y năm 1960.

Ngoài tính lịch sử về âm mưu của đảng Cộng sản Việt Nam nhắm tiêu diệt Phật giáo, qua đó móc xích hóa nền văn hiến Việt Nam, bản tư liệu mang nội dung cáo trạng của ông Đỗ Trung Hiếu vô tình còn đưa ra hai câu trả lời hùng hồn đầy tính thuyết phục cho hai luồng dư luận đánh lạc hướng đang nhắm gây hoang mang quần chúng và vô hiệu hóa chủ trương đấu tranh giải trừ Pháp nạn và Quốc nạn của Phật giáo Việt Nam ở hải ngoại. Một luồng dư luận cho rằng cuộc tranh đấu giải trừ Pháp nạn của Hòa thượng Huyền Quang là quá “nóng vội” nếu không là “tranh đấu cuội”. Luồng kia chụp mũ Hòa thượng Trí Quang là cộng sản.

Đứng từ địa bàn bên trong Đảng, ông Đỗ Trung Hiếu lật tẩy chủ trương cộng hóa Việt Nam trên vấn đề đạo đức và tôn giáo. Nhờ đấy, những ai chưa chịu hiểu sẽ phải hiểu rằng, hiện nay Phật giáo chỉ tiếp tục cuộc đấu

tranh diệt khổ, cứu người, cứu nước, chống bất công xã hội, chống xâm lược lãnh thổ cũng như xâm lược văn hóa và tư tưởng. Cuộc tranh đấu kiên trì ấy khởi sự từ bình minh của lịch sử Việt Nam, xuyên suốt hai ngàn năm qua. Hòa thượng Huyền Quang chỉ là người thừa kế đại nghĩa này ở cuối thế kỷ hai mươi.

Trường hợp Hòa thượng Thích Trí Quang, ông Hiếu tiết lộ điều lý thú. Lý thú vì nó phơi phong sự sợ hãi kinh hồn của đảng cộng sản trước uy tín của một Cao tăng đầy trí dũng, và trước một tôn giáo có hậu thuẫn và lực lượng quần chúng. Trả lời câu hỏi “Nghĩ thế nào về TT. Thích Trí Quang?” của ông Xuân Thủy, ông Hiếu đáp: “*Anh Tư Ánh (Trần Bạch Đằng) nói anh Út (Nguyễn Văn Linh) giận Thích Trí Quang lắm, và Mặt trận Giải phóng Miền Nam (MTGPMN) chưa hề thua ai, thế mà Trí Quang cho ÷o ván ba lần. Ba lần đó Thích Trí Quang đã cứu Mỹ nguy (sic) một cách nhẹ nhàng. Bao nhiêu triệu dollars mới trả nổi những đòn chiến lược đó?”*

Ba lần ÷o ván đó là những lần nào? Đỗ Trung Hiếu kể cho ông Xuân Thủy nghe những điều mà Nguyễn Văn Linh, nguyên Bí thư Trung ương cục miền Nam phản ánh:

“Năm 1964 nhân trận lụt lớn ở miền Trung, quân Giải phóng chuẩn bị nhổ các đồn bót nguy, Thượng tọa Trí Quang nêu khẩu hiệu “GHPGVNTN cứu lụt”. Cờ 5 màu dựng trên các ca nô, tàu, máy bay, trực thăng cứu sạch bọn nguy quân. Cũng năm 1964, nhân dân phần nộ trước chính quyền quân phiệt nguy, MTGPMN nêu khẩu hiệu chống quân phiệt để đẩy mạnh Phong trào đô thị, Thượng tọa Trí Quang lập Hội đồng Nhân dân Cứu quốc miền Trung đòi Chính phủ Dân sự, gồm hết quần chúng về phía mình và đập xẹp khẩu

hiệu của ta. Năm 1965, Mỹ đổ quân trắng trợn xâm lược miền Nam Việt Nam. MTGPMN đẩy mạnh Phong trào Chiến tranh Cách mạng chống Mỹ xâm lược, Thượng tọa Trí Quang nêu khẩu hiệu "Cầu nguyện Hòa bình" làm hạn chế cuộc chiến tranh chống Mỹ của ta".

Bản tư liệu của ông Đỗ Trung Hiếu còn cho biết tâm tình những đảng viên trung kiên ngày nay nghĩ gì về đảng của họ. Chúng ta không thể bỏ qua những nhận xét tuy riêng tư nhưng mang tính chiến lược ấy. Chúng giúp ta tiếp cận chính xác vấn đề cộng sản, hầu hoạch định một giải pháp mới cho dân tộc sớm thoát khỏi ách độc tài và tranh chấp triền miên. Ý kiến ông Đỗ Trung Hiếu là: "Bộ chính trị là một tập thể mỗi-người-làm-mỗi-cách theo ý kiến của Tổng Bí thư. Ban Bí thư cũng là một tập thể mỗi-người-cát-cứ-một-lĩnh-vực theo sự chỉ huy của Tổng Bí thư, và Tổng Bí thư là tập trung dân chủ. Một chế độ vừa độc tài vừa phong kiến khủng khiếp." Ông Nguyễn Quang Huy, cán bộ phụ trách dân vận và tôn giáo vận ở miền Bắc, thì chua cay tâm sự với ông Hiếu: "Đảng không phải là của mình, mà là của mấy ổng, chỉ là của mấy ổng thôi, dù mình là đảng viên. Tất cả đảng viên chỉ là con cờ cho mấy ổng sử dụng thôi."

Đối với người Phật tử, tài liệu này cho một danh sách đầy đủ và chính xác giới lãnh đạo Phật giáo hiện thời. Chia ra ba hạng tên tuổi: những vị thân phục cộng sản hoặc đã bị cộng sản nắm đầu sử dụng; những vị được cộng sản chú ý, hiện đã hay đang đưa vào kế hoạch làm con cờ ly gián khối Phật giáo dân tộc; và những vị quyết liệt chống đối mưu đồ phi đạo đức và phi Việt của chủ nghĩa cộng sản. Thật cần thiết trong giai đoạn tranh tối tranh sáng

ngày nay, giúp ta chọn lựa theo ai, tránh ai.

Qua tập tài liệu, chúng ta thấy ông Đỗ Trung Hiếu thông minh ở hai điểm. Một là, nhận chân tính chất dân tộc và có hậu thuẫn nhân dân của Phật giáo. Hai là, trong bối cảnh Á châu, phải "dùng" Phật giáo làm đòn bẩy chính trị mới có thể phá thế kẹt cho Đảng trên mặt trận ngoại giao quốc tế. Nhưng ông chưa thấm nhuần Việt thức để đi trước thời đại trong việc Phật hó chủ nghĩa Mác xít. Trong thực tế, ông mang hai lần thất bại với Đảng cũng như Phật giáo. Giáo hội Phật giáo Nhà nước dựng lên năm 1981 tại chùa Quán Sứ, Hà Nội, không như ý ông muốn. Giáo hội ấy cũng không vừa lòng người ân nhân của ông, là Hòa thượng Thích Trí Thủ và người ông ngưỡng phục, là Hòa thượng Thích Trí Quang.

Phật tử hay không, dám nói lên sự thật trong lúc này, là đã bước đầu thể hiện đạo Như Thật. Ông Hiếu làm việc đó, mặc bao hiểm nguy đã và sẽ còn xảy ra cho ông. Huống chi trong phần "Niềm Riêng" thay cho kết luận, ông còn cao lời răn đe Đảng và Nhà nước:

"Nếu làm giám đốc một công ty, sai, bị lỗi đôi ba tỷ đồng, gây đau khổ đấy. Nhưng anh có thể làm giới kiểm tiền bù lại. Còn lĩnh vực này (tôn giáo), sai, ít nhất gây buồn phiền đau khổ cho biết bao triệu con người, lớn hơn là làm cho nhiều người bị tù dày chết chóc. Điều đó không lấy gì và làm sao bù đắp được. Tốt nhất các anh nên suy nghĩ thật chín chắn, phác họa một đề án chiến lược hợp lòng dân trên nguyên tắc CÁI GÌ CỦA CESAR HÃY TRẢ LẠI CHO CESAR (...). Các anh nhớ đừng làm gì để họa cho Dân tộc, gây đau khổ cho đồng bào các tôn giáo. Nghiệp báo đời đời".

Xin trân trọng giới thiệu cùng Bạn đọc bốn phương tài liệu quý giá giúp cho những ai chưa hiểu sẽ hiểu hơn vấn đề quan trọng của thời đại: Phật giáo và Cộng sản; Đây là giải pháp cho Việt Nam tương lai? Lời cuối, xin được cảm ơn "người" đã chuyển tập tài liệu đến Paris cho chúng tôi với lời ghi chú: "Để cúng dường Phật Đản năm nay, 1995". ■

Paris, Phật Đản 2539

nhớ em

Chim đã hót mà trời chưa rạng
Hương tóc ai còn vương gối mây
Xa nhau mới biết tình vô hạn
Tựa cửa băng qươ đếm từng ngày.
Ôi nhớ môi cong sâu man dại
Ôi mắt lệ nào khóc chia tay
Phòng hẹp giờ sao mệnh mỏng quá!
Đốt điếu vô thường mơ dáng ai.

tặng Hà

phù du

nếu tình dài trăm năm
ta sẽ thành cụ lão
lú lẫn quên đầu đuôi
nhìn trần gian nhốn nháo.

ôi tình yêu khoảnh khắc
đưa ta vào thiên thu
nhớ nhau sâu man mác
dằng dẳng kiếp phù du.

thơ Phiêu Bông

tiếng thơ rơi

mơ màng thùy dương rữ
gợi tình sóng trùng khơi
mang mang bờ bến cũ
chạnh lòng tiếng thơ rơi.

dáng mây

phố mưa mờ khung cửa
xôn xao bóng người qua
hiên ngoài ai đứng tựa
tay đưa tóc mây hờ.

hoang dại

em như loài cỏ dại
không kén đất chọn nơi
vườn hoang em đứng lại
nở một đóa tình khô.

tặng Hà

cám ơn

cám ơn đời ưu ái
cho tôi biết ngục tù
mai này gặp oan trái
rượu quý một hơi tu.

**TỪ LÝ THUYẾT MARX-LENIN ĐẾN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH:
CUỘC KHỦNG HOẢNG TRẦM TRỌNG TRONG TRIẾT THUYẾT,
THỰC TẾ VÀ NIỀM TIN CỦA NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN VIỆT NAM**

Huỳnh Kim Quang

Khi bức tường Bá Linh sụp đổ và đế quốc Liên Xô tan rã, chủ nghĩa Cộng sản quốc tế thật sự đã cáo chung. Đối với những nước chủ hầu Cộng sản cuồng tín còn sót lại như Việt Nam, Cuba v.v... đây không những là một sự thất bại bi đát mà còn là một sự khủng hoảng trầm trọng từ lý thuyết, thực tế đến niềm tin.

Mất hẳn đi chỗ dựa sống còn đối với lý thuyết, thế lực và niềm tin của chủ nghĩa Cộng sản quốc tế, những nhà lãnh đạo Cộng sản Việt Nam liền đưa ra chiêu bài “*tư tưởng Hồ Chí Minh*” để lấp đi khoảng trống tối tăm phủ trùm xuống hiện thực và tương lai sống còn của Đảng và Chính quyền Cộng sản. Hơn một nửa thế kỷ sống bám víu vào lý thuyết, thế lực và niềm tin của chủ nghĩa Cộng sản quốc tế, từ nhà lãnh đạo tối cao của đảng và chính quyền trung ương đến anh cán bộ phường xã ở hạ tầng cơ sở ai ai cũng chỉ suy nghĩ, nói và hành động theo một chiều, đó là chiều suy tôn một cách mù quáng chủ nghĩa Cộng sản, đó là chiều cố chấp đến cực độ trong quan kiến hẹp hòi về việc lãnh đạo và xây dựng đất nước, đó là chiều ca tụng Marx, Lenin, Staline, Mao Trạch Đông v.v... kể cả Hồ Chí Minh suốt đời cũng chỉ biết ca tụng

các ông thánh Cộng sản đó. Giờ đây chủ nghĩa ấy đã sụp đổ tan tành, giấc mộng của những người Cộng sản Việt nam cũng đã bị hiện thực xua đuổi làm cho họ rơi vào thế khủng hoảng không có lối thoát dù họ có gượng ép đưa ra cái mà họ gọi là “*tư tưởng Hồ Chí Minh*”!

Trên bình diện lý thuyết, triết thuyết duy vật biện chứng và sử quan của Cộng sản chỉ tự chứng tỏ tính cách hàm hồ và lệch lạc của nó đối với thực tại. Vì thực tại không phải chỉ là cái này mà không là cái nọ hay ngược lại, và tiến trình lịch sử của nhân loại không phải là thứ tiến trình quy ước theo một chiều kích hay một khuôn thước cố định mà đó là tiến trình sinh động hàm ngụ một cách bình đẳng tất cả mọi sự kiện xảy ra không thể đơn giản hóa trong một phạm trù xã hội nào. Tự nó chủ nghĩa nhị nguyên duy vật đã rơi vào thế cực bộ và bế tắc ngay trong chính bản thân nó. Người theo chủ nghĩa “*duy*” sẽ không thừa nhận bất cứ quan kiến nào của người khác không đồng thuận với họ. Từ thái độ nhận thức một chiều này dẫn đến những phương cách hành xử độc quyền độc đoán và cố chấp. Như thế người Cộng sản thật sự chỉ tự đóng kín họ lại trong cái vỏ ốc hạn cực và

nhỏ bé trong khi phần còn lại của nhân loại thì tiến hóa không ngừng. Đây chính là một trong những động lực đưa đến sự cai trị hà khắc, lạc hậu và bế tắc toàn diện của chủ nghĩa Cộng sản. Trong khi nhân loại đang chuẩn bị bước vào thế kỷ 21 với những tiến bộ vượt bậc về tất cả mọi mặt thì người Cộng sản cuồng tín Việt Nam còn lẩn quẩn trong ngục thất không tưởng đối với triết thuyết duy vật biện chứng và sử quan lỗi thời. Sự thất bại của triết thuyết duy vật biện chứng và sử quan còn ở chỗ nó không đóng góp được gì trong việc nâng cao kiến thức của nhân loại đối với lịch sử, thế giới, xã hội và con người mà còn giam hãm nhận thức trong thế giới định kiến của nó.

Lập trường “đấu tranh giai cấp” của người Cộng sản hơn nửa thế kỷ qua chỉ chứng tỏ một điều rằng đây là chiêu bài của người Cộng sản hòng thu hút lực lượng quần chúng trong mưu đồ thống trị của họ. Thực tế, “đấu tranh giai cấp” không phải là bênh vực thật sự cho tầng lớp nhân dân nghèo khổ mà là lợi dụng và sử dụng tầng lớp nhân dân nghèo khổ này làm vật thiêu thân cho việc triệt hạ các đối thủ chính trị và xã hội của Đảng và chính quyền Cộng sản. Lịch sử đã chứng minh điều đó qua thảm trạng của các xã hội Cộng sản, người dân nghèo khổ đã được gì? Chỉ được gọi suông trên đầu môi chót lưỡi là “giai cấp vô sản”, thật ra đây là danh xưng dành cho giai cấp cách mạng thống trị xã hội chứ không phải là tôn xưng dành cho tầng lớp nhân dân nghèo khổ. Thảm trạng đau thương của dân tộc Việt Nam qua cái gọi là “đấu tranh giai cấp” đã phơi bày ra với công cuộc cải cách ruộng đất tại Bắc Việt vào năm 1956 với hơn nửa triệu người dân bị chết một cách

thê thảm, và tại miền Nam sau năm 1975 với biết bao oan nghiệt và thê lương cho hàng triệu người. Thực tế của “đấu tranh giai cấp” không phải là để thiết lập sự bình đẳng cho xã hội và giải phóng tầng lớp bị bóc lột mà là phân biệt rõ hơn lần ranh giai cấp giữa kẻ thống trị và người bị trị. Đem sách lược “đấu tranh giai cấp” vào ứng dụng tại Việt Nam, người Cộng sản đã hoàn toàn nhắm mắt làm theo mệnh lệnh của những quan thầy Cộng sản quốc tế, vì nếu họ có nhận thức độc lập họ đã thấy ngay rằng sách lược ấy không thích hợp với thực trạng xã hội Việt Nam. Xã hội Việt Nam không có giai cấp hiện hữu như mô thức giai cấp mà Marx và Lenin quan niệm, người Việt Nam gọi nhau là “đồng bào” và xem nhau như ruột thịt thì làm gì có bất công giai cấp! Chính người Cộng sản đã mang tư tưởng phân biệt và đấu tranh giai cấp vào làm ung nhọt cho một xã hội vốn thuần lương.

Cách mạng bạo lực là thứ khí giới hung tàn của người Cộng sản kích động cho những bạo hành chính trị, quân sự và xã hội để có cơ hội tạo sự bất ổn xã hội và cướp lấy chính quyền. Lịch sử đã chứng minh rằng theo vết chân của chủ nghĩa Cộng sản là máu, nước mắt và sự sát phạt. Người Cộng sản thật đã không biết quý trọng sự sống, không biết quý trọng sinh mạng của con người của đồng loại. Trong lý thuyết Cộng sản vị thế con người chỉ là một con vật xã hội, chỉ là một công cụ máy móc không hơn không kém! Chính vì vậy, người Cộng sản đã không ngần ngại sạch động việc sát phạt lẫn nhau giữa cha mẹ anh em, bà con thầy bạn, xóm làng thân tộc v.v... Nhân loại hôm nay đã thật sự quan tâm đến sự sống còn của đồng loại, đến giá trị làm người hoặc ngay đến một con vật. Những thế

lực thù địch quốc tế cũng đã gạt bỏ hận thù và ngồi lại nhau, chấm dứt giai đoạn chiến tranh lạnh đầy lo âu cho nhân loại. Chuyện cách mạng bạo lực giờ đây đã trở thành một thứ tư tưởng vừa lạc hậu vừa ác độc và tàn nhẫn mà cả nhân loại đều ghê tởm, đều lánh xa.

Chủ nghĩa xã hội chỉ là một thứ quái thai của chủ nghĩa cộng sản mà mãi đến hôm nay, sau hơn ba phần tư thế kỷ, không một nước cộng sản nào thực hiện thành công. Đối với người Cộng sản, xã hội chủ nghĩa là bước quá độ từ xã hội tư bản lên xã hội cộng sản. Sau ngót nửa thế kỷ nỗ lực thực hiện xã hội chủ nghĩa tại Việt Nam, cuối cùng Đảng và Nhà nước đành đổi sang kinh tế thị trường, một mô thức của kinh tế tư bản. Ấy thế mà Đảng và Nhà nước vẫn không ngừng tuyên bố giữ vững lập trường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Không biết đây là thứ chủ nghĩa xã hội nào? Sự bế tắc và khủng hoảng trầm trọng của Đảng và Chính quyền Cộng sản Việt Nam thể hiện rõ nhất trong lãnh vực này. Họ vừa muốn thoát khỏi xác chết của chủ nghĩa Cộng sản và kinh tế tập trung của chủ nghĩa xã hội lại vừa sợ biến chất thành chủ nghĩa tư bản và không bảo vệ được sự sống còn của Đảng và Chính quyền vô sản. Trước sự bế tắc và khủng hoảng này, người Cộng sản Việt nam chọn cách “ba phải” để thoát thân, nghĩa là họ đang sử dụng bất cứ phương cách nào miễn là phương cách ấy có thể kéo dài thêm sự sống còn của họ và bỏ mặc cho những thảm họa của cả đất nước cả dân tộc. Thật tế chứng minh điều ấy rằng người Cộng sản đang quy lụy với các nước tư bản, đang bán đứng nguồn tài nguyên của đất nước cho ngoại quốc, đang ve vãng người Việt hải

ngoại, đang bóp chết các phong trào đòi tự do tôn giáo và nhân quyền trong nước, đang tận tụy khưc cung trước những yêu sách của Hoa kỳ, đã và đang trải thảm đỏ để đón rước nhà lãnh đạo tài phiệt Lý Quang Diệu hùng cống hiến cho chế độ dầy chết một lối thoát cuối cùng, v.v...

Luận điệu “cởi mở kinh tế không cởi mở chính trị” chỉ là luận điệu của những người cố bám lấy địa vị thống trị để hà khắc nhân dân, làm lợi cho tập đoàn lãnh đạo ung thối và duy trì sự sống còn của Đảng và chế độ. Cởi mở kinh tế không cởi mở chính trị là thế nào? Cởi mở kinh tế là cởi mở theo chiều hướng nào, là chiều hướng xã hội chủ nghĩa hay kinh tế thị trường? Nếu là chiều hướng xã hội chủ nghĩa thì chẳng có gì đáng gọi là cởi mở. Nếu là chiều hướng kinh tế thị trường thì làm thế nào cho nền kinh tế này có thể đi đúng hướng để đạt được thành tựu trong khi guồng máy của chế độ, luật pháp của nhà nước, và nhân sự của chính quyền đều hoàn toàn bị khống chế và điều hành trong khuôn thước, trong tập quán của một thể chế chuyên chính, độc tài và lũng đoạn. Nếu đất nước đã đi theo con đường kinh tế tư bản thì tại sao nhãn hiệu của nhà nước vẫn còn áp đặt lên danh nghĩa chủ nghĩa xã hội, thì tại sao đất nước vẫn còn bị thống trị bởi một thể chế độc tài đảng trị? Rõ ràng đây là dấu hiệu không thể chối cãi được rằng Đảng và chính quyền Cộng sản Việt nam đã và đang cố kéo dài thêm sự sống còn của một chế độ đã thật sự dầy chết từ lâu. Luận điệu “cởi mở kinh tế không cởi mở chính trị” là luận điệu sai lầm từ trong ý niệm vì người ta không thể tách rời mối tương sinh tương duyên trong sinh hoạt kinh tế và chính trị. Trong mối tương sinh

tương duyên này sinh hoạt kinh tế và chính trị là một; chẳng hạn người dân phải có đầy đủ các quyền tự do căn bản như tự do cư trú, tự do tôn giáo và tín ngưỡng, tự do sinh hoạt chính trị, tự do ngôn luận và báo chí v.v... như vậy mới khích lệ và nâng cao đời sống của mọi người và do đó mới là nấc thang vững chắc cho sự phát triển kinh tế. Từ sự phát triển kinh tế mang lại cho mọi người một đời sống thịnh vượng và an lạc đây chính là nền tảng cho những sinh hoạt chính trị cởi mở, bình đẳng và nhân hậu.

Sự khủng hoảng và bế tắc toàn diện của đất nước hiện nay, Đảng và chính quyền Cộng sản Việt Nam, mà trong đó ông Hồ Chí Minh là người khai sáng và đã từng lãnh đạo tối cao, phải nhận lấy trách nhiệm trước quốc dân đồng bào. Nay những nhà lãnh đạo Cộng sản Việt Nam đem ông Hồ Chí Minh và tư tưởng của ông ra làm chỗ dựa cho họ chẳng khác nào kẻ tội phạm đem người tội phạm ra để biện hộ và chạy tội! Tư tưởng Hồ Chí Minh là gì? Ông Hồ Chí Minh có tư tưởng gì độc đáo hay đáng để cho chúng ta lưu ý? Từ đầu đến cuối, ông Hồ Chí Minh chỉ là và mãi mãi là một cán bộ trung kiên của phong trào Cộng sản quốc tế, là một người học trò cần cù của Lenin. Đối với phong trào Cộng sản quốc tế, ông Hồ Chí Minh một lòng phụng sự không biết mệt mỏi, ông đã không ngần ngại đem cả sinh mệnh của đất nước của dân tộc cống hiến cho sự nghiệp củng cố thế lực cho quốc tế cộng sản. Việt Nam trong suốt nửa thế kỷ là thành trì và cũng là tiền đồn của chủ nghĩa cộng sản ở Đông Nam châu Á. Ông Hồ Chí Minh đã cùng với thực dân Pháp thỏa hiệp chia đôi đất nước để làm đất dụng võ khuếch trương thanh thế quốc tế cộng sản, và

sau đó tạo điều kiện cho một cuộc chiến tranh giữa hai ý thức hệ tư bản và cộng sản mà thảm trạng là nổi da xáo thịt giữa những người cùng chung một nòi giống.

Đối với cơ đồ văn hóa của đất nước, ông Hồ Chí Minh đã không một chút tiếc rẻ mà còn nhẫn tâm vùi dập di sản văn hóa muôn đời của tổ tiên. Ông chỉ biết có tư tưởng Marx-Lenin và đường lối cách mạng vô sản. Đối với công lao to lớn của tiền nhân, ông không hề để ý đến mà chỉ ca tụng các lãnh tụ của phong trào cộng sản quốc tế như Marx, Lenin, Staline, Mao Trạch Đông v.v... Ông chủ trương đưa học thuyết Marx-Lenin vào học đường và nhồi sọ thế hệ thanh thiếu niên Việt Nam trong tinh thần đấu tranh giai cấp, bạo lực cách mạng và cuồng tín theo chủ nghĩa cộng sản. Ông Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản của ông hoàn toàn xoay lưng lại với ông bà tổ tiên, với tín ngưỡng và tôn giáo lâu đời của dân tộc. Ông và Đảng cộng sản coi tôn giáo như kẻ thù, như ung nhọt của xã hội nên tìm mọi cách để tiêu diệt. Những người theo Đảng cộng sản thì nhất định không thể tôn thờ ông bà tổ tiên hay Phật Chúa gì cả, chỉ một lòng biết đến Đảng, Bác và các lãnh tụ cộng sản quốc tế.

Đối với dân tộc Việt Nam, ông Hồ Chí Minh ngoài miệng thì tuyên bố rằng cán bộ là dày tớ trung thành của nhân dân, nhưng thật tế xem người dân như con vật xã hội. Ông Hồ Chí Minh và Đảng của ông đã phân nhân dân ra làm nhiều giai tầng để dễ bề thống trị. Trong cuộc cải cách ruộng đất năm 1956 tại miền Bắc, ông Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản của ông đã lợi dụng bàn tay hiếu chiến của một số người để tàn sát trên nửa triệu đồng bào ruột thịt và tạo ra sự xáo trộn

luân thường đạo lý xã hội một cách khủng khiếp và đau thương khôn xiết! Ông Hồ Chí Minh và Đảng của ông đã thắng tay tiêu diệt những đảng phái quốc gia và những nhà ái quốc chân chính. Về chủ thuyết chính trị, ông Hồ Chí Minh chỉ là người thực thi theo chủ thuyết cộng sản một cách máy móc và mù quáng. Ông hoàn toàn đứng trên quan điểm sát máu, thủ đoạn và mị dân. Ông cổ võ nền đạo đức cách mạng trong ý nghĩa và chiều hướng sát máu, bạo hành và thủ đoạn. Ông chưa bao giờ là một nhà chính trị đúng nghĩa trọn vẹn và mẫu mực, vì thật ra ông chỉ là một nhà độc tài và thống trị. Chính trị đúng nghĩa là “dĩ chính trị quốc” (Lão Tử, Đức Đạo Kinh, chương thứ hai mươi), lấy chính chân mà điều hành việc nước. Chính chân là lòng ngay, trí sáng, thần định, tâm lặng, là thuận với chân thiện mỹ, là hợp với cơ tánh của muôn dân, là trong sáng tự bản thân và nhân hậu đối với đồng bào đồng loại. Ông Hồ Chí Minh cũng như những nhà lãnh đạo cộng sản khác xem chính trường như chiến trường để sát phạt, để nắm lấy quyền hành trong tay mà xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, họ bất chấp đến phương tiện chỉ lấy cứu cánh để biện minh cho phương tiện mà thôi. Tiếc rằng đó chỉ là thứ cứu cánh không tưởng và hoang đường, cho nên họ không thể nào biện minh được những bạo hành và thủ đoạn mà họ đã và đang tạo ra.

Từ sự sụp đổ của quốc tế cộng sản đưa đến cuộc khủng hoảng và bế tắc toàn diện cho Đảng và Chính quyền cộng sản Việt Nam. Trong cơn hấp hối đó người cộng sản chỉ còn biết nắm lấy chiếc phao “tư tưởng Hồ Chí Minh” để mong thoát cơn lâm nguy đến sự

sống còn của họ. Nhưng, từ lý thuyết Marx-Lenin đến cái mà họ gọi là “tư tưởng Hồ Chí Minh” chỉ là những lý thuyết lỗi thời, không thích hợp, hay chỉ là một mớ hổ lốn vay mượn từ kẻ khác một cách thiếu sáng tạo, thiếu nhân bản và đạo đức dân tộc. Chính đây là duyên cớ cho sự việc mất hẳn niềm tin đối với Đảng và Chính quyền cộng sản của toàn thể nhân dân Việt nam và ngay cả những Đảng viên cộng sản lão thành, những cán bộ cấp cao của nhà nước. Trải qua hàng mấy thập niên có mặt và nắm lấy guồng máy cai trị của đất nước, ông Hồ Chí Minh và Đảng của ông thật ra chỉ kiến tạo được một thứ ốc đảo trong cộng đồng dân tộc. Họ nỗ lực thu tóm hết quyền lợi cho giai cấp thống trị của họ và bỏ mặt quần chúng nhân dân đói khổ lầm than. Nay những người cộng sản đem cái gọi là “tư tưởng Hồ Chí Minh” ra làm tư tưởng dẫn đạo cho Đảng cho dân tộc thì thật là buồn cười làm sao! Đem “tư tưởng Hồ Chí Minh” ra để dẫn đạo cho Đảng chỉ là tiếp tục một thứ sách lược sai lầm và mù quáng vốn ngự trị trong Đảng ấy hơn nửa thế kỷ nay, hoàn toàn không có gì mới lạ. Đem “tư tưởng Hồ Chí Minh” ra để dẫn đạo cho dân tộc chỉ là tiếp tục thực hiện chính sách hà khắc và mị dân, tiếp tục đẩy dân tộc xuống sâu thêm dưới vực thẳm tăm tối, lạc hậu, khốn khó và hỗn loạn.

Thực trạng đã phơi bày ra đó một cách rành rành. Người cộng sản dù muốn nghe muốn thấy hay không cũng không thể phủ nhận được. Tại sao sau hơn nửa thế kỷ đặt sự thống trị trên lãnh thổ Việt nam Đảng và Chính quyền cộng sản giờ đây đã hoàn toàn bị quốc dân đồng bào và ngay cả những đồng chí của họ cực lực xa lánh và mất hẳn niềm

tin? Câu hỏi này ắt hẳn phải được chính người cộng sản tự đặt ra cho họ để thẩm xét lương tâm, trách nhiệm, nhân cách và lý tưởng của chính họ. Nhưng, tự vấn không thôi, chưa đủ! Người cộng sản phải thể hiện bằng tâm thành và hành động để cho nhân dân thấy rằng họ đang thực sự hối cải chứ không phải đang bày trò mị dân như từ trước đến nay. Tiến trình lịch sử sẽ đi tới không ngừng, những chương ngại nhất định sẽ bị nghiền nát. Người cộng sản phải thấy rằng họ không thể thoát ra ngoài quỹ đạo của tiến trình lịch sử và họ cũng cần phải thấy rằng cố chấp bảo thủ sự sống còn một cách mù quáng chỉ là tự đặt mình thành một chương ngại nhỏ nhoi trước bánh xe đang cuộn cuộn lăn tới của lịch sử!

NHỚ MẸ

*Còn đâu nữa tiếng 'con ơi' của mẹ,
Tiếng êm đềm khuyên nhủ ôi ngọt ngào,
Áo ấm đây con hãy đến mặc vào,
Gió đông lạnh trẻ nào có biết,
Mẹ thương con, ôi tình thương thấm thiết,
Bút mực trần gian nào viết hết người ơi!*



Phở Nguyễn

Huỳnh Trung Chánh

Chuyến hành trình về phương Nam đã được đại sư Nhất Nguyễn suy tính và chuẩn bị chu đáo, vậy mà khi sắp sửa lên đường sư cũng cảm thấy băng khuâng ngần ngại. Sư chỉ lẩn quẩn tu tập trong khuôn viên Thiếu Lâm tự, quen nếp sống thanh vắng, quyến luyến núi rừng hùng vĩ, thân thuộc với từng cành cây, từng hốc đá trên đỉnh Thiếu Thất, núi Tung Sơn, nên thật ra, nếu không vì lý do chánh đáng, thì đã không cất bước. Sư sớm có nhân duyên lớn với cửa Phật, đã được sư bà Diệu Từ, nhận làm dưỡng tử, mang về chùa Phở Nguyễn, Giang Nam nuôi dưỡng từ lúc mới sơ sinh. Khi lên năm tuổi, sư bà cho cậu bé thọ giới khu ô sa di, ban pháp danh là Nhất Nguyễn. Ngôi chùa nữ không còn thuận tiện cho việc tu tập của một cậu con trai sắp đến tuổi dậy thì, nên đến năm mười ba tuổi, cậu được sư bà mang gởi gắm làm thị giả cho pháp huynh Không Tuệ, thủ tòa Đạt Ma viện, Thiếu Lâm tự. Nhờ vậy, sư đã may mắn tu tập dưới sự hướng dẫn ngày đêm của những bậc tôn túc đạo cao đức trọng. Trong ba mươi năm nghiêm túc tu học, sư nghiêm nhiên trở thành bậc anh tài tinh thông Phật học, nổi tiếng là một học giả uyên bác, lâu thông ba tạng kinh điển có thể xếp vào hàng thượng thủ trong giới tu sĩ trung niên tại viện. Tuân theo lời khuyên bảo của Vô Sắc thiền sư,

Phương Trượng Thiếu Lâm tự, sư đã lánh mình trong tịnh thất ba năm, để đem hết tâm trí mình sơ giải bộ Kinh Lăng Già Tâm Ấn gồm thành hai mươi lăm quyển, để lưu lại hậu thế. Trong thời gian này, phương trượng Vô Sắc đã được nhà Vua cử làm quốc sư, triệu về lưu trú tại Trường An. Vì vậy, sư buộc lòng xuống núi, mang bộ sơ giải đi Trường An, dâng cho quốc sư thẩm duyệt, nhân tiện, sư dự định sẽ về Giang Nam thăm lại ngôi chùa xưa, và vị thầy quý yêu hằng thương nhớ. Tác phẩm đã được quốc sư tán thán là một bộ luận giải công phu, văn cú mạch lạc khúc chiết, đã chuyên chở trọn vẹn ý nghĩa thâm sâu của đạo mầu, nên đã quyết định cho khắc bản in, để phổ biến khắp các tự viện trong nước. Quốc sư cũng yêu cầu tác giả lưu lại Trường An, để trông nom, sửa chữa bản in cho đến khi hoàn tất công cuộc ấn loát. Do đó, dù có chán ngán cảnh bon chen náo nhiệt của chốn kinh thành như thế nào, sư Nhất Nguyên cũng phải gượng gạo kéo dài thời gian sống ở chốn đô hội thêm cả năm nữa, rồi mới có thể ghêu ngao sơn thủy:

*“Bình bát cơm ngàn nhà,
Thân chơi muôn dặm xa.
Mắt xanh xem người thế,
Mây trắng hỏi đường qua” (1)*

Khác hẳn với cảnh non cao ngất ngẽu, gió lạnh buốt xương của đỉnh Thiếu Thất, nằm trong dãy núi Ngũ Nhạc trùng trùng điệp điệp, vùng đất Giang Nam bằng phẳng, mông mênh đồng ruộng, chằng chịt sông ngòi, khí hậu ấm áp, cây cỏ xanh tươi thịnh mậu. Khi sư đến trấn Lăng Hồ, phủ Hồ Châu, tìm lần về ngôi chùa Phổ Nguyên năm xưa, thì bao kỷ niệm ấm êm thuở thiếu thời, mà sư tưởng chừng như đã buông bỏ không còn dấu vết,

đột ngột hiện về khiến sư chao đảo xúc động. Phong thái đĩnh đạc uy nghi của một vị đại sư bỗng nhường chỗ cho hình ảnh một đứa bé mồ côi khờ khạo, dù được sư phụ nâng niu như từ mẫu, mà vẫn ôm ấp mối hoài nghi khôn nguôi về hai đấng sanh thành vắng bóng. Xóm làng vắng vẻ đìu hiu năm xưa, nay đã san sát nhà cửa, đường vào chùa được trải đá, sạch và rộng hẳn ra. Ngôi chùa cũng khang trang, không còn chút dấu vết hình dáng gầy gò ngày trước, đến nỗi nếu không thấy chữ “Phổ Nguyên tự” màu hoàng kim rực rỡ trên cổng tam quan, sư nghĩ mình đã lạc đường. Đặc biệt nhất là cái đầm sinh lầy lội sau chùa đã được cải biến thành một cái hồ sen xinh xắn bao quanh bởi một vườn cây trái xanh um. Đang băng khuâng trước cảnh đổi thay, chợt nghe ba hồi chuông trống bát nhã vang rền, sư vội vã rảo bước nhanh vào chùa. Mọi người đang rộn rịp lo cho một đại lễ, không ai để ý gì đến sự hiện diện của sư. Sư len vào chánh điện, đúng lúc đại chúng đang nghiêm trang thỉnh sư bà ban đạo từ. “Thầy hiển hiện sáng ngời đức từ bi và niềm an lạc, nhưng thầy đã già lắm lắm rồi”, sư thầm nhủ. Sư xúc động muốn chạy ngay đến trước mặt thầy, quì lạy rồi để cho giọng nước mắt mặc tình tuôn chảy. Nghĩ thế, nhưng sư đâu còn là đứa trẻ con chộn rộn nữa, sư chỉ hơi nhón lên một chút mong sư bà nhìn thấy mặt, nhưng cố gắng nầy dường như vô hiệu.

Sư bà chấp tay xá thật sâu chào đại chúng, rồi từ hòa lên tiếng:

— Đại chúng! Theo lệ hằng năm, nhân lễ kỷ niệm ngày khởi công gây dựng ngôi chùa Phổ Nguyên, thầy thường nhắc nhở quý vị về hạnh nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền. Hôm nay, để thay đổi đôi chút, thầy muốn kể lại cho

đại chúng nhân duyên kỳ diệu năm xưa đã đưa thầy đến quyết định tạo dựng ngôi già lam này!

Sư bà trầm ngâm giây lát như lắng lòng về với dĩ vãng, rồi mới chậm rãi tiếp lời:

— Như đại chúng đã rõ, thầy vốn là đệ tử của chùa Nga Mi. Theo truyền thuyết, Nga Mi sơn là chốn ẩn cư của Bồ Tát Phổ Hiền, và hình bóng Ngài đang tọa thiền vẫn thường xuất hiện cho khách hành hương chiêm ngưỡng. Vào những buổi sáng đẹp trời, đứng trên đỉnh núi phía sau chùa, khác hành hương có thể thấy hiển hiện rõ ràng dưới thung lũng hình bóng uy nghiêm của Ngài (2). Thầy đã chứng kiến hiện tượng đó hàng trăm lần, và lần nào thầy cũng xúc động chân tâm, thành kính quỳ xuống tụng Phổ Hiền thập nguyện (3) và phát nguyện noi gương Ngài hành mười hạnh nguyện này để cứu độ chúng sanh. Thầy đặc biệt quan tâm đến đệ nhất nguyện “lễ kính chư Phật”, do đó thầy đã nhắc nhở chư đệ tử khi lễ Phật phải đem hết “thân tâm cung kính” để lễ, nghĩa là phải nghiêm chỉnh chấp tay, đứng thẳng, tưởng nhớ đến đức hạnh cao cả của Phật, nguyện noi gương Phật tu tập, rồi mới gieo năm vốc xuống đất phủ phục trước Phật. Với thầy, thì nếu năm vốc không sát đất, hoặc đang ngồi hay quỳ mà mộp xuống, thì trong việc lễ Phật đã có phần giải đãi, thiếu chân thành. Lễ Phật có chân thành, thì hành giả mới có thể tiến lên bốn phép lễ về lý như “phát trí thanh tịnh lễ” — nghĩa là thấu suốt rằng cả Pháp giới đều do tâm hiện bày, lay một vị Phật tức là lay chư Phật—, “biến nhập pháp giới lễ”, “chánh quán lễ” và “thật tướng bình đẳng lễ”. (4)

Thuở thầy còn là ni cô trẻ trên Nga Mi, thầy thuộc thành phần lễ Phật quá khích,

ngày ngày thầy đi vòng quanh đỉnh núi, mỗi một bước lễ một lễ, say mê không nhầm chán. Thế nhưng thầy đã lễ Phật với tâm sùng bái, chớ chưa hiểu lễ Phật là pháp môn tu sửa thân tâm. Có lẽ, đó là lý do khiến sư phụ thầy không hài lòng. Một hôm, sư phụ truyền lệnh cho thầy phải xuống núi để “lập hạnh”, nếu lập hạnh chưa sáng tỏ thì tuyệt đối không được lễ Phật, và cũng không được trở về Nga Mi sơn. Thầy bàng hoàng ra đi với tâm trạng đờn đau cùng cực, vừa tủi thân vừa điên đầu về lời dạy bảo quái dị của sư phụ. Mình đã lập hạnh lễ Phật rồi còn bảo lập hạnh gì nữa đây? Mình có tội tình gì mà bị đuổi xuống núi, bị ngăn cấm lễ Phật một cách độc đoán như vậy?

Lòng dạ hoang mang rối bời, thầy đi lang thang vô định từ địa phương này sang chốn khác cả năm trời, để tận lực tìm cơ duyên lập hạnh mà chẳng thấy có hạnh nào đáng để lập. Đã bao lần thầy thối tâm muốn hoàn tục, nhưng có lẽ nhờ chư thiện thần hộ pháp yểm trợ, nên dù thân tâm đã mỏi mệt chán chường, thầy vẫn gắng gượng lê lét tiếp nối con đường đã đi. Thế rồi, thầy vô tình đến trấn Lăng Hồ, đúng vào lúc mà nơi này đang lâm vào tình trạng hạn hán trầm trọng, mùa màng thất bát, đời sống khó khăn. Hôm đó, thầy ôm bình bát đứng tại chợ Đông khất thực lâu hàng giờ mà chưa gặp được thí chủ hảo tâm nào cúng dường; lão mù ngồi gần đó cất giọng van xin thảm thiết từng hồi mà cũng chưa có mấy kẻ động lòng. Trong thời gian này, đi xin ăn, dù dưới hình thức nào cũng lắm khó khăn cay đắng. Con chó què quặt, ghẻ lác trụi lông, gầy đói trơ xương đang lê lét trước mặt thầy càng bi đát hơn. Con vật rón rén đến quán ăn, hau háu chực chờ thực

khách quăng cho chút xương thừa. Không may, vừa trông thấy con vật dơ dáy, người chủ quán vội chụp ngay cây gậy, đập con vật mấy hèo, khiến nó đau đớn rên la ăng ẳng. Sự kiện đó, có lẽ đã giúp cho mấy đứa bé trai đang hùng hục đấu võ với nhau, khám phá ra trò chơi mới. Chúng hùa nhau đuổi rượt hành hạ con vật khốn khổ. Thầy muốn khuyên giải đám trẻ, nhưng chưa kịp mở lời thì chúng đã chạy khá xa rồi. Thầy là tu sĩ, phải giữ bốn uy nghi, đâu có thể la oai đi hay phóng chạy theo chúng được. Thầy đành rảo bước theo sau, nhìn vói theo thấy con chó chạy đến cuối chợ, thì có tiếng can thiệp nhỏ nhẹ:

— Xin các cậu tha cho nó đi! tội nghiệp lắm!

Lạ thật, lời nói phát xuất từ miệng mụ ăn mày ngồi ở vỉa hè, vậy mà có hiệu lực khiến đám trẻ ngỗ nghịch tuân lời, tản lạc bỏ đi. Con chó khôn ngoan mon men đến gần người vừa che chở, ngúc ngoác đuôi như để chào mừng. Thầy cũng hiếu kỳ, bước đến gần để nhìn người tốt bụng. Hốt nhiên, vừa thấy người đó, thầy kinh khiếp đến mức sững sờ, dợm bỏ chạy ngay như lũ trẻ ác độc kia. Đó là một người bệnh phong hủi, mặt mày u nần lở lói, mũi tai bẹp dí biến dạng, ngón tay ngón chân bị khuyết cụt lầy nhầy máu mủ, bu quanh bởi đám ruồi thềm khát vị tanh hôi... Nhỡm gồm quá! thầy dự định len lén rút lui đi về hướng khác. Chợt thấy thầy, người ấy vuốt ve con vật, ngọt ngào an ủi:

— Tội nghiệp con quá! chúng làm con đau lắm phải không?

Trái với những kẻ sống đầu đường xó chợ nói năng thô lỗ, người đàn bà này đối với loài vật lại thốt lời êm ái dịu dàng như người mẹ hiền trao cho đứa con yêu, quả là điều lạ

lùng! Thầy phỏng đoán có lẽ người đàn bà này điên loạn, lầm' tưởng con chó là đứa con đã chết, nên lời nói mới tràn ngập yêu thương như vậy! Do đó, thầy nán lại để lẳng lẳng quan sát thêm chút nữa.

— Chắc còn đói lắm phải không? Ta vừa mới xin được một bát cơm, chia cho con phân nửa nhé!

Mụ ăn xin sốt cơm ra chăm sóc cho con chó ăn với “ánh mắt từ bi” dịu hiền khôn tả. Có lẽ, thấy con vật quá đói, “dùng thiết tình, không khách sáo”, mụ cầm bát cơm còn lại, ngần ngừ một chút, rồi trút hết cho nó. Con chó ăn xong lấy lại hơi sức để bò đi nơi khác. Người ăn xin nhìn theo sung sướng mỉm cười, rồi bỗng nhiên mắt mụ sáng lên, mụ vét mấy hạt cơm còn sót lại trong bát, nhai ngấu nghiến.

Thầy tình cờ chứng kiến rõ ràng diễn tiến xảy trước mặt, không bỏ sót một chi tiết nhỏ. Càng nhìn, càng lắng nghe, thầy càng cảm phục mụ ăn xin, và cũng cảm thấy hổ thẹn vương vấn trong lòng. Ôi! Thầy đã lấy cái bụng nhỏ nhen của mình để phán đoán người có tâm địa bồ tát, đã thầm khinh thường mụ là thứ hạ tiện khùng điên, ngờ đâu, ẩn bên trong hình hài xấu xa đó là nguồn suối từ bi vô lượng sẵn sàng trao cho mọi loài chúng sanh. Người đã khuyên mấy đứa trẻ tránh điều ác, ban cho con vật thức ăn và sự chở che, an ủi, nói khác, người đã bố thí pháp, tài vật và phép vô úy theo tinh thần ba la mật (5): cho tất cả với tâm bình đẳng không phân biệt, không mong cầu, không tiếc nuối, không còn thấy kẻ cho người nhận. Thầy vốn phát nguyện hành hạnh tùy hỷ, lẽ ra thầy nên thân cận lên tiếng tán thán công đức người lạ, nhưng lúc đó thầy cứ ngần ngừ không mở

lời. Thật ra, dù đã học thuộc lòng giáo lý “sắc bất dị không”, nhận thức rằng hình hài bên ngoài là “huyễn”, là giả dối tạm bợ, nhưng khi đối diện với hoàn cảnh thực, thầy mới biết rõ là từ chỗ nói đến hành động là một khoảng cách nghìn trùng. Người có tâm Phật, tâm Bồ Tát nếu mang hình hài phong cù, thúy tha, ghê tởm... thì mấy kẻ dám thân mật gần gũi, hướng chi là lễ kính, xưng tán, cúng dường. Thầy còn ngẩn ngơ, thì mù ăn mày bỗng nhìn thấy thầy, vội đứng lên trang trọng chấp tay vái chào, khiến thầy cũng bối rối xá đáp lễ.

— Kính chào sư thái! có lẽ sư thái từ phương xa mới đến địa phương này?

Thầy hãnh diện đáp:

— Đúng vậy! bản ni là đệ tử chùa Phổ Hiền núi Nga Mi!

Người ăn mày bỗng quỳ xuống lâm râm khẩn: “Cảm tạ chư Phật, chư Bồ Tát linh thiêng, đã dun rui cho con gặp được vị sư thái hiền đức này!”, đoạn hướng về thầy, mù tiếp lời:

— Kính thưa sư thái! con có một nguyện vọng tha thiết đã ôm ấp hơn ba năm qua, là mong gặp vị tu sĩ hành hạnh Phổ Hiền, để dâng cúng chút tài vật hèn mọn. Bồ Tát đáp ứng lòng thành cho con hạnh ngộ với sư thái, kính xin sư thái đại từ đại bi hoan hỉ chấp nhận cho con được hoàn thành tâm nguyện!

Tài vật của mù ăn mày dĩ nhiên nhỏ nhoi không đáng kể, nhưng nhà Phật chủ trương của cúng dường quý là ở lòng thành, hướng chi mù đã tán thán thầy hiền đức và van xin lòng đại từ đại bi của thầy, thầy nở lòng nào từ chối. Thầy vui vẻ đáp:

— Lành thay! lành thay! lòng thành của cư sĩ sẽ được chư Phật mười phương chứng

giám!

— Cảm tạ sư thái! xin sư thái hoan hỉ đi theo con đến chỗ con dấu tài vật! dạ không đâu xa sư thái!

Tưởng nhận cúng dường là có thể chia tay ngay, ngờ đâu thầy còn phải dây dưa mãi với chuyện phiền hà khó giải bày này. Dù sao, lỡ hứa khả rồi, thầy buộc lòng lẻo đẹo đi theo mù, giữ khoảng cách chừng ba bước, không quá gần, cũng không quá xa, để tránh cho mù khỏi tủi thân. Điểm khó chịu là mù tật nguyên, bụng lại bị cổ trướng như bụng bầu, đi ngả siêu ngả tó, mà thầy “tảng lờ” không điu đờ, kể ra cũng hơi kém từ bi một chút. Không bao lâu, người ấy đưa thầy đến cái miếu hoang tại một vùng sinh lầy vắng vẻ, lau sậy rậm rạp, nơi tạm trú của mù. Tưởng lần này vụ dâng hiến sẽ êm xuôi, ngờ đâu vừa mới tới nơi thì mù đã ngồi vật xuống, ôm bụng rên rĩ. Thầy lảng xăng chạy tới chạy lui, muốn cứu giúp mà không dám đụng chạm vào thân thể mù, nên cũng chẳng giúp gì được. Ôm bụng lăn lộn một hồi, mù mới khai “toạt” ra ra là mù đau bụng đẻ. Ôi! thân thể bệnh hoạn mà phải sinh nở cô đơn ngoài bờ ngoài bụi, không mù bà, không thuốc thang củi lửa, quả là chuyện hiểm nghèo! Thầy tội nghiệp cho người mà nghĩ cũng tội nghiệp cho chính mình, bỗng dưng mình phải lâm vào hoàn cảnh trở trêu khó nghĩ này. Thầy phân vân chẳng biết nên hành động thế nào đây? Thầy tự đề ra bao giải pháp để vặn hỏi chính mình: lẳng lặng bỏ đi chẳng? lương tâm xốn xan bức rức!; xả thân cho người chẳng? ghê tởm quá không dám!; vào xóm tìm người tốt bụng giúp đỡ chẳng? không ổn tí nào, mình hành đạo từ bi mà né tránh thì còn xúi giục ai lăn vào địa ngục này! Hai chữ địa

ngực lóe lên trong tâm thức nhắc nhở thầy liên tưởng đến tuyên ngôn đản thân của Bồ Tát Địa Tạng: “Ta không vào địa ngục thì ai mà vào!”. Thông điệp này xuất hiện đúng lúc, giúp thầy nắm vững niềm tin và sức mạnh để sẵn sàng xả thân cho người. Thầy bình tĩnh kê cận chăm lo cho người đàn bà đau khổ, không còn phân biệt dơ sạch, thơm hôi gì nữa. Thành linh, cơn đau của người đàn bà trở nên dần dập và quyết liệt hơn. Cuối cùng, sau những đợt vận mình tập trung hơi sức vận chuyển thai nhi, người mẹ đưa được con ra đời. Thầy đỡ hai tay đón nhận đứa bé. Vừa khỏi lòng mẹ, thì nó “oe oe”, cất tiếng khóc chào đời. Thầy nâng cháu lên, nhìn vẻ kháu khỉnh của nó, rồi hân hoan lên tiếng: “Con trai chị ơi! thằng bé dễ thương quá!”. Thế nhưng, bà mẹ sau khi đã vận dụng hết hơi sức cho con ra đời, dường như đã bất tỉnh, nên vẫn lặng yên. Thầy vội đặt tạm đứa bé lên cái y hậu, rồi xoay qua lo lắng người mẹ. May mà thầy có mang theo chai dầu, thầy xoa dầu thoa bóp cho cơ thể bà ấm lại, nhờ vậy bà tỉnh dần, sau đó thầy mới dìu đưa bà vào trong miếu tránh gió. Phần người mẹ vừa tạm yên, thầy quýnh quýnh đập bể cái tô mè, dùng miếng sành cắt rún cho thằng bé, xé vải y quần chặt, rồi định bồng vào xóm hi vọng tìm chút nước ấm tắm rửa nó. Khi thầy đi chừng mười bước, bầu trời đang trong xanh quang đãng, bỗng dưng xuất hiện những giọt mưa lất phất, mịn và tươi mát. Nước mưa vô tình gột rửa sạch sẽ thân thể thằng bé, trông nó kháu khỉnh dễ thương vô cùng. Thằng bé hơn hử chu miệng nếm hương vị cam lồ, và quơ hai tay nhỏ xíu để đón nhận những giọt nước thanh lương mầu nhiệm. Thầy trang trọng chiêm ngưỡng cảnh tượng trước mắt và

bỗng dưng thấy so sánh mưa là những cánh hoa ưu đàm mà chư Thiên từ các tầng trời rải xuống cúng dường vị Phật chào đời. Thầy đột ngột cười vang: “Đúng vậy! đứa bé này quả là một vị Phật, một vị Phật tương lai, và mình đang thật sự đích thân hành lễ mộc dục, tắm Phật sơ sinh đây!”. Mối nghi nặng trĩu đeo đẳng thầy ngày đêm từ ngày xuống núi Nga Mi nhẹ hững rồi biến mất, nhường chỗ cho niềm vui vô tận tràn ngập khiến thầy ràn rụa nước mắt. Thì ra, hạnh nguyện Phổ Hiền không nhất thiết chỉ có thể hành trì hạn hẹp qua hình thức lễ kính hình tượng gỗ đá vô tri hay chờ đợi đến khi Đức Phật Di Lạc hạ sanh thì mới thực hiện được. Nếu biết trải tâm rộng lớn, hành giả có thể nhận thức được rằng ở bất cứ nơi nào, lúc nào cũng có Phật thị hiện, để mình lễ kính, xưng tán, cúng dường... Thầy hân hoan bỗng đứa bé trở vào miếu, trang trọng hướng về vị “Phật mẫu” đang nằm thiêm thiếp lên tiếng:

— Thí chủ ạ! Bản ni xin đặt vị Phật sơ sinh này bên cạnh thí chủ nhé!

— Xin sư thái để cháu bé tránh xa con kéo lây bệnh thì khổ! Thưa sư thái, sức của con đã mỏi mòn, con sắp lìa đời rồi. Kính xin sư thái mở lượng hải hà nhận nó làm dưỡng tử, cho con được yên tâm nhắm mắt!

— Đứa bé này sanh ra đã được quán y, hẳn là đã có nhân duyên lớn với cửa Phật. Thí chủ đã có lòng ủy thác, thì ta cũng sẵn sàng đón nhận!

— Và đây là tâm nguyện cuối cùng của con. Con xin sư thái cho con được cúng dường sư thái bảo vật này.

Người đàn bà, nạy hai viên gạch sát vách lòi ra một cái bọc nhỏ, trong đó có một quyển sách và tám viên minh châu chiếu lấp lánh,

trao cho thầy. Thầy ngần ngại chưa cầm vội vì chẳng biết xuất xứ của bảo vật như thế nào? một người ăn mày làm sao có thể là sở hữu chủ những thứ này! Có lẽ đoán được thâm tâm thầy, chị lên tiếng giải thích:

— Tuy con là kẻ ăn mày, nhưng tài sản quý giá đó chính thực là của con. Xin sư thái yên tâm! Con họ Lý, vốn thuộc một giòng họ giàu sang ở Hồ Bắc, chuyện thân con phải lưu lạc thê thảm chốn này dài dòng lắm!...

Thế rồi, chị ta trầm ngâm giây lâu, mở miệng nhớ lại những ngày xưa xa xôi, rồi lẩm bẩm kể tiếp:

*
* *
*

“Tôi tên là Tường Vi, con duy nhất của một gia đình giàu sang tại phủ Hồ Bắc. Mẹ tôi qua đời khi tôi mới lên năm, khiến cho cha tôi, một nho sĩ vốn theo đòi nghiệp bút nghiên, trở nên yếm thế. Người sống lẻ loi một mình, bầu bạn với trăng hoa, và dành phần lớn thời giờ để vui đùa chăm sóc “tiểu Vi”, mà thôi. Tôi may mắn được người dạy dỗ chữ thánh hiền, nên đã sớm thích thi thơ xướng họa. Vào lứa tuổi trăng tròn, tôi đã nổi tiếng là cô tiểu thơ tài hoa, xinh đẹp, đặc biệt với làn da trắng mịn và đôi gò má đỏ hây hây tự nhiên không cần trang điểm. Nhiều gia đình trâm anh đã nhờ mối mai dò la dạm hỏi nhưng tôi tha thiết muốn được kề cận với cha thêm vài năm nữa, nên một mực chối từ. Vào năm mười tám tuổi, một hôm soi gương tôi thấy có mấy mụn đỏ sần sùi nổi trên hai gò má. Lúc đầu, tôi thoạt tưởng đó chỉ là mụn thường nên không mấy lưu tâm, nhưng những mụn này cứ tăng trưởng dần và lây lội ra. Cha tôi lo lắng đưa tôi đi khắp nơi tìm thầy chạy thuốc, nhưng bệnh tình

ngày càng trầm trọng, và cuối cùng, tôi mới được một y sĩ có lương tâm cho biết tôi bị phong hủi. Vì trùng bệnh nan y này đã tiềm ẩn lâu ngày trong làn da trắng mỏng, thảo nào đôi gò má của tôi luôn hồng hào xinh đẹp.

Chỉ trong vòng có bốn năm mà hình dung tôi tàn tạ một cách kinh khủng. Mặt tôi biến dạng, tay chân lở lói tanh hôi, suốt ngày tôi phải che mặt, băng bó tay chân, và sống cô đơn không tiếp xúc với ai ngoài thân phụ và người thị nữ Nguyệt Hà thân tín. Sống trong nhung lụa mà tôi đau khổ cùng cực. Cha tôi, có lẽ còn đau khổ hơn tôi bội phần, người chỉ ước mơ lo cho tôi yên bề gia thất, để có thể an tâm lên non cao tu tiên mà tiêu dao ngày tháng.

Một hôm, bỗng có người nhờ mai mối dạm hỏi tôi về làm dâu tại phủ Hồ Nam. Cha tôi biệt phái viên quản lý tâm phúc, cậu của thị nữ Nguyệt Hà, xuôi về Nam dò la gia thế nhà trai. Theo báo cáo, thì chàng trai tuy nhà cửa chỉ ở mức trung bình nhưng rất có tư cách, họ lại đặc biệt quý trọng đạo đức nhân nghĩa của cha tôi. Chính vì vậy, nên mặc dù đã được cha tôi thành thật khai rõ bệnh tình của con gái, mà chàng trai vẫn không đổi ý; họ giải thích rằng họ chỉ quan tâm đến đạo đức và gia giáo, chứ không màng cân nhắc hình dung. Dù chàng trai giải thích thế nào, tôi vẫn cảm thấy chút nghi ngại trong lòng, tôi không tin có người thật tâm chịu gánh gùi kẻ bệnh hoạn như tôi. Trái lại, cha tôi lại tuyệt đối tin tưởng nên tỏ ra hân hoan vui sướng tột độ, khiến cho tôi, tuy bất đồng ý kiến, mà không nỡ làm người thất vọng. Lo lắng cho hạnh phúc con gái, cha tôi viện cớ sắp đi tu chẳng cần tiền bạc gì nữa, nên đã hứa tặng hết gia sản mình cho rể làm của hồi môn; người tin tưởng rằng khi đã nhận

lãnh tài sản này, thì con sẽ phải bảo bọc cho vợ nó suốt đời. Chỉ mấy tháng sau, một hôn lễ đơn giản đã được cử hành. Đến phút chót trước lễ rước dâu, cha tôi trao cho tôi một cái túi nhỏ xíu, đựng tám viên minh châu vô giá căn dặn giữ kỹ để phòng thân. Con đường rước dâu về phụng Nam xa xôi, cha tôi chỉ đưa đi một quãng ngắn rồi quay về. Những ngày đi đường, tôi ngồi kiệu riêng, mặt trùm kín, và chỉ tiếp xúc với thị nữ thân tín Nguyệt Hà, vì theo sự sắp xếp trước, thì khi về đến nhà chồng mới làm lễ động phòng hoa chúc. Khi đoàn rước dâu vừa sang đến địa phận phủ Hồ Nam, thì đám họ hàng nhà trai bỗng nhiên chia tay mỗi người mỗi ngã, phu khiêng kiệu cũng biến dạng. Tối đêm đó, tôi đang ở trong phòng tại một quán trọ vắng vẻ với Nguyệt Hà, thì chồng tôi gõ cửa bước vào. Mặt hấn đỏ gay, nức nồng mùi rượu. Hấn nhìn tôi trợn trừng, rồi hung dữ chụp cái khăn che mặt của tôi liệng đi:

— Hừ! cái thứ cùi hủi thúi tha mà dám đòi làm vợ tao hả!

Hấn lại định tát tai tôi, nhưng có lẽ sợ dính máu mũi, nên đổi ý đưa nắm tay ra dọa, rồi ngoắc Nguyệt Hà dặn dò:

— Em lột sạch nó nhanh đi em!

— Anh đừng lo! em đã tính toán đâu vào đó cả rồi! Nguyệt Hà âu yếm trả lời.

Nguyệt Hà nhanh nhẹn lột bộ quần áo cô dâu của tôi ra, lột luôn cả cây kiềng vàng, râu chuỗi hạt trai, đôi bông..., rồi quăng cho tôi bộ đồ rách rưới, hạ lệnh:

— Mặc nhanh lên! con cùi!

Thế rồi, hai đứa đẩy tôi ra khỏi cửa, khoái trá cười vang.

Diễn tiến phũ phàng xảy ra đột ngột đến nỗi tôi đống cả người, ngẩn ngơ chẳng biết

nói gì, nghĩ gì. Mãi đến khi bị tống ra ngoài đường, bỏ lê trong đêm tăm tối, tôi mới hiểu rõ là hai cậu cháu người thị nữ lâu năm mà cha con tôi thương yêu như cật ruột, đã toa rập với nhóm lưu manh âm mưu dàn cảnh cướp gả, để cướp đoạt tài sản của cha tôi. Nhớ tới cha, bao nhiêu nỗi hờn căm, khổ đau mà tôi đè nén khô cứng trong lòng bỗng biến thành tiếng khóc nức nở. Thương cha quá! người cha đã hi sinh tất cả để mưu cầu hạnh phúc cho con, đâu có thể ngờ rằng đứa con yêu đã phải lâm vào trạng huống đốn đau cùng cực như thế này. Tôi lang thang lê lét đêm ngày, mong được chết cho xong đời mà chẳng biết phương cách để chết, đói khát điên cuồng mà chỉ biết ngậm cam chịu đựng chớ không biết cách gì xoay sở. Tôi đã quen được chăm sóc, chưa từng tiếp xúc với người lạ, nay ra đường ăn mặc rách rưới, thân thể như nhuốc gớm ghiếc, không tiền không bạc, thì làm sao dám mở lời. Cuối cùng, mệt lả người, tôi ngã quỵ tại vĩa hè một căn nhà phố chợ, tưởng rằng sẽ chết tại đó. Không ngờ người nhà lãng xãng cho tôi thức ăn, nước uống, rồi “xua” tôi đi nơi khác. Tôi bèn khám phá ra một sự thật, là mang bệnh phong hủi này, thân cận với người thật khó nhưng xin xỏ thực phẩm thì quá dễ, người ta thà “thí” chút cơm cá thừa thừa hầu tôi “xéo nhanh” nơi khác, hơn là để tôi lê lét gần họ. Tự đó, tôi đành ăn xin đây đó qua ngày. Có những lúc tôi định hỏi đường về quê, nhưng cha tôi chắc hẳn đã đi tu biệt dạng rồi, tôi mang thân tàn ma dại này về thì chỉ nhục nhã với bà con lối xóm mà thôi. Tôi cũng có ý định bán vài viên minh châu để có tiền xoay sở, nhưng mấy ai chịu tin một kẻ ăn mày có của. Nghĩ cho kỹ, nếu có người tin tôi có bảo vật, thì mạng sống tôi chưa chắc đã vẹn toàn.

Một hôm, vô tình tôi gặp một nhà sư khả kính khoan thai đi tới. Tôi hằng mong được giới tu sĩ giảng dạy giáo lý nhà Phật để vơi khổ, nên tiến đến vái chào. Nhà sư vừa nhìn thấy tôi, đã luống cuống quay mặt bước nhanh như trốn chạy, vô tình làm rơi một quyển sách dưới đường. Tôi vốn quý trọng chữ nghĩa thánh hiền, nên ngồi sụp xuống cầm lấy, lên tiếng dâng trả cho nhà sư. Không ngờ, nhà sư thấy bàn tay cùi hủi của tôi cầm sách lại càng sợ hãi, khoác tay không nhận lại sách, rồi bỏ đi một nước.

Tôi lật từng trang sách đọc kỹ, thì mới biết đó là phẩm “Phổ Hiền Hạnh Nguyện”, trích trong kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Lời kinh vừa vĩ đại, vừa thâm ảo nhiệm mầu, càng đọc tụng tôi càng ngưỡng mộ hạnh nguyện bao la của Bồ Tát Phổ Hiền, và ước mong được noi gương Ngài mà tu tập. Tôi thích nhất là lời nguyện thứ tư: sám hối nghiệp chướng. Tôi ý thức được rằng cái khổ đau ngày nay tôi nhận lãnh, là do cái nghiệp ác đời trước mà ra, do đó, tôi chỉ thành nguyện xin sám hối, thể không bao giờ tái phạm điều ác, luôn giữ tịnh giới và làm việc lành. Nhờ nhân duyên được kinh, mà trong khổ đau kiếp người lòng tôi vẫn thanh thản nhận lãnh, không chút hờn than oán trách.

Bệnh tình của tôi ngày càng trầm trọng. Đêm giá lạnh, đầu lóng tay lóng chân đau buốt thấu tận xương tủy, khiến tôi có cảm tưởng rằng đầu có đốt cháy lóng tay lóng chân đó, chắc hẳn mình sẽ sung sướng hơn nhiều. Một lần đang oằn oại rên siết, bỗng dưng tôi nghĩ, trên đời này còn biết bao kẻ bị phong cùi như tôi, cũng đang bị đôn đau như tôi. Tôi nghiệp họ quá! Tôi nghĩ đến Đức Phổ Hiền và hạnh nguyện đại từ đại bi bao la của

Ngài, rồi tôi quì xuống cương quyết phát nguyện: “Trên thế gian này có bao người bị bệnh cùi hành hạ nhứt nhối, con đều xin chư Phật, chư Bồ Tát chứng giám cho con nhận lãnh hết những nghiệp chướng của họ và cơn đau của họ.” Điều khó hiểu là khi lòng tôi tràn ngập từ bi, nghĩ đến kẻ khác và quên mình, thì tôi lại quên cả những cơn đau nhứt đang diễn ra trong cơ thể của chính tôi.

Chân thành ngưỡng mộ Bồ Tát Phổ Hiền, tôi tha thiết dự định sẽ hành hương núi Nga Mi, để cúng dường những viên minh châu gia bảo, cho mục đích hoằng dương giáo pháp “Phổ Hiền hạnh nguyện”. Đêm đó, năm ngũ tại miếu hoang này, tôi nằm mộng thấy Bồ Tát Phổ Hiền thị hiện, cỡi voi sáu ngày xoa đầu tôi khuyên tôi yên tâm chờ đợi một thời gian sẽ gặp người hữu duyên nhận lãnh trách nhiệm phát huy và xây dựng đạo tràng tại đây.

Chín tháng trước đây, một hôm vào giờ Ngọ, bỗng nhiên có một vị tu sĩ đắp y màu hồng sậm, mũ đỏ theo lối Lạt Ma Tây Tạng (6), ôm bình bát đứng trước miếu khát thực. Bao năm trời, tôi mong mỗi thân cận giới tu sĩ nhưng luôn luôn lâm cảnh bẽ bàng, lần này, vị tu sĩ đã không tránh né mà lại dành cho tôi phúc duyên cúng dường, quả là một dịp may hiếm có. Tôi vừa xin được mấy trái chuối, bèn cung kính dâng hết cho người. Vị Lạt Ma ngồi bên hông miếu, ung dung thọ thực. Tôi thành khẩn chờ đợi cơ hội danh lễ, hầu thỉnh cầu người chấp nhận cho tôi cúng dường mấy hạt minh châu.

Trong khi tôi còn ngần ngại chờ đợi cơ hội thuận tiện để mở lời, thì vị Lạt Ma đã từ hòa lên tiếng:

— Thí chủ lòng dạ chí thành, ta rất cảm mến. Thí chủ có ước mơ thâm thiết gì cứ thành

thật cho ta biết, ta sẵn sàng hoàn thành tâm nguyện cho thí chủ!

Từ thuở lang thang bụi đời đến nay, tôi luôn luôn gặp cảnh xô đẩy và chửi mắng khinh thị, nên khi được vị tu sĩ ban cho những lời dịu dàng thân mật, tôi cảm động nghẹn ngào:

— Có những đêm đen cô đơn buồn thảm, tủi thân mình lâm trọng bệnh bị người đời hắt hủi khinh khi, con bỗng ước ao có kẻ thực dạ thương con, dù chỉ gá nghĩa với con một ngày, thì con cũng sẽ sung sướng trọn cả cuộc đời.

Không hiểu tại sao lúc đó tôi quên mất nguyện vọng cúng dường mình châu, mà lại khùng điên nói lên cái ước mơ xằng bậy nhất thời thuở trước. Ước mơ đó có thể là một thứ ẩn ức hình thành bởi nỗi đau thương trong vụ cướp hởi lương đảo, mà tôi cố đè nén cho chìm sâu trong tiềm thức, nay gặp cơ duyên có người ân cần thăm hỏi đã đột ngột tuôn trào. Lỡ lời, thẹn đỏ mặt, tôi luống cuống:

— Lay sư! con xin lỗi đã nói chuyện nhảm nhí...

— Không có chi đâu! thí chủ yên tâm! Ta và thí chủ đã có đoạn nhân duyên từ trước! Ta đã hứa hoàn thành tâm nguyện cho thí chủ mà thí chủ chỉ ước mơ được làm vợ trong một ngày, nguyện vọng đó không có gì là quá đáng, ta có thể giữ lời. Vậy, kể từ giờ phút này, cho đến cuối giờ Ngọ ngày mai thì chúng ta là vợ chồng.

— Chao ôi! con ăn nói vụng dại lỡ mạo phạm đến sư, xin sư thứ tha và xin đừng nói giỡn như vậy! tội nghiệp cho con. Thật ra, thân con cùi hủi đê tiện, với kẻ bình thường con còn chẳng dám nghĩ chuyện đèo bồng thì làm sao lại dám tơ tưởng đến các vị tu hành...

— “Tiểu Vi”! em mang nặng mặc cảm tự ti quá! Trong sự sống miên viễn không bao

giờ cùng tận này, thân xác bất quá chỉ là một chiếc áo mà mỗi chúng sinh khoác vào cho một kiếp. Do tham, sân, si che khuất, từ kiếp này sang kiếp khác chúng sinh theo nghiệp lực mà thay đổi lớp áo thân mạng của mình. Có lớp áo đẹp đẽ, sang trọng cũng có lớp áo sần sùi, loang lổ, xấu xa..., nhưng có lớp nào bền lâu? hơn thua gì thứ đó!

Không hiểu sao vị Lạt Ma lại biết cái tên “Tiểu Vi” này. Cái tên thân mật đó, chỉ dành cha mẹ tôi gọi đứa con gái cưng bé bỏng ngày xưa. Tiếng gọi này đưa tôi trôi về với chuỗi ngày thơ dại ấm êm, trong tình thương vô bờ chở che đùm bọc của cha mẹ. Tôi run rẩy cảm động, không còn nghe thấy suy nghĩ gì nữa... tôi ngã quỵ vào lòng người như đứa con thơ chui vào lòng mẹ...

— Khoan đã! mình phải làm lễ tơ hồng chớ!

...

Đến cuối giờ Ngọ hôm sau, người lại ăn vận như một vị Lạt Ma như cũ, và khăn gói lên đường. Hạnh phúc đã đến với tôi thật tuyệt vời, tôi đã được cưng yêu chiều chuộng như một người vợ chân chính, tất cả hiện ra như một giấc mơ thần tiên, thành tựu bằng phép lạ, không thể tưởng tượng nổi. Tôi biết đủ nên lòng rất mãn nguyện khi đưa tiễn người đi. Đến lúc này, tôi mới nhớ đến mấy hạt minh châu nên quì xuống dâng cho người để làm Phật sự, nhưng người cương quyết từ chối:

— Ta là kẻ lang thang như mây nổi, vốn không thích hợp với chuyện xây chùa lập hội, vả chăng ta chỉ hứa một điều và đã hoàn thành, sao thí chủ còn kè nài ta chi chuyện khác. Theo ta dự đoán, thì không bao lâu thí chủ sẽ gặp được vị hữu duyên đảm nhận trách vụ này! Xin thí chủ yên tâm!

Nhờ lối đối xử nhân ái của vị Lạt ma, tôi bắt đầu học nhìn mọi loài chúng sanh với tâm bình đẳng, tôi hiểu rằng ẩn hiện bên trong cái thân xác giả tạm mang lớp con trùng, con kiến, con trâu, con chó... là Phật tánh sáng ngời, bình đẳng như nhau không khác. Tất cả đều có khả năng thành Phật, đều đáng tôn kính, và là đối tượng sinh động để hành thập nguyện Phổ Hiền...

Nay nhờ duyên lành, tôi may mắn hội ngộ với sư thái nên tâm nguyện đã có cơ duyên hoàn mãn, tôi rất an lòng khi nhắm mắt.

*

* *

*

— Bà thí chủ họ Lý kể chuyện đến đây thì hơi thở yếu dần. Thầy chợt nhớ đến đứa bé, vội bồng đến cho bà nhìn và xin đặt tên nhưng bà lắc đầu lộ ý để thầy tùy nghi. Không kịp suy nghĩ, thầy lên tiếng: “Nhất Nguyên! chi nhé!”. Lý thí chủ gật đầu, mỉm cười mãn nguyện rồi tắt thở. Điều lạ lùng là gương mặt lở lói trước kia của bà bỗng biến thành tươi nhuận an lạc, và từ trong búi tóc rối, một mùi trầm hương thoang thoảng tỏa ra. Sáng hôm sau, thầy nhờ bà con lối xóm giúp đỡ làm lễ thiêu xác Lý thí chủ, và bắt đầu khởi công xây dựng ngôi già lam này. Chuyện xảy ra đã tròn bốn mươi bốn năm, vậy mà thầy vẫn tưởng như mới rành rành ngày hôm qua! Thời gian trôi thật nhanh!

Sư bà ngậm ngùi và đại chúng cũng lặng lẽ băng khuâng. Ngừng một lúc lâu sư bà bỗng nhìn xuống hàng người chen chúc ở dãy cuối cùng bên trái chánh điện, lên tiếng:

— Nhất Nguyên! con đã về thì hãy lên đây với thầy!

Sư Nhất Nguyên len lối tiến lên, kính cẩn

lễ sư bà ba lạy, nước mắt tràn ngập, cảm động không thốt ra lời. Sư bà hướng về đại chúng lên tiếng:

— Đây là Nhất Nguyên, con của Lý thí chủ và cũng là dưỡng tử của thầy. Sư Nhất Nguyên đã dày công tu học trên chùa Thiếu Lâm, và vừa hoàn thành bộ số giải về Kinh Lăng Già Tâm Ấn rất công phu.

Quay sang Nhất Nguyên, sư bà tán thán:

— Thầy rất hãnh diện về con! Tác phẩm giá trị của con là một đóng góp lớn cho sự nghiệp hoàng pháp! Công đức vô lượng vô biên!

— Thưa thầy! trước đây con nghĩ con cũng có công đức, nhưng nhờ thầy chỉ điểm, con mới khám phá rằng con chẳng có công đức nào đáng để tán thán cả! Tất cả những điều con đã viết, chẳng qua là những thân nhận từ lời dạy của chư Phật, chư Bồ Tát, chư tổ sư, của thầy của bạn... không có cái gì thực sự là của con cả, thì làm sao con dám tự cho mình có công đức. Hướng chi, suy cho cùng, làm sao con có thể tự làm việc được việc gì, nếu không có sự yểm trợ của cả xã hội, mà xã hội làm sao tồn tại nếu không có sự đóng góp của mọi loài chúng sinh. Như vậy, trải tâm càng rộng lớn, con càng cảm thấy cả pháp giới chúng sinh đều nâng đỡ con, đều yểm trợ con làm Phật sự, vậy thì, tất cả công đức đương nhiên là công đức của pháp giới chúng sanh! Con chẳng hề thấy thứ công đức nào là công đức của riêng con cả!

— Lành thay! lành thay! biết công đức là công đức của cả pháp giới chúng sanh, thì hạnh nguyện hồi hướng mới thên thang vô chướng ngại!

Sư bà trang trọng chấp tay lại. Đại chúng, không ai bảo ai, cũng đồng chấp tay và đồng

tụng theo sư bà:

*“Nguyện đem công đức này
Hồi hướng về tất cả
Khắp pháp giới chúng sanh
Đều trọn thành Phật đạo”.* ■

tháng 7-1995

Ghi chú:

(1) Kệ của Bồ Đại Hòa thượng.

(2) Nga Mi sơn là một đỉnh núi thiêng liêng, mà theo sự tin tưởng của Phật Giáo Trung Hoa thì đó là nơi cư ngụ của Bồ Tát Phổ Hiền. Vào những buổi bình minh, đứng ở phía sau ngôi chùa trên đỉnh núi, khách hành hương sẽ thấy hình ảnh to lớn của một người đang ngồi thiền dưới thung lũng, mà người ta tin tưởng là bóng của đức Bồ Tát Phổ Hiền. Có người bảo rằng hiện tượng đó chỉ là cái bóng phản chiếu của rặng núi lúc rạng đông. Không ai chối cãi điều đó, nhưng theo những người hành hương thì tốt hơn mỗi người nên tự đến đó, tự quan sát, tự đón nhận suối nguồn an lạc, và sẽ tự có kết luận cho riêng mình.

(3) Phổ Hiền thập nguyện:

Một là lễ kính chư Phật

Hai là Xưng tán Như Lai

Ba là Quảng tu cúng dường

Bốn là Sám hối nghiệp chướng

Năm là Tùy hỷ công đức

Sáu là Thỉnh chuyển pháp luân

Bảy là Thỉnh Phật trụ thế

Tám là Thường tụng Phật học

Chín là Hằng thuận chúng sanh

Mười là Phổ giai hồi hướng.

(4) Bốn phép lạy thuộc về lý:

— Phát trí thanh tịnh lễ: người hành lễ thấu suốt rằng cảnh giới của chư Phật, đều tùy tâm

hiện bày, nên lạy một đức Phật tức là lạy tất cả chư Phật...

— Biến nhập pháp giới lễ: người hành lễ tự quán thân tâm cùng các pháp, từ thuở giờ vẫn không rời pháp giới.

— Chánh quán lễ: người hành lễ lạy đức Phật ngay nơi tự tâm, chớ không duyên vào đức Phật nào khác.

— Thật tướng bình đẳng lễ: người hành lễ không thấy có tự có tha; người và mình là một, phàm và thánh nhứt như; thể và dụng không hai.

*(theo Phật Học Phổ Thông quyển 1,
Thượng Tọa Thiện Hoa)*

(5) Bồ thí ba la mật: nghĩa là một pháp môn tu có công năng đưa qua bờ bên kia, thực hành bằng cách cho cùng khắp, cho tất cả mọi người, mọi vật, mọi nơi. Có ba loại bồ thí ba la mật:

— tài thí,

— pháp thí, và

— vô úy thí (bồ thí sự không sợ hãi).

(6) Lạt Ma giáo: là một tông phái thuộc Phật giáo Đại Thừa, phát xuất từ Tây Tạng từ thế kỷ thứ 7, và lan truyền đến Mông Cổ, Mãn Châu. Lạt Ma giáo có hai phái:

— Hồng mao phái: tức thầy tu đội mũ đỏ, là phái cố cựu, dung hòa với tư tưởng bình dân, chuyên luyện các phép thuật thần bí, giới hạnh lỏng lẻo... và rất rộng rãi về tình dục, việc giao hợp nam nữ đôi khi lại được ca ngợi là một phương tiện hữu hiệu cho việc tu tập...

— Hoàng mao phái: tức thầy tu đội mũ vàng, là phái cải cách do đức Tsong-khapa lãnh đạo từ thế kỷ XIV. Phái này nổi tiếng về giới hạnh thanh tịnh và là phái chánh thức lãnh đạo quốc gia.

(ghi chú về Lạt Ma giáo ở trên rất sơ sài, xin đọc với tất cả sự dè dặt).

VẬN-NƯỚC, VẬN-ĐẠO TINH-THẦN KHAI-PHÓNG, HÓA GIẢI CỦA PHẬT-GIÁO.

TRẦN-QUANG-THUẬN

Khi Phật nhập Niết-Bàn, Ngài không giao quyền thống lãnh Giáo-Hội cho một vị nào cả. Ngài nhấn nhủ hàng đệ tử lấy giới luật và giáo lý của Ngài làm bậc chỉ đạo, làm kim chỉ nam để tu thân và truyền đạo. Truyền thống đặc biệt này giúp cho Phật-giáo khi truyền bá vào các nước khác có thể dung nạp, khai triển nền văn minh bản xứ, không xung đột mà phát triển, không cố chấp mà làm giàu mạnh thêm, không cục bộ mà làm cho các quốc gia thụ hưởng tinh thần Phật-giáo thêm phú cường và an lạc.

Năm 250 trước kỷ-nguyên, Đại-đế Asoka, hấp thụ tinh thần Phật-giáo, lấy Phật-giáo làm quốc giáo, nhưng không vì vậy mà bài bác hay đàn áp, tiêu diệt những tôn giáo khác. Trong tấm bia đá tại Sarnath, Ấn-Độ, vua Asoka đã để lại cho hậu thế lời khuyên dạy như sau :

“Ta không nên chỉ tôn vinh tôn giáo riêng của mình mà chỉ trích các tôn giáo khác, mà vì lý do này, hay lý do khác, ta nên kính trọng các tôn giáo khác. Làm vậy, ta đã giúp cho chính tôn giáo mình phát triển và đồng thời hỗ trợ những tôn giáo khác. Hành động

ngược lại chính là ta đã tự đào huyệt chôn tôn giáo mình và cũng gây hại cho những tôn giáo khác. Bất cứ ai vinh danh tôn giáo mình mà chỉ trích tôn giáo khác, tưởng như vậy là sùng bái tôn giáo mình, nghĩ là đã “tuyên dương tôn giáo mình”, nhưng ngược lại làm như vậy là đã gây tổn thương nặng nề cho tôn giáo mình. Nên hòa thuận thì tốt : “Hãy lắng nghe tất cả và sẵn sàng nghe các học thuyết của các tôn giáo khác với thiện chí”.

Những lời nhấn nhủ của vua Asoka phát xuất từ tinh thần dung hợp của Phật-giáo, tinh thần cứu độ chúng sanh tùy theo căn cơ, theo hoàn cảnh, chứ không phải là một thủ thuật, một chiến thuật giai đoạn. Cũng chính vì tinh thần dung hợp này, nên dù Phật-giáo có bị xuyên tạc, đả kích, vẫn kiên trì cố gắng giữ vững lập trường.

Trong thời đại Asoka, những phái đoàn truyền giáo đã được gửi đến các nước Miến-Điện, Thái-Lan, Tích-Lan ở miền Nam ; các nước Nepal, Kashmir, Bactria, A-Phú-Hân miền Bắc.

Nói tiếp sứ mạng truyền bá Phật-giáo, vào cuối thế kỷ I sau kỷ-nguyên, vua Kanishka, gửi các phái đoàn đến

nhiều nước khác trên thế giới.

Năm 61 sau kỷ-nguyên, đời vua Hán-Minh-Đế (58-75 T.L.) Phật-giáo được truyền qua Trung-Hoa (có thể trước thời kỳ này nữa). Sử chép vua Minh-Đế đời Hậu-Hán nằm chiêm bao thấy kim thân, đem hỏi quần thần, Bắc-Nghi trả lời kim thân ấy là Phật ở nước Tây-Vức. Vua bèn sai Thái-Am và Tạ-Cảnh-Hiên sang Tây-Vức và hai vị này đã thỉnh kinh Tứ-Thập-Nhi-Chương, tượng Phật và mời hai vị Tăng sĩ Ấn-Độ là Kasyapa-Matanga và Dharma-aranya đến thủ đô Hậu-Hán là Lạc-Dương (Lo Yang), chùa Bạch-Mã (Pai Ma). Sở dĩ đặt tên là chùa Bạch-Mã vì vua đã cho xử dụng ngựa trắng để thỉnh kinh, tượng Phật và chư Tăng Ấn-Độ qua Trung-Hoa.

Cũng vào thời kỳ này Trung-Hoa lần đầu tiên trở thành một đế quốc rộng lớn, phía Tây giáp Ấn-Độ, phía Đông Thái-Bình-Dương, phía Bắc giáp Mông-Cổ và phía Nam gồm Giao-Chỉ (Việt-Nam). Cũng vào thời kỳ này, Đế-Quốc La-Mã (Pax Romana) được thành hình, ngự trị vùng Địa-Trung-Hải.

Phật-giáo lúc ban đầu du nhập vào Trung-Hoa là Phật-giáo Tiểu-thừa. Trong khoảng thời gian 1,200 năm, từ năm 67 đến 1,271, 173 Tăng sĩ Ấn-Độ và Trung-Hoa đã hiến trọn đời mình, phiên dịch Tam-Tạng và kết quả là Đại-Tạng kinh điển Trung-Hoa được hình thành.

Cũng trong thời gian này Phật-giáo Trung-Hoa có tất cả 14 tông phái chứ không phải chỉ Tiểu-thừa Phật-giáo. Sở dĩ như vậy một phần vì tinh thần Phật-

giáo Đại-thừa đã phổ biến trong thời đại Asoka, Kanishka ; phần khác với tinh thần dung hợp Phật-giáo đã hòa mình vào đời sống văn hóa Trung-Hoa.

Từ đầu thế-kỷ thứ 1 đến cuối thế-kỷ thứ 4, Phật-giáo đã trở thành quốc giáo. Năm 405, chín gia đình trong mười gia đình người Trung-Hoa theo Phật-giáo. Năm 500, toàn nước Trung-Hoa, Bắc-Triều cũng như Nam-Triều đều theo Phật-giáo. Từ một ngôi chùa Bạch-Mã tại Lạc-Dương đến 2,546 thuộc Nam-Triều. Từ số 0 Tăng sĩ lúc Phật-giáo vừa mới du nhập vào Trung-Quốc (Hoàn toàn do chư Tăng ngoại quốc) đến 82,700 Tăng sĩ người Trung-Hoa ở Nam-Triều và vào khoảng 2,000,000 tại Bắc-Triều.

Khi mới truyền thừa Phật-giáo vào Trung-Hoa, các vua chúa Trung-Hoa, ảnh hưởng tinh thần Khổng-giáo nên không cho dân Trung-Hoa đi tu (bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại : có ba điều bất hiếu, điều bất hiếu lớn nhất là không có người thừa kế) cho đến thế-kỷ thứ 4, nghĩa là gần 300 năm sau, quan niệm này mới được thay đổi.

Trong thời gian này ngoài việc người Trung-Hoa không được đi tu, Phật-giáo cũng gặp rất nhiều khó khăn, kỳ thị và xuyên tạc. Nho-gia Hsun-Chi buộc tội Phật-giáo phạm tội phản nghịch trong tờ tấu chương trình lên vua Lương-Võ-Đế. bản tấu chương, lược kê 7 tội phạm :

1/ Phật-giáo xây chùa chiền tu viện bất chước cung điện nhà vua.

2/ Họ phiên dịch truyền bá sách vở ngược với thánh chỉ.

3/ Họ quyền góp của cải nói là làm phước khỏi sa đọa địa ngục, như vậy là cưỡng chiếm quyền hành Thiên-tử trong việc hành xử, trị tội.

4/ Phật-giáo dành 3 tháng an-cư kiết-hạ và mỗi tháng 6 ngày cầu nguyện tĩn tu là-ế tình thiết lập một hệ thống lịch, ngược lại với lịch của nhà vua.

5/ Họ phác họa cảnh tượng thanh bình an lạc ở thế giới Cực-Lạc là ám chỉ hoàng cung đương gặp phải sự đau buồn, cùng khổ.

6/ Họ lấy đại-hồng-chung trong sân chùa thay thế cho cái chiêng trong hoàng cung.

7/ Họ trương tràng-phan bảo-cái giống như hoàng-kỳ. Những hành động này là hành động phản nghịch đối với nhà vua, cần phải trừng trị. Đó là những chống đối của Nho-gia Nam-Triều. May mắn là vua Lương-Võ-Đế không nghe theo lời tấu chương ấy.

Tại Bắc-Triều đại diện cho Lão-gia thì có K'ou-Chien-Chih, làm quốc-sư thời vua Thái-Võ-Đế nhà Hậu-Ngụy, cùng với Nho-gia Tsui-Hao dùng thế lực của mình cố vấn nhà vua chống lại Phật-giáo và kết quả là Phật-giáo Trung-Hoa gặp Pháp-nạn-I. Trong vụ này chiếu dụ của nhà vua năm 446 cấm người đàn ông dưới 50 tuổi đi tu, đòi xử tử 3,000 Tăng sĩ, cấm dân chúng không được ủng hộ Tăng sĩ Phật-giáo nếu không sẽ bị tử hình. Hai Tăng sĩ nổi tiếng thời bấy giờ là Hsuan-Kao (401-444) và Hui-Ch'ung bị xử tử. Ngoài ra vô số chùa chiền tự viện bị phá hủy, kinh sách bị đốt sạch. May nhờ quần

chúng Phật-tử, nên một số chư Tăng đã thoát nạn và một số kinh sách đã được dấu kỹ.

Năm 448 K'ou-Chien-Chih mất, 2 năm sau Tsui qua đời. Nhà vua ăn năn việc làm trước đây của mình nên dần dần để cho Phật-giáo được hoạt động như cũ.

Pháp-nạn-II tại Trung-Hoa năm 574 là kết quả sàm tấu của hai nhân vật Phật-giáo và Lão-giáo với vua Chu-Võ-Đế, nhà Bắc-Chu. Nhân vật Phật-giáo ấy là Wei-Yuan-Sung, nhân vật Lão-giáo là Chiang-Pin. Wei đi tu, thọ giáo với một vị Tăng có biệt danh là Nhà-Sư Vô-Danh. Ông ấy dạy cho đệ-tử Wei, nếu muốn người đời chú ý, thì phải có hành động khác đời. Wei vì vậy giả điên, mỗi khi gặp ai hay vật gì thì hát hoặc đọc lời sấm. Ông thấy cái làng ông ở quá nhỏ bé so với kinh thành Tràng-An, thủ đô. Vì vậy ông đến Tràng-An. Phật-giáo lúc bấy giờ rất thịnh hành tại Tràng-An. Vua Bắc-Chu mặc dầu tin Phật, nhưng muốn chứng tỏ mình là người đã đồng hóa với người Trung-Hoa và không muốn chịu ảnh hưởng nặng nề của Phật-giáo. Wei, một người thông minh, đầy mưu mô, biết rõ tâm trạng của vua Chu-Võ-Đế, nên làm tờ tấu chương lên vua tố cáo Phật-giáo, hy vọng dù vua không theo tất cả đề nghị của mình, ít nhất cũng làm cho vua chú ý đến mình. Bản tấu chương trình lên vua năm 567 gồm những điểm sau :

1/ Cần thanh lọc hàng Tăng-lữ, loại bỏ phần tử xấu.

2/ Chùa chiền, tháp miếu không

cần thiết, không mang lại phước đức như người ta tưởng mà lại làm cho dân nghèo, nước yếu.

3/ Đức Phật không phải nằm trong những bức tượng gỗ, tượng đất hay tượng đồng, vì vậy cúng lễ những pho tượng ấy là không cần thiết.

4/ Đạo Phật dạy từ bi, vì vậy đạo lý này không nên để làm của riêng của Phật-giáo. Tinh thần từ bi ấy phải được truyền bá khắp nơi. Do đó cần thành lập một ngôi chùa cho toàn thể mọi người, cho chúng Tăng, tín đồ và toàn thể nhân dân, chứ không phải là tài sản riêng của Phật-giáo để bảo trì kinh sách.

5/ Hãy biến những tu viện thành những miếu thờ và lấy Thiên-tử nhà Chu thay cho Tathagata (Thế-Tôn).

6/ Thành phố, đô thị sẽ là nơi an trú của hàng Tăng Ni ; những cặp vợ chồng thuận thảo sẽ là chúng hội đệ-tử ; những bậc hiền lương sẽ là những vị cai quản chúng Tăng ; những người già cả sẽ là trụ-trì ; những vị hiền lương, thông thái sẽ là các bậc cai trị ; những kẻ can đảm sẽ là người chấp chương luật pháp. Những hành vi lương thiện sẽ được thực hiện để ngăn ngừa những kẻ chưa đạt được thanh tịnh ; tiêu trừ tham lam sẽ được thể hiện để tiêu diệt trộm cướp. Nếu được vậy trong nước không còn lời ta thán bất công để gây bất ổn cho các bậc tiên đế. Và như vậy khắp nơi sẽ đầy lời ca tụng tán dương Thiên-tử nước Chu. Chim cá sẽ an lành sống trong tổ ấm và sông rạch”.

Vua Chu-Võ-Đế sau khi nhận được tấu chương, rất đặc ý, ban thưởng và

thăng chức Bá-tước cho Wei. Vua đã xử dụng tấu chương đó. Năm 574 ra lệnh hủy chùa chiền, tự viện, tượng Phật, kinh sách. Tăng Ni bắt hoàn tục. Tài sản của Giáo-Hội bị tịch thu và chia cho các quân thần, bá tước. Điều làm cho Wei ngạc nhiên là không những lệnh vua ban hành chống Phật-giáo mà cũng chống luôn cả Lão-giáo, kẻ nguyên cáo.

Trong kỳ Pháp-nạn-II này, hầu hết tu viện Phật-giáo Trung-Hoa thiết lập trong hàng trăm năm nay bị tiêu hủy, gần 40,000 ngôi chùa lớn bị tịch thu và vào khoảng 3,000,000 Tăng Ni bắt phải hoàn tục.

Thật ra Wei chỉ là cái cớ, tấu chương của Wei chỉ là cái cớ. Âm mưu chính là hàng Nho-sĩ và Đạo-sĩ lúc bấy giờ, thấy thế lực Phật-giáo quá mạnh cần phải tiêu diệt.

Thời đại nhà Tùy, nhất là nhà Đường, nước Trung-Hoa lại được thống nhất lần thứ hai và Phật-giáo trong thời đại này đã khôi phục lại vị thế cũ, nhưng cũng không tránh được hiểm họa. Khi vua Lý-Uyên lên ngôi Hoàng-Đế, tức là vua Cao-Tổ nhà Đường có một Đạo-gia tên là Fu-Yi (554-639) đã từng sống dưới chế độ nhà Tùy và cảm thấy bất mãn vì nhà Tùy tôn sùng đạo Phật. Năm 621 Fu dâng tấu chương buộc tội Phật-giáo bằng những lời lẽ sau :

1/ Giáo lý nhà Phật quá viễn vông và phí phạm.

2/ Giáo lý nhà Phật tạo sự bất trung và bất hiếu.

3/ Tăng Ni Phật-giáo sống độc

thân và vô dụng. Họ cần phải lấy vợ lấy chồng sanh con để cái làm lợi cho quốc gia và tăng cường quân số.

Vua Cao-Tổ nhà Đường không hoàn toàn theo những đề nghị của Fu-Yi, nhưng cũng nhân tiện tấu chương ấy, đã ra lệnh cho hạn chế số Tăng Ni xuất gia và cũng hạn chế xây dựng chùa chiền trong lãnh thổ. Pháp-nạn-III đời vua Cao-Tổ nhà Đường so với Pháp-nạn-IV thật không thấm vào đâu.

Pháp-nạn-IV xảy ra năm 845 trong đời vua Đường-Võ-Tông qua những sàm tấu của Đạo-gia Chan-Kuei-Chen, Teng-Yuan-Ch'ao và Liu-Hsuan-Ching, kết quả trên 4,000 tu viện bị phá hủy, trên 260,500 Tăng Ni bị hoàn tục. Trên 40,000 chùa và am bị phá hủy, hàng triệu mẫu ruộng của chùa bị tịch thu, hơn 150,000 lao công của nhà chùa bị bắt. Đây là pháp-nạn nặng nề nhất của Phật-giáo Trung-Hoa. May thay cuộc đàn áp này không kéo dài. Tháng 3 năm 846 Đường-Võ-Tông băng hà, Tuyên-Thống lên ngôi lập tức ra đạo dụ bãi bỏ mọi biện pháp đàn áp Phật-giáo. Chan-Kuei-Chen và Liu-Hsuan-Ching bị xử tử vì đã phát động phong trào đàn áp. Phật-giáo lại được phép truyền đạo và lại có cơ hội phục hưng cho đến đời Tống.

Có thể nói từ thời vua Kinh-Tông cho đến vua Chiêu-Tiên-Đế đời Đường quốc gia Trung-Hoa đều do các hoạn quan kiểm chế, giết hại hiền thần làm cho dân chúng ta thán đến phải diệt vong.

Sau Pháp-nạn-IV mặc dầu Phật-giáo được phục hưng trong thời Tống,

chùa chiền được xây dựng lại nhiều hơn, Tăng Ni thêm nhiều, nhưng tinh thần sáng tạo, sức sống mãnh liệt của Phật-giáo đã không còn nữa.

Các vua chúa đời Tống phải đương đầu với những khó khăn trong nước và với các nước miền Bắc. Họ cần một đội quân lớn để giữ gìn an ninh quốc gia và do đó phí tổn rất nặng nề. Ngân sách quốc gia không đủ đài thọ, họ phải đưa ra nhiều biện pháp để thu lợi. Hai trong nhiều biện pháp liên quan đến Phật-giáo, đó là việc bán thẻ Tăng-tịch và chức tước. Với những thời đại trước việc cấp phát Tăng tịch đã có, nhưng mục đích là để hạn chế số Tăng Ni, đến đời Tống việc cấp phát Tăng tịch là để thu tiền vào ngân khố. Trước đây Tăng tịch chỉ được cấp phát cho những vị xuất gia. Giờ đây ai cũng có thể mua Tăng tịch được cả. Có thể Tăng tịch thì khỏi đi lính, khỏi đóng thuế. Ngoài thẻ Tăng tịch còn chức tước tấn phong cho những vị sư. Trước đây chức tước dành cho những cao Tăng đại-đức, học rộng tài cao, đức trọng. Bây giờ ai có nhiều tiền đều có thể mua những chức tước lớn. Giá trị của hàng Tăng sĩ vì vậy bị suy giảm. Quần chúng đối với hàng Tăng sĩ không còn kính trọng nữa. Thêm vào đó, nhà Tống hoàn thành hệ thống thi cử trước đây nhà Hán đã đề xướng, để tuyển chọn nhân tài làm quan, khiến cho đại đa số nhân tài, vì danh vọng tiền tài đã thi nhau học Tứ Thư, Ngũ-kinh, thi-phú, từ-chương, chệnh mảng nghiên cứu Phật-học. Một yếu tố khác nữa, dù gián tiếp, làm cho

Phật-giáo bị xuống dốc tại Trung-Hoa là sự suy thoái của Phật-giáo Ấn-Độ. Bắt đầu từ thời đại Gupta từ thế kỷ thứ 4 đến thứ 6, Phật-giáo bị Ấn-độ-giáo tiếp tục tấn công. Vào đầu thế kỷ 11 đến cuối thế kỷ 12, quân xâm lược Hồi đến chiếm Bắc Ấn-Độ, phá hủy tất cả chùa chiền, đốt kinh sách, giết hại Tăng Ni, làm cho Phật-giáo Ấn-Độ diệt vong.

Phật-giáo Ấn-Độ từ thời kỳ Phật-giáo truyền sang Trung-Hoa, là nói cung cấp tinh thần, làm động cơ thúc đẩy, phát triển, bây giờ bị hủy diệt, làm cho Trung-Hoa mất chỗ tựa và vì vậy cũng là yếu tố làm cho Phật-giáo Trung-Hoa suy đồi.

Đến đời nhà Minh, Phật-giáo Trung-Quốc được phục hưng, nhưng tính chất sống động không còn mãnh liệt nữa. Vua Thái-Tổ nhà Nguyên trước có đi tu nên sau khi còn làm vua, ủng hộ Phật-giáo, nhưng vua Thái-Tông theo Lão, cấm Phật-giáo. Vào đời Mãn-Thanh, Lão-giáo rất thịnh hành và cũng là lúc Ki-tô-giáo truyền bá mạnh trong nhân dân. Đất Quảng-Đông tiếp xúc nhiều với các nước Âu-Châu, nên Thiên-chúa-giáo và Tin-Lành rất có ảnh hưởng ở vùng này. Hồng-Tú-Toàn, một người theo đạo Cơ-Đốc cùng với một đồng đạo khác lập một giáo phái lấy tên là Thượng-đế-giáo. Khi hai tỉnh Quảng-Đông, Quảng-Tây bị nạn đói (1647-1848) giặc cướp nổi lên khắp nơi. Hồng-Tú-Toàn thừa dịp dấy binh (1850), khí thế mãnh liệt, đánh chiếm Quảng-Đông, Quảng-Tây, lập Thái-Bình Thiên-Quốc. Từ Quảng tiến chiếm Hồ-

Nam, Hồ-Bắc, chiếm Nam-Kinh làm kinh đô, gọi là Thiên-Kinh. Hồng-Tú-Toàn muốn biến nước Trung-Hoa thành nước Chúa, nên đi đến đâu tiêu diệt tất cả tôn giáo khác: chùa chiền, đình miếu, kinh sách, tượng hình đều bị phá hủy. Hồng-Tú-Toàn cấm dân chúng không được đọc kinh ngoại đạo, nếu không tuân lệnh sẽ bị xử tử. Đáng lý ra Hồng-Tú-Toàn có thể thành công trong việc đánh đuổi quân Mãn-Thanh xâm lăng, nếu ông không có mộng lập Thiên-Quốc. Nhưng vì hành động bạo ngược đối với các tôn giáo cổ truyền nên dân chúng Trung-Hoa không ủng hộ, rốt cuộc Thái-Bình Thiên-Quốc chỉ tồn tại trong vòng 15 năm. Đây là Pháp-nạn thứ năm của Phật-giáo Trung-Hoa.

Phật-giáo Trung-Hoa sau thời kỳ Thái-Bình Thiên-Quốc được phục hưng nhờ hai cư sĩ nổi tiếng là Yang-Jen-Shan và Wang-Hung-Yuan. Yang đã liên lạc với một học giả Nhật-Bản Bunyin-Nanjo thỉnh kinh sách từ Nhật sang Tàu, còn Wang thì phục hưng Mật-tông tại Trung-Hoa.

Phong trào phục hưng Phật-giáo do Thái-Hư-Đại-Sư đề xướng vào đầu thế kỷ 20 làm phục hồi sinh khí Phật-giáo Trung-Hoa phần nào, nhưng thời gian quá ngắn, Trung-Hoa lâm cảnh nội chiến, ngoại xâm và sự toàn thắng của quân Cộng-sản. Phật-giáo từ năm 1949 cho đến nay đương gặp một pháp-nạn, gọi là Pháp-nạn-VI, dưới ách Cộng-sản, và không biết khi nào mới giải trừ được.

Vào đời Hán tại Trung-Quốc có

hai trung tâm Phật-giáo quan trọng đó là trung tâm Lạc-Dương và Bành-Thành, thì tại Việt-Nam có trung tâm Luy-Lâu.

Trung tâm Luy-Lâu được thành hình do sự viếng thăm của những Tăng sĩ Ấn-Độ đến bằng đường biển, theo các thuyền buồm người Ấn. Việt-Nam (Giao-Chỉ) lúc bấy giờ tuy thuộc nhà Hán, nhưng vì quá xa và phong tục văn hoá khác biệt nên thư tịch Trung-Hoa, trong đó kể cả Hậu-Hán-Thư, hầu như không đề cập đến. Tác phẩm đầu tiên của Phật-giáo tại Giao-Chỉ là cuốn Lý-Hoặc-Luận do Mâu-Tử người Trung-Hoa trước theo Lão-giáo nhưng sau khi nhập tịch Giao-Chỉ, học Phật tại đây và trở nên một Phật-tử thuần thành.

Giao-Chỉ tuy thuộc Hán, nhưng những nước láng giềng như Phù-Nam, Chân-Lạp, Chiêm-Ba (Chàm) chịu ảnh hưởng văn minh Ấn-Độ. Giao-Chỉ cũng là nơi tị nạn của các “di nhân Bắc Phương”, trong số những di nhân này có Mâu-Bắc. Với kiến thức sâu rộng về Khổng-học, Lão-học và Phật-học, Mâu-Bắc trong Lý-Hoặc-Luận đã đưa ra những luận cứ nhằm ngăn chặn mọi xuyên tạc, đả kích của các Nho-gia, Đạo-gia lúc bấy giờ và đồng thời xiển dương tinh thần hòa đồng. Ông viết : “Tôi kính trọng đạo Phật và tôi học Phật. Nhưng không phải vì vậy mà tôi bỏ Nghiêu, Thuấn, Chu, Khổng. Vàng ngọc không gây tì vết cho nhau, bích ngọc và mã-não để chung không sao cả...” Tinh thần của Mâu-Bắc được tóm tắt như sau “Xe và thuyền không đi cùng một lối, nhưng đều đưa người đến

chốn”.

Suốt thời gian Bắc thuộc, các nhà sư Phật-giáo từ Ấn-Độ, Trung-Hoa lần lượt đến truyền giáo tại Việt-Nam. Từ Khương-Tăng-Hội, Chi-Cương-Lương, Đạt-Ma Đề-Bà, Huệ-Thắng đến Thông-Biện Thiên-sư ; Từ Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi đến Pháp-Hiền, Huệ-Nghiêm, Thanh-Biện, Long-Tuyên, Định-Không, Thông-Thiên đến Vạn-Hạnh Thiên-sư. Từ các vị Thiên-sư phái Vô-Ngôn-Thông, phái Thảo-Đường, phái Trúc-Lâm, phái Lâm-Tế, phái Tào-Động, Phật-giáo đã đến Việt-Nam, cùng với dân tộc Việt-Nam dựng nước, cứu nước. Vạn-Nước là Vạn-Đạo. Sự thịnh suy của Phật-giáo là sự thịnh suy của nước Việt.

(Còn tiếp)

Phát nguyện

*Vỡn mãi buồn nhau lắm giận hờn,
Dấu tình vẫn đượm, nghĩa keo sơn,
Tuy cùng ý nguyện đời an lạc,
Ngặt khác tư duy mộng chấp chờn,
Khắc khoải chân tình luôn ngộ nhận,
Bằng khoảng tri kỷ mãi cô đơn,
Nay nhờ nương Phật tâm thanh tịnh,
Phát nguyện quên mình nhả nhục hơn*

Hoàng Phu

Con Đường Đến Phật

THIỆN ĐỨC

Nói đến đạo Phật là nói đến cái gì hiển hòa chân thật. Nói đến giáo lý đạo Phật là nói đến kho tàng triết lý thuyết minh về thật tánh của vạn hữu, thật tướng của hữu tình và nghệ thuật của lẽ sống nhân sinh qua rừng kinh điển thâm sâu được gồm thâu trong ba tạng Kinh, Luật, Luận, mà cho dù suốt một đời người chuyên ròng nghiên đọc cũng chưa chắc đã hết.

Tuy giáo lý đạo Phật rộng sâu như vậy, nhưng đâu có hệ thống đầy và lời dạy nào của Phật cũng xứng hợp với chân lý, pháp môn nào cũng khế hợp với căn cơ của chúng sanh. Nên Phật Pháp thường được gọi là giáo pháp khế-cơ khế-lý.

Ngày nay con người văn minh tiến bộ cao độ, đến nỗi khối sắt khổng lồ có thể bay bổng lên trời, và con người có thể rời thoát ra ngoài trái đất để đến quốc độ chị Hằng thăm viếng cung trăng, chứ không như trước đây chỉ ngồi dưới đất để ngắm chị Hằng chú Cuội cây đa ở tận xa vời trời cao mơ mộng.

Tuy vậy, dù cho con người có văn minh tiến bộ đến đâu cũng

không thoát khỏi bệnh đau của thân xác và nhức nhối não phiền của tâm thức. Căn bệnh thân tâm chẳng những không giảm bớt mà có vẻ ngày một tăng thêm dưới nhiều dạng thức, mặc dù các nhà bác-học y-khoa đã không ngừng nỗ lực dốc tâm tìm kiếm phương thuốc chữa trị, nhưng vẫn không kịp với tình trạng biến thái của bệnh thân tâm. Các nhà khoa học khám phá thiên nhiên để tô điểm phần vật chất thân thể, nhưng phần tinh thần tâm thể cho đến nay vẫn còn lắm nhiều trở ngại, gần như chưa đạt được phương trị nào khả quan. Con người đã mất nhiều tiền bạc và thời gian để trang điểm tu bồi xác thân, nhưng lại lơ là gần như quên đi việc tu bồi phần tinh thần tâm linh. Mà tâm linh là phần chính yếu hướng đạo đời người thăng trầm vinh nhục hay hạnh phúc khổ đau. Giữa tinh thần và vật chất, thân thể và tâm linh nếu không quân bình, tất nhiên sanh ra lắm điều bất như ý. Chỉ có giáo lý đức Phật mới đem lại sự an lạc cho đời sống.

Giáo lý đức Phật, cho đến nay, một cách vô tư và trung thực mà nói,

ngoài lãnh vực khế hợp với chân lý vũ trụ vạn hữu ra, vô hình chung nó còn là ẩn tích cho các nhà khoa học phát minh rộng sâu về thực thể các hiện tượng, và đặc biệt là thích hợp với mọi trình độ căn cơ của chúng sanh trên bước đường thăng hoa thánh thiện tiến đến hạnh phúc vẹn toàn. Do vậy, mà suốt chiều dài gần ba ngàn năm lịch sử truyền bá Phật-giáo, đạo Phật đã hài hòa với văn minh tiến bộ của nhân loại. Điều nầy đã thấy rõ qua sự khám phá phát minh của các nhà bác học nhân loại mà nhất là Âu Mỹ trong những thế kỷ trước đây có thể còn xa lạ hoặc quan niệm về đạo Phật không thích ứng với sự hòa bình tiến bộ, nhưng từ hạ bán thế kỷ hai mươi trở lại đây, họ đã nhìn thấy ánh sáng chân lý trí-tuệ từ-bi hỷ-xả giác-ngộ giải-thoát của đạo Phật, và từ nhận định, họ đi đến kết luận: "Nếu nói tôn giáo thích hợp cho sự hòa bình nhân loại, thì đó là đạo Phật. Nếu nói giáo lý của các đạo thích hợp với khoa học tiến bộ, thì đó là giáo lý đạo Phật". Như thế, rõ ràng đức Phật đã mang ánh sáng hòa bình và văn minh tiến bộ đến cho chúng sanh từ gần ba ngàn năm trước đây, thế mà con người mãi đến nay mới phần nào nhận thức tinh thần giác ngộ giải thoát đó.

Thiền là một trong những phương pháp tu của đạo Phật có năng lực đưa người đến giác ngộ giải

thoát. Tất cả pháp môn tu của đạo Phật như Thiền, Tịnh, Mật, Duy-thức, Đâu-đà v.v... tám vạn bốn ngàn pháp môn tu đều lấy giới luật làm căn bản. Có giới thì có định có huệ, và ngược lại. Giới nhiếp phục lục căn, điều chỉnh thân tâm, tập trung tư tưởng quán chiếu dòng tâm thức của chính hành giả trong trạng thái tĩnh thức để đưa đến nhứt tâm bất loạn. Tâm định thì vọng tình dứt, vọng niệm tiêu, hiệu năng trí huệ phát sanh đạt thành chánh-giác giải thoát.

Đặc biệt các pháp môn tu trong đạo Phật chẳng những không trở ngại mà còn dung thông, hỗ trợ cho nhau. Tháo nào các bậc thiền đức đã thường vận dụng phương thức thiền tịnh song tu, ngoại hiện Thiền-tướng nội tâm Tịnh-độ. Rõ như Mộng-Đông Thiền-sư nói trong Mộng-Đông Di-Tập quyển thượng : "Dù cho Đạt-Ma tổ-sư hiện ra trước mặt mà nói : Ta có pháp thiền chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật, vậy người hãy bỏ pháp môn Tịnh-độ ấy đi, ta sẽ lấy pháp môn Thiền mà truyền cho, thì chúng ta cũng nên đánh lễ Tổ mà thưa : "Con đã thụ huấn pháp môn Tịnh-độ của đức Thích-Ca trước đây rồi và đã nguyện thọ trì suốt đời không thay đổi. Nên tuy Tổ-sư có đạo Thiền thâm diệu muốn truyền cho con, nhưng con không thể bỏ pháp môn thực tế tự-lực, tha-lực và lời thệ

nguyện của con đực". Phải chăng Mộng-Đông Thiên-sư sau khi suốt thông tư tưởng kinh điển, nhận thấy tu thiền phải trải qua bốn cõi trời thiên, tám cõi trời định và e ngại sẽ bị đắm mình trong trạng thái hỷ lạc ở các cõi thiên định này, rồi không biết ngày nào mới thật sự giác ngộ giải thoát, nên dứt khoát theo pháp môn Tịnh-độ. Pháp môn Tịnh-độ : tâm tịnh thì độ tịnh, Phật hiện tiền. Một khi vãng sanh Cực-Lạc thì không còn rơi rớt vào tam giới luân hồi. Về Cực-Lạc rồi thuận duyên tu tiến mãi đến bất-thối-chuyển thành chánh-giác, chứ không còn tham đắm đọa lạc, trừ phi phát đại nguyện Bồ-Tát trở lại Ta-bà hóa độ chúng sanh. Như hạnh Phổ-Hiền Bồ-Tát ở kinh Hoa-Nghiêm, phẩm Phổ-Hiền : "Bồ-Tát Phổ-Hiền hay ở trong biển khổ phiền não cứu vớt chúng sanh, khiến cho chúng sanh được giải thoát vãng sanh về thế giới Cực-Lạc của đức Phật A-Di-Đà (Năng ư phiền não đại khổ hải trung, bạt tế chúng sanh linh kỳ xuất ly, giai đắc vãng sanh A-Di-Đà Phật Cực-Lạc thế giới)", và nhất là 48 đại nguyện của Phật A-Di-Đà ở kinh Vô-Lượng-Thọ, đặc biệt nguyện thứ 18 : "Khi ta thành Phật, mười phương chúng sanh một lòng ưa muốn sanh về nước ta (Cực-Lạc) cho đến mười niệm nhất tâm, nếu không được sanh, ta thế không thành bậc chánh-giác, trừ phi phạm tội ngũ nghịch, hủy báng chánh-pháp". Đại

nguyện của chư Phật và Bồ-Tát đã khiến cho Mộng-Đông thiên sư phát huy chánh-kiến, với niềm tin kiên cố, dứt khoát bỏ thiền để tu Tịnh-độ.

Ngài Diên-Thọ, tổ thứ sáu của Tịnh-độ-tông, khuyên hành giả nên Thiền - Tịnh song tu, Ngài nói : "Có Thiền mà có Tịnh-độ như cọp mạnh thêm sừng. Hiện đời làm thấy của trời người, đời sau sẽ thành Phật thành Tổ". Sau bao năm thực hành Thiền - Tịnh song tu, tự quán sát thành quả tu hành của mình và căn tánh của chúng sanh, Ngài thiết tha khuyên người đời :

*Có thiền mà không có tịnh,
Mười người tu lạc đến chín,
Ám cảnh nếu đã hiện tiền,
Liên theo đó mà đi lẹ.*

*(Hữu Thiền vô Tịnh-độ,
Thập như cầu sa lộ,
Ám cảnh nhược hiện tiền,
Miết nhi tùy tha khứ).*

Và cuối cùng, trước khi thị tịch, Ngài khuyến cáo đồ chúng :

*Không thiền mà có Tịnh-độ,
Vạn người tu vạn người vãng sanh
Được gần Phật A-Di-Đà,
Còn lo gì không khai ngộ.*

*(Vô thiền hữu Tịnh-độ
Vạn tu vạn nhược khứ,
Nhược đắc Di-Đà-Phật,
Hà sấu bất khai ngộ).*

Có rất nhiều cao tăng thiền đức

lúc đầu phát tâm tu thiền, nhưng sau bỏ Thiền tu Tịnh-độ, trong đó có các đại thiền-sư Giác-Minh Diệu-Hạnh, Thừa-Viễn, Vĩnh-Minh, Phật-Hộ, Diên-Thọ, Thật-Hiển, Triệt-Ngộ, Liên-Trì v.v... là những bậc chánh truyền Thiền-tông sau cùng đều đạt đạo bằng pháp môn niệm Phật và các Ngài đã nỗ lực hoằng dương pháp môn Tịnh-độ.

Người tu có đạt đạo chứng quả vãng sanh Cực-Lạc hay không là do mình có chân thành tha thiết chuyên ròng với việc tu tâm sửa tánh niệm Phật hay không. Như Ngẫu-Ích Đại-sư nói :

*Được vãng sanh cùng chăng,
Tín nguyện có hay không,
Phẩm vị cao cùng thấp,
Tùy niệm Phật cạn sâu.*

Giác-Minh Diệu-Hạnh Bồ-Tát cũng khuyên người nên chuyên tâm một lòng niệm Phật :

*Ít nói một câu chuyện,
Nhiều niệm một câu Phật,
Đánh chết được vọng niệm,
Pháp thân người hiển lộ.*

Chẳng những các bậc tổ sư thiền đức chọn pháp môn Tịnh-độ thực hành và được kiến-tánh thành đạo, mà đến cả những Đại Bồ-Tát cũng tu pháp môn niệm Phật này. Như kinh Hoa-Nghiêm, phẩm Quang-Minh-Giác, ngài Văn-Thù Bồ-Tát đối trước chư Phật nói kệ :

*Khi đi đứng lúc nằm ngồi,
Thường niệm nhớ công đức Phật,
Ngày đêm chớ để tạm quên,
Phải nên siêng tu tập như vậy.*

Càng rõ ràng hơn nữa, ở kinh Văn-Thù, ngài còn tha thiết phát nguyện vãng sanh Cực-Lạc :

*Nguyện khi tôi mạng chung,
Diệt trừ các chướng ngại,
Được diện kiến Di-Đà,
Vãng sanh nước Cực-Lạc.
Sanh về cõi ấy rồi,
Đại nguyện tôi viên mãn,
Đức Di-Đà Như-Lai,
Liên thọ ký cho tôi.*

*(Nguyện ngã mạng chung thời,
Diệt trừ chư chướng ngại,
Diện kiến A-Di-Đà,
Vãng sanh Cực-Lạc quốc,
Sanh bỉ Phật quốc dĩ,
Thành mãn chư đại nguyện,
A-Di-Đà Như-Lai
Hiện tiền thọ ký ngã).*

Kinh Hoa-Nghiêm, phẩm Phổ-Hiền-Hạnh, Bồ-Tát Phổ-Hiền phát nguyện đem công đức tu hành cầu vãng sanh về Tây-phương Cực-Lạc để được thấy Phật A-Di-Đà :

*Nguyện khi tôi sắp lâm chung,
Bao nhiêu nghiệp chướng tận cùng
sạch tiêu,
Mắt tôi thấy Phật Di-Đà,
Liên trong lúc đó sanh qua nước
Ngài.*

*(Nguyễn ngũ lâm dục mạng chung thời,
Tận trừ nhứt thiết chư chương ngại
Diện kiến bỉ Phật A-Di-Đà,
Tức đắc vãng sanh An-Lạc quốc).*

Trong kinh Thủ-Lăng-Nghiêm, chương Đại-Thế-Chí Viên-Thông nói : "Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật, thì hiện tiền đương lai nhất định thấy Phật". Và cũng chính trong kinh này, ngài Đại-Thế-Chí Bồ-Tát trình bày với đức Phật về chỗ sở đắc của mình rằng : "Con nhờ niệm Phật mà chúng được vô-sanh-pháp-nhãn, được về cõi Tịnh-độ, hiện ở đó tiếp dẫn người niệm Phật cầu vãng sanh".

Đức Quán-Thế-Âm Bồ-Tát do chứng được tánh nghe mà đắc nhĩ-căn viên-thông, tánh nghe suốt thông không chướng ngại, rõ biết hoàn cảnh và căn tánh mỗi chúng sanh, Ngài thường hầu bên trái đức Phật A-Di-Đà để trợ duyên cứu giúp chúng sanh.

Kinh Pháp-Hoa, phẩm Tự, cũng khuyên người nên niệm Phật để được nhứt tâm bất loạn, đồng thời gieo hạt giống Phật để thành Phật :

*Nếu người tâm tán loạn,
Vào chùa tháp khởi tâm,
Niệm câu Nam-mô Phật,
Đều đã thành Phật đạo.*

*(Nhược như tán loạn tâm,
Nhập ư tháp miếu trung,
Nhứt niệm Nam-mô Phật,
Giai dĩ thành Phật-đạo).*

Sau bốn mươi chín năm trời ròng rã thuyết pháp giáo hóa, hạnh nguyện độ sanh tự-lợi lợi-tha viên-mãn, trước giờ nhập Niết-Bàn, đức Phật, một lần cuối, đã giải đáp những thắc mắc của đồ chúng và dặn dò những điều cần thiết, đồng thời cũng cho biết nơi an trú của mình, sau khi niết-bàn, như trong kinh Đại-Bát Niết-Bàn, phẩm Ứng-Tận-Hoàn-Nguyên, Ngài nói : "Vô minh không có cội gốc, nên già chết cũng không. Mười phương tất cả pháp đều giải thoát. Nay ta an trú Thường-Tịch-Diệt-Quang gọi là Đại-Bát Niết-Bàn". Thường-Tịch-Diệt-Quang chính là Thường-Tịch-Quang Tịnh-độ nơi đức Phật A-Di-Đà và chư Phật an trú. Vậy Cực-Lạc, Niết-Bàn, Thường-Tịch-Quang Tịnh-độ chỉ là một. Nhưng tuyệt diệu rốt ráo của sự tu Phật là tâm thanh tịnh không phân biệt. Tâm tịnh thì độ tịnh, tức là Cực-Lạc, Niết-Bàn, Thường-Tịch-Quang Tịnh-độ.

Để cho người tu học Phật thật tâm thành thiết cầu giải thoát có được nhận định rõ về sự lợi ích thiết thực và quan trọng của pháp môn Tịnh-độ đối với chúng sanh cầu thánh thiện giải thoát, có hiệu năng không thể nghĩ bàn, chẳng những trong các kinh Đại-thừa Phật giảng nói, mà rõ ràng hơn nữa kinh Quán-Tam-Muội còn ghi : Văn-Thù Sư-Lợi Bồ-Tát dạy rằng : "Trong các pháp môn tu hành, không có pháp môn nào qua pháp môn niệm Phật. Niệm

Phật là vua của các pháp môn". Thế nên các bậc Thiên tổ cổ đức nói : "Tu các pháp môn khác như kiến bò lên núi cao. Tu pháp môn niệm Phật như thuyền buồm thuận gió xuôi nước". Niệm Phật đến nhất tâm bất loạn, tức là niệm Phật tam-muội, đạt chánh định, tâm thanh tịnh rớt ráo, chẳng những minh tâm kiến tánh mà còn được oai thần Phật lực Bồ-Tát hộ niệm, thì không thể nào mà không đạt tâm cảnh hiện tiền Niết-Bàn và mai sau vãng sanh Cực-Lạc.

Người đi phải có chỗ đến. Lữ hành rồi phải có nơi an trú chứ không thể lang thang vô định như mây ngàn khi họp khi tan. Nơi an trú của hành giả Tịnh-độ là cõi Cực-Lạc, đức Phật A-Di-Đà là Giáo-Chủ, có đủ chư Phật Bồ-Tát, và các thượng thiện như Thánh-chúng.

Pháp môn Tịnh-độ là pháp môn thực tế tu hành để có tu là đạt thành sở nguyện, nên dễ khiến cho người đời xem thường. Vì thương chúng sanh tâm thức thường mông lung mơ mộng viễn vông không tưởng, nên các bậc đại Luận-sư như Bồ-Tát Mã-Minh khi làm Luận Đại-Thừa Khởi-Tín, Bồ-Tát Long-Thọ viết Luận Thập-Trụ Tỳ-Bà-Sa, mà đặc biệt nhất là Luận Vãng-Sanh của Thế-Thân Bồ-Tát đều thuyết minh pháp môn Tịnh-độ. Điều này đủ thấy pháp môn Tịnh-độ quan trọng thực tế hiệu năng đối với hành giả trên bước đường thăng hoa giác ngộ

giải thoát đến ngân nào.

Để kết luận, xin dẫn lời đức Phật Thích-Ca nói trong kinh Vô-Lượng-Thọ : "Nếu có chúng sanh nghe danh hiệu Phật A-Di-Đà sanh tâm vui mừng, cho đến một niệm tưởng nhớ, rồi dốc lòng hồi hướng nguyện sanh về nước Cực-Lạc kia, thì như định vãng sanh, trụ bất thối chuyển, ngoại trừ tội ngũ nghịch và hủy báng chánh pháp". Và ở kinh Đại-Tập, đức Thế-Tôn cũng nói : "Đời mạt-pháp ực ực người tu hành, không có được mấy người giải thoát. Chỉ có nương pháp môn niệm Phật mới ra khỏi vòng luân hồi sanh tử".



Quê cũ

Tây-phương cố quốc tảo hồi đầu,
Nhơn mạng vô-thường hô hấp gian,
Hữu hạn quang âm dương thái lịch,
Kim sanh ta quá xuất đầu nan.

Tạm dịch:

Tây-phương cố quốc sớm hồi đầu,
Mạng người hơi thở có bao lâu,
Tất bóng thời gian nên khéo tiếc,
Đời nay chênh mảng, khổ đời sau.

Phật lịch 2539, ngày 5 tháng 6 dương lịch 1995

TUYÊN CÁO

của nguyên **Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất**
(từ năm 1967 đến năm 1973)

Xét rằng: Trong những ngày gần đây, ở nước ngoài có dư luận cho rằng “Tôi đã từ bỏ việc tán trợ phục hoạt GHPGVNTN”, tôi xin minh định lập trường trước sau như một là: Tôi hoàn toàn ủng hộ việc đòi hỏi nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam hãy trả vị trí của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất về lại cho Giáo hội ấy—vì đây là một sự đòi hỏi chính đáng, hợp với lòng người.

Là một tôn giáo lớn như Đạo Phật Việt đã có chiều sâu và bề dày lịch sử 2,000 năm dựng nước và giữ nước; đã xây dựng một nền văn minh Đại Việt rực sáng qua hai triều đại Lý-Trần thế kỷ XI-XIV; đã gây thành nếp sống “dân phong, quốc tục” tốt đẹp mà (xưa nay) người Việt vốn lấy đó làm tự hào là một nước “văn hiến chi bang”, thì *Đạo Phật Việt Nam không thể đặt mình dưới sự chỉ đạo của bất cứ tổ chức chính trị nào*—vì như thế là làm trái với giáo luật do Đức Phật đã chế định; hơn nữa, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất được hình thành là khởi nguồn từ ngọn đuốc Tuệ của Bồ Tát Thích Quảng Đức và các Thánh tử đạo cùng sự đóng góp mồ hôi, nước mắt, sự tù đày cho đến phải hy sinh tính mệnh, hoặc chịu mang thương tật suốt đời... của chư vị Tăng, Ni và đông đảo đồng bào Phật tử mọi giới... là những động cơ thúc đẩy sự thực hiện cuộc Cách Mạng Ngày 1 tháng 11 năm 1963: đập đổ một chế độ độc tài, gia đình trị Ngô Đình Diệm; xé bỏ đạo Dụ số 10 có tính cách kỳ thị tôn giáo—một sản phẩm của thời thực dân đặt ra nhằm khống chế mọi sinh hoạt của Phật Giáo Việt Nam.

Trước sự sụp đổ của khối cộng sản quốc tế, nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam tự thân xét lại những suy tư và việc làm... đã công khai tuyên bố: “Đổi mới tư duy”, “Trở Về Nguồn”, và hô hào “Khép lại quá khứ, quên đi hận thù, cùng nhau đoàn kết hòa giải hòa hợp dân tộc” để toàn dân cùng chung lo xây dựng đất nước mỗi ngày thêm tốt đẹp.

Tôi trân trọng yêu cầu nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam vì sự đoàn kết toàn dân thống nhất *đất nước*, khởi dậy niềm tin đã mất trong cộng đồng dân tộc, thực hiện quyền “Tự do Tín ngưỡng tôn giáo” là hãy để cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất *được sinh hoạt bình thường như trước năm 1975*.

Sa môn Thích Đức Nhuận

(Ấn ký)

TIN TỨC SINH HOẠT CỦA GIÁO HỘI TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HẢI NGOẠI TẠI HOA KỲ TỔ CHỨC BIỂU TÌNH VÀ TUYỆT THỰC TRƯỚC TÒA BẠCH ỐC

Vào ngày 12 tháng 5 năm 1995, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ (GHPGVNTNHN-HK) đã phối hợp với Cộng Đồng người Việt tại miền Đông Bắc Mỹ tổ chức một buổi biểu tình và tuyệt thực trước tòa Bạch Ốc tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn để phản đối việc nhà cầm quyền Hà Nội bắt giữ trái phép chư Tăng Ni và Phật tử thuộc GHPGVNTN đặc biệt là nhị vị Hòa Thượng Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ.

Hiện diện trong buổi biểu tình và tuyệt thực này có quý Hòa thượng Thích Tâm Châu, Thích Hộ Giác, Thích Thắng Hoan, quý Thượng tọa Thích Chơn Điền, Thích Huyền Việt, Thích Minh Ấn, Thích Nguyên Đạt, Thích Quảng Bình, quý Đại Đức Thích Giác Đăng, Thích Nguyên Lạc, Thích Nhật Trí, Thích Tâm Đăng. Cùng với hơn 800 đồng hương và Phật tử tham dự. Đoàn biểu tình và tuyệt thực đã gửi lên Tổng Thống Hoa Kỳ, Ông Bill Clinton, một thỉnh nguyện thư yêu cầu chính phủ Hoa Kỳ can thiệp với chính quyền Cộng Sản Việt nam đòi họ phải tôn trọng tự do tôn giáo, nhân quyền và thả tự do không điều kiện cho các vị lãnh đạo

GHPGVNTN mà trong đó có nhị vị Hòa thượng Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ. Mặc dầu thời tiết hôm ấy mưa và lạnh mọi người đều cảm thấy ấm lòng vì đã làm được một việc đầy ý nghĩa và trọng đại đối với người đồng đạo và đồng bào của mình đang bị thống khổ vì quốc nạn và pháp nạn.

PHÁI ĐOÀN GHPGVNTNHN-HK THAM DỰ CUỘC BIỂU DƯƠNG TINH THẦN TRANH ĐẤU CHO NHÂN QUYỀN, TỰ DO TÍN NGƯỞNG TẠI SAN FRANCISCO NHÂN LỄ KỶ NIỆM 50 NĂM LIÊN HIỆP QUỐC

Ngày 26 tháng 6 năm 1995 phái đoàn GHPGVNTNHN-HK gồm quý Thượng tọa Thích Giác Lượng, Phó Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành kiêm Vụ Trưởng Vụ Xã Hội GHPGVNTNHN-HK, Thượng tọa Thích Nguyên Trí, Vụ Trưởng Vụ Kinh Tế và Tài Chánh, Thượng tọa Thích Viên Lý, Tổng Thư Ký Hội Đồng Điều Hành, quý Đại Đức Thích Chơn Trí, Phó vụ Trưởng vụ Hoàng Pháp, và Đại Đức Thích Thông Đạt. Giáo Hội đã phối hợp cùng với các tổ chức hội đoàn người Việt tại miền Bắc California. Đoàn biểu dương đã trao thỉnh nguyện thư lên Ông Tổng Thống Hoa Kỳ, Bill Clinton, và ông Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc yêu cầu can thiệp với Chính quyền Cộng sản Việt nam để trả tự do tức

khắc cho nhị vị Hòa thượng Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ cùng quý vị lãnh đạo các tôn giáo, các tù nhân chính trị, tù nhân lương tâm khác.

**THƯỢNG TỌA THÍCH TUỆ SĨ ĐÃ BỊ
CHUYỂN RA TRẠI GIAM BA SAO
TẠI BẮC VIỆT**

Nguồn tin của GHPGVNTN tại quê nhà cho hay là Chính quyền Cộng Sản Việt Nam đã âm thầm chuyển Thượng Tọa Thích Tuệ Sĩ ra trại giam Ba Sao tại Bắc Việt sau khi có vụ phản đối chính quyền cố tình che dấu sự thật về tù phạm, nhân phái đoàn Liên Hiệp Quốc đến trại giam A-20 tỉnh Phú Yên vào cuối tháng 10 năm 1995. Tưởng cũng nên nhắc lại rằng Thượng tọa Thích Tuệ Sĩ đã bị Chính quyền Cộng Sản Việt Nam bắt giam vào giữa năm 1984 và đưa ra xử vào cuối năm 1988 tại Sài Gòn với tội danh “âm mưu tổ chức lật đổ chính quyền” bằng bằng án tử hình và sau đó vì sự can thiệp mạnh mẽ của các chính quyền, các quốc hội, các tổ chức nhân quyền và tôn giáo trên thế giới, cũng như tất cả các tổ chức và cộng đồng người Việt Quốc gia tại Hải ngoại, nên bằng án đã được giảm xuống 20 năm tù ở.

**THƯỢNG TỌA THÍCH ĐỒNG THIÊN, TRƯ
TRÌ TU VIỆN NGUYÊN THIỀU, GỬI ĐƠN
XIN CỨU XÉT LÊN CHÍNH QUYỀN CỘNG
SẢN VIỆT NAM TỔ CÁO CHÍNH SÁCH BẤT
NHÂN CỦA CỘNG SẢN ĐỐI VỚI PHẬT GIÁO
VÀ YÊU CẦU NHÀ NƯỚC ĐỂ CHO TỬ ĐỆ
CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH HUYỀN QUANG
ĐƯỢC ĐI THĂM NUÔI NGÀI**

Mãi cho đến nay, sau hơn nửa năm thuyên chuyển nơi giam giữ Hòa Thượng Thích

Huyền Quang, chính quyền Cộng sản vẫn không cho tử đệ của Hòa Thượng tại Tu viện Nguyên Thiều được biết là hiện Ngài đang bị giam giữ ở đâu và tình hình sức khỏe của Ngài ra sao. Không những thế, chính quyền còn hăm dọa những đệ tử của Hòa Thượng và Tăng chúng tại Tu Viện không được có bất cứ sự liên hệ nào với bậc Thầy của họ. Đây là chính sách đi ngược lại truyền thống đạo đức lễ nghi và tôn giáo của dân tộc, những di sản mà bao đời tổ tiên Việt nam đã dày công vun bồi và bảo vệ. Trước sự bạo ngược và phi nhân đó của chính quyền, Thượng tọa Thích Đồng Thiên, Trụ trì Tu Viện Nguyên Thiều, đã gửi liên tiếp hai “Đơn Xin Cứu Xét” lên Đảng, Chính quyền, Mặt Trận Tổ Quốc, Ban Tôn giáo và Công an tỉnh Bình Định vào ngày 16 tháng 01 và 20 tháng 5 năm 1995. Trong đó Thượng tọa đã cực lực phản đối Chính quyền về việc đối xử với Hòa thượng Thích Huyền Quang như một tù phạm trong khi không hề xét xử Ngài một cách công minh lần nào. Đơn xin cứu xét cũng đã phản đối việc chính quyền ngăn cấm các đệ tử của Hòa thượng đi thăm nuôi Ngài. Sau đây là nguyên văn bức thư thứ II (xin lược bớt bức thư thứ I, vì nội dung cũng tương tự như thư thứ II):

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC
ĐƠN XIN CỨU XÉT**

(Về việc xin thăm Hòa Thượng Thích Huyền
Quang)
LẦN THỨ II

Kính gửi:

- Ông chủ tịch UBND tỉnh Bình Định,
- Ông Bí thư đảng ủy tỉnh Bình Định,

— Ông chủ tịch Ủy ban MTTQVN tỉnh Bình Định,

— Ông trưởng ban Tôn giáo và Dân vận tỉnh Bình Định.

Thưa ông chủ tịch,

Tôi ký tên dưới đây là tu sĩ Thích Đồng Thiện, 73 tuổi, hiện trụ trì Tu viện Nguyên Thiều, tại xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Thay mặt cho toàn thể Tăng, Ni và Phật tử trực thuộc Tu viện Nguyên Thiều, xin được trình bày đến ông chủ tịch cùng các cơ quan chức năng trực thuộc chính quyền tỉnh Bình Định một việc như sau, mong ông chủ tịch cùng quý cơ quan cứu xét hợp tình hợp lý:

Thưa ông chủ tịch,

Trong thời gian mấy năm gần đây, các vị cũng đã biết, tình hình Phật giáo nói chung và Phật giáo Bình Định nói riêng, đối với chính quyền đã xảy ra một vài vấn đề khiến cho các vị quan tâm khá nhiều và đã quản thúc, cầm giữ các vị lãnh đạo kỳ cựu của Phật giáo. Đặc biệt là Hòa thượng Huyền Quang, bậc lãnh đạo cao cấp của Phật giáo đã trải qua các thời kỳ thăng trầm của lịch sử dân tộc Việt, và cũng là người có ảnh hưởng trực tiếp đến tinh thần lẫn thể chất của truyền thống Phật giáo Bình Định. Riêng Tu viện chúng tôi là nơi đã được Hòa thượng góp phần chăm sóc, nuôi dạy với bao nhiêu thế hệ Tăng, Ni, Phật tử trưởng thành. Đó là một ân đức lớn lao mà chúng tôi, những người lựa chọn đạo lý làm lẽ sống không thể nào không nhìn nhận.

Thưa ông chủ tịch, cũng do những yếu tố đạo lý như vừa kể trên mà Tu viện chúng tôi những thời gian gần đây dường như mất cả tự do về mặt tinh thần, được ngành công an tỉnh

Bình Định quản lý và quan tâm đặc biệt.

Cuối năm 1994, nhà nước tỉnh Quảng Ngãi đã dời chuyển Hòa thượng Huyền Quang ra khỏi nơi quản thúc ngài là chùa Hội Phước thuộc thị xã Quảng Ngãi. Việc này xảy ra và lập tức Tu viện chúng tôi bị khống chế về việc giao lưu với Quảng Ngãi. Đồng thời người của Tu viện luôn bị ức chế tinh thần do tác động của ngành công an. Chúng tôi không được thông báo là Hòa thượng đã chuyển đến nơi nào, mãi đến khi chúng tôi làm đơn cứu xét về việc xin thăm ngài với sở công an Bình Định, chúng tôi mới được thông báo nơi cầm giữ ngài, kèm với những lời khuyên bảo về luật pháp nhằm nội dung đe nẹt, nghiêm cấm người của Tu viện cùng các vị đệ tử, học trò của Hòa thượng đi Quảng Ngãi để thăm ngài. Nhân đây, chúng tôi xin kính trình bản sao “Đơn xin Cứu xét” mà chúng tôi đã gửi đến sở công an ngày 16/1/1995 (cách đây 5 tháng mà không được xét duyệt—tức đơn xin lần thứ I). Xin ông chủ tịch cùng quý cơ quan cứu xét, tạo điều kiện thế nào cho Tu viện chúng tôi được thường xuyên thăm ngài và chăm sóc sức khỏe, dâng cúng phẩm vật, thuốc men... và các nhu cầu cấp thiết trong lúc tuổi già sức yếu. Trong thực trạng hiện tại, chúng tôi yêu cầu quý cơ quan có chức năng xét cấp cho chúng tôi một giấy chứng nhận được phép thăm tù quản thúc, để chúng tôi có thể thăm Hòa thượng mà không phải bị phiền hà, trở ngại cho cả 2 vấn đề giữa đạo lý và luật pháp.

Thưa ông chủ tịch, chúng tôi thiết nghĩ: Một xã hội nào dẫu cho sa đọa tinh thần, suy vong đạo lý đến đâu cũng không đến nỗi phải buộc con người tuân theo một lối sống phi đạo lý: Trò phản thầy, con bỏ cha... Đạo

nghĩa thông thường mà vô cùng căn bản cho nền văn minh và trật tự xã hội. Hòa thượng Huyền Quang là bậc thầy của nhiều thế hệ Tăng, Ni, Phật tử đã xuất thân từ Tu viện Nguyên Thiều vậy nên lẽ tự nhiên là chúng tôi phải có trách nhiệm thể hiện được đạo nghĩa và tình cảm thầy trò, bằng hình thức sơ đẳng và nhỏ mọn nhất, là chúng tôi phải được thăm ngài dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Chúng tôi cho rằng, Hòa thượng Huyền Quang không phải là trường hợp của một tử tù, hay các loại hình tù tội khác, vì nhà nước chưa phân xử rõ ràng, công minh, thì có lý nào ngài bị khống chế và cô lập đến độ những người thân thích, tử đệ, học trò... không thể tỏ được chút tình hiếu nghĩa. Nay Tu viện chúng tôi làm đơn cứu xét này trình đến ông chủ tịch và quý cơ quan có thẩm quyền xét duyệt cho những yêu cầu chính đáng của chúng tôi. Nếu quý vị không lưu tâm đến nỗi niềm xót xa đạo lý này thì buộc lòng chúng tôi phải nghĩ rằng luật pháp chỉ nhằm phục vụ cho thế lực và cường quyền; và chúng tôi khi đã vượt quá sự ảm nhẫn, đợi chờ trong đau xót thì chúng tôi sẽ phải làm những gì xét thấy hợp lý.

Trân trọng kính chào ông chủ tịch cùng các cơ quan hữu quan. Xin cầu chúc quý vị sức khỏe và đầy đủ công minh.

Tu viện Nguyên Thiều ngày 20/5/1995

Trụ trì: Thích Đồng Thiện

Bản sao kính gửi:

- Ông Giám đốc Sở công an Bình Định
- Giáo hội Phật Giáo tỉnh Bình Định (để kính tri tường)
- Kính trình chư vị Hòa thượng, Tôn Đức Tăng Ni, Phật tử tỉnh Bình Định (để nguyện

cầu Tam Bảo gia hộ).

ĐI THĂM HÒA THƯỢNG HUYỀN QUANG

LTS. Trên mặt công luận quốc tế, chính quyền Cộng sản Việt nam vẫn khoe khoang rằng họ thật sự đang thực hiện chính sách cởi mở, tự do tôn giáo và bình đẳng dân tộc. Kỳ thật đó chỉ là đường lối tuyên truyền cũ kỹ và gian trá từ nửa thế kỷ qua của Đảng và chính quyền Cộng sản mà tất cả người dân Việt nam đều hiểu rõ và thấy rõ. Xin hãy bình tâm đọc lấy một đoạn bút ký sau đây của một cụ già đầy lòng nhiệt thành với Đạo pháp với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất và với Hòa Thượng Thích Huyền Quang, chúng ta sẽ cảm nhận được một cách sâu sắc nỗi bi thống của cơn Pháp nạn hiện nay và chính sách tàn độc của Đảng và chính quyền Cộng sản như thế nào:

Đi thăm Hòa thượng Huyền Quang

Tôi thở phào như trút gánh hàng nặng trăm ký suốt mấy ngày qua khi bước vô nhà. Cô con gái đầu của tôi liền la lên: má về bình an.

Suốt ba ngày liền đầu tôi lúc nào cũng căng thẳng trong chuyến đi thăm Hòa thượng lần đầu liệu lĩnh như vậy. Trước đó, con cái tôi ai cũng cản không cho. Nhưng tôi thì già rồi và cũng là học trò quy y của Thầy lâu năm nữa. Thôi thì thí mạng già thử một chuyến xem sao. Từ Bồng Sơn ra Quảng Ngãi chẳng bao xa, chỉ chừng hai chục cây số. Nhờ một số bạn bè quen biết lâu năm, tôi đến Nghĩa Hành trú đó vài hôm để dò la tin tức và tìm đường. Suốt ba tháng qua, tôi luôn luôn ngóng trông tin tức và hỏi thăm cách nào để đến gặp Ngài.

Nắng tháng năm oi bức làm sao. Đường vào nơi Ngài đang bị giam giữ thì ngoằn ngoèo phải đi bằng xe thô và tốn hơn mười

ngàn đồng. Giữa một đồng ruộng khô khan và quanh hiu, một ngôi nhà rất nhỏ vừa mới cất để quản giam Ngài. Xa xa là những xóm nhỏ vài ba căn nhà tranh nghèo nàn. Cách đây chừng hai cây số là miền núi và cư dân là đồng bào Thượng. Tôi đến đúng vào lúc trời đang đứng bóng. Giờ đó thì công an đang nghỉ trưa.

“Dạ thưa có ai ở nhà không, tôi là người lỡ đường xin một gáo nước uống,; tôi cố nói thật to để công an ở nhà bên cạnh không chú ý.

Cánh cửa mở, Hòa thượng chống gậy bước ra.

“Thầy”, tôi chỉ thốt lên chừng ấy và nước mắt tự đâu tuôn ra trong nghẹn ngào. Tôi không còn nói được thêm một tiếng nào nữa.

“Sao đạo hữu gan quá vậy! Chị dám ra đây. Để tôi mở rộng cánh cửa ra cho công an nó muốn thấy thì nó thấy. Mời đạo hữu vào.”

“Thầy có được khỏe không?”

“Mấy tháng trước bịnh, trong tháng này thì cũng đỡ. Tháng sau thì chưa biết ra sao.”

“Sống ở đây Thầy thấy có buồn không?”

“Cả một Giáo hội đang bị dập vùi còn buồn hơn. Ở đây đồng khô cỏ cháy, người thì cũng có năm ba, nhưng họ là kẻ cai ngục còn tôi là tù nhân thì làm sao mà có thể thân thiện được.”

“Nếu Tu viện Nguyên Thiều làm đơn xin Thầy về đó sống thì Thầy có bằng lòng không?”

“Không. Tu viện chưa bao giờ làm đơn xin Bộ Nội Vụ và Ban Tôn Giáo cho tôi ra chùa Hội Phước cũng như ở xã Nghĩa Hành này để sống thì tại sao Tu viện phải xin đơn để tôi được về đó. Ý kiến này ban tôn giáo cũng nhiều lần hỏi tôi như vậy gần đây. Tôi trả lời

dứt khoát, bất tôi ở đâu thì phải trả về ở đó. Phải nói rõ lý do bất bằng văn thư. Nếu tôi có tội thì phải đưa ra tòa xét xử công khai. Tôi hoàn toàn chịu tội. Còn không thì phải có văn thư xin lỗi đường hoàng về lỗi lầm của chính sách nhà nước đối với Phật giáo trong đó có bản thân tôi!”

“Lúc ở Hội Phước, họ nói sao mà Thầy ra xe đi. Nếu Thầy không đi thì họ làm gì.”

“Hai trong số người công an kẹp nách tôi và lôi tôi ra xe. Mấy người kia mất lườm lườm. Nếu tôi có chống cự họ thì chống bằng lý trí để mang lại sự bình an cho đất nước và Đạo pháp, chứ già này đâu có kháng cự họ bằng tay chân.”

“Đồ đạc của Thầy, họ tịch thu họ có trả không?”

“Có trả lại cái giường, bàn nhỏ, một ít đồ lặt vặt.”

“Còn tài liệu và con dấu của Viện Hóa Đạo thì sao?”

“Họ còn lấy luôn cả hộp thu băng tin tức nghe đài VOA, BBC, Chân Trời Mới, mấy cuộn băng thu nghi lễ họ cũng lấy luôn.”

“Thưa Thầy, vậy thì tiền bạc họ có lấy không?”

“Sau khi bắt họ nói họ gửi lên chùa Từ Quang. Tôi lúc đó có khoảng ba ngàn đô la Mỹ do các nơi gửi về để lo cho Giáo hội, họ lấy hết. Tôi có hỏi chùa Từ Quang về vụ này, thì biết là họ không giao cho chùa Từ Quang.”

“Thưa Thầy, sao Thầy không làm đơn khiếu nại, hơn sáu tháng rồi mà họ không trả lại. Với số tiền lớn như vậy, Thầy có thể xoay sở thuốc men, thức ăn trong lúc này.”

“Thôi, coi như tan nát hết.”

“Con có đi Sài Gòn, khi ghé lại nhà đạo

hữu Đổng Ngọc, người nhà cho biết là lúc tới bắt đạo hữu, công an tịch thu hơn năm ngàn Mỹ kim và một số Úc kim nữa. Tiền này đạo hữu đi mượn ứng trước để lo việc cứu trợ nạn lụt.”

“Tan nát hết. Nhưng tôi tin tưởng nhiều ở chư Phật, chư vị Thánh Tử Đạo. Thôi đạo hữu đi về đi, đến đây đã gần nửa giờ rồi. Công an cấm tôi không được tiếp xúc với bất cứ một ai. Trước kia thì sáu người túc trực. Bây giờ còn lại bốn hoặc hai. Đôi khi đột xuất, huyện chở cả xe công an xuống và cấm tôi không được ra khỏi phòng này.”

Thầy lo ngại cho tôi và Thầy chống gậy bước ra khỏi nhà. Tôi đã nghĩ sẵn trong đầu, nếu công an bước sang đuổi thì mình đi và họ hỏi gì thì tôi trả lời ông già này đang bị đau nhức nơi chân, ông hỏi thăm tôi ở đâu có bán dầu nóng và uống loại thuốc nam nào cho mau khỏi. Đầu tôi vừa suy nghĩ để ứng phó với công an vừa lục thức ăn trong căn phòng của Thầy. Tôi muốn biết Thầy sống hằng ngày ra làm sao. Một căn phòng chật chội bao gồm cả nhà bếp và nhà tắm. Hai trái xoài và một ít bột nơi bàn ăn. Chỉ chừng ấy. Không biết Thầy phải làm sao giặt giũ và nấu ăn với sức khỏe suy yếu cỡ này. Thầy có còn đủ sức để kéo nước từ dưới giếng lên không.

“Thôi, đạo hữu đi về đi chứ mấy người công an đang nhìn qua kia. Tôi quen tù đày rồi cũng như người đang bị lửa đốt thêm muối mòng cắn chút nữa cũng chẳng sao. Còn đạo hữu thì khác. À, đạo hữu có hay tin gì về thầy Quảng Độ không?”

“Dạ thưa Thầy không. Có người bảo đang nhốt ở Sài Gòn, cũng có người cho là đưa về Bắc rồi.”

“Cầu xin cho Thầy được bình an. Số tôi thì

lao lý, còn Thầy thì dày ải. Cả hai cùng là Thầy Tu và thêm huyền cả một đời.”

“Thưa Thầy, nhà này nhà nước mới cất?”

“Ừ. Họ cất trong vòng hai mươi ngày. Từ ngày mồng chín tháng chạp đến hai mươi bảy là xong. Ngày hai mươi tám họ đưa tôi vô phòng này. Trước đó thì ở bên kia. Hiện giờ tôi có hai người thị giả, có khi bốn người và có khi tới hơn chục người. Người nào cũng lắm liệt với súng ống đầy mình. Tu và tù đều sướng cả. Tôi không sao đâu đạo hữu. Đạo hữu về trong ấy, cho tôi gửi lời thăm tất cả nội ngoại hai bên. Chuyện đạo pháp, chuyện Giáo hội, chuyện Quê hương còn ngút ngàn nói sao cho hết. Thôi đạo hữu về đi. Họ đang đứng bên kia dòm qua kia.

Tôi đứng dậy lạy Thầy và ra đi. Thầy ngồi lặng im trong giây lát và Thầy không quên đưa tiền tôi bằng một lời nhủ: “Xin đạo hữu bình tĩnh và nhậm lệ trả lời khi bị họ giữ lại.”

Tôi làm bộ thông thả đi ra mà ruột gan rã rời phần vì sợ bắt, phần thì xót đau.

Hai người công an mặc thường phục thấy tôi và hỏi đi đâu vô đó. Tôi cười và bảo rằng nước ở giếng này ngọt quá đầy các chú. Trời nắng gắt, bác mệt lả người mà mới uống vô là khỏe hẳn liền vậy. Tôi vừa nói, vừa đi vừa niệm Phật. Tôi đi ra xa gần một cây số mới dám ngoảnh đầu quay mặt lại. Một căn nhà nhỏ ở giữa đồng khô quạnh hiu. Một vị Hòa thượng già tuổi gần tám mươi đang bị quản thúc, không một ai được lui tới. Hỏi mấy ông giặc cộng, sao mà các ông hung ác vậy. Các ông tử hình một ông thầy tu già không bằng phát súng mà bằng cách kéo lê thê cuộc sống quạnh hiu, bệnh tật và đầy hăm dọa.

Nếu Thầy có mệnh hệ gì thì có ai hay biết gì đâu. Lạy Phật!

Bình Định ngày 15 tháng 6 năm 1995

Hồng Tâm

**NHÀ NƯỚC CỘNG SẢN VIỆT NAM TỰ PHỐI
BÀY BẢN CHẤT THÂM ĐỘC ĐỐI VỚI GIÁO
HỘI NHÀ NƯỚC TRONG DỊP ĐẠI LỄ
PHẬT ĐẢN PHẬT LỊCH 2539 VỪA QUA**

Nguồn tin của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại quê nhà cho hay là vào dịp Đại lễ Phật Đản Phật lịch 2539, trong khi Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Chủ tịch Hội Đồng Trị Sự Trung Ương Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam ra Thông bạch cho các cấp Giáo Hội tổ chức Đại lễ thật long trọng để biểu dương thanh thế của Giáo Hội Nhà nước vốn lâu nay bị chư Tăng Ni và đồng bào Phật tử tẩy chay, thông tư yêu cầu các cấp Giáo Hội làm xe hoa và treo cờ Phật giáo tại các tư gia, ngược lại Ban Tôn Giáo Chính Phủ đã ra một chỉ thị mật số 146HD/TGCP đề ngày 17

tháng 4 năm 1995 nhằm chỉ thị cho các chính quyền thuyết phục các cấp Giáo Hội không treo cờ Phật giáo tại các tư gia và không làm xe hoa. Đây quả nhiên là một sách lược triệt hạ cờ Phật giáo dưới một phương thức thâm độc và tinh vi, thay vì ra lệnh cấm treo cờ Phật giáo thì lại ra chỉ thị cho các cấp chính quyền “thuyết phục” mà thôi. Nhưng dưới chế độ Xã Hội Chủ nghĩa và Công an trị thì “thuyết phục” hay ra lệnh thật ra chẳng khác gì nhau cả. Ấy thế mà trong Thông cáo số 277/TB-THPG đề ngày 26 tháng 4 năm 1995, Thượng tọa Thích Trí Quảng, Trưởng Ban Hoàng Pháp Trung Ương GHPGVN kiêm Phó Ban Thường Trực Thành Hội thành phố Hồ Chí Minh và kiêm Tổng Biên Tập báo Giác Ngộ đã tiếp tay với Ban Tôn Giáo Chính phủ và Chính quyền cấm không cho treo cờ Phật giáo tại các tư gia. ■

Ước Ước Hoa Khai

Hòa-Thượng Thích-Thiện-Thanh đã viên tịch vào ngày 18 tháng 7 năm 1995, hưởng thọ 61 tuổi, Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất Hải-Ngoại Tại Hoa-Kỳ và Văn-Phòng II Viện-Hóa-Đạo dưới sự hướng dẫn của Hòa-Thượng Thích-Đức-Niệm và Hòa-Thượng Thích-Giác-Nhiên đã đến hiến hoa và cầu nguyện Giác-linh Hòa-Thượng Thích-Thiện-Thanh cao đăng Phật-quốc, đấng A-Di-Đà Phật thọ kỳ, thế nhập đại nguyện, hồi quang Ta-Bà phổ độ chúng sanh.

Hội-Đông Đại-Điền Giáo-Hội PGVNTH Hải-Ngoại tại Hoa-Kỳ
và Văn-Phòng II Viện-Hóa-Đạo
Đại-Điền HÒA-THƯỢNG THÍCH-ĐỨC-NIỆM

TRI ÂN

*Phương danh Chư Tôn Đức và Quý Phật-tử ủng hộ
Tập Chí Phật Giáo Hải Ngoại.*

- H.T. Thích-Thắng-Hoan	\$100.00
- H.T. Thích-Trí-Chơn	\$300.00
- T.T. Thích-Tín-Nghĩa	\$100.00
- T.T. Thích-Nguyên-An	\$100.00
- T.T. Thích-Viên-Lý	\$163.00
- Đ.Đ. Thích-Tâm-Quang	\$50.00
- Chùa Quang Minh	\$200.00
- Phật-Học-Viện Quốc-Tế	\$500.00
Pt. Bốn Nơn & Bốn Thiện	\$100.00
Pt. Diệu Hoa Thọ	\$50.00
Pt. Nguyễn-Kim-Hoa Pd. Quảng Liên	\$50.00
Pt. Phúc Hải & Diệu Hòa	\$50.00
Pt. Huỳnh-Tấn-Lê	\$200.00
Pt. Thanh Chánh	\$50.00
Pt. Hàng-Điện-Nguyên Pd. Kiến Thanh	\$50.00
Pt. Diệu Hỷ & Diệu Hiếu & Diệu Hiền	\$30.00
Pt. Thanh Ngọc	\$50.00
Pt. Trần-Thị-Hạ Pd. Diệu Hòa	\$50.00
Pt. Trần-T-Thu-Sinh Pd. Diệu Xuân	\$100.00
Pt. Thắng Tín	\$20.00
Pt. Quách-Hoa-Anh	\$20.00
Pt. Phạm Thăng	\$20.00
Pt. Diệu Thanh	\$20.00
Pt. Diệu Chơn	\$20.00
Pt. Hoa Thiện	\$20.00
Pt. Phú Võ	\$20.00
Pt. Nguyễn-T-Ngọc-Lan Pd. Diệu Hoa	\$50.00
Pt. Châu-Thanh Nguyễn & Bích Lan	\$30.00
Pt. Phan-Thị-Việt Pd. Tâm Danh	\$50.00
Pt. Phạm Thuần	\$20.00
Pt. Nguyễn-Quang-Đông Pd. Quảng Thức	\$20.00
Pt. Hạnh Đức	\$50.00
Pt. Lynn-H-Lee	\$20.00
Pt. Vũ-Thị-Bé	\$10.00
Pt. Trần-Quốc-Thái	\$5.00
Pt. Võ-Thị-Đối	\$10.00
Pt. Hồ-Thị-Múi	\$30.00
Pt. Trần-Ngọc-Anh	\$45.00
Pt. Chơn Quán	\$20.00
Pt. Diệu Hòa & Diệu Lý & Minh Đức	\$10.00

NHỮNG KINH SÁCH DO PHẬT-HỌC-VIỆN QUỐC-TẾ XUẤT-BẢN
(The Publication of P.H.V.Q.T. available for distribution and voluntary donation)

BẢN MỤC LỤC THÁNG 8 - 1995

Kinh Hoa Nghiêm (Trọn bộ 8 quyển - bìa dày)	Thích Trí Tịnh ... mỗi quyển	\$12.00
Kinh Nhứt Tụng	(Tụng Niệm hằng ngày)	\$11.00
Kinh Nghi Thức Tụng Niệm	(Thống Nhất cỡ nhỏ)	\$7.50
Kinh Nghi Thức Hồng Danh Sám Hối (Nghĩa)	Thích Đức Niệm soạn	\$2.00
Kinh Nghi Thức Tụng A-Di-Đà & Phổ Môn	Thích Đức Niệm soạn	\$4.00
Kinh A Di Đà Và Quán Vô Lượng Thọ	Thích Thiện Tâm	\$6.00
Kinh A Di Đà Sở Sao	Thích Hành Trụ	\$10.00
Kinh A Nan Vấn Phật Sự Phật Cát Hung	Thích Đức Niệm dịch giải	\$7.00
Kinh Bát Đại Nhân Giác	Thích Thanh Từ	\$5.00
Kinh Bảo Tích	Thích Đức Niệm dịch	\$7.00
Kinh Bách Dụ (Anh-Hán).....	\$5.00
Kinh Dược Sư	Thích Huyền Dung	\$4.00
Kinh Dược Sư Giảng Giải	Thiều Chửu	\$5.00
Kinh Duy Ma Cát	Thích Huệ Hưng	\$5.00
Kinh Đại Bát Nhã (Trọn bộ 3 quyển - bìa dày)	Thích Trí Tịnh	\$36.00
Kinh Đại Bát Niết Bàn (Trọn bộ 3 quyển - bìa dày)	Thích Trí Tịnh	\$42.00
Kinh Địa Tạng Nghĩa (Bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Tịnh	\$9.00
Kinh Địa Tạng Mật Nghĩa	Chánh Trí	\$6.00
Kinh Hiền Ngu	Thích Trung Quán	\$8.00
Kinh Kim Cang	Thích Thiện Hoa	\$6.00
Kinh Kim Cang Giảng Lục	Thái Hư Đại Sư	\$5.00
Kinh Lăng Già Tâm An	Thích Thanh Từ dịch	\$9.00
Kinh Lương Hoàng Sám (Bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Quang	\$12.00
Kinh Mục Liên Sám Pháp	Thích Quảng Độ	\$7.00
Kinh Pháp Cú	Thích Trí Đức	\$4.00
Kinh Pháp Hoa (Bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Tịnh	\$12.00
Kinh Pháp Bảo Đàn (Bìa dày mạ vàng)	Thích Minh Trực	\$7.00
Kinh Phổ Môn Giảng Lục	Thích Trí Nghiêm	\$8.50
Kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyên (Việt-Anh - bìa dày)	Thích Trí Tịnh	\$7.00
Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới	Thích Trí Tịnh dịch	\$4.00
Kinh Tam Thiên Phật Danh	Ấn Tích Thiền Sư	\$9.00
Kinh Tam Bảo (Âm Nghĩa - Bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Tịnh	\$9.00
Kinh Thủ Lăng Nghiêm (Trọn bộ 2 quyển - bìa dày) .	Cư Sĩ Tâm Minh	\$30.00
Kinh Thủy Sám (Bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Quang dịch	\$9.00
Kinh Thắng Man Nhứt Thừa Đại Phương Tiện.....	Thích Đức Niệm dịch	\$8.00
Kinh Trường A Hàm	Thích Thiện Siêu	\$8.00
Kinh Thiện Ác Nhân Quả	Thích Trung Quán	\$4.00
Kinh Vị Tàng Hữu Thuyết Nhân Duyên	Thích Hành Trụ dịch	\$5.00
Kinh Viên Giác	\$3.00
Ánh Đạo Vàng	Vô Đình Cường	\$5.00
Ba Ngàn Năm Một Kiếp Luân Hồi	Thích Tâm Quang	\$8.00
Bồ Đề Đạt Ma Quán Tâm Pháp	Bồ Đề Đạt Ma	\$8.00
Biện Minh Tu Chứng	Thích Trung Quán	\$5.00
Bước Đầu Học Phật	Thích Thanh Từ	\$7.00
Câu Xá Luận Cương Yếu	Thích Đức Niệm	\$6.00
Câu Chuyện Dòng Sông	Phùng Khánh	\$5.00
Các Tông Phái Của Đạo Phật	Tuệ Sĩ	\$9.00
Con Người Siêu Việt (Milarepa)	Đỗ Đình Đồng dịch	\$6.00
Cốt Tủy Nghi Lễ Phật Giáo	Thích Tín Nghĩa phụng soạn	\$10.00
Cốt Tủy Đạo Phật	Trúc Thiên	\$5.00
Cuộc Đời Đức Phật (Anh-Việt)	Thích Trí Chơn	\$7.00
Cửa Thiền Dính Bụi	Huỳnh Trung Chánh	\$7.00
Cửa Thiền Vắn Mở	Diệu Nga	\$8.00
Chìa Khóa Học Phật	Thích Thanh Từ	\$5.00
Chư Thiên Đức Hành Trạng (Trọn bộ 2 quyển)	Thích Thanh Từ	\$16.00
Chú Lăng Nghiêm - Thập Chú (bìa dày loại bỏ túi)	\$2.00

2	Chứng Đạo Ca	Huyền Giác Thiền Sư	\$5.00
	Duy Thức Nhập Môn	Thích Thiện Hoa	\$4.00
	Đại Cương Triết Học Phật Giáo	Thích Đạo Quang	\$6.00
	Đại Thừa Phật Giáo Tư Tưởng Luận (Bìa dày).....	Thích Quảng Độ	\$12.00
	Đại Thừa Phật Giáo Tư Tưởng Luận	Thích Quảng Độ	\$8.00
	Đại Thừa Khởi Tín Luận	Thích Thiện Hoa	\$6.00
	Đạt Ma Huyền Trang	Thích Tín Nghĩa	\$7.00
	Đạo Phật Với Tuổi Trẻ	Thích Thanh Từ	\$5.00
	Đạo Phật Và Đời Sống Hiện Đại	Thích Tâm Quang	\$5.00
	Để Hiểu Đạo Phật	Phương Bối	\$5.00
	Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn	Thiền Sư Huệ Hải	\$4.00
	Đức Phật và Phật Pháp (Bìa dày)	Phạm Kim Khánh	\$12.00
	The Buddha And His Teachings	Đại Đức Narada	\$8.00
	Đường Vào Ánh Sáng Đạo Phật	Tịnh Mặc	\$4.00
	Hai Ngàn Năm Việt Nam & Phật Giáo	Lý Khôi Việt	\$7.00
	25 Bài Thuyết Pháp Của Thái Hư Đại Sư	Thích Khánh Anh dịch	\$8.00
	Hoa Nghiêm Nguyên Nhân Luận	Thích Khánh Anh dịch	\$6.50
	Hiển Mật Viên Thông	Thích Viên Đức dịch	\$5.00
	Huyền Học Đạo Phật Và Thiên Chúa	D.T. Suzuki	\$6.00
	Huyền Trang (Việt-Anh)	Thích Minh Châu	\$9.00
	Huyền Luận Về Kinh Diệu Pháp Liên Hoa	Thái Hư Đại Sư	\$4.00
	Lãng Nghiêm Đại Định	Thích Huệ Hưng	\$2.00
	Lịch Sử Gia Đình Phật Tử Việt Nam	Kiểm Đạt	\$5.00
	Liễu Sanh Thoát Tử	Thích Quang Phú	\$4.00
	Lược Truyện Tiên Thân Đức Phật	Thích Đức Niệm	\$4.00
	Luật Sa Di và Sa Di Ni	Thích Trí Quang	\$10.00
	Luật Sa Di Giải	Thích Hành Trụ dịch	\$7.00
	Luận Đại Trí Độ (Trọn bộ 9 quyển)	Thích Trung Quán ... mỗi quyển	\$8.00
	50 Năm Chấn Hưng Phật Giáo	Thích Thiện Hoa	\$8.00
	Niệm Phật Thập Yếu	Thích Thiền Tâm	\$7.00
	Buddhism Of Wisdom And Faith	\$8.00
	Niệm Phật Viên Đốn	Minh Lê	\$6.00
	Nét Đẹp Đông Phương (Trọn bộ 3 quyển)	Thích Nữ Thể Quán ... mỗi quyển	\$4.00
	Nẻo Vào Thiền Học	Nhất Hạnh	\$7.00
	Ngài Huệ Năng	Thích Trí Quang	\$6.00
	Nguyên Thủy Phật Giáo Tư Tưởng Luận (Bìa dày) ...	Thích Quảng Độ	\$12.00
	Người Đẹp Và Bóng Hạnh Phúc	Cát Tường và Thể Quán	\$3.00
	Nhân Quả Nghiệp Và Luân Hồi	Thích Thiện Hoa	\$4.00
	Nhị Khóa Hiệp Giải	Thích Khánh Anh	\$10.00
	Như Thế Mà Trời	Huỳnh Trung Chánh	\$7.00
	Những Chuyện Luân Hồi Hiện Đại	Thích Tâm Quang	\$8.00
	Phật Học Phổ Thông (Trọn bộ 10 quyển - 12 khóa)	Thích Thiện Hoa ... mỗi quyển	\$5.00
	Phật Học Tư Điển (Trọn bộ 3 quyển)	Đoàn Trung Còn	\$63.00
	Phật Học Tinh Yếu (Trọn bộ 3 quyển)	Thích Thiền Tâm	\$20.00
	Phật Học Tinh Hoa	Thích Đức Nhuận	\$8.00
	Phật Pháp Yếu Nghĩa	Thích Đức Niệm	\$6.00
	Phật Pháp (Chương trình gia đình Phật tử)	Minh Châu, Thiên Ân, Chơn Trí, Đức Tâm	\$7.00
	Phật Pháp Con Đường Giải Thoát	Jagdish Kasyapa	\$5.00
	Phật Và Thánh Chúng	Cao Hữu Đỉnh	\$6.00
	Phật Giáo Chánh Tín	Thích Trí Nghiêm	\$6.00
	Phật Giáo Vấn Đáp (Việt-Anh)	Thích Trí Chơn dịch	\$6.00
	Phật Giáo Việt Nam 1963	Quốc Tuệ	\$15.00
	Phật Giáo Việt Nam và Hướng Đi Nhân Bản	Trần Thạc Đức	\$5.00
	Phật Giáo Với Văn Minh Âu Tây	Bác Sĩ Migot	\$4.00
	Phật Giáo Hòa Bình Thế Giới và Chiến Tranh ...	Thích Trí Chơn	\$3.00
	Pháp Hoa Huyền Nghĩa	Chánh Trí	\$8.00
	Pháp Môn Tịnh Độ	Thích Trí Thủ	\$6.00
	Pháp Ngữ Lục	Thích Đức Niệm	\$6.00
	Phương Pháp Cải Đổi Vận Mạng	Thích Đức Niệm	\$5.00

Quê Hương Cực Lạc	Thích Thiền Tâm	\$4.00
Quán Âm Thị Kính	Thiền Chử chú giải	\$6.00
Qui Sơn Cảnh Sách	Tổ Qui Sơn	\$4.00
Sám Dược Sư - (kinh tụng)	Thích Trí Quang	\$4.00
Sáu Cửa Thiền Thất	Trúc Thiền	\$6.00
Sống Thiền	Trí Hải dịch	\$5.50
Sự Tích Phật A Di Đà, Chư Bồ Tát và Tổ Sư	\$9.00
Tại Gia Bồ Tát Giới	Thích Đức Niệm soạn dịch	\$3.00
Tài Liệu Nghiên Cứu Và Diễn Giảng	Thích Thiện Hoa	\$7.00
Tâm Kinh	Thích Thanh Từ	\$5.00
Tín Tâm Minh	Tam Tổ Tăng Xán	\$3.00
Tình Người	Tâm Quán	\$5.00
Tịnh Độ Thập Nghi Luận	Thích Thiền Tâm	\$4.00
Pure Land Buddhism	Thích Thiền Tâm	\$7.00
Tịnh Độ Đại Thừa Tư Tưởng Luận	Thích Đức Niệm soạn dịch	\$6.00
Tiểu Thừa Phật Giáo Tư Tưởng Luận (Bìa dày)...	Thích Quảng Độ	\$14.00
Tổ Thiền Tông	Thích Thanh Từ	\$6.00
Toạ Thiền Tam Muội	Thích Thanh Từ	\$4.00
Tư Tưởng Phật Học	Trí Hải dịch	\$5.00
What The Buddha Taught	Đại Đức Rahula	\$4.00
Tư Tưởng Xã Hội Trong Kinh Văn Tiểu Thừa	Thích Chơn Trí	\$8.00
Thầy Tăng Mở Nước	Nguyễn Quỳnh	\$6.00
Thế Giới Quan Phật Giáo	Thích Mật Thể	\$4.00
Thử Hòa Diệu Sống	Vô Đỉnh Cường	\$5.00
Thiền Căn Bản	Thích Thanh Từ	\$5.00
Thiền Đạo Tu Tập (Bìa dày)	Như Hạnh dịch	\$12.00
Thiền Học Việt Nam	Nguyễn Đăng Thục	\$7.00
Thiền Học Trần Thái Tông (Bìa dày)	Nguyễn Đăng Thục	\$12.00
Thiền Và Phân Tâm Học (Bìa dày)	D.T. Suzuki	\$12.00
Thiền Luận (Trọn bộ 3 quyển - Bìa dày)	D.T. Suzuki	\$40.00
Triết Lý Thủ Lăng Nghiêm	Thích Thiện Hoa	\$6.00
Triết Học Phật Giáo	Phan Văn Hùm	\$5.00
The Teaching Of Buddha.....	\$8.00
THE STORY OF BUDDHA (có phụ hình ảnh đẹp)	\$5.00
Truyện Cổ Phật Giáo (Trọn bộ 3 quyển)	Thích Minh Chiếu ... mỗi quyển	\$4.50
Trực Chỉ Chơn Tâm	D.T. Suzuki	\$6.00
Trao Cho Thời Đại Một Nội Dung Phật Chất (Việt-Anh)..	Thích Đức Nhuận	\$4.00
Vãng Sanh Luận	Nhất Chơn dịch	\$9.00
Văn Tế Thập Loại Chúng Sanh	Hoàng Xuân Hãn chú thích	\$5.00
Vấn Đề Nhận Thức Trong Duy Thức Học	Nhất Hạnh	\$5.00
Vài Nét Chính Luân Lý Phật Giáo	Thích Thanh Từ	\$5.00
Việt Nam Phật Giáo Sử Lược	Thích Mật Thể	\$6.50
Vết Nhạ Lưng Trời	Huỳnh Trung Chánh	\$7.00
Xuân Trong Cửa Thiền (Trọn bộ 2 quyển)	Thích Thanh Từ mỗi tập	\$5.00
Em Mơ Người Hoang Đảo	Thích Nữ Thể Quán	\$4.00
* Cờ Phật Giáo bằng giấy (10 x 17 inches)	(mỗi lá cờ)	\$0.95

NHỮNG PHẬT CỤ CẦN THIẾT CHO HÀNH GIẢ

Áo tràng lễ màu lam (đủ cỡ lớn nhỏ, gọn đẹp, trang nghiêm)	\$36.00	
Chuối Bồ-Đề Minh-Nguyệt, Chuối Trầm 108 hạt, mỗi xâu \$9.00 — Chuối đeo tay	\$4.50	
Chuông Mõ gia trì 16 inches và 23 inches cho các Chùa Viện hành trì	
Chuông—Mõ cỡ lớn 5 inches,	\$86.00	
Chuông—Mõ cỡ nhỏ 4 inches	\$70.00	
Băng Nhạc Phật Giáo ... mỗi băng	\$6.00 *** Băng Thuyết Pháp	\$1.50
Tấm Đà-La-Ni đắp người lâm chung (loại thường)	\$46.00
Tấm Đà-La-Ni đắp người lâm chung (loại hoa sen)	\$95.00
Khánh Dẫn Lễ	\$40.00

VÀI NÉT VỀ PHẬT-HỌC-VIỆN QUỐC-TẾ

Phật-Học-Viện Quốc-Tế thành lập trong tâm nguyện đào tạo nhân tài chân tu thật học để phụng sự chánh pháp, duy trì và phát triển văn hóa đạo đức truyền thống của tổ tiên dân tộc. Với mục đích trên, trong suốt hơn mười năm qua cũng như hiện nay, dù gặp phải bao khó khăn, Phật-Học-Viện vẫn không ngừng thực hiện tâm nguyện của mình. Song song với việc đào tạo nhân tài, hoằng pháp lợi sanh, Phật-Học-Viện còn cố gắng in hàng trăm ngàn kinh sách giá trị để cung cấp khắp nơi, nhất là các trại ty nạn và gửi về kính tặng các chùa ở Việt-Nam.

Ngoài ra, giảng sư Phật-Học-Viện cũng đã liên tục đi hoằng pháp khắp đó đây, trong cũng như ngoài Hoa-Kỳ, nơi nào có chùa, hội hay cộng đồng Phật-tử thỉnh mời thuyết pháp, thì giảng sư Phật-Học-Viện đến tận nơi, chân tình hướng dẫn tu tập đúng như chánh pháp. Nơi nào cần, chúng tôi đến ; hết cần, chúng tôi đi. Đến đi như gió thoảng cành trúc, nhận qua mặt hồ, không ý đồ thanh thế lợi danh, không vướng bận ân tình thân sơ.

Cánh cửa Phật-Học-Viện luôn luôn rộng mở tiếp đón những người có tâm thành chánh tín cầu tu học đạo giác ngộ. Kinh sách Phật-Học-Viện phổ cập khắp bốn phương. Con người Phật-Học-Viện lúc nào cũng trải rộng tình thương, kiên tâm vững chí với lý tưởng phục vụ văn hóa đạo pháp và dân tộc xứ sở.

Chương trình tu học của Phật-Học-Viện đúng như quy cũ thiền môn. Tăng ni sinh sáng chiều kinh kệ, bái sám, tham thiền, phát nguyện sống đời thanh tịnh trong tinh thần Lục hòa, chan chứa tình huynh đệ, tạo nguồn an lạc để phục vụ nhân sinh.

Mỗi đầu tháng có tổ chức khóa tu Tịnh-Nghiệp cho những người nhiếp tâm chánh niệm cầu sanh Cực-Lạc. Hằng tháng Bố-Tát hai lần. Đặc biệt mỗi sáng chủ nhật, lúc 6 giờ trời còn mờ sương, Phật-tử từ các phương vân tập về Phật-Học-Viện thành tâm lễ Sám-Hồng-Danh với sự hướng dẫn của chư Tăng Ni. Tiếp theo nghe thầy giảng kinh, sau đó ra vườn công quả. Đến 11 giờ cùng nhau quá đường thọ trai, kính hành niệm Phật. Mỗi chiều chủ nhật vào lúc 2 giờ rưỡi, Phật-Học-Viện cử hành lễ cầu nguyện cho thập phương bá tánh, sau đó thuyết pháp và giải đáp tường tận những chỗ nghi ngờ của những Phật tử có tâm cầu hiểu đạo.

Từ năm 1991 đến nay, Phật-Học-Viện đã in kinh sách gửi cúng dường các chùa khắp ba miền Nam Trung Bắc Việt-Nam, gồm có: Mười ngàn bộ kinh Pháp-Hoa ; các kinh Địa-Tạng, Thủy-Sám, Lương-Hoàng-Sám, kinh Dược-Sư, kinh Nhứt-Tụng, Nghi-Thức Tụng-Niệm mỗi loại hai ngàn. Một ngàn bộ kinh Đại-Bửu-Tích, mỗi bộ gồm 9 quyển, mỗi quyển dày như kinh Pháp-Hoa. Tất cả đều đóng bìa dày mạ vàng. Ngoài ra còn in bảy trăm bộ Phật-Học-Phổ-Thông bìa dày cúng dường cho các Phật-Học-Viện làm tư liệu tu học cho Tăng Ni sinh.

Khi tâm thần bất an, đọc kinh sách sẽ thấy lòng thanh thản an vui, cũng là dịp để gần gũi với tư tưởng thánh hiền. Đọc kinh sách là phương cách tốt nhất để an định tâm thần, mở mang trí tuệ, thánh thiện hóa thân tâm, sống gần đạo giác ngộ. Chùa viện, gia đình nên có tủ kinh sách để làm phương tiện xây dựng hạnh phúc thánh thiện cho mình và con cháu. Tiền tài không còn mãi. Kinh sách lời thánh hiền đạo đức còn đời đời.

Có dịp, xin mời quý vị hoan hỷ một lần quá bước đến Phật-Học-Viện, trước lễ Phật sau viếng cảnh thanh sơ, kết thiện duyên Bồ-Đề tình con Phật từ bi trong tinh đồng hương viễn xứ, để lòng được thêm thanh thản trong những ngày còn sống tha hương.

- 1/. Quý vị hoan hỷ chuyển bản Mục-Lục này đến thân quyến bạn hữu với lời khuyến khích, tức là quý vị góp phần công đức trong việc hoằng pháp lợi sanh
- 2/. Ngoài bản Mục-Lục này, Phật-Học-Viện không có ấn hành kinh sách nào khác.
- 3/. Phật-Học-Viện in kinh sách đều có sự chọn lọc kỹ và chỉ có khả năng in một lần mà thôi.

Thư từ ngân phiếu xin đề : **PHẬT-HỌC-VIỆN QUỐC-TẾ**
9250 Columbus Ave.
North Hills, CA 91343 - U.S.A.
Tel. (818) 893-5317



TỦ SÁCH GIA ĐÌNH KHÔNG THỂ THIẾU:

**CÁC TÁC PHẨM CÓ GIÁ TRỊ, CÔNG PHU,
TRUNG THỰC VÀ KHOA HỌC
DO THÍCH-TÂM-QUANG
SOẠN DỊCH**

- 1. LÀM SAO ĐỂ TRÁNH SỢ HÃI VÀ LO LẮNG**
\$5.00 + \$1.50 C.P (SONG NGŨ - ANH VIỆT)
- 2. PHẬT GIÁO DƯỚI MẮT CÁC NHÀ TRÍ THỨC**
\$5.00 + \$1.50 C.P (SONG NGŨ - ANH VIỆT)
- 3. PHẬT GIÁO VÀ ĐỜI SỐNG HIỆN ĐẠI**
\$5.00 + \$1.50 C.P (SONG NGŨ - ANH VIỆT)
- 4. 3000 NĂM MỘT KIẾP LUÂN HỒI**
\$8.00 + \$1.50 C.P
- 5. NHỮNG CHUYỆN LUÂN HỒI HIỆN ĐẠI**
\$9.00 + \$1.50 C.P

Nơi phát hành:

* **CHÙA TAM-BẢO, P.O. BOX 1903, FRESNO, CA 93718**

Điện thoại: (209) 264-2728

* **PHẬT-HOC-VIÊN QUỐC-TẾ,**

9250 COLUMBUS AVE., NORTH HILLS, CA 91343

Điện thoại: (818) 893-5317



Nghĩa Trang Rose Hills

**Rose Hills Memorial Park
3900 S. Workman Mill Road
Whittier, CA 90608**

- ☞ Cảnh trí nghĩa trang đẹp nhất với hàng ngàn loại hoa hồng nở quanh năm.
- ☞ Địa lý phong thổ kết phát cho con cháu về sau. (Thân sinh của cố Tổng-Thống Nixon an nghỉ tại đây).
- ☞ Giá đất vừa túi tiền, không phải trả thuế. Có chương trình trả góp trong nhiều năm.
- ☞ Quý vị mua đất trước chọn hướng theo ý mình và được giá rẻ. Đừng đợi tới khi hữu sự mới mua đất, giá rất cao mà không chọn được lô đất vừa ý.
- ☞ Sự chôn cất phần đất nơi đây sẽ được bảo toàn muôn đời.
- ☞ Rose Hills còn có chương trình "**Bảo Hiểm để lo việc mai táng**".
Chương trình này sẽ giúp quý vị không phải lo gánh nặng ma chay. Đang lãnh trợ cấp xã hội, tiền già, hay SSI đều mua được hợp pháp, đều kiện dễ dàng cho mọi lứa tuổi mà không cần khám sức khỏe. Quý vị chỉ cần trả góp một số tiền rất nhỏ trong một thời gian ngắn, thay vì nghĩ tới việc gia nhập các hội tương tế phải đóng góp vô thời hạn. Nếu quý vị đã mua đất ở nghĩa trang Rose Hills hay ở bất cứ nghĩa trang nào trên toàn nước Mỹ, cũng đều mua được Bảo-Hiểm này.

① **Muốn biết thêm chi tiết, xin liên lạc Counselor DANA LÂM**

☎ **Tel : (818) 338-1466 (Home, sau 6PM)**

Beeper : (818) 835-1403 (24/24)

ĐỊA LÝ & TỬ VI

THIÊN CƠ - ÔNG PHẠM ĐÌNH MAI

8742 WESTMINSTER AVE., WESTMINSTER, CA 92683 * ĐT: (714) 891-3429 * FAX : (714) 891-4584

- Nhận xem phương hướng nhà ở, cửa tiệm buôn bán, cơ sở làm ăn.

- Yểm trấn ác xạ trong trường hợp cần thiết.

- Sắp xếp lại chỗ ở, nơi làm việc đem an lành cho nhà cửa và phát đạt cho cơ sở thương mại.

Người xưa nói : "Sống cái nhà, già cái mồ", phải chăng đã nhận chân được tầm quan trọng của khoa địa lý về dương cơ và âm phần ? "Già cái mồ", là nói về âm phần. Lúc chết cần có mồ yên mà đẹp. Phải "tiền tích đức, hậu táng long", sao cho "mồ" nhằm huyết kết để con cháu phát đạt, phú quý. Huyết kết ở đâu, ở đó phải có tá thanh long, hữu bạch hổ, thủy lưu, tiền án, minh đường. Minh đường phải sâu, thủy phải tụ mới phú. Nhiều táng long hổ mới thành đại huyết quý. Ngày nay tại Mỹ, mọi người chết đều "bình đẳng" ở nghĩa địa với một diện tích bằng nhau, một mộ bia như nhau, có khi hỏa táng, hài cốt bỏ vào hũ sành... nên khoa địa lý âm phần mất chỗ đứng.

"Sống cái nhà" đó là lãnh vực dương cơ, thổ trạch của khoa địa lý. Chính vì "cái nhà" ảnh hưởng đến công cuộc làm ăn, thịnh suy, thành bại. An cư mới lạc nghiệp. Kinh đô gắn liền với sự hưng phế của một quốc gia. Do đó Lý-Thái-Tổ mới dời đô ra Thăng-Long. Trưng-Trình Nguyễn-Bình-Khiêm mới chỉ cho Nguyễn-Hoàng : "Hoành Sơn nhất đái, vạn đại dung thân".

- Ngay tại Mỹ, biết bao cơ sở thương mại và nhà ở tọa lạc tại một vị trí mà khoa địa lý dương cơ tối kỵ. Do đó dù đổi bao nhiêu chủ rồi cũng lụn bại. Cho nên cần gặp THIÊN CƠ trước khi thuê, mua nhà cửa hay khai trương một cơ sở thương mại.

GIÁ BIỂU

* Xem địa lý nhà đất, cửa tiệm, từ\$100 đến \$200

* Đi các tiểu bang, tùy trường hợp.

* Cố vấn địa lý ở xa bằng má FAX \$30

CHẤM LÁ SỐ BẰNG COMPUTER VÀ CÓ BẰNG CASSETTE THU LỜI GIẢI ĐOÁN

* Chấm giải tử vi trọn đời, tiên đoán vận hạn thịnh suy, biến cố tốt xấu.

* Giải đáp về năng khiếu trẻ em để chọn môn học và ngành nghề thích hợp.

* Xem tình duyên gia đạo. Số tuổi vợ chồng tốt xấu. Cấm nang lựa vợ, chồng theo tuổi tác.

* Coi ngày cưới hỏi, khai trương.

* Nói rõ số thọ yếu và năm lâm chung (nếu muốn)

1 - Đã đoán trước cho Chuẩn tướng LƯU-KIM-CƯƠNG (không quân) về đại tiểu hạn trùng phùng năm Mậu-Thân 1968 có :

"Tướng quân ngộ Triệt trước miên

Ra đi gặp giặc mình liền tan thây !"

Sau Chuẩn tướng đã tử trận ở vòng đai phi trường Tân-Sơn-Nhất, trong biến cố Tết Mậu-Thân.

2 - Đã đoán cho ông NGUYỄN-VĂN-BÔNG (Viện-Trưởng QGHG) về nguyệt hạn xấu cho tuổi Kỷ-Tỵ của

ông, mà rồi vẫn không tránh khỏi tử nạn vì vụ gài bom trên xe, nổ ở đường Phan-Thanh-Giản Sài Gòn.

3 - Đã lưu ý Đại-Tá BẦU về chức vụ phụ-tá quốc-phòng cho Trung-Tướng Trần-Văn-Đôn vào năm 1975 là một chức vụ có tính cách phù du, nguy hiểm vì cách Không-Kiếp đặc địa ở Tỵ của ông (qua ông L.V.L.)

4 - Đã tiên đoán cho Đại-Tướng DUƠNG-VĂN-MINH với cách "Tham Vũ đồng hành" sẽ được chính quyền Cộng Sản cho xuất ngoại (qua ông HQP).

5 - Đã được ông Tổng Giám-Độc Ngân-Hàng VNCT khen là giảng Tử-Vi chi tiết, chính xác hơn nữ tiên tri Soleil (Pháp) đã xem cho ông, bằng khoa chiêm tinh Tây-Phương.

6 - Đã được Đạo-trưởng Cao-Đài ĐỖ-VĂN-LÝ khen là "Có năng khiếu lớn về siêu hình học, chính xác trong việc dẫn chứng (qua Tử-Vi của Giáo-Sư Lê-Như-Lễ, Đại-Học UCLA).

7 - Tại Sài Gòn năm 1982, Luật-sư NGUYỄN-HỮU-DOÃN nhờ tôi đoán Tử-Vi cho bé gái 12 tuổi (1969) và anh cô ấy tên Việt, sinh năm 1962 về việc "xuất hành". Tôi cam kết cô bé 12 tuổi đi đến nơi an toàn, dù chuyến đi đầy gian khổ. Sau này là một bác sĩ giỏi nổi tiếng. Còn anh Việt thì bước xuống ghe nào là ghe ấy phải chìm !" Lời giải đoán nghe qua rất vô lý. Khi ông anh dẫn em nhỏ đi, mà em nhỏ tới, anh chìm ! Thế rồi họ xuống Cà-Mau. Cô bé được chủ ghe cho lên tàu trước làm chị nuôi (vì còn nhỏ). Chuyến đi ấy bị hải tặc Thái cướp 6 lần. Lần cuối cùng, bị bắt theo cùng với tất cả các phụ nữ, cô bé đã từ tàu Thái nhảy xuống và được cứu. Còn chiếc "taxi" đưa Việt ra ghe lớn bị chìm! Rất may, Việt thoát chết, nhưng kẹt lại đến năm 1987 mới đi ODP, nay định cư ở Maryland ĐT : (301) 779-8037. Còn cô bé 12 tuổi đúng cảm năm xưa, nay là NGUYỄN-THỊ-CÁT-TƯỜNG một sinh viên lỗi lạc năm thứ 5 được học bổng của Đại-Học Y-Khoa Massachusetts (Brandeis University), ĐT: (617) 736-5191.

8 - Năm 1986, Thiếu-Tá QUÁCH-NGỌC-LÂM (thủy quân lục chiến) nhờ tôi chấm Tử-Vi cho ông và 4 người con, xem có nên nhờ bà chị ở Mỹ bảo lãnh ODP hay không ? Tôi cam kết : "5 cha con ông sẽ ở nước ngoài trong năm 87. Đừng làm hồ sơ ODP mất công !" Thệt vậy, 5 cha con ông Lâm vượt biên lọt qua Thái đúng năm 87 và định cư ở California, ĐT : (714) 897-8223.

9 - Vừa đầy tháng Phương-Uyên năm 1977 ở Việt Nam, tôi đã đoán : "Tuổi Đinh-Tỵ này rất thông minh, học giỏi. Đặc biệt sinh cháu ra, làm gì cha mẹ cũng xuất ngoại và làm ăn phát đạt". Gia đình Phương-Uyên vượt biên năm 1979, cha mẹ P.U. nay là REAL ESTATE KHÁI-HUYỀN, một văn phòng địa ốc uy tín nhất OAKLAND, ĐT : (415) 763-9055. Còn bé Phương-Uyên năm nào cũng xếp hạng xuất sắc về học sinh giỏi của Mỹ tại trường Colonial Ecref, S.F.

10 - Ở Việt-Nam tôi đã cam kết với QUỲNH-DAO 2 điều : "Thế nào cô cũng xuất ngoại trong năm 1987 và định cư xong là lấy chồng liền". Dao cười : "Chồng ở mơ mà sẵn rứa ?" (Vì lúc ấy cô chưa có ai). Năm 1987 trong khi đang lên đênh trên bể thì Quỳnh Dao được tàu Nga cứu đưa vào hải phận Thái. Đến Texas, cô đã gọi vé máy bay khứ hồi để mời tôi từ CA qua dự đám cưới của cô vào ngày 6-5-89 vừa qua, ĐT: (713) 580-9401.

11 - ĐH KHANH - ĐT KHOA được một thầy Tử-Vi nổi tiếng ở Sài Gòn tiên đoán: "Số phải bị gông cùm, xiềng xích, tù đầy..." Làm các cô chán nản bỏ học. Năm 1976, tôi đã viết rành mạch rằng số hai cô sẽ xuất dương du học (Đại học khoa danh chỉ số) với sự nghiệp rực rỡ, chứ hoàn toàn không có số tù tội. Nhờ đó, hai chị em đã can đảm vượt biên đến Mĩ-Lai năm 1978. Nay cô Khanh vừa tốt nghiệp Master tại Đại-Học Cal State LA năm 1988 và cô Khoa, tốt nghiệp BS cùng Đại-Học trên năm 1986, ĐT: (818) 287-7635.

12 - Năm 1977, đoán cho ĐỔ-T.H-THANH "số xuất ngoại và học về Business Administration". Thanh vượt biên năm 79 và đã tốt nghiệp business năm 1990 ở Đại-Học Cal State Fullerton, đúng với "năng khiếu" tôi đã đoán 14 năm trước.

* Và hằng ngàn trường hợp ly kỳ khác với các đương sự ở Pháp, Úc, Anh, Canada, Mĩ... mà do vì lý do riêng tư không được phép tiết lộ, nên với khuôn khổ tờ giấy này, tôi chỉ đơn cử một số trường hợp cụ thể như trên mà thôi.

GÍA BIỂU

- Chấm giáng Tử-Vi trọn đời (lấy hẹn) \$30 (Kèm lá số Tử-Vi chấm bằng computer và một cuốn băng cassette thu lời giải đoán trọn đời).
- Truy tám năm tháng sinh trai gái theo ý muốn .. \$5
- Coi ngày cưới hỏi, khai trương \$5
- Giải Tử-Vi gấp cho người ở xa \$42

Thân chủ ở xa gửi năm, tháng, ngày, giờ sinh. Nói rõ âm hoặc dương-lịch, nam hay nữ. Kèm money order 42 Mĩ kim để tên Phạm-Đình-Mai, 8742 Westminster Ave., Westminster, CA 92683 U.S.A.

Sẽ được gọi đến tận nhà một lá số Tử-Vi chấm bằng computer, kèm băng cassette thu lời giải rõ nghĩa, dùng trọn đời.

Nếu gửi \$32 phải đăng ký vào sổ và chờ đợi theo thứ tự trước sau. Có khi 3 tháng sau mới tới phiên.

GIỜ LÀM VIỆC

Thứ Ba - Thứ Sáu : Từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối

Thứ Bảy - Chủ Nhật và ngày lễ :

Từ 8 giờ sáng đến 9 giờ tối.

(Xin lấy hẹn trước, nghỉ Thứ Hai).

DỰ LUẬN TẠI HOA-KỲ NĂM 90

"Muốn trở thành ông thầy Tử-Vi giỏi, nghĩa là phải xét đoán chính xác, người học cần có trình độ học vấn càng cao càng tốt. Học vấn cao chừng nào, khả năng hấp thụ nhanh chừng ấy và độ lượng suy luận sẽ sắc bén hơn, nhờ đó sẽ hiểu được cái phức tạp của Tử-Vi hầu đạt được thành quả mau chóng và giảm mức độ sai lầm xuống con số thấp nhất. Thiên Cơ

PHẠM-ĐÌNH-MAI có đủ yếu tố đó : Tốt nghiệp Đại-Học Luật, thân phụ là thầy giỏi đất Quảng-Nam. PDM lại chịu khó học hỏi thêm ở nhiều thầy khác. Với bao nhiêu lý do, khiến cũng đủ để người đi xem Tử-Vi dù khó tính đến đâu cũng phải hài lòng".

Ký-giá TRẦN-TỬ-CƠ - Báo NANG CALI số 151 - (714) 893-0080

"Tôi đã từng tìm tòi và tham khảo với nhiều nhà Tử-Vi đầu-số và thầy địa-lý ; nhưng người khiến cho tôi ngưỡng mộ và khâm phục nhất là Thiên Cơ PHẠM-ĐÌNH-MAL. Tôi tìm đến ông sau nhiều rũi ro cùng với những dấu hiệu cho thấy sẽ còn những thất bại nặng nề trong công việc kinh doanh hằng ngày. Thiên Cơ PHẠM-ĐÌNH-MAI đã chỉ cho tôi biết nguyên cơ của những suy sụp ngoài trí tưởng tượng bình thường ; đồng thời giúp những phương thức hóa giải dựa trên kinh nghiệm bí truyền của khoa địa lý dương cơ từ thân phụ của ông và khoa học huyền bí do ông dày công nghiên cứu. Ông quả là thiên tài về địa lý và đầy đủ những kiến thức chuyên môn ; cùng kinh nghiệm trong việc luận giải Tử-Vi đầu số".

Ký giá NGUYỄN-HẢ - Westminster, CA (714) 539-0319

"Ở Việt-Nam, tôi có đi coi vài ông thầy có tiếng tăm, nhưng tôi vẫn thấy chưa có ông nào coi hay hơn ông".

Cụ LÊ THÚY, 83 TUỔI - (Sinh năm Mậu-Thân 1908)
11301 Lockhaven Way, Garden Grove, CA 92640

* QUÀ :

= Cưới = Sinh Nhật

= Thời nôi = Đầy tháng

đem lại "surprise" nhất và được mọi người trân trọng gìn giữ suốt đời.

Đó là băng cassette giải đoán Tử-Vi trọn đời của Thiên Cơ PHẠM-ĐÌNH-MAI, được gửi tới địa chỉ của người nhận, theo yêu cầu của người tặng.

Ông PHẠM ĐÌNH MAI

mới đến Mĩ, (trước ở Prairie, Hawthorne) nguyên là :

- Cựu học sinh đệ nhất C, Phan-Chu-Trình Đà-Nẵng 1966.

- Cố vấn thương mại (bằng Tử-Vi) cho thương gia Chợ Lớn từ 1968.

- Cử-Nhân Luật-Khoa Sài Gòn 1970.

- Phó Giám Đốc Ngân Hàng VNCT, Chợ Lớn 1971.

- Tốt-nghiệp Thủ-khoa Trung-Tâm Huấn-Luyện Chuyên-Môn Ngân-Hàng Sài Gòn, 1973.

- Học viên khóa Chuyên-Viên Thị-Trường Chứng-Khoán Việt-Nam 1974.

- Phó Hiệu Trưởng ADRA SCHOOL, Thái-Lan 1987.

- Assistant Teacher/International Catholic Migration Commission Philippines, 1988.

Đời sống con người chẳng khác nào một cuộc vượt biên trôi giạt lênh đênh trên biển Đông. Tử-Vi là tấm hải đồ (chart) rất hữu ích trong chuyến hải hành ấy. Hành trình đã, đang, hay sắp bắt đầu, đều còn dài. Mời quý vị đến gặp Thiên Cơ để xử dụng ngay hải đồ của chính mình.

VAN'S TIỆM BÁNH BAKERY

121 E. Valley Blvd.
San Gabriel, CA 91776
Tel. (818) 571-5845
(Cạnh siêu thị Hawaii)

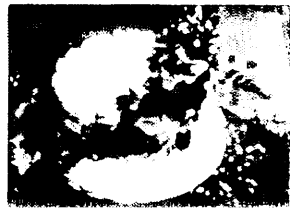
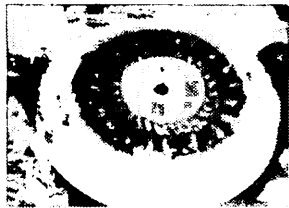
140 W. Valley Blvd. #120
San Gabriel, CA 91776
Tel. (818) 288-7272
(Trong khu chợ 99)

9211 Bolsa Ave. #125
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 898-7065
(Cạnh siêu thị 99 Market)

14346 Brookhurst St.
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 839-1666

1824 E. Tully Rd.
San Jose, CA 95122
Tel. (408) 270-2222

**Tiệm Bánh Được Sự Ủng Hộ Của Quý Vị Đồng Hương Nhất Tại Cali.
CHUYÊN SẢN XUẤT CÁC LOẠI BÁNH PHÁP - VIỆT NAM - TRUNG HOA**



- Pâté CHAUD
- Croissant đủ loại
- Các loại bánh ngọt
- Bánh Trung Hoa
- Bánh bao
- Bánh gan
- Bánh khoai môn
- Quầy Food To Go hấp dẫn và tất cả các loại chè



*Bánh đặt tại
Van's Bakery
trình bày thật long lâu
hương vị thơm ngon
sẽ làm tăng thêm
phần sang trọng trong
Tiệc Cưới
Sinh Nhật.*



WOODLAND HILLS WARNER CENTER

Dr. ĐOÀN THỊ LAN, O.M.D.-A.C.



6301 DESOTO Ave., Suite F - WOODLAND HILLS, CA 91367

TEL. (818) 340-0063/ (818) 816-9941

Với sự cộng tác của **Dr. KEIT ZUPNIK M.D.** và **Dr. DANIEL P. MONACO**

- * ORIENTAL MEDICINE - GENERAL PRATICE
- * NATIONAL COMMISSION CERTIFIED ACUPUNTURE
- * Đã hành nghề lâu năm ở Việt-Nam - SWITZERILAND - USA

Trên tinh thần:

"Đi Cứu Nhân Vi Sự Nghiệp" và "Lương Y như Từ Mẫu"

Trung tâm Warner Center và Happy Corporation sẽ phục vụ Quý Đồng-Hương, dưới sự cộng tác của Bác-Sĩ Đoàn-Lan chuyên về Đông Y tốt nghiệp tại Hoa-Kỳ và một nhóm Bác-Sĩ Việt-Mỹ theo phương pháp Đông Tây Y phối hợp Vật Lý trị liệu và phục hồi tai nạn xe cộ Magnet-Therapy. Đặc biệt là "ENDORPHINS" của trường Đại-Học Y-Khoa tại Chicago chuyên trị về:

Natural Power Of

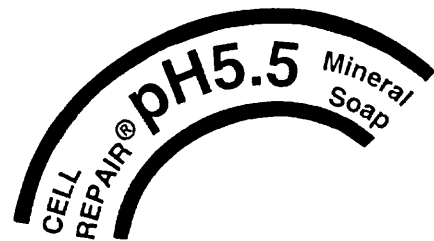
Endorphins[®]

From The Original **Dorphynol[™]**



1. Bệnh Phong-thấp kinh niên.
2. Bệnh Máu-cao thấp bất thường.
3. Bệnh Đái-đường.
4. Bệnh Nhức-đầu kinh niên hay nửa bên.
5. Bệnh Ung-thư và Thần-kinh tọa cốt.
6. Căng thẳng thần kinh.

Để phục vụ cộng đồng Việt-Nam một cách hữu hiệu hơn, chúng tôi xin được trị bệnh miễn phí cho các bạn H.O.
Xin liên lạc theo địa chỉ trên.



CELL REPAIR[®]
pH5.5 Mineral Soap

SOAP REVOLUTION !

"SKIN MIRACLE"

- * LÀM TAN VẾT NHĂN.
- * TRỊ MỤN - DA NGỨA.
- * NÁM - TÀN NHANG.
- * CHỐNG NẮNG.

ĐẶC BIỆT:
Giúp Làn Da Trở Nên
TRẺ ĐẸP — MỊN MÀNG

Sản Phẩm Mới by
HAPPY CORPORATION

Cần ĐẠI LÝ và CÁC BẠN ĐỒNG NGHIỆP

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa Gia Đình Và Thẩm Mỹ

BÙI VÂN ANH, D.D.S.

LA PICO PLAZA - RESEDA

17109 Saticoy St., Reseda, CA 91335

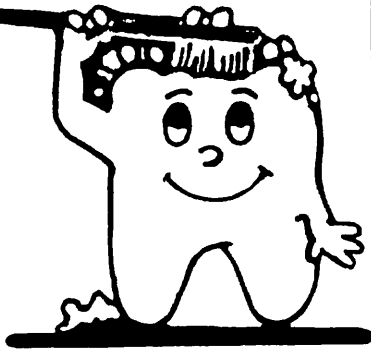
Tel. (818) 757-0017

Tốt Nghiệp Bác Sĩ Nha Khoa Tại UCLA 1988,

Hội Viên American Dental Association,

California Dental Association,

Los Angeles Dental Societ.



ĐẶC BIỆT:

- => Phòng mạch trang bị đầy đủ máy móc nhất để theo dõi sự tiến triển của bệnh nhân.
- => Phòng mạch áp dụng kỹ thuật tân kỳ nhất để chống nhiễm trùng cho bệnh nhân.

*Tận Tâm và Thành Tín như một Bác Sĩ Gia Đình,
Nhẹ nhàng với những trẻ em khó tính.*

CHUYÊN VỀ:

Nha Khoa Thẩm Mỹ, chữa răng bằng Porcelain đẹp như răng thật.

Tẩy răng trắng.

Làm răng giả các loại.

Phòng ngừa sâu răng cho trẻ em bằng Sealants và Fluoride.

Trám, nhổ, lấy gân máu, chữa bệnh nướu răng.

Khám răng tổng quát và định kỳ.

GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ BA - TƯ - NĂM:

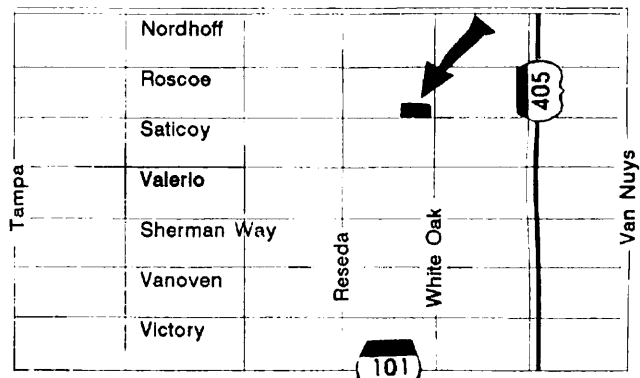
9:00am - 7:00pm

Thứ SÁU: 9:00am - 5:00pm

Thứ BẢY: 9:00am - 4:00pm

NGHỈ : CHỦ NHẬT - THỨ HAI

NHẬN MEDICAL - BẢO HIỂM



BÁC SĨ NGUYỄN HỮU TUẤN, M.D.



BÁC SĨ SHAWNS. RABBAN, DPM

Y KHOA TỔNG QUÁT VÀ GIA ĐÌNH

22030 SHERMAN WAY #211 — CANOGA PARK, CA 91303

(Góc Topanga Canyon Blvd)

GIỜ LÀM VIỆC: Tel. (818) 884-7424

Thứ HAI - TƯ - BẢY : 9:00 sáng — 1:00 trưa

Thứ BA - NĂM - SÁU : 2:30 chiều — 6:00 chiều

14540 SHERMAN WAY., VAN NUYS, CA 91405

(Ngay góc đường Van Nuys và Sherman Way)

GIỜ LÀM VIỆC: Tel. (818) 884-7424

Thứ HAI - TƯ - BẢY : 2:30 chiều — 6:00 chiều

Thứ BA - NĂM - SÁU : 9:00 sáng — 1:00 trưa

Nhận MEDI-CAL & BẢO HIỂM

PHONE KHẨN CẤP NGÀY ĐÊM: ●●(818) 884-7424

CHUYÊN TRỊ

- => Bệnh nội thương người lớn và trẻ em.
- => Bệnh phụ nữ, thứ thai, ngứa thai, tiểu giải phẫu.
- => Khám sức khoẻ tổng quát, nhập học và chích ngừa miễn phí cho trẻ em từ sơ sinh đến 21 tuổi.
- => Hợp tác với chương trình bóng sũa WIC.
- =● Với các Bảo-Hiểm HMO, PPO: Bác-Sĩ Tuấn Nguyễn thuộc nhóm Southern California IPA và bệnh viện chính là Northridge Hospital.
- =● Bác-Sĩ điều trị tại các bệnh viện Northridge, Valley Presbyterian, Granada Hills và Valley Hospital.

CHUYÊN KHOA VÀ GIẢI PHẪU CÁC BỆNH TẬT
VỀ CHÂN VÀ CỔ CHÂN NGƯỜI LỚN, TRÉ EM

22030 SHERMAN WAY #211 — CANOGA PARK, CA 91303

(Góc Topanga Canyon Blvd)

GIỜ LÀM VIỆC: Tel. (818) 347-0996

Thứ HAI - TƯ : 1:00 PM — 6:00 PM

Thứ BA - NĂM - SÁU : 9:00 AM — 1:00 PM

PHÒNG MẠCH TRANG BỊ MÁY MÓC TỐI TÂN

NHẬN BẢO HIỂM VÀ MEDICAL

BỆNH XƯƠNG

(Bone Diseases og the Feet)

- Bướu chân (Bunion)

- Đau nhức gót chân

(Heel spur)

- Ngón chân cong

(Hammer toe)

- Gãy chân (Fracture)

- Bướu thần kinh chân

(Neuroma)

- Trật chân (Ankle sprain)

- Chân bị lạnh (Cold feet)

BỆNH NGOÀI DA

(Skin Diseases of the foot)

* Mụn cóc (Wart)

* Ngứa, nấm chân

(Tinea Pedis)

* Móng chân dày

(Fungus Nail)

* Móng chân làm độc,

mọc ngược (Ingrown

nail)

* Chai, sạn (Tylosoma)

* Vết thương ở chân

do bệnh tiểu đường

(Diabete foot care)



Nữ Bác Sĩ STEPHANIE THU LÊ, D.C.

- Nguyên sinh viên Y Khoa Đại học Y Khoa Sài Gòn.
- Tốt nghiệp Bác Sĩ Chuyên Khoa Chỉnh Xương tại Đại học Chiropractic of Los Angeles.
- Diplome National and State Boards of Chiropractic Examiners.
- California State Radiography X-Rays Supervisor and Operator.

CHUYÊN TRỊ:

- Đau lưng, cụp xương sống, đau thần kinh tọa, vẹo xương sống
- Đau cứng cổ, đau nhức bả vai, đau và tê tay chân
- Nhức đầu cấp tính và kinh niên, mỏi mệt, mất ngủ
- Đau nhức và sai trật khớp xương, phong thấp, bong gân, vẹo bẻ
- Các chứng bệnh đau nhức liên quan đến cột xương sống, hệ thống thần kinh và bắp thịt
- Đau nhức gây ra bởi tai nạn lưu thông, lao động và thể thao

TRỊ LIỆU:

- Xử dụng X-Ray và dây dừ các dụng cụ Y Khoa vật lý trị liệu tối tân nhất hiện nay
- Điều chỉnh cột xương sống, bắp thịt, hệ thống thần kinh, làm hết đau và phục hồi lại chức năng của cơ thể
- Hướng dẫn về dinh dưỡng và thể dục

NHẬN

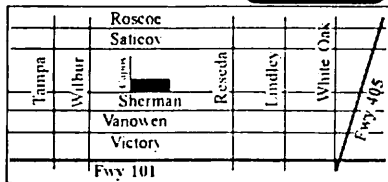
- Auto Accident • Insurance
- Worker's Comp • Medicare và Bảo Hiểm
- Có chương trình đặc biệt cho bệnh nhân có tài chánh khó khăn

RESEDA CHIROPRACTIC CLINIC

18625 Sherman Way, Suite #109 • Reseda

(Trong khu Plaza Calco, cạnh Bánh mì Ba Lê)

Tel.: (818) 345-0999



LƯU Ý: Từ nay Quý Đồng Hương không phải

đi xa để khám bệnh vì đã có Nữ Bác Sĩ

Stephanie Thu Lê ở vùng San Fernando Valley.

GIỜ LÀM VIỆC: THỨ HAI-THỨ SÁU: 10AM-7PM

THỨ BẢY: 10AM-3PM

SOUTH BAY HEALTH CARE CLINIC

(Cạnh nhà hàng Tam Đa)

15190 S. Prairie Ave. • Lawndale, CA 90260

(310) 676-9077

- Y khoa chỉnh xương
- Đông y dược phòng
- Châm cứu

GIỜ LÀM VIỆC: THỨ HAI-THỨ SÁU: 10AM-6PM



Lạc's Insurance

TRẦN PHÚ NGUYỄN
Insurance Broker



NHÀ, NHÂN THỌ, SỨC KHOẺ, CƠ SỞ THƯƠNG MẠI



Ms: TRẦN CẨM TÂM (714) 898-4908

BẢO HIỂM XE:

- Đại diện nhiều hãng Bảo Hiểm lớn, uy tín. Trong tiểu bang.
- Dùng Computer so giá trên 100 hãng Bảo Hiểm, giúp Quý vị chọn loại Bảo Hiểm vừa ý nhất với giá rẻ nhất cho từng trường hợp của Quý vị.
- Quý vị lớn tuổi, nhiều xe, bằng lái 3 năm trở lên, không tai nạn, không Ticket, có Bảo Hiểm liên tục 3 hoặc 1 năm được vào các hãng PREFER như FARMER hãng tốt, giá rẻ. Ngoài ra Quý vị bằng lái mới, trẻ tuổi, nhiều tai nạn, Ticket, say rượu lái xe đều có giá đặc biệt. Có giá ưu đãi cho H.O và O.D.P

BẢO HIỂM NHÂN THỌ

VỚI HẠNG LỚN, UY TÍN VÀ DANH TIẾNG VÀO BẮC NHẤT HOA KỲ
vừa Bảo Hiểm Nhân Thọ vừa Để dành Tiền

BẢO HIỂM SỨC KHOẺ: BLUE CROSS, BLUE SHIELD

KHAI THUẾ BẰNG COMPUTER Lấy thuế về tối đa và hợp pháp

Đừng để tiền mất tại mang, hãy giao cho:



Lạc's Insurance

9211 Bolsa Ave., # 228
Westminster, Ca 92683

(714) 898-4908

(Số của chợ 99 trên cầu vượt bánh VAN)

Làm việc:
7 ngày trong tuần,
từ 10:00 AM đến 7:00 PM

VÙNG SANFERNANDO VALLEY

Bác Sĩ PHAN TUYẾT MAI, M.D.



18625 Sherman Way, Suite 104 - Reseda, CA 91335

(818) 342-8171

(818) 342-8172

(Nằm trong khu nhà hàng TUYẾT-ANH và bệnh nữ BA-LE)



- Tốt nghiệp nội thương tại Hoa-Kỳ.
- Hậu đại học về các bệnh nhiễm trùng và bệnh AIDS.
- Hội viên Hội Y Sĩ Đoàn Hoa-Kỳ.
- Hội viên Hội Y Sĩ California.
- Hội viên Hội Bệnh Lý Lâm Sàng Hoa-Kỳ.
- Chuyên khoa Nội Thương và Nhiễm Trùng.

Y khoa tổng quát và bệnh nội thương cho người già, người lớn, đàn bà và trẻ em

CHỮA TRỊ CÁC CHỨNG BỆNH :

THẦN KINH:..... Nhức đầu, chóng mặt, động kinh, phòng ngừa tai biến mạch máu não.

TIM MẠCH: Cao máu, suy tim, hồi hộp tức ngực, khó thở.

HỒ HẤP: Suyễn, viêm phổi, ho lao.

TIÊU HÓA:..... Viêm loét bao tử, ăn không tiêu, đi cầu ra máu, viêm gan.

BỆNH VỀ MÁU:.. Thiếu máu, ung thư máu.

TUYẾN NỘI TIẾT: Tiểu đường, bướu cổ.

THẬN: Nhiễm trùng đường tiểu, viêm thận, tiểu ra máu.

DỊ ỨNG:..... Viêm mũi, ngứa.

BỆNH HOA LIỄU:..... Giang mai, lậu, AIDS.

CÁC BỆNH PHỤ NỮ:.. Huyết trắng, đau bụng khi hành kinh, rối loạn kinh nguyệt và thử Pap's Smear.

BỆNH PHONG THÁP: Đau khớp, sưng khớp.

BỆNH NGOÀI DA:..... Các loại mụn, ghẻ ngứa.

THỬ MÁU TIỀN HÔN NHÂN.

CHÍCH NGỪA TRƯỚC KHI ĐI DU LỊCH NƯỚC NGOÀI ĐẶC BIỆT HƯỚNG DẪN NGĂN NGỪA, CHỮA TRỊ, THEO DÕI BỆNH HOA LIỄU, AIDS, HO LAO.

NHẬN LÀM BÁC SĨ GIA ĐÌNH.



Giờ làm việc

Thứ Hai - Thứ Sáu:

9AM - 7PM

Thứ Bảy: 9AM - 3PM

Chủ Nhật: 9AM - 2PM



DỊCH VỤ Y TẾ MIỄN PHÍ :

Chích ngừa và khám sức khỏe tổng quát cho trẻ em dưới 19 tuổi thuộc gia đình có lợi tức thấp.

Sáng thứ ba (9AM - 1PM) có chương trình khám bệnh miễn phí cho đồng bào thuộc diện HO chưa xin được thẻ khám bệnh.

Nhận:

**MEDICAL, MEDICARE
Bảo Hiểm.**

Giá đặc biệt cho những người
trả tiền mặt.

Phòng mạch kang trang và trang bị đầy đủ dụng cụ và máy móc :
Máy đo tim, máy thử thính thị, máy đo phổi và nhiều máy chữa trị đau nhức.

USA GENERAL AUTO REPAIR

Honda - Toyota - Mazda - Datsun

7444 Reseda Blvd. Suite D, Reseda, CA 91335

Tel: (818) 996-4926



Mở cửa 6 ngày trong tuần từ **THỨ HAI** đến **THỨ BẢY** : 8:30 AM - 6:00 PM

Chúng tôi có kinh nghiệm 18 năm tại Mỹ và ở Việt-Nam.
Chúng Tôi Nhận :

--> REBUILT:

- TRANSMISSION
- PISTON ENGINE
- ROTARY ENGINE
- DIFFERENTIAL



--> ENGINE TUNE-UP

--> FUEL INJECTION SERVICE

--> CARBURATOR SERVICE

--> AIR CONDITIONING SERVICE

--> STARTER SERVICE

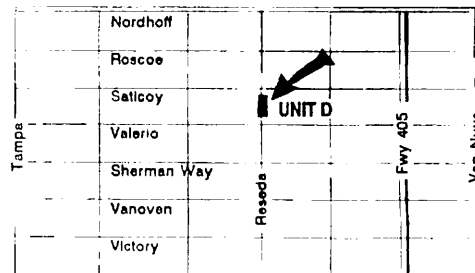
--> ALTERNATOR SERVICE

--> RADIATOR SERVICE

--> BRAKE SYSTEM SERVICE

--> CLUTCH TRANS. SERVICE

Nhận *VISA, MASTERCARD*



REPLACE TIMING BELT

=> 4 cylinder s/cam shaft **\$110.00**

=> 6 cylinder s/cam shaft **\$150.00**

REPLACE FRONT BRAKE : \$49.00

=> Check front wheel bearing

=> Check front rotor for most car

REPLACE REAR BRAKE : \$49.00

=> Check rear wheel bearing

=> Check rear rotor for most car

OIL FILTER CHANGE : \$15.00

=> Include : 5Qt Oil + Oil Filter +

Check Tire Pressure + All Fluid Levels

- Quý vị muốn biết thêm về **XE HƠI**, xin liên lạc **HUỖNH TRẦN & TOM**
- Chúng tôi sẵn sàng check xe cho quý bạn để quyết định trước khi mua, sau này khỏi gặp trở ngại.

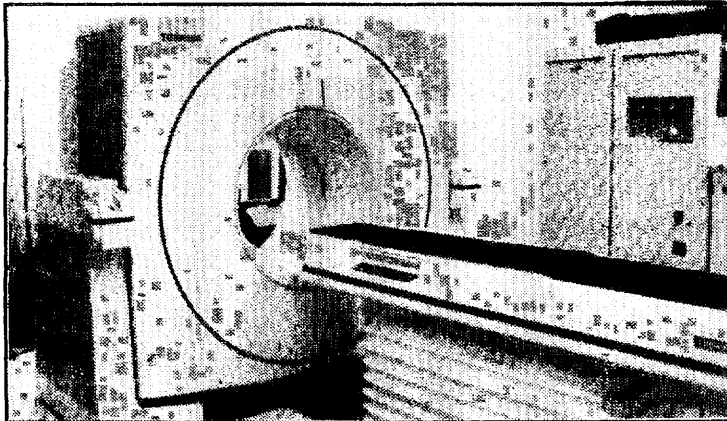
MAGNOLIA MEDICAL IMAGING CENTER, INC.

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN MAGNOLIA

14571 MAGNOLIA St., Suite #101 ✪ WESTMINSTER, CA 92683

TEL. (714) 893-1915

Bác Sĩ **PHÙNG GIA THANH**



- X - RAY
- MRI
- CAT SCAN
- ULTRASOUND
- MAMMOGRAPHY
- NUCLEAR MEDICINE

**CÓ MÁY
CAT SCAN TẠI CHỖ**

GIỜ MỞ CỬA:

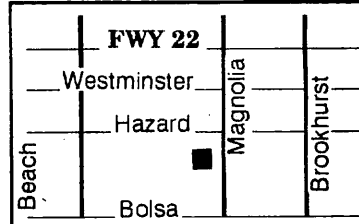
THỨ HAI - THỨ SÁU: 9:00 AM - 6:00 PM

THỨ BẢY: 9:30 AM - 3:00 PM

ĐẶC BIỆT

CHỤP VÚ DO NỮ

CHUYÊN VIÊN ĐẢM NHIỆM



DISCOUNT
*Exotic
Fresh & Silk*

Kamala Flower And Music (Tiệm Bông Liên-Hoa)

Complete Floral Services • Original Quality Design
Live Classical Piano Music For Weddings & Parties

**Private & Group Piano Lessons
All Ages & Levels**

* *Phong lan - Cây kiểng - Bàn chông cắm hoa*

- *Cho mướn thùng hơi thổi bong bóng*

* *Trang trí bong bóng cho mọi dịp lễ*

- *Giao hoa khắp mọi nơi*

* *Bán bong bóng có in hình Phật Đản - Sinh cho lễ
Phật-Đản và hình Mực-Kiền-Liên cho lễ Vu-Lan*

- *Có hoa hồng cài áo cho lễ Vu-Lan.*



Professional
Instruction

**14044 Magnolia * Suite 128
Westminster, CA 92683
(corner Westminster Blvd.)**

Tel: (714) 891-8130 ** Pager: (714) 571-6483

Free: 1-800-700-4443

VISA
MASTER CARD

Bác Sĩ **TRẦN TIẾN SUM**

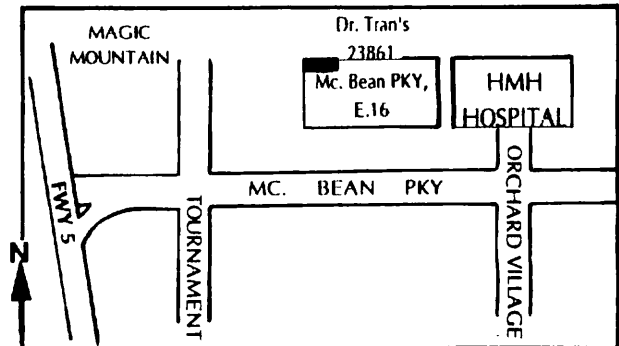
GIẢI PHẪU THẨM MỸ

- * Tốt nghiệp chuyên khoa Plastic Surgery tại Mt. Sinai Hospital New York, Hoa-Kỳ (1984)
- * Tu nghiệp chuyên khoa thẩm mỹ cho người Á-Đông tại Viện Đại-Học Showa, Tokyo - Nhật-Bản (1983)
- * Tốt nghiệp chuyên khoa giải phẫu tổng quát tại Stanford University Santa Clara V.M.C. và Fresno V.M.C. (1977-1981)

Chuyên Giải Phẫu

- => *Mắt hai mí Đông-phương và độn mũi*
- => *Căng da mặt, trán, cổ, lột da, mài da, làm mờ sẹo rỗ*
- => *Sửa mí mắt, mũi, sửa và độn cằm, sửa tai vĩnh*
- => *Độn ngực, làm nhỏ lại, nâng ngực bị xệ*
- => *Đặc biệt giải phẫu bằng tia Laser:*
 - Cắt bỏ các bướu ở mặt, nốt ruồi, vết chàm v.v...*
 - Giải phẫu và tái tạo các khuôn mặt bị tai nạn*
 - Tái tạo bộ ngực sau khi bị cắt bỏ vì ung thư*
 - Cắt bỏ các bướu ung thư của da*
 - Tái tạo và sửa chữa các tật bẩm sinh ở mặt*
 - Tẩy các vết sẹo*
 - Tái tạo các chức phận của bàn tay, gây thần kinh, gân và xương.*

Nhận
Visa, Master Card,
American Express



THAM KHẢO VÀ LẤY HẸN Ở ĐỊA CHỈ MỚI:

23861 MC. BEAN PKY, SUITE # E.16
VALENCIA, CA 91355
Tel. (805) 253-2211 (24 hours)

Toll Free: 1-800-540-2340 1-805-253-3755

DAVICO INC. - ĐẠI VIỆT CÔNG TY

ORIENTAL ROSEWOOD FURNITURE ART AND GALLERIES

The Shop (in China Town)

861 N. Spring St. # 204 - 205 - 206

Los Angeles, CA 90012

Tel. (213) 626-1868



* *Bồn hiệu chúng tôi có bán đủ tất cả các loại đồ sứ, đồ cổ từ Trung-Hoa, đẹp và quý.*

* *Có đủ tất cả đồ thờ phượng: tượng Phật, bình hoa, chậu kiếng, lư hương, nhang đèn ...*

Xin Mời Quý Khách Chiêu Cỗ Giá Rẻ- Ân Cần Tiếp Đãi.



RESULTS INC.

Each office is independently owned and operated

4909 Lakewood Blvd., Top floor

Lakewood, CA 90712

Bus: (310) 866-7000

(714) 827-7700

Fax: (310) 408-2121

Pager: (310) 988-6271



CATHY NGUYỄN

*Broker
Associate*

CHUYÊN VIÊN ĐỊA ỐC KINH NGHIỆM TẬN TÂM



**VÙNG LAKEWOOD, LONG BEACH,
CERITOS, PARAMOUNT
VÀ CÁC VÙNG PHỤ CẬN**



NHÀ THUỐC TÂY

HADO PHARMACY

7241 RESEDA Blvd., RESEDA, CA 91335

(Cạnh chợ Bangluck Market, khu Phố Số 1)

NHÀ THUỐC GIA ĐÌNH TÍN NHIỆM NHẤT CỦA QUÝ ĐỒNG HƯƠNG

- ⇒ Bán thuốc theo toa Bác-sĩ.
- ⇒ Bán các loại thuốc bổ đặc biệt.
- ⇒ Bán các loại thiệp, quà tặng.
- ⇒ Bán các loại sách truyện Việt-Nam chọn lọc.
- ⇒ Nhận MEDICAL và Bảo-Hiểm.
(Giá đặc biệt cho quý vị không có Bảo-Hiểm)

- ⇒ Ngoài ra chúng tôi hân hạnh phục vụ Quý Đồng-Hương qua các dịch vụ:
 - Điện thư (FAX)
 - Gửi thuốc về Việt-Nam.

Với Phương Châm:

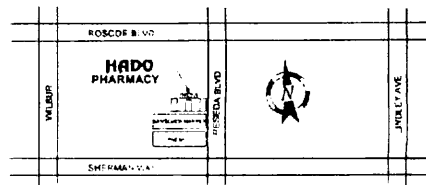
Thành Thật * Ân Cần * Tín cẩn

(818) 342-9333

Giờ làm việc:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 6:30 PM

Thứ Bảy: 10:00 AM - 2:00 PM



Bác Sĩ Nha Khoa

LÊ-THÀNH-HÒA

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa

PHAN-THỊ-MỸ-HẠNH



- Khám răng tổng quát định kỳ.
- Trị các bệnh về răng miệng.
- Làm răng giả các loại.



ALHAMBRA

407 W. MAIN Street
ALHAMBRA, CA 91801
Tel. (818) 281-6642

Giờ làm việc:

Thứ Hai đến Thứ Bảy: 9am - 6pm

Nhận Medical & Bảo Hiểm

VAN NUYS

6900 VAN NUYS., Suite # 14
VAN NUYS, CA 91405
Tel. (818) 904-0224

(cùng Building với Phan Pharmacy)

Giờ làm việc:

Thứ Hai đến Thứ Sáu: 9am - 6pm

Thứ Bảy: 9am - 5pm



VINA PHARMACY

15841 Sherman Way # 103 <*> Reseda, CA 91335

Tel. (818) 345-6534

(Trong khu Donags Plaza, Cạnh Cà-Phê Lục-Huyền-Cầm, sau lưng chợ BANGLUCK)

- * Bán thuốc theo toa Bác-Sĩ,
- * Bán đầy đủ các loại thuốc thông thường,
- * Dược-Sĩ đích thân chỉ dẫn cách dùng thuốc tường tận.

Mở cửa 7 ngày trong tuần

Mon => Fri: 9:30 AM - 7:30 PM

Sat => Sun: 9:30 AM - 2:00 PM

COPIES \$.05

Nhận MEDICAL và CÁC LOẠI BẢO HIỂM

**TÍN NHIỆM <+> AN CẦN <+> TẬN TÂM
NHANH CHÓNG <+> GIÁ CẢ NHẸ NHÀNG**

Dược-Sĩ THÁI-QUANG-ĐOÀN Kính Mời

Express Bakery

Cafe and Bistro - French & Vietnamese Food

9035 Reseda Blvd, Northridge, CA 91324

Tel. (818) 349-9135

Giờ Mở Cửa:
6 ngày trong tuần
Chủ Nhật nghỉ

Đặc biệt các món ăn:

Mì - Bún riêu - Hủ tiếu - Cơm và nhiều món ăn khác nhau.

Ngoài ra lò còn có sản xuất:

Pâté chaud, Croissant, Choux crème v.v...

Đặc Biệt: - Bánh Sinh Nhật - Bánh Cưới - Bánh Ngọt.

PHÒNG MẠCH - CHÂM CỨU - THUỐC BẮC - ROSE MEDICAL CENTER



NHÂN PHƯỚC ĐƯỜNG

838 N. Broadway #A • Los Angeles, CA 90012

(Kế Bank of America - Chinatown, trước Lido Center)

Tel.: (213) 625-2922

Bác Sĩ NGUYỄN THIỆN Y, O.M.D., L.Ac., Ph.D.

Đông Y gia truyền đã chữa bệnh tại Việt-Nam và các bệnh viện Mullikin, La Palma Hospital, Hoa-Kỳ.
CHUYÊN TRỊ NAM PHỤ LÃO ẤU, CÁC BỆNH NỘI THƯƠNG, NAN Y BẰNG THUỐC BẮC, TRẬT ĐÁ CHÂM CỨU.

Nhận **MEDICAL** và **BẢO HIỂM**

GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ Hai & Chủ Nhật:

10:00AM - 7:00PM

Nghỉ Thứ Tư

Parking tiện lợi an toàn.

Quý khách vui lòng đậu xe kế bên phải phòng mạch và đưa thư ký đóng dấu vào thẻ để được **FREE PARKING**.

- Da mặt nám, mụn bọc, tàn nhang, nốt ruồi, lang ben, rụng tóc, tay chân tê bại, điếc tai, tai có mũ, các trường hợp méo miệng, căng da mặt làm đẹp.
- Đau lưng, đau cổ, nhức đầu kinh niên, nhức mỏi, phong thấp, cảm cúm, đau khớp xương, mỡ trong máu, thiếu máu, sốt rét, dễ bị cảm, ớn lạnh quanh năm. Có thuốc hữu hiệu.
- Đàn ông di tinh, yếu sinh lý, các bệnh về thận. Đàn bà kinh nguyệt không đều, hành kinh đau bụng. Cai thuốc lá (stop smoking), lên cân và xuống cân (weight control). Có thuốc rất hay.
- Đau dây chằng và tử cung, bấu tử cung, bạch đới, thần kinh suy nhược, buồn phiền (stress), mất ngủ, đau tim hồi hộp, yếu tim, nghẹt van tim, đau gan, vàng da. Có thuốc gia truyền thần phương.
- Khó thở, áp huyết cao, hen suyễn, ho ra máu, đau bao tử, loét bao tử, bong gân, trật khớp xương.
- Phòng ngừa, giang mai, tiểu đường, tiêu chảy, táo bón, trĩ nội ngoại, sa con trẻ, sa tử cung.
- Thuốc tế cho sinh viên học sinh tăng cường trí nhớ để học thi.

ĐẶC BIỆT: Trị các chứng nan y rất thần hiệu. thuốc rượu gia truyền, cường dương, bổ thận, kết hợp trên 1000 toa đáp ứng theo ý muốn của bệnh nhân, phòng ngừa và trị các bệnh ung thư, dùng kim mới (Disposable) cho mỗi lần châm, trang bị các máy tối tân không dùng kim. Đủ các loại thuốc tế, thuốc viên v.v... Nhận gửi thuốc đi các tiểu bang, chấn mạch chính xác, chữa trị 1 hay 2 lần sẽ thấy hiệu nghiệm.

●●%<<%>>%>%<<%>>%>%<<%>>%>%<<%>>%>%<<%>>%>%<<%>>%>%<<%>>%>%<<%>>%>%<<%>>%>●●



TREENAS TRAVEL & TOURS



10646 Zelzah Ave, Suite 212, Granada Hills, CA 91344

Tel: (818) 363-5582 / (800) 648-9595

Fax: (818) 363-6243



**IN VÉ TẠI CHỖ
BẢO ĐẢM GIÁ RẺ**

Hội Viên Hàng Không **ARC**

Bán Vé Máy Bay Quốc Nội - Quốc Ngoại

- * Đại diện bán sỉ cho nhiều hãng hàng không.
- * Du lịch vùng Đông Nam Á Việt-Nam, Hồng-Kông, Thái-Lan.
- * Vé máy bay về Việt-Nam trong tháng HÈ.
- * Và TẾT luôn luôn có chỗ, có giá đặc biệt đi chung nhóm.
- * Đặt chỗ khách sạn trong và ngoài nước.

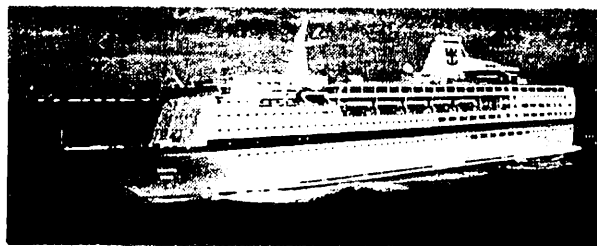
Đại Diện Chính Thức :

- Asla Airlines
- Cathay Pacific Airways
- China Airlines
- Eva Airlines
- Korean Airlines
- Northwest Airlines
- Philippine Airlines
- Singapore Airlines
- Thai Airways
- Malaysia Airlines

Xin liên lạc: **HÀO ĐĂNG**

**Tổ chức nhiều chuyến du lịch
(Tours & Cruise)**

trên toàn nước Mỹ và trên toàn thế giới.
Hawaii - Mexico - Canada - Europe - Asia.



LONG BEACH

Bác Sĩ

MAI THANH HỒNG, M.D



CHUYÊN MÔN KHOA NHI ĐỒNG TẠI LONG BEACH

2146 E. ANAHEIM ST., LONG BEACH, CA 90804

Tel. (310) 439-7227 • 24hrs.

→ American Board of Neonatology Diplomate American Board of Pediatrics

→ Cựu Nội Trú Bệnh Viện Nhi Đồng Sài Gòn. Bác Sĩ Điều Trị Bệnh Viện Nhi Đồng, Quảng Đông.

CHUYÊN MÔN BỆNH TRÉ SƠ SINH CẤP CỨU NEONATOLOGY & BỆNH NHI ĐỒNG (Pediatrics)

Bệnh Thanh Thiếu Niên

→ *Bác Sĩ Điều Trị Tại St. Mary Medical Center, Long Beach Memorial, Long Beach Community Hospital, Huntington Memorial Pasadena.*

⇒ **Cộng tác chương trình bồng sữa WIC**

⇒ **Đích thân săn sóc trẻ sơ sinh tại bệnh viện.**



Giờ Làm Việc:

Thứ Hai đến Thứ Sáu: 9:30 AM - 6:00 PM

Thứ Tư đến Thứ Bảy: 10:00 AM - 1:00 PM

Bác Sĩ *NHA KHOA*

HUỲNH THỊ HẠNH, D.D.S.

LƯU HẠNH KHUÊ, D.D.S.

✧ Tốt nghiệp Đại-Học Nha-Khoa Saigon
✧ Nguyên Giảng Viên Đại-Học Nha-Khoa
Minnesota Bộ môn Trám-Răng và làm Răng-Giả.

✧ Tốt nghiệp Đại-Học Nha-Khoa Minnesota
từ năm 1989.

Giờ Làm Việc:

Thứ Hai - Thứ Bảy: 10 AM - 6 PM

Xin Vui Lòng Lấy Hẹn Trước

14571 MAGNOLIA St., SUITE 202
WESTMINSTER, CA 92683

Tel. (714) 897-9985

NHẬN MEDICAL & BẢO HIỂM

NHA KHOA TỔNG QUÁT

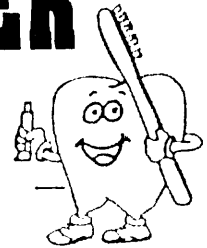
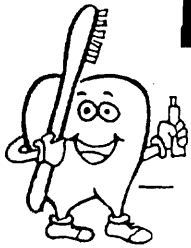
- ✧ Khám răng định kỳ
- ✧ Trám, Nhổ răng, lấy Gân máu
- ✧ Chuyên làm răng giả đủ các loại
- ✧ Chữa trị các loại bệnh về nướu răng, hôi miệng, chảy máu, lung lay hoặc đau nhức.

NHA KHOA THẨM MỸ

- ✧ Tẩy răng trắng
- ✧ Làm khít răng thưa
- ✧ Vá răng sút mẻ ...

*Tận Tâm. Chu Đáo. Kỹ Lượng.
Chữa Răng Nhẹ Nhàng Theo Tiêu Chuẩn Hoa-Kỳ.
Trang Bị Hoàn Toàn Máy Móc Tối Tân.*

TRUNG TÂM NHA KHOA
PACIFIC DENTAL CENTER

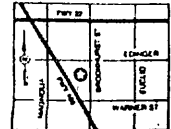
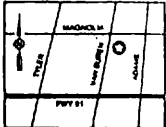


NỮ BÁC SĨ NHA KHOA

Nguyễn Thị Ngọc Liên, D.D.S.

* Tốt nghiệp Bác Sĩ Nha Khoa UCLA.

* Hội viên American và California Dental Association.



ĐỊA ĐIỂM 1

3693 VAN BUREN Blvd.
 RIVERSIDE, CA 92503
 (909) 785-5858

HÃY GỌI:

1-800 RĂNG TỐT
 1-800-726-4868

ĐỊA ĐIỂM 2

16051-D BROOKHURST St.
 FOUNTAIN VALLEY, CA 92708
 (714) 775-5858 - (góc Edinger)

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- * Trám răng, nhổ răng, tiểu giải phẫu.
- * Lấy gân máu.
- * Trị bệnh nướu răng: Nướu sưng, chảy máu, hôi miệng.
- * Làm răng giả các loại: Đinh liền hay tháo rập.

Giờ mở cửa:

THỨ HAI - THỨ BẢY
 10 am -- 6 pm

NHA KHOA NHI ĐỒNG

- * Ngừa sâu răng và theo dõi trẻ em trong thời kỳ thay răng để tránh răng mọc lệch lạc.

Điều kiện dễ dàng cho quý vị trả tiền mặt.
 Nhận MEDICAL - INSURANCE - VISA
 MASTER CARD - CASH

NHA KHOA THẨM MỸ

- * Vá răng sứt mẻ, thưa hay đổi màu bằng Cosmetic Bonding hay Porcelain Veneer.

- Nhẹ nhàng - Tận tâm - Kỹ lưỡng.
- Phòng mạch sạch sẽ thoải mái.
- Chữa trị theo kỹ thuật hiện đại nhất.
- Dụng cụ được khử trùng theo tiêu chuẩn OSHA để tránh lây bệnh truyền nhiễm.

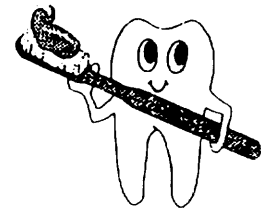
CHỈNH RĂNG

- * Chữa răng hô, móm, mọc lệch lạc bằng niềng răng.

ĐẶC BIỆT: Văn phòng chúng tôi có máy điện tử nhỏ RỌI RĂNG để bệnh nhân biết rõ tình trạng của răng và được giải thích hướng dẫn chữa trị chính xác.



BÁC SĨ KHA KHOA



胡文富牙醫博士

HỒ VĂN PHÚ, D.D.S.

HỒ NHƯ MAI, D.D.S.

- | | |
|-------------------------|-----------------------------|
| ☺ Nha Khoa Gia Đình. | ☺ Trám, Nhổ, Chữa Tủy Răng. |
| ☺ Khám Răng Định Kỳ. | ☆ Nha Khoa Phòng Ngừa. |
| ☺ Làm Răng Giả Đủ Loại. | ☆ Sửa Răng Thẩm Mỹ. |

XIN VUI LÒNG ĐIỆN THOẠI LẤY HẸN TRƯỚC
Nhận MEDICAL và BẢO HIỂM

SOUTH BAY CENTER

15024 Prairie Ave.
Hawthorne, CA 90250

☎ Tel. (310) 978-8993

Giờ làm việc:

Thứ ba, năm: 9:00am = 6:00pm
Thứ bảy: 9:00am = 4:00pm

CHINATOWN CENTER

625 W. College St., # 104
Los Angeles, CA 90012

☎ Tel. (213) 617-0096

Giờ làm việc:

Thứ hai - Thứ tư, Thứ sáu
9:00am = 6:00pm

Bác Sĩ Nha Khoa
NGUYỄN-BÁ-KHUÊ

14188 Brookhurst St.,
Garden Grove, CA 92643
(Trong khu mái ngói xanh, lầu 2)
(714) 530-7033

Hậu Đại Học tại U.C.L.A.

- * Nguyên Chánh Chủ Khảo Nha Khoa / Trưởng Quân Y (73-75)
- * Nguyên Nha Sĩ Trưởng / Trưởng Võ Bị Quốc Gia Việt Nam Đà Lạt (62-72)
- * Hội viên thực thụ / Hiệp Hội Bác Sĩ Nha Khoa Hoa Kỳ (A.D.A.)
- * Ủy Viên Hội Đồng Chỉ Đạo / Hội Đoàn Nha Sĩ Quốc Tế tại California
- * Hơn 30 năm hành nghề tại Việt Nam và Hoa Kỳ.

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

GIỜ LÀM VIỆC :

Thứ Hai đến Thứ Bảy:
10:00 AM - 7:00 PM

- * Nha Khoa Tổng Quát Người Lớn và Trẻ Em.
- * Điều trị và giải phẫu bệnh Nướu Răng.
- * Làm răng giả đủ loại.
- * Niềng răng do Bác Sĩ chuyên môn phụ trách.
- * Nha Khoa Thẩm Mỹ: Tái tạo men răng, làm khít răng thưa, đen nám, đổi màu.

KHI QUÝ VỊ VÀ GIA ĐÌNH CẦN ĐẾN DỊCH VỤ

NHA KHOA

Xin Nhớ Tới

Bác Sĩ Nha Khoa **PHẠM NGỌC PHƯƠNG LAN, D.D.S.**

Bác Sĩ Nha Khoa **DANIEL TÙNG LÊ, D.D.S.**



Tài liệu Nha-Khoa do Bác-Sĩ Phương-Lan
biên soạn, miễn tặng quý vị ghé thăm văn phòng.

CHUYÊN VỀ:

NHA KHOA TỔNG QUÁT:

Chữa bệnh nướu răng, răng bị
chảy máu, đánh răng trắng, lấy
gân máu, nhổ răng, làm răng giả
các loại.

NHA KHOA THẨM MỸ:

Vá răng sút mẻ, làm khít răng
thưa, tẩy trắng răng, làm răng đổi
màu thành trắng đẹp, niềng răng.

NHA KHOA NHI ĐỒNG:

Phòng ngừa sâu răng, chữa răng
mọc lệch, săn sóc răng cho trẻ em
từ 2 tuổi trở lên.

WESTMINSTER và các khu lân cận

(714) 893-6768

14044 Magnolia St., # 125

Westminster, CA 92683

(góc Westminster, trong khu chợ Phát Tài)

Quý vị ở Long Beach xin mời đến

ANAHEIM DENTISTRY

(310) 491-5529

906 E. Anaheim St.,

Long Beach, CA 90813

(đối diện Phố 79)

Á CHÂU TANG NGHI QUÁN

Á CHÂU FUNERAL HOME

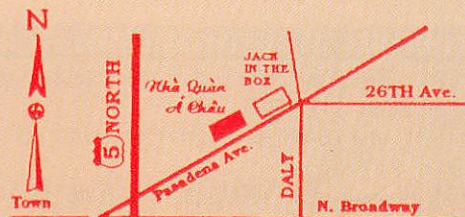
**Nhà Quàn Đầu Tiên
Do Người Việt Thành Lập
Và Đảm Trách**

CHÚNG TÔI CÓ DỊCH VỤ CHUYÊN CHỖ THI HẢI VỀ VIỆT-NAM

- Nhằm mục đích giúp đỡ đồng hương, không may có chuyện đau buồn xảy ra.
- - Chỉ cần gọi điện thoại cho chúng tôi, quý vị sẽ được tận tình giúp đỡ.
- Sắp xếp mọi nghi thức an táng, hỏa táng và lo mọi thủ tục giấy tờ.
- - Quan tài, mồ mả, bia mộ, tang phục đầy đủ.
- Lễ đường khang trang, parkinh rộng rãi, giao thông tiện lợi.
- - Nhân viên tận tình phục vụ.
- Thông thạo các nghi lễ cổ truyền và mọi hình thức tôn giáo.

*Chuyên Gia Kinh Nghiệm Dồi Dào.
Tận Tình Chăm Sóc Cho Người Quê Cổ.
Gặp Những Trường Hợp Khó Khăn.
Xin Đừng Ngần Ngại. Gọi Ngay Cho Chúng Tôi.*

**DIỆN THOẠI 24/24:
(213) 222-4868**



—> Từ Freeway 5, exit Broadway quẹo phải trên đường Broadway tới Daly quẹo trái sẽ gặp ngã 5 quẹo trái trên Pasadena. Á-Châu-Tang-Nghi-Quán ở bên phải, kế nhà hàng Jack In The Box (gần ngã 5 Pasadena & Daly).

—> Từ Monterey Park đi sang 10 West, sang 5 North, theo chỉ dẫn ở trên.

—> Từ Chinatown đi N. Broadway, vừa qua cầu xe lửa gặp Pasadena, cặp theo Pasadena chừng 1/2 mile, gặp Á-Châu-Tang-Nghi-Quán cạnh nhà hàng Jack In The Box.

**2517 Pasadena Ave, Los Angeles, CA 90031
(Trung Tâm Chinatown)
(213) 222-4868 & (213) 222-4778**

NORTH
LONG BEACH



TRUNG TÂM NHA KHOA

PHƯƠNG TRINH

2150 E. South St. # 116., Long Beach, CA 90805

(Đối diện chợ Ralph, góc Cherry & South)

(310) 531-9778 *** (310) 531-9779

DDT Dental Group

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa

NGUYỄN PHƯƠNG TRINH, D.D.S

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- * Trám răng, bọc răng, làm các loại răng giả.
- * Chữa trị các bệnh về nướu răng, hôi miệng, chảy máu, lung lay hoặc đau nhức.
- * Lấy gân máu, nhổ răng.

- * Nhận làm Bác-Sĩ gia đình.
- * Nhận Medical - Medicare và bảo hiểm các loại.

NHA KHOA TIỀN MI

- * Vá răng mẻ, tái tạo men răng.
- * Làm khít răng thưa, sửa răng mọc lệch.
- * Tẩy răng (răng bị vàng ố, nám đen).

**NHẬN TRẢ GÓP
KHÔNG TIỀN LÒI
Đặc Biệt Cho Quý Vị
H.O. và O.D.P**

NHA KHOA ĐIỀU TRỊ

- * Phòng ngừa sâu răng, chữa răng mọc lệch lạc, nhổ răng, trám răng.

GIỜ MỞ CỬA

Thứ Hai tới Thứ Bảy:
10:00am đến 7:00pm
đau nhức khẩn cấp
không cần lấy hẹn trước.

PHÒNG MẠCH TRANG BỊ MÁY MÓC TỐI TÂN

CHU ĐÁO - TẬN TÂM - KỸ LƯỢNG



ERA STAR

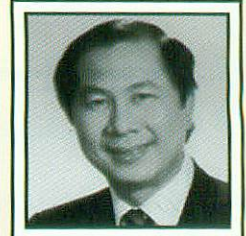
Real Estate Center

8700 Warner Ave. Fountain Valley, Ca 93708

TEL: (714) 803-7752

TEL: (714) 935-4227 (V.M)

TEL: (310) 427-0541 (Long Beach)

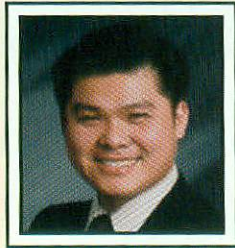


FRANK TUAN NGUYEN
Broker associate

FRANK TUAN NGUYEN'S #1 TEAM



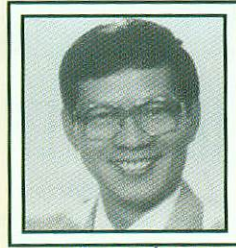
LÂN LÊ
IRVINE, M.V., LF



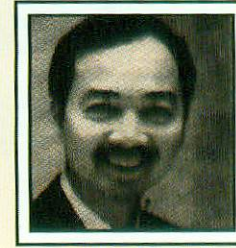
GORDON JUNG
ANAHEIM, YL



RICHARD TUYÊN NGUYEN
WTM..GG. FV. HUN



LÂN HOÀNG
ORANGE, VP



BRIAN ĐUNG TRẦN
SA, TUSTIN - CM



DOROTHY NGUYEN
LB, LW, BELL

ĐẶC BIỆT: NHÀ TÍCH THU, NHÀ MỚI

- * CHỈ CẦN 3% DOWN QUÝ VỊ
- * CÓ THỂ LÀM CHỦ CĂN NHÀ.
- * CÓ DANH SÁCH NHÀ BẰNG TÍCH THU HÀNG NGÀY NƠI QUÝ VỊ ĐANG CƯ NGỰ
- * CÓ CHƯƠNG TRÌNH ĐẶC BIỆT MUA NHÀ LẦN ĐẦU IÊN, HO, ODP

- * QUÝ VỊ KHÔNG TRẢ TIỀN NHÀ ĐƯỢC ĐỂ TRÁNH CREDIT XẤU, LIÊN LẠC VỚI CHÚNG TÔI KHÔNG CẦN TIỀN DOWN HAY
- * BỊ PHÁ SẢN VẪN MUA NHÀ ĐƯỢC PHỤC VỤ TẬN TÂM, THÀNH THẬT & CHU ĐÁO



JILL DUFRESNE
FULL, PLACENTIA

IRVINE, LAKE FOREST, MISSION VIEJO

- * 3PN + 1.75PT, nhà 2 tầng, đẹp, có family room, bếp mới, có patio. \$175,900.
- * 3PN + 2.5PT, nhà 2 tầng, đẹp, rộng, 8 tuổi, có family room, patio, phòng ăn riêng. \$201,900
- * 3PN, +1.75PT, có family room, rộng, phòng ăn riêng, nhà 15 tuổi. \$179,000

ANAHEIM, YORBA LINDA, ANAHEIM HILLS

- * 3PN + 2.5PT, nhà 2 tầng, đẹp, mới, 1 tuổi, trần cao, rộng, có family room. \$199,000
- * 3PN + 2.5PT, nhà mới 4 tuổi, đẹp, bếp rộng, lò sưởi, khu yên tĩnh, sạch \$194,900

WESTMINSTER, GARDEN GROVE

- * 4PN + 2PT, nhà 2 tầng, rộng, có family room, đẹp, khu lịch sự, sạch sẽ \$154,900.
- * 5PN + 2PT, nhà đẹp, rộng hơn 2100Sqft, phòng ăn riêng, bếp mới, khu lịch sự. \$149,000.

FOUNTAIN VALLEY, HUNTINGTON BEACH

- * 4PN + 1.75PT, mái, thảm, bếp mới, rộng hơn 2100Sqft, có patio, máy lạnh \$229,000
- * 5PN + 3PT, nhà 2 tầng, đẹp, khu lịch sự, có family room, phòng ăn riêng, patio, mái rộng hơn 2300Sqft, gần school. \$229,000
- * 4PN + 3PT, nhà 2 tầng, đẹp, khu lịch sự, yên tĩnh, family, phòng ăn riêng, balcony, trần cao. Alarm system, wet bar, bếp rộng \$254,900.

ORANGE, VILLA PARK

- * 3PN + 1.75PT, nhà 2 tầng, 8 tuổi, đẹp khu lịch sự, yên tĩnh, trần cao, phòng ăn riêng \$199,000
- * 4PN + 2.75PT, nhà 2 tầng, khu sang, rất đẹp, rộng hơn 2400Sqft, family room. \$289,000.

FULLERTON, PLACENTIA, DIAMON BAR

- * 3PN + 2PT, nhà rẻ nhất khu, phòng ăn riêng, lò sưởi, parking rộng, 2 patio \$149,500.
- * 4PN + 2.75PT, nhà 2 tầng, đẹp, mới 18 tuổi, family, phòng ăn riêng, thảm, sơn mới. \$172,900

SANTA ANA, TUSTIN, COSTA MESA

- * 3PN + 2.5PT, nhà 2 tầng, mới 5 tuổi, đẹp, mái ngói, phòng ăn riêng, family room, trần cao, \$184,500
- * 4PN + 2.5PT, nhà 2 tầng, khu đẹp, bếp mới, lò sưởi gần Tustin Ranch. \$182,000
- * 4PN + 3PT, nhà 2 tầng, khu lịch sự, đẹp, family room, rộng hơn 2100Sqft. \$199,000

LONG BEACH, LAKEWOOD, BELLFLOWER

- * 3PN + 2.5PT, nhà 2 tầng, mới 5 tuổi, đẹp, thảm, bếp, tủ mới, lò sưởi, phòng ăn riêng, \$129,900
- * 3PN + 1.75PT, nhà có family room, rộng, khu lịch sự, yên tĩnh, cần sửa chữa ít. \$139,500
- * 5PN + 4PT, nhà lớn gần 1800Sqft, bếp rộng, phòng ăn riêng. \$161,000

CONDO, TOWNHOUSE

- * 2PN + 1.75PT, 2 tầng, phòng ăn riêng, đẹp, khu lịch sự, tham mới \$79,000
- * 3PN + 2PT. mái ngói đỏ. phòng ăn. khách rôn. khu lịch sự \$92,000.

INCOME PROPERTY

- * Duplex: 2 căn, mỗi căn 2PN + 1PT, 2 garage, parking rộng, một tầng. \$164,900
- * Duplex: 2 căn, một căn 3PN + 2PT, một căn 2PN + 1PT, thảm mới \$197,500
- * Fourplex: 4 căn, mỗi căn 2PN + 1PT, khu đẹp, cơ hội rất tốt đầu tư, hay \$250,000

TRUNG TÂM NHA KHOA

PACIFIC DENTAL CENTER



NỮ BÁC SĨ NHA KHOA

Nguyễn Thị Ngọc Liên, D.D.S.



* Tốt nghiệp Bác Sĩ Nha Khoa UCLA.

* Hội viên American và California Dental Association.



ĐỊA ĐIỂM 1

3693 VAN BUREN Blvd.
RIVERSIDE, CA 92503
(909) 785-5858

HÃY GỌI:

1-800 RĂNG TỐT
1-800-726-4868

ĐỊA ĐIỂM 2

16051-D BROOKHURST St.
FOUNTAIN VALLEY, CA 92708
(714) 775-5858 - (góc Edinger)

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- * Trám răng, nhổ răng, tiểu giải phẫu.
- * Lấy gân máu.
- * Trị bệnh nướu răng: Nướu sưng, chảy máu, hôi miệng.
- * Làm răng giả các loại: Dính liền hay tháo ráp.

Giờ mở cửa:

THỨ HAI - THỨ BẢY
10 am -- 6 pm

NHA KHOA NHI ĐỒNG

- * Ngừa sâu răng và theo dõi trẻ em trong thời kỳ thay răng để tránh răng mọc lệch lạc.

Điều kiện dễ dàng cho quý vị trả tiền mặt.

Nhận MEDICAL - INSURANCE - VISA
MASTER CARD - CASH

NHA KHOA TRẮM MỸ

- * Vá răng sứt mẻ, thưa hay đổi màu bằng Cosmetic Bonding hay Porcelain Veneer.

- Nhẹ nhàng - Tận tâm - Kỹ lưỡng.
- Phòng mạch sạch sẽ thoải mái.
- Chữa trị theo kỹ thuật hiện đại nhất.
- Dụng cụ được khử trùng theo tiêu chuẩn OSHA để tránh lây bệnh truyền nhiễm.

CHỈNH RĂNG

- * Chữa răng hô, móm, mọc lệch lạc bằng niềng răng.

ĐẶC BIỆT: Văn phòng chúng tôi có máy điện tử nhỏ RỌI RĂNG để bệnh nhân biết rõ tình trạng của răng và được giải thích hướng dẫn chữa trị chính xác.